

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Giai đoạn đánh giá: 2019 - 2023)

Vĩnh Long, tháng 9/2023

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY



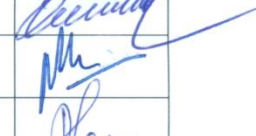
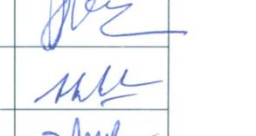
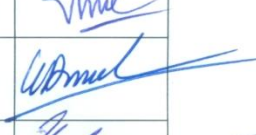
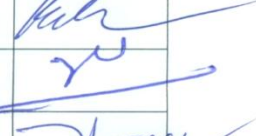
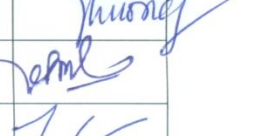
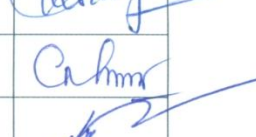
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

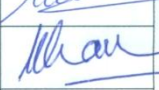
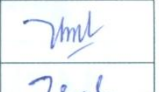
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Giai đoạn đánh giá: 2019 - 2023)

Vĩnh Long, tháng 9/2023

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Văn Xuân	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Lê Tấn Truyền	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Nguyễn Văn Hoàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Trưởng ban Thư ký	
4	Lê Hiến Chương	Chủ tịch HĐT	Thành viên	
5	Trương Công Bằng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
6	Lương Phước Toàn	Trưởng phòng QLĐT	Thành viên	
7	Đào Huy Hoàng	Viện trưởng Viện KH&HTQT	Thành viên	
8	Nguyễn Văn Trung	Trưởng phòng TCHC	Thành viên	
9	Phạm Hồng Thái	Trưởng phòng TCKT	Thành viên	
10	Nguyễn Quý Đông	Trưởng phòng CT CTSV	Thành viên	
11	Lưu Văn Vĩnh	Trưởng phòng QT&TB	Thành viên	
12	Lê Bảo Quốc	Trưởng khoa Xây dựng	Thành viên	
13	Trịnh Thị Thanh Hương	Trưởng khoa Kinh tế	Thành viên	
14	Trương Thị Hồng Nga	Trưởng khoa LLCT	Thành viên	
15	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng khoa KHCB	Thành viên	
16	Phạm Phi Phượng	Trưởng khoa Kiến trúc	Thành viên	
17	Đặng Ngọc Lợi	Trưởng khoa KT HTĐT	Thành viên	
18	Nguyễn Ngọc Long Giang	Giám đốc Trung tâm TVXD	Thành viên	
19	Trương Công Hào	Giám đốc Trung tâm ĐTTX	Thành viên	
20	Đặng Văn Tiến	Giám đốc Trung tâm TN XD&MT	Thành viên	
21	Huỳnh Quốc Huy	Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên	
22	Lương Hoàng Hên	Giám đốc Trung tâm NN-TH	Thành viên	
23	Nguyễn Cao Phong	Bí thư Đoàn trường	Thành viên	
24	Huỳnh Phước Minh	Trưởng ban TVTS&HN	Thành viên	

25	Nguyễn Thị Trang	Trưởng ban TTPC	Thành viên	
26	Phạm Duy Quân	Trưởng ban CVHT	Thành viên	
27	Lâm Thanh Quang Khải	GV khoa Xây dựng	Thành viên	
28	Lê Minh Điền	NV phòng KT&ĐBCL	Thành viên	
29	Trần Phương Thanh	SV Lớp XD21D07	Thành viên	

(Danh sách gồm 29 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	12
PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC	16
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	25
Tiêu chuẩn 1. TN, SM và văn hoá.....	25
Tiêu chí 1.1.....	25
Tiêu chí 1.2.....	28
Tiêu chí 1.3.....	30
Tiêu chí 1.4.....	32
Tiêu chí 1.5.....	34
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1.....	35
Tiêu chuẩn 2. Hệ thống quản trị.....	38
Tiêu chí 2.1.....	38
Tiêu chí 2.2.....	41
Tiêu chí 2.3.....	43
Tiêu chí 2.4.....	45
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2.....	47
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	49
Tiêu chí 3.1.....	49
Tiêu chí 3.2.....	51
Tiêu chí 3.3.....	53
Tiêu chí 3.4.....	55
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3.....	57
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	60
Tiêu chí 4.1.....	60
Tiêu chí 4.2.....	61
Tiêu chí 4.3.....	63
Tiêu chí 4.4.....	64

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4	65
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD	68
Tiêu chí 5.1.....	68
Tiêu chí 5.2.....	70
Tiêu chí 5.3.....	72
Tiêu chí 5.4.....	73
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5	75
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	78
Tiêu chí 6.1.....	78
Tiêu chí 6.2.....	80
Tiêu chí 6.3.....	81
Tiêu chí 6.4.....	83
Tiêu chí 6.5.....	85
Tiêu chí 6.6.....	88
Tiêu chí 6.7.....	89
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6	90
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và CSVC	93
Tiêu chí 7.1.....	93
Tiêu chí 7.2.....	95
Tiêu chí 7.3.....	98
Tiêu chí 7.4.....	101
Tiêu chí 7.5.....	103
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 7	105
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	109
Tiêu chí 8.1.....	109
Tiêu chí 8.2.....	110
Tiêu chí 8.3.....	112
Tiêu chí 8.4.....	113

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8.....	115
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong	117
Tiêu chí 9.1.....	117
Tiêu chí 9.2.....	119
Tiêu chí 9.3.....	121
Tiêu chí 9.4.....	122
Tiêu chí 9.5.....	124
Tiêu chí 9.6.....	125
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 9.....	126
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	129
Tiêu chí 10.1.....	129
Tiêu chí 10.2.....	130
Tiêu chí 10.3.	131
Tiêu chí 10.4.....	133
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10.....	135
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong.....	137
Tiêu chí 11.1.....	137
Tiêu chí 11.2.....	140
Tiêu chí 11.3.....	141
Tiêu chí 11.4.....	142
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11.....	144
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	146
Tiêu chí 12.1.....	146
Tiêu chí 12.2.	149
Tiêu chí 12.3.....	150
Tiêu chí 12.4.....	153
Tiêu chí 12.5.....	154
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 12.....	155

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	158
Tiêu chí 13.1.....	158
Tiêu chí 13.2.....	160
Tiêu chí 13.3.....	161
Tiêu chí 13.4.....	162
Tiêu chí 13.5.....	163
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 13	165
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát CTDH	168
Tiêu chí 14.1.....	168
Tiêu chí 14.2.....	170
Tiêu chí 14.3.	171
Tiêu chí 14.4.....	172
Tiêu chí 14.5.....	173
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14	174
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	177
Tiêu chí 15.1.....	177
Tiêu chí 15.2.....	179
Tiêu chí 15.3.....	181
Tiêu chí 15.4.....	183
Tiêu chí 15.5.....	184
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 15	185
Tiêu chí 16. Đánh giá người học.....	188
Tiêu chí 16.1.....	188
Tiêu chí 16.2.....	190
Tiêu chí 16.3.....	191
Tiêu chí 16.4.....	193
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 16	194
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	197

Tiêu chí 17.1.....	197
Tiêu chí 17.2.....	198
Tiêu chí 17.3.....	201
Tiêu chí 17.4.....	202
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 17.....	203
Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH.....	206
Tiêu chí 18.1.....	206
Tiêu chí 18.2.....	208
Tiêu chí 18.3.....	210
Tiêu chí 18.4.....	211
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 18.....	212
Tiêu chuẩn 19. Quản lý Tài sản Trí tuệ	214
Tiêu chí 19.1.....	214
Tiêu chí 19.2.	217
Tiêu chí 19.3.....	218
Tiêu chí 19.4.....	219
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 19.....	220
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	222
Tiêu chí 20.1.....	222
Tiêu chí 20.2.....	225
Tiêu chí 20.3.....	227
Tiêu chí 20.4.....	228
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 20.....	230
Tiêu chuẩn 21. Kết nối PVCD	232
Tiêu chí 21.1.....	232
Tiêu chí 21.2.....	234
Tiêu chí 21.3.....	236
Tiêu chí 21.4.....	238

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 21	240
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	242
Tiêu chí 22.1.....	242
Tiêu chí 22.2.....	245
Tiêu chí 22.3.....	247
Tiêu chí 22.4.....	250
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 22	253
Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	256
Tiêu chí 23.1.....	256
Tiêu chí 23.2.....	259
Tiêu chí 23.3.....	262
Tiêu chí 23.4.....	265
Tiêu chí 23.5.....	267
Tiêu chí 23.6.....	269
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 23	270
Tiêu chuẩn 24. Kết quả PVCD	273
Tiêu chí 24.1.....	273
Tiêu chí 24.2.....	276
Tiêu chí 24.3.....	278
Tiêu chí 24.4.....	281
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 24	283
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	286
Tiêu chí 25.1.....	286
Tiêu chí 25.2.....	290
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 25	296
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD	301
PHẦN III. PHỤ LỤC	Error! Bookmark not defined.
1. Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD.....	Error! Bookmark not

defined.

2. Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá CSGD ĐH**Error! Bookmark not defined.**
3. Phụ lục 3. Kế hoạch Tự đánh giá **Error! Bookmark not defined.**

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
1	BCH	Ban Chấp hành
2	BGH	Ban giám hiệu
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	CBVC, NLĐ	Cán bộ viên chức, người lao động
5	CB	Cán bộ
6	CĐ	Công đoàn
7	CĐR	Chuẩn đầu ra
8	CBQL	Cán bộ quản lý
9	CLB	Câu lạc bộ
10	CNTT	Công nghệ thông tin
11	CSGD	Cơ sở giáo dục
12	CGCN	Chuyển giao công nghệ
13	CSDL	Cơ sở dữ liệu
14	CSVC	Cơ sở vật chất
15	CVHT	Cổ vấn học tập
16	CTDH	Chương trình dạy học
17	CTĐT	Chương trình đào tạo
18	CTCTSV	Công tác chính trị sinh viên
19	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng

STT	TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
20	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
21	ĐBSCL	Đồng bằng Sông Cửu Long
22	ĐH	Đại học
23	ĐHXDMT	Đại học Xây dựng Miền Tây
24	ĐGN	Đánh giá ngoài
25	ĐTN	Đoàn Thanh niên
26	ĐTTX	Đào tạo thường xuyên
27	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
28	GS	Giáo sư
29	GTCL	Giá trị cốt lõi
30	GV	Giảng viên
31	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
32	HĐT	Hội đồng trường
33	HSV	Hội Sinh viên
34	HTQT	Hợp tác quốc tế
35	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
36	KH&CN	Khoa học và công nghệ
37	KH&HTQT	Khoa học và Hợp tác Quốc tế
38	KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
39	KTHP	Kết thúc học phần
40	KT&ĐBCL	Khảo thí và đảm bảo chất lượng

STT	TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
41	KTX	Ký túc xá
42	KT-XH	Kinh tế - xã hội
43	NCKH	Nghiên cứu khoa học
44	NN-TH	Ngoại ngữ - Tin học
45	PGS	Phó Giáo sư
46	PVCD	Phục vụ cộng đồng
47	QLĐT	Quản lý đào tạo
48	QLCL	Quản lý chất lượng
49	QT&TB	Quản trị và thiết bị
50	SKCT	Sáng kiến cải tiến
51	SHTT	Sở hữu trí tuệ
52	SM	Sứ mạng
53	SV	Sinh viên
54	TCHC	Tổ chức hành chính
55	TCKT	Tài chính kế toán
56	TĐG	Tự đánh giá
57	THPT	Trung học phổ thông
58	TN	Tầm nhìn
59	TNXD&MT	Thí nghiệm xây dựng và môi trường
60	TSTT	Tài sản trí tuệ
61	TTND	Thanh tra nhân dân

STT	TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
62	TTPC	Thanh Tra - Pháp chế
63	TVTS&HN	Tư vấn tuyển sinh và Hướng nghiệp
64	TT-TV	Thông tin - Thư viện
65	TVXD	Tư vấn xây dựng
66	UBND	Ủy ban nhân dân
67	VLVH	Vừa làm vừa học

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về CSGD

a) Khái quát về lịch sử phát triển

Trường ĐHXDMT được thành lập theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Xây dựng, Kinh tế ở khu vực ĐBSCL và HTQT, phù hợp với xu thế phát triển đáp ứng cấp thiết cho ngành Xây dựng, Kinh tế nhằm phát triển KT-XH của khu vực ĐBSCL và cho cả nước.

Tiền thân là Trường Trung học Xây dựng số 8, tại thị trấn Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, được thành lập vào ngày 14/02/1976 theo Quyết định số 87/QĐ-BXD-TC của Bộ Xây dựng nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách về đội ngũ CB kỹ thuật xây dựng của khu vực ĐBSCL sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Đến tháng 7/1995, Bộ Xây dựng cho phép Nhà trường đổi tên thành Trường Trung học Xây dựng Miền Tây nhằm gắn kết tên Trường với khu vực tuyển sinh đào tạo. Ngày 09/01/2003, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ban hành Quyết định số 72/QĐ-BGD&ĐT-TCCB nâng cấp Nhà trường thành Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây. Sau gần 34 năm phấn đấu và nỗ lực không ngừng, đến tháng 9/2011, Nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép nâng cấp thành Trường ĐHXDMT.

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

Sứ mạng:

Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, đào tạo nguồn nhân lực Xây dựng chất lượng cao theo định hướng ứng dụng; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, NCKH, ứng dụng và CGCN; Có vai trò quan trọng trong phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL và cả nước.

Tầm nhìn:

Đến năm 2025, Trường ĐHXDMT hoàn thành mục tiêu trở thành trường ĐH trọng điểm của Bộ Xây dựng tại khu vực ĐBSCL; Đến năm 2030, phát triển ngang tầm các trường chất lượng cao trong nước và quốc tế; Bảo đảm SV sau tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Năng động - Phát triển - Hội nhập.

- Chất lượng: Trong giảng dạy, học tập NCKH.

- Năng động: Trong các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt

động phát triển KT-XH.

- Phát triển: Năng lực GV, SV và CSGD.
- Hội nhập: Hội nhập với các trường trong nước và quốc tế.

Triết lý giáo dục:

Môi trường thân thiện - Tri thức khoa học - Ứng dụng thực tế.

Thành tích nổi bật của Nhà trường

Hơn 45 năm xây dựng và phát triển, dưới sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT và sự quan tâm giúp đỡ của tỉnh Vĩnh Long; các trường ĐH trên toàn quốc; Nhà trường đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu phát triển Nhà trường ngày càng lớn mạnh.

Với những kết quả đạt được hơn 45 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường và các cá nhân đã được nhận được nhiều hình thức khen thưởng cao quý của Nhà nước, của các Bộ, Ngành và địa phương, bao gồm: Huân chương Độc lập hạng ba; Huân chương Lao động hạng ba, hạng nhì, hạng nhất; Cờ thi đua của Chính phủ; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua ngành, Chiến sĩ thi đua cơ sở và nhiều danh hiệu thi đua cao quý khác.

Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, với quan điểm thực hiện công tác TĐG là hoạt động quan trọng góp phần duy trì và từng bước nâng cao chất lượng, thông qua kết quả triển khai công tác TĐG mọi mặt của Nhà trường trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường xác định những điểm mạnh như sau:

Về SM và mục tiêu, Nhà trường xác định và tuyên bố SM rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường cũng như Chiến lược phát triển KT-XH của các tỉnh khu vực ĐBSCL và cả nước. Nhà trường xác định mục tiêu và triển khai thực hiện mục tiêu nhằm phấn đấu xây dựng Trường ĐHXDMT thành một trường ĐH ngành xây dựng trọng điểm trong tương lai của khu vực ĐBSCL - một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng CB kỹ thuật, CB kinh tế xây dựng và NCKH có uy tín trong vùng. Trong quá trình xây dựng và phát triển, các mục tiêu của Nhà trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh nhằm phù hợp với yêu cầu của thực tiễn về phát triển các nguồn lực ngành xây dựng cho địa phương, khu vực và cả nước.

Về tổ chức và quản lý, Nhà trường vận hành cơ cấu tổ chức và quản lý theo đúng Điều lệ trường ĐH, phù hợp với điều kiện thực tế và được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc và của CBQL, GV, NV được quy định rõ ràng, đúng quy định.

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản quản lý và phổ biến đến toàn thể CBQL, GV, NV biết để thực hiện. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển KT-XH của các tỉnh khu vực ĐBSCL trong việc cung ứng nguồn nhân lực ngành xây dựng chất lượng cao cho địa phương và khu vực. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường hoạt động đúng theo Điều lệ và các quy định pháp luật, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của Trường.

Về CTĐT, tất cả các CTĐT của Nhà trường được xây dựng dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý khoa học, đảm bảo tính liên thông với các trình độ đào tạo và CTĐT khác, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH. Các CTĐT của Nhà trường được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến dựa trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi của CBQL, GV, SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức giáo dục nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của tỉnh Vĩnh Long, khu vực ĐBSCL và cả nước.

Về hoạt động đào tạo, Nhà trường đã triển khai thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của SV theo quy định. Hoạt động đào tạo của Nhà trường được triển khai một cách có hệ thống, đồng bộ, hiệu quả với việc sử dụng phần mềm QLĐT và hệ thống văn bản về hoạt động đào tạo được ban hành theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường thường xuyên quan tâm đến đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới quy trình kiểm tra, đánh giá với mục đích nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo, đánh giá được mức độ tích lũy của SV. Hệ thống quản lý và lưu trữ kết quả học tập của SV được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời thông báo kết quả học tập đến SV. Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho SV được thực hiện đúng quy định.

Về đội ngũ CBQL, GV, NV, Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển dụng CB, GV, NV công khai, minh bạch, đúng quy định. Nhà trường quan tâm áp dụng các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ CB, GV, NV học tập sau ĐH, tham gia tập huấn, bồi dưỡng trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ CBQL, GV, NV Nhà trường hiện nay đảm bảo đủ về số lượng và ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác đào tạo, NCKH. Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm trách.

Về SV, với quan điểm xem SV là trung tâm của hoạt động đào tạo và rèn

luyện, Nhà trường đã áp dụng nhiều hình thức, biện pháp cụ thể nhằm giúp SV hiểu rõ về mục tiêu, CTĐT; các quy chế, quy định, các chế độ chính sách, nghĩa vụ và quyền lợi của SV. Nhà trường luôn đảm bảo thực hiện tốt và đầy đủ các chế độ chính sách xã hội, chế độ học bổng, khen thưởng đối với SV. CSVC của Nhà trường được xây mới, sửa chữa, nâng cấp cùng với trang thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm mới, đồng bộ và hiện đại đã phục vụ tốt nhu cầu học tập, sinh hoạt cũng như các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, đảm bảo sức khỏe, tinh thần cho SV. Tỷ lệ SV của Nhà trường có việc làm sau khi tốt nghiệp đạt mức cao.

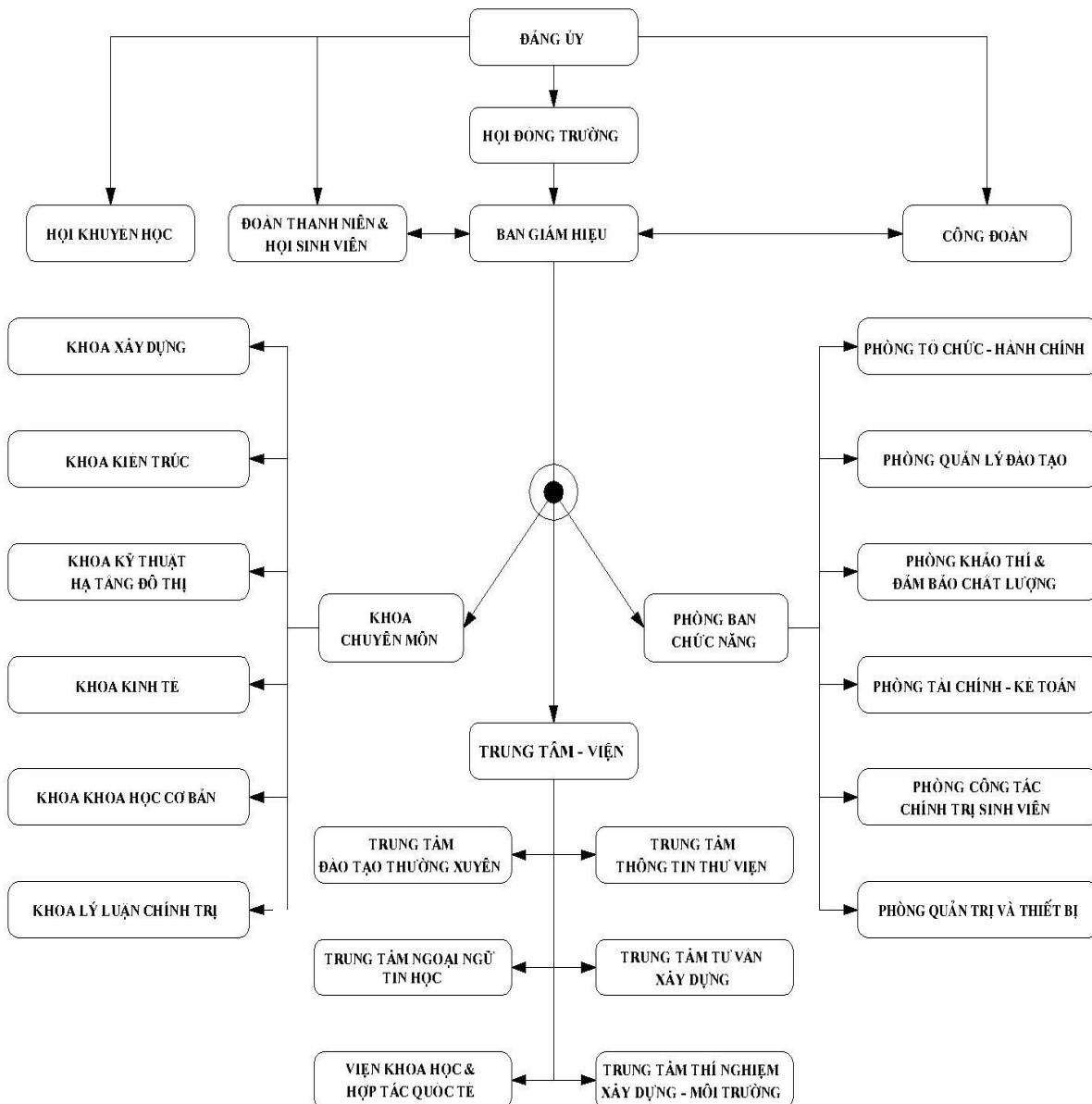
Về NCKH, ứng dụng, phát triển và CGCN, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường đã đạt được những kết quả nhất định, trong đó số lượng đề tài NCKH các cấp và số lượng bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế tăng hằng năm. Tất cả đề tài NCKH của GV được Nhà trường tổ chức nghiệm thu đúng kế hoạch và được đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học, phù hợp với định hướng ứng dụng của Trường. Các đề tài NCKH được áp dụng vào trong thực tiễn công tác đào tạo, gắn kết và phục vụ phát triển KT-XH của ngành xây dựng trong vùng và cả nước. Nhà trường đã tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, trường ĐH, viện nghiên cứu nhằm triển khai thực hiện đề tài NCKH. Hoạt động NCKH của Nhà trường đã góp phần tăng cường nguồn lực cho Trường.

Về hoạt động HTQT, Nhà trường thực hiện các hoạt động HTQT trên cơ sở các quy định, nguyên tắc và thủ tục của các cấp quản lý ban hành. Nhà trường đã ban hành, thông báo đến đội ngũ CB, GV, NV và áp dụng đầy đủ các quy định đối với hoạt động HTQT của Trường. Trong thời gian qua, Nhà trường không hề xảy ra vi phạm về công tác đối ngoại. Thông qua hoạt động HTQT, đội ngũ CB, GV Nhà trường đã có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tích cực tham gia hoạt động NCKH, công bố quốc tế chung với các GV, chuyên gia của các trường ĐH quốc tế.

Về thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC, Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng theo quy định với hệ thống CSVC ngày càng khang trang, hiện đại đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH của CB, GV, NV và SV. Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, phòng thí nghiệm, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao, KTX và các trang thiết bị, máy móc của Nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy học và NCKH theo quy mô đào tạo hiện tại và theo từng chuyên ngành đào tạo. Công tác bảo vệ tài sản, đảm bảo trật tự, an toàn, phòng cháy chữa cháy luôn được quan tâm và tổ chức thực hiện hiệu quả. Về tài chính và quản lý tài chính, công tác tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường trong những năm qua được triển khai thực hiện có hiệu quả và đã đáp ứng được yêu cầu

phát triển chung của Trường. Các nguồn tài chính được huy động và khai thác một cách hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích, quản lý tập trung và hạch toán vào các tài khoản theo đúng quy định theo các quy chế đã ban hành. Công tác lập kế hoạch tài chính, quản lý tài chính được thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch theo quy định, được quản lý tập trung và có kiểm tra giám sát chặt chẽ. Nhà trường đã chú trọng và đầu tư đúng mức cho việc tin học hóa công tác quản lý tài chính nên đã góp phần chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

b) Cơ cấu tổ chức của Trường



Sơ đồ hệ thống quản trị của Trường hiện tại như sau:

- Đảng ủy lãnh đạo Trường và các tổ chức đoàn thể, xã hội: CD, ĐTN, HSV, Hội Khuyến học.
- HĐT có 15 thành viên.

- BGH: gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.
- 06 Phòng, gồm: TCHC, QLĐT, KT&ĐBCL, TCKT, CTCTSV, QT&TB.
- 07 Khoa, gồm: Xây dựng, Kiến Trúc, Kỹ thuật hạ tầng đô thị, Kinh tế, Khoa học Cơ bản, Lý luận chính trị, Khoa Công nghệ.
- 05 Trung tâm, gồm: ĐTTX, NN-TH, TNXD&MT, TT-TV, TVXD.
- 01 Viện: KH&HTQT.
- 03 Ban: TVTS&HN, CVHT, TTPC.

Nhà trường có tổng số CB, GV và NV là 208 người, trong đó có 01 GS, 02 PGS, 23 tiến sĩ, 142 thạc sĩ, 23 ĐH và 17 trình độ khác. Số GV có trình độ thạc sĩ trở lên đạt tỷ lệ 100% đáp ứng nhu cầu giảng dạy các học phần theo cơ cấu hợp lý. Số lượng SV chính quy hiện có 2054 SV (cao học, ĐH).

Nhà trường có 2 hội trường lớn, trong đó hội trường khu A có 250 chỗ, hội trường khu B có 1.000 chỗ; 78 phòng học các loại, trong đó các phòng học có diện tích 60m² đến 67m² dành cho những lớp bình thường có số lượng 50 SV, các phòng học lớn với diện tích 86m² đến 94,24m² dành cho những lớp có số lượng trên 80 SV, các giảng đường lớn phù hợp với một số học phần và chuyên ngành đào tạo; 05 giảng đường với tổng diện tích: 1.277 m², bình quân diện tích phòng học cho SV chính quy là 20 m²/SV, vượt so với TCVN 3981:1985 (trung bình từ 0,9m² - 1,5m²/SV); 3 phòng lab học tiếng Anh với tổng diện tích 270 m²; 09 phòng học máy tính với tổng diện tích 1.231,6 m², trong đó có một số phòng được kết nối hệ thống camera phục vụ cho các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, sát hạch kỹ năng CNTT; 1 phòng họa thảo; 4 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành. Nhà trường có 4 dãy KTX với khoảng 2.000 chỗ, 01 nhà thi đấu đa năng, 05 sân bóng đá, 1 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy của bộ môn Giáo dục thể chất và tập luyện cho CBVC, SV.

c) Cấu trúc của HĐT

HĐT Trường ĐHXDMT nhiệm kỳ 2019-2024 được thành lập theo Quyết định số 741/QĐ-BXD, ngày 30/8/2019 của Bộ Xây dựng theo đúng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ĐH (Luật số 34/2018/QH14) và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ. HĐT gồm 15 thành viên, gồm: Lãnh đạo Trường, công đoàn, trưởng, phó một số khoa, phòng, đại diện GV và 01 SV trong BCH Đoàn trường; 5 thành viên ngoài Trường. HĐT đã xây dựng và ban hành Quy chế làm việc, Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường, các kế hoạch dài hạn, trung hạn, chương trình hành động của HĐT nhiệm kỳ 2019-2024,...

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của CSGD

a) Quy định pháp lý các hoạt động của Nhà trường và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường

Các quy định gồm: Luật Giáo dục, Luật giáo dục ĐH; các quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ GD&ĐT và các Bộ, ngành có liên quan; các văn bản, quy định của UBND Tỉnh Vĩnh Long và các quy định do Trường ban hành phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường. Các quy định pháp lý luôn bảo đảm cho Nhà trường triển khai thực hiện mọi hoạt động theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT; là công cụ bảo đảm chất lượng giáo dục và các hoạt động, đảm bảo cho Nhà trường triển khai thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của một CSGD ĐH trong từng giai đoạn phát triển.

Trường ĐHXDMT đã định hình rõ hướng phát triển và hoàn thiện việc kiện toàn cơ cấu tổ chức theo mô hình chung của một CSGD ĐH công lập; tích cực xây dựng và đào tạo đội ngũ CB lãnh đạo, quản lý và GV; phát triển các CTĐT, chú trọng thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, phát triển mạng lưới đối ngoại và HTQT; đẩy mạnh các hoạt động kết nối và PVCĐ.

Cho đến nay, sau quá trình triển khai TĐG chất lượng CSGD và TĐG các CTĐT, mọi hoạt động của Trường đã đi vào nền nếp theo mô hình quản trị ĐH. Công tác xây dựng chính sách, kế hoạch và các chiến lược hoạt động được chú trọng; công tác quản trị, lãnh đạo, quản lý toàn bộ các hoạt động chính yếu của Trường được rà soát và hoàn thiện; các nguồn lực về con người và nguồn lực tài chính được tính toán quy hoạch, sử dụng hiệu quả hướng tới sự phát triển lâu dài theo mục tiêu chiến lược.

Nhà trường xây dựng đề án vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch nhiệm vụ cho từng năm, rà soát sắp xếp lại các đơn vị, biên chế theo hướng tinh giản, giảm đầu mối; Hệ thống ĐBCL nội bộ được thiết lập, có mạng lưới nhân sự và hệ thống các quy định, quy trình, công cụ, thủ tục được thiết lập để có thể triển khai thực hiện ĐBCL đến các đơn vị theo các chức năng cơ bản của CSGD ĐH về đào tạo, nghiên cứu, kết nối và PVCĐ.

b) Những thách thức chính mà Trường gặp phải và kế hoạch của Nhà trường để khắc phục những thách thức đó

Thời kỳ “Cách mạng công nghệ 4.0” đã mang đến cho các trường ĐH nói chung và Trường ĐHXDMT nói riêng một số thách thức. Đảng ủy, BGH Nhà trường nhận ra các thách thức cơ bản và đã có kế hoạch, giải pháp khắc phục những thách thức đó:

- Sự cạnh tranh giữa các trường ĐH trong và ngoài nước. Trước tình hình rất nhiều trường ĐH trong nước không đủ chỉ tiêu tuyển sinh, các trường ĐH nước ngoài tạo điều kiện cho các thí sinh du học, Nhà trường luôn đặt mục tiêu chất lượng đào tạo lên hàng đầu, chỉ có chất lượng mới tồn tại và cạnh tranh lành mạnh với các trường ĐH trong và ngoài nước.

- Việc đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Rất nhiều doanh nghiệp cho rằng khi tiếp nhận SV mới tốt nghiệp từ các trường làm việc họ phải tốn kém thời gian đào tạo lại cho SV. Nhà trường đã hướng đến mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng. Đề cương chương trình được rà soát, bổ sung những nội dung cần thiết để SV tốt nghiệp ra trường tiếp cận ngay với công việc.

- Giải quyết việc làm cho SV khi tốt nghiệp. Nhà trường đã kết nối, ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp và sẽ tiếp tục tạo thêm nhiều mối quan hệ với doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho SV thực tập tốt nghiệp, giúp SV tiếp cận với doanh nghiệp, để SV có cơ hội quay trở lại doanh nghiệp làm việc sau khi tốt nghiệp.

- Chuyển giao khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH ở địa phương và khu vực. Trong những năm qua, chi phí dành cho NCKH chưa nhiều, Trường ĐHXMT đang cải thiện vấn đề này bằng nhiều chính sách phù hợp. Nhà trường đã và đang cố gắng tổ chức nhiều hội thảo khoa học và các cuộc thi về các giải pháp khoa học công nghệ về vật liệu và thiết kế, xây dựng nhà ở đặc trưng vùng miền. Ngoài các GV thực hiện NCKH, Nhà trường khuyến khích SV NCKH. Các đề tài có tính mới, tính ứng dụng được Nhà trường hỗ trợ đăng ký SHTT.

Khả năng kết nối và liên kết quốc tế còn hạn chế dẫn tới sự tụt hậu về hội nhập quốc tế, lạc hậu về CTĐT và kém hấp dẫn đối với thị trường đào tạo. Làn sóng tự chủ ĐH và xu thế liên kết, sáp nhập và giải thể các trường ĐH là thách thức to lớn đối với Nhà trường

c) Những điểm mạnh và cơ hội của Nhà trường và cách mà Trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

Điểm mạnh

Trường ĐHXMT được giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Xây dựng có chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, NCKH, ứng dụng và CGCN; Có vai trò quan trọng trong phát triển KT-XH khu vực ĐBSCL và cả nước.

Nhiều GV trẻ được học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài. Đây là lực lượng GV chất lượng cao có tiềm năng giúp kết nối Trường với các trường ĐH trên thế

giới trong quan hệ hợp tác, đào tạo và NCKH.

Về đội ngũ CB, GV, NV: CB, GV, NV của Trường có chuyên môn, giàu kinh nghiệm và có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn CB, GV, NV. Đặc biệt, Nhà trường có đội ngũ GV trẻ, nhiệt huyết, được đào tạo từ các trường danh tiếng trong và ngoài nước, sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp đào tạo và phát triển.

Về CSVC: Nhà trường có 2 cơ sở đào tạo (khu A, B) có tổng diện tích trên 10 ha, CSVC được đầu tư đồng bộ, khang trang, có đầy đủ trang thiết bị và vật tư đảm bảo giảng dạy các chuyên ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội.

Cơ hội

Nhà nước ngày càng quan tâm đến GD&ĐT. Nhà trường nhận được sự quan tâm rất lớn của Bộ Xây dựng. Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội, đặc biệt là khu vực ĐBSCL đang rất bức thiết.

Cách mạng KH&CN, đặc biệt là CNTT và truyền thông sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục, tiến tới một nền giáo dục điện tử, chuyển đổi số đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân SV.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

3. CSDL kiểm định chất lượng CSGD (theo Phụ lục 1)

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1. TN, SM và văn hoá

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo TN và SM đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trường ĐHXDMT được thành lập theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây [H1.01.01.01]. Nhà trường chịu sự lãnh đạo và quản lý toàn diện trực tiếp của Bộ Xây dựng, chịu sự quản lý Nhà nước về GD&ĐT của Bộ GD&ĐT và chịu sự quản lý hành chính của UBND tỉnh Vĩnh Long [H1.01.01.01]. Trường có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành Xây dựng, Kinh tế khu vực ĐBSCL và HTQT, phù hợp với xu thế phát triển đáp ứng cấp thiết cho ngành Xây dựng, Kinh tế nhằm phát triển KT-XH của khu vực ĐBSCL và cho cả nước [H1.01.01.01]. Sứ mạng (SM) và tầm nhìn (TN) của Trường lần đầu tiên được xác định ngay sau khi nâng cấp thành trường ĐH và tuyên bố trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 và Quyết định ban hành SM Trường ĐHXDMT số 348/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/8/2012 [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Theo đó, SM và TN của Trường được xác định cụ thể: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập trong hệ thống các trường ĐH và cao đẳng Việt Nam. Có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành xây dựng và các ngành kinh tế khác có trình độ bậc ĐH phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội khu vực ĐBSCL và cả nước; Tổ chức NCKH, CGCN và hợp tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam; Hướng đến phát triển Nhà trường một cách toàn diện để đến năm 2050 trở thành trường ĐH đa ngành ngang tầm khu vực Đông Nam Á và quốc tế” [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Năm 2015, Nhà trường điều chỉnh SM thể hiện trong Đề án số 92/ĐA-ĐHXDMT ngày 12/3/2015 về việc quy hoạch phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, TN đến năm 2030 và Quyết định số 288/QĐ-ĐHXDMT về việc điều chỉnh, bổ sung SM Nhà trường [H1.01.01.03]. Theo đó, SM và TN của Trường được xác định cụ thể: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc các ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý đô thị, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật Giao thông, Kỹ thuật cấp thoát nước, đồng thời chuyển giao những kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn, góp phần phục vụ phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL và cả nước” [H1.01.01.03]. Năm 2017, Nhà trường triển khai Kế hoạch rà soát điều chỉnh SM, TN và Hiệu trưởng ký Quyết định số 492/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/9/2017 sửa đổi, bổ sung SM, TN, GTCL của Trường ĐHXDMT [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Theo đó, SM của Nhà trường

được xác định là: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB khoa học kỹ thuật có trình độ ĐH, sau ĐH; Là cơ sở NCKH và CGCN; Có vai trò quan trọng phục vụ phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL, cả nước và hội nhập quốc tế” và TN của Nhà trường được xác định là: “Trường ĐHXDMT phấn đấu đến năm 2030 sẽ trở thành trường ĐH nghiên cứu và ứng dụng đa ngành, đa bậc học; Từng bước tiếp cận, hòa nhập với các trường ĐH trong khu vực Đông Nam Á; Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương và quốc gia, đạt chuẩn quốc gia, có uy tín trong nước và khu vực” [H1.01.01.04]. Đến năm 2020, Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh SM, TN theo Kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN, giá trị cốt lõi (GTCL) và triết lý giáo dục (TLGD) của HĐT và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký Quyết định số 329/QĐ-ĐHXDMT ngày 06/7/2021 [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Theo đó, SM của Nhà trường được xác định là: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, đào tạo nguồn nhân lực Xây dựng chất lượng cao theo định hướng ứng dụng; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, NCKH, ứng dụng và CGCN; Có vai trò quan trọng trong phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL và cả nước” và TN của Nhà trường được xác định là: “Đến năm 2025, Trường ĐHXDMT hoàn thành mục tiêu trở thành trường ĐH trọng điểm của Bộ Xây dựng tại khu vực ĐBSCL; Đến năm 2030, phát triển ngang tầm với các trường chất lượng cao trong nước và quốc tế; Bảo đảm người học sau tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng thị trường lao động trong nước và quốc tế” [H1.01.01.03].

Trong quá trình xây dựng và rà soát TN, SM, Nhà trường chú trọng đến việc tham khảo ý kiến các bên liên quan [H1.01.01.04]. Nhà trường triển khai kế hoạch rà soát điều chỉnh SM, TN năm 2017 và kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD của HĐT năm 2020 đến các đơn vị thực hiện [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường thông báo để các đơn vị lấy ý kiến góp ý của CB, GV, SV về SM, TN, GTCL và TLGD của Trường [H1.01.01.05]. Đối với CB, GV, các kiến góp ý về SM, TN, GTCL và TLGD được tổng hợp thông qua hội nghị CBVC của Trường và của các đơn vị cũng như các cuộc họp của các đơn vị [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08]. Các ý kiến góp ý của SV về SM, TN, GTCL và TLGD được thể hiện tại các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Các ý kiến góp ý của cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về SM, TN, GTCL và TLGD của Trường được tổng hợp tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức [H1.01.01.12]. Ngoài ra, các ý kiến góp ý của

CB, GV, SV, cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về SM, TN, GTCL và TLGD của Trường được tổng hợp thông qua khảo sát ý kiến các bên liên quan hằng năm [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Nhà trường tiếp thu, tham khảo ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên ngoài trong quá trình rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD [H1.01.01.15], [H1.01.01.16]. [H1.01.01.03].

Trong quá trình xây dựng, rà soát SM, TN, GTCL và TLGD, Nhà trường luôn quan tâm tiếp thu, tham khảo các nội dung chiến lược phát triển giáo dục, chiến lược phát triển KT-XH của địa phương và của cả nước thông qua các văn bản của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, của Ủy UBND tỉnh Vĩnh Long như: Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020, Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Xây dựng, giai đoạn 2011-2020, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Long và Chương trình hành động của tỉnh Vĩnh Long [H1.01.01.17]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chú trọng đến chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường trong quá trình rà soát SM, TN, GTCL và TLGD [H1.01.01.01], [H1.01.01.18], [H1.01.01.19]. Tại các cuộc họp của Nhà trường và của HĐT thông qua SM, TN, GTCL và TLGD được điều chỉnh, các thành viên dự họp luôn quan tâm xem xét đến SM, TN của Nhà trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của ngành và/hoặc địa phương, cả nước [H1.01.01.20]. SM, TN của Nhà trường được ban hành bằng các văn bản pháp lý và gửi đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, NV tại cuộc họp giao ban của Nhà trường và các đơn vị, đồng thời phổ biến đến SV thông qua các cuộc họp lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm [H1.01.01.03], [H1.01.01.15], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. SM, TN của Nhà trường đồng thời phổ biến đến cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức [H1.01.01.12]. Ngoài ra, SM, TN của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường và được niêm yết trên các panô, áp phích,... được đặt ở những nơi dễ thấy trong khuôn viên trường cũng như trên brochure, tờ rơi giới thiệu về Trường,... [H1.01.01.21], [H1.01.01.22], [H1.01.01.23].

Trong Nghị quyết hằng năm, hằng quý, hằng tháng của BCH Đảng bộ Nhà trường luôn có nội dung yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động theo TN, SM đã xác định [H1.01.01.19]. Tại các cuộc họp giao ban của Nhà trường, BGH luôn quán triệt, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động theo TN, SM đã xác định [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó,

kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường được xây dựng và BGH phê duyệt để triển khai các hoạt động theo TN, SM đã xác định [H1.01.01.24]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường luôn quán triệt, yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch theo TN, SM đã xác định [H1.01.01.15]. Từ đó, các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học và triển khai kế hoạch năm học theo TN, SM Nhà trường đã xác định [H1.01.01.25]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của Trường, BGH Nhà trường luôn có các nội dung về việc chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý việc các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo TN, SM đã xác định [H1.01.01.24].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với TN và SM của CSGD

Sau khi nâng cấp thành trường ĐH, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 trong đó có xác định SM, TN nhưng chưa xác định rõ ràng các giá trị văn hoá của Nhà trường [H1.01.01.02]. Năm 2017, Nhà trường đã điều chỉnh SM và đồng thời xác định TN và GTCL theo Quyết định số 492/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/9/2017, đó là: Chất lượng - Năng động - Phát triển - Hội nhập [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Đến năm 2021, Nhà trường điều chỉnh SM, TN, GTCL và bổ sung TLGD để phù hợp với định hướng phát triển và nhu cầu thay đổi trong giai đoạn mới [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Trên cơ sở rà soát, khảo sát ý kiến của các bên liên quan và kết quả thảo luận tại Hội nghị CBVC và các cuộc họp giao ban của Nhà trường và của các đơn vị, thông qua tại cuộc họp của HĐT, Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 329/QĐ-ĐHXDMT ngày 06/7/2021 ban hành GTCL của Trường ĐHXDMT [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16]. Sau khi ban hành GTCL, Nhà trường đã triển khai kế hoạch hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho các tổ chức và các đơn vị đẩy mạnh tuyên truyền và tổ chức các hoạt động nhằm giữ gìn giá trị văn hóa, thương hiệu của Nhà trường [H1.01.02.01].

GTCL của Nhà trường được xác định từ các giá trị truyền thống của Trường được xây dựng suốt chiều dài lịch sử trên 45 năm hình thành và phát triển, với ba chặng đường: từ Trường Trung cấp, Trường Cao đẳng và hiện nay là Trường ĐH [H1.01.02.02]. Hơn 45 năm hình thành và phát triển, Nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, vượt qua khó khăn để giữ được uy tín trong đào tạo, đóng góp đáng kể vào thành tích phát triển KT-XH của các tỉnh ĐBSCL nói chung

và tỉnh Vĩnh Long nói riêng [H1.01.02.02]. Các GTCL của Nhà trường được xác định nhằm thúc đẩy các hành vi mong muốn của Trường để đạt được mục tiêu chiến lược, phù hợp với tầm TN, SM [H1.01.02.03], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Trong nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cũng như nghị quyết định kỳ của Đảng ủy Nhà trường luôn có nội dung chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, quán triệt cho toàn thể CB, GV, NV, SV về GTCL của Trường [H1.01.01.19]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn quán triệt, giao nhiệm vụ cho lãnh đạo các đơn vị và các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV chú trọng giữ gìn và phát huy GTCL của Trường [H1.01.01.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch hành động thực hiện TN, SM, GTCL và triển khai thực hiện nhằm triển khai các hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển GTCL của Trường [H1.01.02.04]. Trong kế hoạch chiến lược dài hạn và kế hoạch trung hạn cũng như chương trình hành động hằng năm của HĐT, Chiến lược phát triển Nhà trường và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2023 cũng như kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có các nội dung chỉ đạo tổ chức triển khai cụ thể để triển khai các GTCL của Trường [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học hằng năm của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm và các tổ chức đoàn thể luôn có các hoạt động cụ thể để triển khai các GTCL của Trường [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Nhà trường xây dựng và ban hành quy định văn hóa ứng xử trong trường học theo tinh thần “Phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hóa” và “Trường học lành mạnh, thân thiện; nâng cao chất lượng GD&ĐT; góp phần xây dựng con người Việt Nam: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo” [H1.01.02.12]. Các thế hệ SV đi trước thành đạt đã và đang dành nhiều tình cảm, sự hỗ trợ quý báu cho thế hệ SV hiện nay bằng các quỹ học bổng, quỹ hỗ trợ khác thông qua Ban vận động Quỹ học bổng Trường ĐHXĐMT, Hội Khuyến học [H1.01.02.13], [H1.01.02.14]. Sự gắn kết của SV, Nhà trường và cựu SV đã tạo điều kiện cho Trường luôn có mối quan hệ tốt đẹp với các doanh nghiệp, ban ngành của các địa phương trong khu vực và hỗ trợ Trường tham gia thành công các cuộc thi khởi nghiệp cũng như có điều kiện tham gia giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật và những dự án thực tế thuộc các lĩnh vực Trường có thế mạnh [H1.01.02.15], [H1.01.02.16], [H1.01.02.17]. Các hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển GTCL của Trường được các tổ chức đoàn thể tích cực tham gia, trong đó Công đoàn trường phối hợp với các đơn vị thuộc Trường tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, ngày truyền thống nhà giáo, hội diễn văn

nghệ quần chúng, thi nấu ăn, thi hát karaoke, giao lưu văn nghệ, thể thao và được toàn thể CBVC tích cực tham gia [H1.01.02.18]. Đoàn Thanh niên Trường phối hợp Hội SV Trường, Đoàn khoa tổ chức các hoạt động phong trào và được đoàn viên, SV tích cực tham gia như: Hội thi Sinh viên thanh lịch, Hội thi tiếng hát sinh viên, Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh..., đồng thời thành lập và tổ chức nhiều Câu lạc bộ SV nhằm tạo cho SV luôn năng động, sáng tạo trong học tập, phát huy GTCL của Trường [H1.01.02.19], [H1.01.02.20], [H1.01.02.21]. Trong công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường phổ biến, tuyên truyền về GTCL của Trường thông qua ngày hội tư vấn tuyển sinh do các Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên các tỉnh thuộc khu vực ĐBSCL tổ chức cũng như trên fanpage tuyển sinh, you tube tuyển sinh, đồng thời Nhà trường đăng tải trên website của Trường, brochure, thông tin quảng bá và các bài viết về Trường, Sổ tay GV, Sổ tay SV [H1.01.02.22], [H1.01.02.23], [H1.01.01.21], [H1.01.01.23], [H1.01.02.24], [H1.01.02.25], [H1.01.02.26]. Ngoài ra, GTCL của Trường được niêm yết tại những nơi dễ thấy trong khuôn viên của Trường [H1.01.01.22].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 1.3. TN, SM và văn hoá được tuyên bố, được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT được ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 sau khi Nhà trường được nâng cấp thành trường ĐH và theo Quyết định ban hành SM Trường ĐHXDMT số 348/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/8/2012, SM, TN của Trường được xác định cụ thể: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập trong hệ thống các trường ĐH và cao đẳng Việt Nam. Có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành xây dựng và các ngành kinh tế khác có trình độ bậc ĐH phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội khu vực ĐBSCL và cả nước; Tổ chức NCKH, CGCN và hợp tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam; Hướng đến phát triển Nhà trường một cách toàn diện để đến năm 2050 trở thành trường ĐH đa ngành ngang tầm khu vực Đông Nam Á và quốc tế” [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Năm 2015, Nhà trường điều chỉnh SM thể hiện trong Đề án số 92/ĐA-ĐHXDMT ngày 12/3/2015 về việc quy hoạch phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, TN đến năm 2030 và Quyết định số 288/QĐ-ĐHXDMT về việc điều chỉnh, bổ sung SM Nhà trường [H1.01.01.03]. Theo đó, SM và TN của Trường được xác định cụ thể: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc các ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý đô thị, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật Giao thông, Kỹ thuật cấp thoát nước, đồng thời chuyển giao những

kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn, góp phần phục vụ phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL và cả nước” [H1.01.01.03]. Năm 2017, Nhà trường đã điều chỉnh SM và đồng thời xác định TN và GTCL theo Quyết định số 492/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/9/2017, đó là: Chất lượng - Năng động - Phát triển - Hội nhập [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Đến năm 2021, Nhà trường tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và kết quả thảo luận tại Hội nghị CBVC và các cuộc họp giao ban của Nhà trường và của các đơn vị, thông qua tại cuộc họp của HĐT, Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 329/QĐ-ĐHXDMT ngày 06/7/2021 ban hành ban hành SM, TN, GTCL và TLGD của Trường đã được cập nhật, điều chỉnh [H1.01.01.03], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16]. Sau khi ban hành SM, TN, GTCL và TLGD, Nhà trường đã triển khai kế hoạch hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho các tổ chức và các đơn vị đẩy mạnh truyền thông, phổ biến về SM, TN, GTCL đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài [H1.01.02.01]. Bên cạnh đó, nhằm giữ gìn giá trị văn hóa, thương hiệu, đồng thời phát huy các giá trị đạo đức văn hóa chuẩn mực của nhà giáo, Nhà trường xây dựng và ban hành quy định văn hóa ứng xử trong trường học theo tinh thần “Phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hóa” và “Trường học lành mạnh, thân thiện; nâng cao chất lượng GD&ĐT; góp phần xây dựng con người Việt Nam: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo” [H1.01.02.12].

Trong nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cũng như nghị quyết định kỳ của Đảng ủy Nhà trường luôn có nội dung chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, quán triệt cho các bên liên quan bên trong và bên ngoài hiểu rõ về SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.01.19]. Trong kế hoạch chiến lược dài hạn và kế hoạch trung hạn cũng như chương trình hành động hằng năm của HĐT, Chiến lược phát triển Nhà trường và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2023 cũng như kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có các nội dung chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, quán triệt cho các bên liên quan bên trong và bên ngoài hiểu rõ về SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn quán triệt, giao nhiệm vụ cho lãnh đạo các đơn vị và các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV phổ biến, quán triệt cho các bên liên quan bên trong và bên ngoài hiểu rõ về SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.01.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch hành động thực hiện TN, SM, GTCL và triển khai thực

hiện nhằm triển khai các hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển GTCL của Trường [H1.01.02.04]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học hằng năm của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm và các tổ chức đoàn thể luôn có các hoạt động cụ thể để phổ biến, quán triệt cho các bên liên quan bên trong và bên ngoài hiểu rõ về SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. SM, TN, GTCL của Nhà trường được ban hành bằng các văn bản pháp lý và gửi đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, NV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị, đồng thời phổ biến đến SV thông qua các cuộc họp lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm [H1.01.01.03], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. SM, TN, GTCL của Nhà trường đồng thời phổ biến đến cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức [H1.01.01.12]. Ngoài ra, SM, TN GTCL của Nhà trường được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, đăng tải trên website của Trường, brochure, thông tin quảng bá và các bài viết về Trường, fanpage tuyển sinh, you tube tuyển sinh,...[H1.01.02.25], [H1.01.02.26], [H1.01.01.21], [H1.01.01.23], [H1.01.02.24], [H1.01.02.23],... SM, TN GTCL của Nhà trường được niêm yết tại nhiều nơi dễ thấy trong khuôn viên của Trường để tăng cường phổ biến, tuyên truyền đối với CB, GV, NV, SV Nhà trường và các bên liên quan bên ngoài đến tham quan, làm việc với Trường [H1.01.01.22].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 1.4. TN, SM và văn hoá của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường chú trọng triển khai rà soát SM, TN GTCL của Trường thông qua việc ban hành và triển khai kế hoạch Kế hoạch rà soát điều chỉnh SM, TN năm 2017 và kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD của HĐT năm 2020 [H1.01.01.04]. Sau khi SM đầu tiên của Nhà trường được xây dựng và tuyên bố trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 và theo Quyết định ban hành SM Trường ĐHXDMT số 348/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/8/2012, đến năm 2015, Nhà trường điều chỉnh SM thể hiện trong Đề án số 92/ĐA-ĐHXDMT ngày 12/3/2015 về việc quy hoạch phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, TN đến năm 2030 [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Năm 2017, Nhà trường đã chỉ đạo và giao nhiệm vụ Phòng QLĐT thường trực thực hiện xây dựng, rà soát, điều chỉnh SM, TN và GTCL [H1.01.01.02], [H1.01.01.04], [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Đến năm 2020, HĐT

triển khai Kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD [H1.01.01.04]. Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh, SM, TN và GTCL nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.01.03].

Bảng 1. SM, TN, GTCL của Nhà trường qua các lần rà soát, điều chỉnh

SM, TN, GTCL	Năm 2012	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021
SM	x	x	x	x
TN			x	x
GTCL			x	x

Nhà trường luôn chú trọng triển khai thu thập ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường để có thêm cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng, trong đó Nhà trường đã ban hành quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan, kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan hằng năm và kết quả khảo sát được gửi đến các đơn vị để tiếp thu, tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Trong quá trình xây dựng và rà soát TN, SN, GTCL, Nhà trường thông báo các đơn vị lấy ý kiến góp ý của CB, GV, SV về SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.01.05]. Đối với CB, GV, các kiến góp ý về SM, TN, GTCL được tổng hợp thông qua hội nghị CBVC của Trường và của các đơn vị cũng như các cuộc họp của các đơn vị [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08]. Các ý kiến góp ý của SV về SM, TN, GTCL được thể hiện tại các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Các ý kiến góp ý của cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về SM, TN, GTCL của Trường được tổng hợp tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức [H1.01.01.12]. Ngoài ra, các ý kiến góp ý của CB, GV, SV, cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về SM, TN, GTCL của Trường được tổng hợp thông qua khảo sát ý kiến các bên liên quan hằng năm [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Nhà trường tiếp thu, tham khảo ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên ngoài trong quá trình rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD [H1.01.01.15], [H1.01.01.16]. [H1.01.01.03].

Năm 2021, trong quá trình triển khai rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD, HĐT thực hiện báo cáo rà soát SM, TN, GTCL của Trường, trong đó đánh giá ưu điểm, tồn tại cần chỉnh sửa và kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung để SM,

TN, GTCL đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan [H1.01.04.03]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị, báo cáo Hội nghị CBVC của Nhà trường và của các đơn vị hằng năm luôn có nội dung về rà soát SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 1.5. TN, SM và văn hoá của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Sau khi SM đầu tiên của Nhà trường được xây dựng và tuyên bố trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 và theo Quyết định ban hành SM Trường ĐHXDMT số 348/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/8/2012, đến năm 2015, Nhà trường điều chỉnh SM thể hiện trong Đề án số 92/ĐA-ĐHXDMT ngày 12/3/2015 về việc quy hoạch phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, TN đến năm 2030 [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Năm 2017, Nhà trường đã chỉ đạo và giao nhiệm vụ Phòng QLĐT thường trực thực hiện xây dựng, rà soát, điều chỉnh SM, TN và GTCL [H1.01.01.02], [H1.01.01.04], [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Đến năm 2020, HĐT triển khai Kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD [H1.01.01.04]. HĐT phân công cụ thể các nhiệm vụ đối với các đơn vị để triển khai rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD của Trường [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, trong Quy trình, kế hoạch rà soát điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD Nhà trường ban hành năm 2021 có quy định cụ thể nhằm cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển SM, TN, GTCL [H1.01.01.04].

Nhà trường triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN năm 2017 và kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD của HĐT năm 2020 đến các đơn vị thực hiện [H1.01.01.04]. Dựa trên ý kiến góp ý của các bên liên quan về SM, TN, GTCL qua nhiều kênh thông tin và khảo sát khác nhau, Nhà trường tiến hành điều chỉnh SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Trên cơ sở đó, sau khi SM, TN của Trường lần đầu tiên được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT được ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 và theo Quyết định ban hành SM Trường ĐHXDMT số 348/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/8/2012, năm 2015, Nhà trường rà soát, điều chỉnh, ban hành SM và được thể hiện trong Đề án số 92/ĐA-ĐHXDMT ngày 12/3/2015 về việc quy hoạch phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, TN đến năm 2030 và Quyết định số 288/QĐ-

ĐHXDMT về việc điều chỉnh, bổ sung SM Nhà trường [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Đến năm 2017, Nhà trường đã điều chỉnh SM và đồng thời xác định TN và GTCL theo Quyết định số 492/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/9/2017 [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Năm 2021, Nhà trường tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và kết quả thảo luận tại Hội nghị CBVC và các cuộc họp giao ban của Nhà trường và của các đơn vị, thông qua tại cuộc họp của HĐT, Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 329/QĐ-ĐHXDMT ngày 06/7/2021 ban hành ban hành SM, TN, GTCL và TLGD của Trường đã được cập nhật, điều chỉnh [H1.01.01.03], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16].

Trước năm 2021, hoạt động rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL của Nhà trường được triển khai thông qua sự phân công cụ thể các đơn vị triển khai thực hiện [H1.01.01.04]. Từ năm 2021, HĐT triển khai Kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD và trong Quy trình, kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD Nhà trường ban hành có quy định cụ thể nhằm cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển SM, TN, GTCL [H1.01.01.04]. Quy trình, kế hoạch rà soát điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD Nhà trường ban hành dựa trên các góp ý và sự thống nhất tại cuộc họp giao ban của Trường [H1.01.01.15]. Việc ban hành quy trình cụ thể về rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và TLGD tạo sự thuận lợi, thống nhất cho quá trình thực hiện so với trước đây thực hiện theo phân công nhiệm vụ và chưa có quy trình cụ thể [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- SM, TN, GTCL Nhà trường được xây dựng bài bản, có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường.

- Nội dung TN, SM, GTCL phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH của tỉnh Vĩnh Long, vùng ĐBSCL và cả nước.

- GTCL được xây dựng dựa trên giá trị văn hoá truyền thống với 4 nền tảng, phù hợp với TN, SM của Trường, được quán triệt và giải thích rõ ràng đến các bên liên quan để thực hiện.

- Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện thành công TN, SM và giữ

gìn, phát huy các GTCL của Trường.

- Các thể hệ lãnh đạo Nhà trường đã có những giải pháp và việc làm cụ thể để phát huy giá trị văn hoá truyền thống của Trường, đã góp phần tạo nên thương hiệu của Trường ngày nay.

- SM, TN, GTCL của Trường được phổ biến, được truyền thông hiệu quả qua nhiều kênh, nhiều hình thức khác nhau đến CB, GV và SV, cựu SV, đặc biệt là các đối tác doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. SM, TN và GTCL đã được giải thích rõ ràng.

- SM, TN và chiến lược phát triển đã thường xuyên được đánh giá, rà soát để đảm bảo Nhà trường phát triển bền vững, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước, nhu cầu của SV và của xã hội.

- Nhà trường ban hành văn bản, phân công cụ thể đơn vị thực hiện và tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường về TN, SM, GTCL.

- Nhà trường ban hành quy trình rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL và thông báo đến các đơn vị để thực hiện.

- SM, TN, GTCL của Trường được rà soát để đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường và đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng các doanh nghiệp sử dụng lao động phản hồi ý kiến về SM, TN, GTCL của Trường chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến các bên liên quan bên ngoài, đặc biệt là doanh nghiệp sử dụng lao động về SM, TN, GTCL.	HĐT, BGH, TCHC, TT-TV	2024-2025	
2	Phát huy	Triển khai đồng bộ các giải	Các đơn vị	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 1	pháp thực hiện thành công các nội dung của Chiến lược phát triển Trường.			
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng và phát triển Nhà trường theo SM, TN, GTCL đã xác định.	Các đơn vị	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục quán triệt và giải thích rõ ràng GTCL đến các bên liên quan hiểu và thực hiện hiệu quả.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục xây dựng các kế hoạch năm học của Nhà trường, đơn vị theo TN, SM, GTCL đã xây dựng.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục xây dựng các văn bản quản lý điều chỉnh hoạt động trên giá trị văn hoá truyền thống của Trường.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục phổ biến TN, SM, GTCL, TLGD đến các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường qua nhiều hình thức, kênh khác nhau.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục xây dựng các kế hoạch điều chỉnh các hoạt động trên tinh thần văn hoá truyền thống của Trường.	TCHC, TTPC, các đơn vị	2024-2028	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
9	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL và TLGD.	KT&ĐBCL, các đơn vị	2023-2024	
10	Phát huy điểm mạnh 9	Tiếp tục cải tiến quy trình rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL phù hợp với thực tiễn Nhà trường.	TCHC	2023-2024	
11	Phát huy điểm mạnh 10	Tiếp tục triển khai rà soát điều chỉnh SM, TN, GTCL của Nhà trường	TCHC, các đơn vị	2023-2024	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>5,0</i>
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	5

Tiêu chuẩn 2. Hệ thống quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm HĐQT; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD;

đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD

Theo Quyết định số 1528/QĐ-TTG ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ được cụ thể hoá bằng các quyết định của Bộ Xây dựng, Trường ĐHXDMT là một CSGD ĐH công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Xây dựng, sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.01]. Ngay sau khi thành lập, được sự phê duyệt của Bộ Xây dựng, Trường ĐHXDMT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 trong đó xác định hệ thống quản trị và cơ cấu tổ chức của Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.01.02]. Căn cứ quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH, Nhà trường xây dựng hệ thống quản trị bao gồm: Đảng ủy, HĐT, BGH và các đơn vị trực thuộc, CĐ, ĐTN, HSV, Hội Khuyến học và các hội đồng tư vấn như: Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng lương, Hội đồng Thi đua khen thưởng, kỷ luật,... và được thể hiện trong Sơ đồ hệ thống quản trị đăng tải trên website của Nhà trường [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]. Thực hiện Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH và chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và lập tờ trình thành lập HĐT nhiệm kỳ 2016-2018, nhiệm kỳ 2019-2024 gửi Bộ Xây dựng [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng đã có các quyết định công nhận HĐT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành [H2.02.01.05], [H2.02.01.06]. Hiện nay, HĐT gồm 15 thành viên, trong đó 10 thành viên là CB, SV của Trường, 05 thành viên bên ngoài Trường [H2.02.01.05]. Đảng bộ Trường ĐHXDMT là tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng ủy khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long [H2.02.01.07]. Đại hội nhiệm kỳ 2020-2025 của Đảng bộ được tổ chức vào năm 2020 bầu BCH Đảng bộ Nhà trường với 15 ủy viên [H2.02.01.07]. Đảng bộ Trường hiện có 8 chi bộ với 117 đảng viên [H2.02.01.08]. Công đoàn Trường là công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Xây dựng Việt Nam, hiện có 16 tổ công đoàn với 199 công đoàn viên [H2.02.01.09], [H2.02.01.10]. BCH Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2017-2022 có 09 thành viên [H1.02.01.09]. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Nhà trường thuộc Tỉnh đoàn Vĩnh Long, hiện có 52 chi đoàn với 1344 đoàn viên [H2.02.01.11], [H2.02.01.12]. BCH Đoàn Thanh niên Trường nhiệm kỳ 2022-2024 có 17 thành viên [H2.02.01.12]. Hội Sinh viên Trường trực thuộc Hội Sinh viên Việt Nam Tỉnh Vĩnh Long với 52 chi hội và 1410 hội viên [H2.02.01.13], [H2.02.01.14]. BCH Hội Sinh viên Trường nhiệm kỳ 2023-2025 có 15 thành viên [H2.02.01.13]. Dựa trên quy định về chức năng, nhiệm vụ, để đảm bảo sự quản lý và điều hành các hoạt động, Nhà trường đã thành lập các Hội đồng tư vấn như: Hội

đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng KH&ĐT cấp Trường và cấp Khoa, Hội đồng ĐBCLGD và các Tổ ĐBCLGD,... theo đúng quy định của Luật giáo dục và Luật Giáo dục đại học [H2.02.01.15], [H2.02.01.16], [H2.02.01.17], [H2.02.01.18], [H2.02.01.19].

HĐT ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng theo quy định của pháp luật, của Bộ Xây dựng, trong đó quy định nhiệm vụ và quyền hạn của HĐT bao gồm: Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của Trường; chủ trương phát triển Trường thành đại học hoặc việc sát nhập với trường đại học khác; Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở của Trường phù hợp với quy định; Quyết định phương hướng tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động KH&CN, HTQT; chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa Nhà trường với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; Quyết định về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị của Trường; ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí; quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, GV, viên chức và NLĐ phù hợp với quy định của pháp luật; Quyết định và trình cơ quan quản lý có thẩm quyền ra quyết định công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng, bãi nhiệm, miễn nhiệm Phó hiệu trưởng trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng; việc quyết định các chức danh quản lý khác do quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường quy định; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng; lấy phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng vào giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; Quyết định các chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển Trường; chính sách học phí, hỗ trợ người học; phê duyệt kế hoạch tài chính; thông qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường; Quyết định chủ trương đầu tư và sử dụng tài sản có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của Trường ĐHXDMT theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; quyết định chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý theo kết quả, hiệu quả công việc và vấn đề khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường; Giám sát việc thực hiện quyết định của HĐT, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Nhà trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng Nhà trường; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Nhà trường; báo cáo hằng năm trước hội nghị toàn thể của Nhà trường về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của HĐT; Tuân thủ pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của HĐT; thực hiện công khai, minh bạch

thông tin, chế độ báo cáo; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của HĐT; chịu sự giám sát của xã hội, cá nhân và tổ chức trong trường; Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT [H2.02.01.20], [H2.02.01.06]. Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV Nhà trường ban hành Quy chế làm việc theo đúng quy định và triển khai thực hiện [H2.02.01.21], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23], [H2.02.01.24]. Các Hội đồng tư vấn như: Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD,... đều xây dựng, ban hành Quy chế hoạt động và triển khai thực hiện [H2.02.01.25], [H2.02.01.26], [H2.02.01.27]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động do Nhà trường ban hành thể hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động của HĐT và các hội đồng tư vấn, các thành phần trong hệ thống quản trị và các tổ chức đoàn thể [H1.01.01.02]. Ngoài ra, HĐT và các hội đồng tư vấn, các thành phần trong hệ thống quản trị và các tổ chức đoàn thể của Trường có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên [H2.02.01.06], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23], [H2.02.01.24], [H2.02.01.25], [H2.02.01.26], [H2.02.01.27].

Hệ thống văn bản quản lý của HĐT, Đảng ủy, các tổ chức đoàn thể, các hội đồng tư vấn được gửi đến các đơn vị để thực hiện và đăng tải trên website của Trường [H2.02.01.06], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23], [H2.02.01.24], [H2.02.01.25], [H2.02.01.26], [H2.02.01.27], [H1.01.01.21]. Đảng ủy, HĐT định hướng chiến lược thông qua các nghị quyết về việc ban hành các văn bản như: Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường [H1.01.01.02], [H2.02.01.29], [H2.02.01.30]. Bên cạnh đó, Đảng ủy, HĐT đã có những nghị quyết về công tác quy hoạch và bổ nhiệm CB lãnh đạo, quản lý trong quá trình hoạt động, bảo đảm sử dụng hiệu quả nhân lực của Nhà trường [H1.01.01.18], [H1.01.01.19]. Để tổ chức và quản lý hệ thống văn bản, Nhà trường đã ban hành Quy chế Công tác văn thư, lưu trữ bao gồm các công việc về soạn thảo, ban hành văn bản, quản lý văn bản và các tài liệu trong quá trình hoạt động, đồng thời quy định trách nhiệm rõ ràng đối với các cá nhân, đơn vị trong việc tổ chức và quản lý hệ thống văn bản của Nhà trường [H2.02.01.31].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện

Theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT và trong sơ đồ

hệ thống quản trị được đăng tải trên website, Đảng ủy và HĐT là các cơ quan quản trị cao nhất đề ra các nghị quyết về mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển của Nhà trường để BGH và các tổ chức, đoàn thể triển khai thực hiện [H1.01.01.02], [H2.02.01.02]. Hội đồng KH&ĐT và các hội đồng khác có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về những hoạt động chuyên môn liên quan [H1.01.01.02], [H2.02.01.02]. Sau khi được thành lập, HĐT đã phát huy chức năng nhiệm vụ và quyền hạn là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của Nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho Nhà trường, gắn Nhà trường với cộng đồng xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục thông qua việc ban hành và thực hiện kế hoạch Kế hoạch chiến lược dài hạn, Kế hoạch chiến lược trung hạn cũng như chương trình hành động hằng năm [H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06]. Đảng ủy Trường xây dựng chương trình công tác toàn khóa và từng năm để lãnh đạo các hoạt động của Nhà trường [H2.02.01.07], [H2.02.02.01]. [H2.02.02.02]. Bên cạnh đó, Đảng ủy Trường đã ban hành các nghị quyết về các hoạt động của Nhà trường làm cơ sở để Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện [H1.01.01.19], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03]. Trên cơ sở định hướng và chủ trương được xác định trong Báo cáo chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, Nhà trường xây dựng và ban hành Đề án phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 cũng như các Chiến lược phát triển Trường [H2.02.02.04], [H1.01.02.07]. Trên cơ sở các nghị quyết của Đảng ủy và HĐT, BGH Nhà trường đã tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch năm học hằng năm, hằng tháng và các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch công tác tháng đối với lĩnh vực được phân công phụ trách [H1.01.01.24], [H2.02.02.05], [H1.01.01.25], [H2.02.02.06]. Ngoài ra, các tổ chức đoàn thể của Nhà trường bao gồm: CĐ, ĐTN, HSV luôn tuân thủ và cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng ủy, các kết luận của BGH trong kế hoạch hoạt động hằng năm [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11].

Căn cứ các chương trình công tác hằng năm, định kỳ hằng tháng, Đảng ủy, HĐT và BGH đều có nghị quyết và các kết luận cuộc họp [H1.01.01.18], [H1.01.01.19], [H2.02.02.07]. Kế hoạch triển khai các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị đều được thể chế hóa bằng văn bản thông qua kế hoạch hằng năm, hằng tháng, được đăng tải và cập nhật lên website của Trường [H1.01.01.21]. Tại cuộc họp giao ban, Đảng ủy, HĐT, BGH phổ biến, quán triệt lãnh đạo các đơn vị nghiêm túc triển khai nội dung công việc theo kế hoạch đã ban hành [H2.02.02.08], [H2.02.02.09], [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, tại cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, triển khai CBVC thực hiện các nội dung theo kế

hoạch của Trường và của đơn vị [H1.01.01.08]. Hằng năm và hằng tháng, Đảng ủy, HĐT, Nhà trường và các đơn vị thực hiện báo cáo tổng kết, trong đó đánh giá kết quả đạt được đồng thời nêu rõ các tồn tại để trên cơ sở đó áp dụng các biện pháp phù hợp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đạt được mục tiêu đã đề ra [H2.02.02.10], [H2.02.02.11], [H1.01.04.04], [H2.02.02.12], [H1.01.04.05], [H2.02.02.13]. Ngoài ra, các tổ chức đoàn thể hằng năm thực hiện báo cáo tổng kết đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch đã xác định [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên

Trong các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Trường, Quy chế hoạt động của Đảng ủy Nhà trường, Quy chế hoạt động của HĐT, Quy chế hoạt động của Nhà trường, Đề án phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn đến 2030 cũng như Chiến lược phát triển, Nhà trường đề ra các giải pháp thực hiện những hoạt động chính, trong đó giải pháp đầu tiên là ưu tiên cải tiến và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước bao gồm việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức; thường xuyên rà soát điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các đơn vị, các bộ phận; phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động sáng tạo của CB lãnh đạo và quản lý để hoàn thành hiệu quả các nhiệm vụ [H1.01.01.19], [H2.02.01.21], [H2.02.02.03], [H2.02.01.06], [H1.01.01.02], [H2.02.02.04], [H1.01.02.07]. Ngay sau khi được Đảng ủy khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh chuẩn y, Đảng ủy Trường đã ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho các đảng ủy viên [H2.02.01.07], [H2.02.01.21]. Trong nhiệm kỳ, nhân sự BCH được rà soát ngay sau khi có đảng ủy viên nghỉ hưu, chuyển công tác; việc phân công nhiệm vụ cũng được thường xuyên rà soát, cập nhật để phù hợp với yêu cầu công tác thực tế và biến động về nhân sự của BCH Đảng ủy [H2.02.01.07]. Thực hiện Quyết định số 1337/QĐ-BXD ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy chế thành lập HĐT cho các CSGD thuộc Bộ Xây dựng, Nhà trường đã rà soát và làm các thủ tục đề xuất thành lập HĐT nhằm hoàn thiện hệ thống quản trị của Trường ĐHXDMT [H2.02.01.20], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Bộ Xây dựng đã phê duyệt và quyết định thành lập HĐT Trường ĐHXDMT [H2.02.01.05]. Trong quá trình hoạt động, HĐT đã rà soát và có đề nghị Bộ Xây dựng bổ sung thành viên thay cho những thành viên hội đồng đã nghỉ hưu, chuyển công tác để HĐT có đủ thành phần, cơ cấu để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị, Đảng ủy đã ban hành các kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm đối với các tổ chức đảng trực thuộc, cũng như đối với đảng viên của

Đảng bộ Trường [H2.02.03.01]. HĐT cũng ban hành kế hoạch hoạt động để thực hiện chức năng giám sát toàn bộ các hoạt động của Nhà trường [H2.02.03.02]. Để đáp ứng yêu cầu quản lý, thực hiện các nghị quyết của Đảng, chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Nhà trường đã thực hiện tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý, nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý, tinh giản biên chế để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới [H2.02.03.18]. Trong giai đoạn 2019-2023, Đảng ủy đã ban hành kế hoạch về tổ chức sắp xếp bộ máy, nhân sự và đã triển khai thực hiện có hiệu quả [H2.02.03.03]. Đồng thời, hằng năm Đảng ủy ra nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ, trong đó có nội dung rà soát cơ cấu tổ chức, nhân sự lãnh đạo và quản lý của Nhà trường [H1.01.01.19]. Năm 2018 và năm 2022, Bộ Xây dựng ban hành quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường, phù hợp với quy mô và xu hướng phát triển hiện nay, đồng thời đáp ứng yêu cầu Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030 [H1.01.04.02].

Định kỳ hằng năm, Đảng bộ Trường tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết, kiểm điểm nhằm đánh giá kết quả của các giai đoạn hoạt động cho 01 năm, giữa nhiệm kỳ và cả nhiệm kỳ để đánh giá những ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, từ đó đề ra phương hướng hoạt động cho giai đoạn tiếp theo [H2.02.02.10], [H2.02.02.03]. HĐT thực hiện báo cáo tổng kết năm học, báo cáo công tác giám sát và việc thực hiện các nội dung công việc dựa trên đánh giá báo cáo định kỳ BGH Nhà trường gửi HĐT [H2.02.02.11], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05]. Các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường bao gồm: CĐ, ĐTN, HSV đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học và hằng năm thực hiện báo cáo tổng kết đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch đã xác định [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20].

Hằng năm, Đảng ủy, Nhà trường đánh giá kiểm điểm các tổ chức, đoàn thể, viên chức [H2.02.03.06]. Kết quả đánh giá các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Trường đều được các đơn vị cấp trên đánh giá cao và luôn đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. Việc đánh giá phân loại viên chức, NLĐ của Trường được thực hiện theo quy định về đánh giá phân loại các đơn vị, phân loại viên chức NLĐ cũng như quy định về xét thi đua hằng năm tuân thủ theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng CB, công chức, viên chức và Luật Thi đua khen thưởng [H2.02.03.08], [H2.02.03.09]. Đối với lãnh đạo Trường gồm: Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng được Bộ Xây dựng tổ chức đánh giá nhận xét và thông báo phân loại mức độ hoàn thành công việc hằng năm [H2.02.03.10],

[H2.02.03.11]. Viên chức và NLĐ từ Phó Hiệu trưởng trở xuống do Hiệu trưởng tổ chức, đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ [H2.02.03.12], [H2.02.03.13]. Thời điểm đánh giá rà soát, phân loại đội ngũ CB quản lý được tiến hành vào cuối năm học để rút kinh nghiệm, cải tiến hiệu quả công tác và nhằm để chuẩn bị nguồn nhân lực cho năm học mới [H2.02.03.12], [H2.02.03.13]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường bổ nhiệm mới 26 CBQL và luân chuyển 3 CBQL [H2.02.03.14]. Bên cạnh đó, hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, rà soát đánh giá hệ thống văn bản đã ban hành trước đó để cập nhật, ban hành mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Trường [H1.01.01.15], [H2.02.03.15].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn

Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ và những mục tiêu trong Đề án phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển, trong những năm qua, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các đơn vị, các bộ phận cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển, đáp ứng yêu cầu cải tiến và nâng cao hiệu quả trong quản trị Nhà trường, trong đó điểm nổi bật trong quá trình hoàn thiện hệ thống quản trị của Nhà trường là việc thành lập, bổ sung HĐT Trường ĐHXDMT [H1.01.01.19], [H2.02.02.04], [H1.01.02.07], [H2.02.01.05]. HĐT đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng và Kế hoạch chiến lược dài hạn, Kế hoạch chiến lược trung hạn cũng như chương trình hành động hằng năm [H2.02.01.06], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06]. HĐT tiến hành họp định kỳ và đột xuất để ban hành các nghị quyết theo trách nhiệm, quyền hạn của HĐT và thực hiện giám sát toàn bộ các hoạt động của Nhà trường để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn [H2.02.03.02], [H2.02.02.09], [H2.02.02.11]. Đảng ủy Nhà trường có sự ổn định về cơ cấu và nhân sự và ban hành quy chế làm việc với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể [H2.02.01.07], [H2.02.01.21]. Hằng năm, Đảng ủy ban hành nghị quyết và kế hoạch hoạt động, trong đó có nội dung rà soát cơ cấu tổ chức và nhân sự lãnh đạo, quản lý của Nhà trường [H1.01.01.19], [H2.02.02.10], [H2.02.03.01]. Đảng ủy đã tiến hành các đợt kiểm điểm, báo cáo kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hằng năm cũng như giữa nhiệm kỳ, bầu bổ sung đảng ủy viên và ủy viên thường vụ nhằm bảo đảm hiệu quả trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo [H2.02.02.03], [H2.02.02.10]. Thực hiện Nghị quyết của Đảng về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự, tinh giản biên

chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Đảng ủy đã Lãnh đạo Trường xây dựng các kế hoạch tổ chức, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế để làm cho bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả hơn [H2.02.04.01], [H2.02.04.02]. Năm 2018 và năm 2022, Bộ Xây dựng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường và Nhà trường cũng đã có các điều chỉnh về tổ chức bộ máy, nhân sự theo đúng quy định, phù hợp với quy mô và xu hướng phát triển hiện nay, đồng thời đáp ứng yêu cầu Chiến lược phát triển Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.02.07].

Để chuẩn bị nguồn nhân sự đáp ứng yêu cầu phát triển, công tác quy hoạch HĐT, BGH và CB quản lý các đơn vị trong Trường được thực hiện, bổ sung, điều chỉnh kịp thời theo các quy định của Ban Tổ chức Trung ương, chỉ đạo của Bộ Xây dựng và Đảng ủy khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh [H2.02.04.03], [H2.02.04.04], [H2.02.04.05], [H2.02.04.06]. Song song với quy hoạch, hằng năm, Nhà trường đều chú trọng đào tạo bồi dưỡng CBVC về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị [H2.02.04.07], [H2.02.04.07], [H2.02.04.08], [H2.02.04.09], [H2.02.04.10], [H2.02.04.11]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có nhiều phương án trong việc đánh giá và lựa chọn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CB phù hợp với cơ cấu tổ chức của Trường và đáp ứng được các tiêu chuẩn chức danh của trường ĐH [H2.02.04.12], [H2.02.03.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường bổ nhiệm mới 26 CBQL và luân chuyển 3 CBQL [H2.02.03.14]. Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng đã kiểm tra và đánh giá tích cực về công tác tổ chức CB, tổ chức bộ máy của Nhà trường [H2.02.04.09].

Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã ban hành mới và sửa đổi bổ sung nhiều quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với cơ cấu tổ chức của trường ĐH [H1.01.01.02], [H2.02.01.06], [H2.02.01.21], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23], [H2.02.01.24], [H2.02.01.28]], [H2.02.01.29]. Hệ thống văn bản của Nhà trường ban hành được điều chỉnh phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản trị của Trường như năm 2018, HĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ĐH, đồng thời ban hành quy định thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ cấu tổ chức mới phù hợp với cơ cấu được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 95/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 [H1.01.01.02], [H1.01.04.02]. Đến năm 2023, HĐT tiếp tục rà soát, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT theo Quyết định số 1438/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ Xây dựng [H1.01.01.02], [H1.01.04.02]. Việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT có tính phù hợp với quy mô và xu hướng phát triển

hiện nay, đồng thời đáp ứng tốt hơn yêu cầu của Chiến lược phát triển Nhà trường [H2.02.02.12]. Hằng năm, Nhà trường thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra nội bộ các lĩnh vực công tác của Trường nhằm ngăn ngừa các rủi ro của hệ thống quản trị và sau khi kiểm tra, những vấn đề chưa phù hợp, phát sinh được đoàn kiểm tra kiến nghị Nhà trường chấn chỉnh, xử lý và thông báo đến các đơn vị để rút kinh nghiệm [H2.02.04.13].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thành lập theo đúng quy định của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng và các đơn vị trong cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thành lập theo đúng quy định quy chế tổ chức và hoạt động Trường.

- Nhà trường xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống văn bản để điều hành hệ thống quản trị của Trường nhằm đạt được hiệu quả cao trong các hoạt động.

- Nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, HĐT, BGH, các hội đồng tư vấn của Nhà trường được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn thống nhất triển khai thực hiện từ cấp Trường đến các đơn vị.

- Hệ thống quản trị Nhà trường được xây dựng, rà soát, điều chỉnh định kỳ với hệ thống văn bản thường xuyên được cập nhật đã giúp Trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, thực hiện tốt Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030.

- Hệ thống quản trị Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các quyết định và được cụ thể hóa thành kế hoạch hành động, văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện.

- Cơ cấu tổ chức, các văn bản quản lý và nhân sự của hệ thống quản trị Nhà trường được rà soát kịp thời đáp ứng tốt yêu cầu công tác lãnh đạo, quản lý.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, đồng thời, Nhà trường luôn tạo điều kiện cho CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số thành viên HĐT bên ngoài trường nên việc thực hiện công tác giám sát các hoạt động của Nhà trường đôi lúc còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	HĐT sắp xếp bố trí công tác giám sát cho các thành viên ngoài trường phù hợp.	HĐT	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xây dựng cơ cấu tổ chức Trường theo đúng các quy định của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng, Nhà trường.	TCHC	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nâng cao hiệu quả hoạt động Nhà trường.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục xây dựng kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn theo văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy, HĐQT, BGH, các hội đồng tư vấn Nhà trường.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục phát huy vai trò của HĐQT được quy định trong Luật Giáo dục ĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018	HĐT	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Duy trì tính chủ động, kịp thời của Hệ thống quản trị Nhà trường	HĐT, TCHC	Hàng năm	
7	Phát huy	Phát huy tốt vai trò của bộ phận pháp chế trong việc rà	Ban TTPC và các đơn	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 6	soát các quy định, quy chế nội bộ. Thường xuyên rà soát hoạt động của Hệ thống quản trị nhà trường	vị có liên quan		
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục tổ chức các khóa tập huấn hoặc cử đi tập huấn trong và ngoài nước đội ngũ CBQL.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	5
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý, trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được TN, SM, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Căn cứ Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Quyết định thành lập Trường, chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của Trường, Nhà trường xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý và thể hiện trong sơ đồ tổ chức của Trường cũng như trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành được đăng tải trên website [H2.02.01.01], [H1.01.01.01], [H2.02.01.02], [H1.01.01.02] [H1.01.01.21]. Hiện tại, bộ máy tổ chức của Trường bao gồm 18 đơn vị trực thuộc theo Quyết định số

1438/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐHXDMT [H2.02.01.02], [H1.01.04.02]. Hiện nay, cơ cấu quản lý của Nhà trường có Ban Giám hiệu, 6 phòng chức năng bao gồm: Phòng QLĐT, Phòng TCHC, Phòng TCKT, Phòng KT&ĐBCL, Phòng CTCTSV, Phòng QT&TB, 6 khoa chuyên môn bao gồm Khoa Xây dựng, Khoa Kiến trúc, Khoa Kỹ thuật hạ tầng đô thị, Khoa Kinh tế, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Lý luận chính trị, 01 viện bao gồm: Viện KH&HTQT và 5 trung tâm bao gồm: Trung tâm TVXD, Trung tâm NN-TH, Trung tâm TT-TV, Trung tâm ĐTTX, Trung tâm TNXD&MT [H2.02.01.02]. Các đơn vị của Nhà trường được thành lập dựa trên đề án khả thi thành lập Trường [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. Trong các Nghị quyết của Đảng ủy Trường và Hội đồng trường luôn có nội dung đề cập đến thành lập mới và đổi tên một số đơn vị nhằm phục vụ hiệu quả công tác ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.18], [H1.01.01.19]. Trong giai đoạn 2019-2023, căn cứ đề án thành lập Trường, Nghị quyết của Đảng ủy Trường và Hội đồng trường, Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường đổi tên Phòng KH&HTQT thành Viện KH&HTQT, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng và ĐTTX thành Trung tâm ĐTTX [H3.03.01.01], [H1.01.01.18], [H1.01.01.19], [H1.01.02.07], [H3.03.01.02].

Các thành phần trong cơ cấu quản lý của Nhà trường được quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ công tác được quy định trong Quy chế làm việc của Đảng ủy, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐT, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT [H2.02.01.21], [H2.02.01.06], [H1.01.01.02], [H3.03.01.03]. Trong mỗi phiên họp (định kỳ và đột xuất), Đảng ủy và HĐT ban hành các nghị quyết về nhiệm vụ công tác trọng tâm hằng tháng, quý, năm và cả nhiệm kỳ [H2.02.02.08], [H2.02.02.09], [H1.01.01.18], [H1.01.01.19]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện các lĩnh vực công tác theo chức năng nhiệm vụ [H1.01.01.24], [H1.01.04.04]. BGH Nhà trường điều hành toàn bộ hoạt động của Trường theo Nghị quyết của Đảng ủy và HĐT, thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ cho HĐT [H2.02.03.05]. Các đơn vị trực thuộc trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời báo cáo BGH về kết quả thực hiện các công việc theo định kỳ [H1.01.01.25], [H1.01.04.05].

Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường [H3.03.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng, ban hành và áp dụng Bản mô tả công việc cho từng vị trí việc làm là cơ sở để phân công nhiệm vụ, đánh giá việc

thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm [H3.03.01.05]. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng, điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm và bản mô tả công việc, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của CBVC thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm điều chỉnh đề án vị trí việc làm và bản mô tả công việc cho phù hợp [H3.03.01.04], [H3.03.01.05], [H1.01.01.07], [H1.01.01.15], [H1.01.01.08]. Ngoài ra, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT quy định rõ rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo của nhân sự tham gia cơ cấu quản lý [H1.01.01.02], [H3.03.01.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng TN, SM, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD

SM và TN của Trường lần đầu tiên được xác định ngay sau khi nâng cấp thành trường ĐH và tuyên bố trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 và Quyết định ban hành SM Trường ĐHXDMT số 348/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/8/2012 [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Theo đó, SM và TN của Trường được xác định cụ thể: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập trong hệ thống các trường ĐH và cao đẳng Việt Nam. Có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành xây dựng và các ngành kinh tế khác có trình độ bậc ĐH phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội khu vực ĐBSCL và cả nước; Tổ chức NCKH, CGCN và hợp tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam; Hướng đến phát triển Nhà trường một cách toàn diện để đến năm 2050 trở thành trường ĐH đa ngành ngang tầm khu vực Đông Nam Á và quốc tế” [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Năm 2015, Nhà trường điều chỉnh SM thể hiện trong Đề án số 92/ĐA-ĐHXDMT ngày 12/3/2015 về việc quy hoạch phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, TN đến năm 2030 và Quyết định số 288/QĐ-ĐHXDMT về việc điều chỉnh, bổ sung SM Nhà trường [H1.01.01.03]. Theo đó, SM và TN của Trường được xác định cụ thể: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc các ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý đô thị, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật Giao thông, Kỹ thuật cấp thoát nước, đồng thời chuyển giao những kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn, góp phần phục vụ phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL và cả nước” [H1.01.01.03]. Năm 2017, Nhà trường triển khai Kế hoạch rà soát điều chỉnh SM, TN và Hiệu trưởng ký Quyết định số 492/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/9/2017 sửa đổi, bổ sung SM, TN, GTCL của Trường

ĐHXDMT [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Theo đó, SM của Nhà trường được xác định là: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB khoa học kỹ thuật có trình độ ĐH, sau ĐH; Là cơ sở NCKH và CGCN; Có vai trò quan trọng phục vụ phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL, cả nước và hội nhập quốc tế”; TN của Nhà trường được xác định là: “Trường ĐHXDMT phấn đấu đến năm 2030 sẽ trở thành trường ĐH nghiên cứu và ứng dụng đa ngành, đa bậc học; Từng bước tiếp cận, hòa nhập với các trường ĐH trong khu vực Đông Nam Á; Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương và quốc gia, đạt chuẩn quốc gia, có uy tín trong nước và khu vực” và GTCL của Nhà trường được xác định là: “Chất lượng - Năng động - Phát triển - Hội nhập” [H1.01.01.04]. Đến năm 2020, Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh SM, TN theo Kế hoạch rà soát, điều chỉnh SM, TN, giá trị cốt lõi (GTCL) và triết lý giáo dục (TLGD) của HĐT và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký Quyết định số 329/QĐ-ĐHXDMT ngày 06/7/2021 [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Theo đó, SM của Nhà trường được xác định là: “Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, đào tạo nguồn nhân lực Xây dựng chất lượng cao theo định hướng ứng dụng; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, NCKH, ứng dụng và CGCN; Có vai trò quan trọng trong phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL và cả nước”; TN của Nhà trường được xác định là: “Đến năm 2025, Trường ĐHXDMT hoàn thành mục tiêu trở thành trường ĐH trọng điểm của Bộ Xây dựng tại khu vực ĐBSCL; Đến năm 2030, phát triển ngang tầm với các trường chất lượng cao trong nước và quốc tế; Bảo đảm người học sau tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng thị trường lao động trong nước và quốc tế” và GTCL của Nhà trường được xác định là: “Chất lượng - Năng động - Phát triển - Hội nhập”, trong đó Chất lượng: Trong giảng dạy, học tập NCKH; Năng động: Trong các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động phát triển KT-XH; Phát triển: Năng lực GV, người học và CSGD; Hội nhập: Hội nhập với các trường trong nước và quốc tế [H1.01.01.03]. Sau khi ban hành SM, TN, GTCL, Nhà trường đã triển khai kế hoạch hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho các tổ chức và các đơn vị đẩy mạnh truyền thông, phổ biến về SM, TN, GTCL đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài [H1.01.02.01]. Trong nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cũng như nghị quyết định kỳ của Đảng ủy Nhà trường luôn có nội dung chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, quán triệt cho các bên liên quan bên trong và bên ngoài hiểu rõ về SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.01.19]. Trong kế hoạch chiến lược dài hạn và kế hoạch trung hạn cũng như chương trình hành động hằng năm của HĐT, Chiến lược phát triển Nhà trường và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2023 cũng như kế hoạch

năm học của Nhà trường luôn có các nội dung chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, quán triệt cho các bên liên quan bên trong và bên ngoài hiểu rõ về SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn quán triệt, giao nhiệm vụ cho lãnh đạo các đơn vị và các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV phổ biến, quán triệt cho các bên liên quan bên trong và bên ngoài hiểu rõ về SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.01.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch hành động thực hiện TN, SM, GTCL và triển khai thực hiện nhằm triển khai các hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển GTCL của Trường [H1.01.02.04]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học hằng năm của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm và các tổ chức đoàn thể luôn có các hoạt động cụ thể để phổ biến, quán triệt cho các bên liên quan bên trong và bên ngoài hiểu rõ về SM, TN, GTCL của Trường [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11].

SM, TN, GTCL của Nhà trường được ban hành bằng các văn bản pháp lý và gửi đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, NV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị, đồng thời phổ biến đến SV thông qua các cuộc họp lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm [H1.01.01.03], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. SM, TN, GTCL của Nhà trường đồng thời phổ biến đến cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức [H1.01.01.12]. Trong các bài phát biểu hoặc phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng, lãnh đạo Nhà trường thường xuyên tuyên truyền về SM, TN, GTCL của Trường đến các bên liên quan [H1.01.02.24], [H1.01.02.02]. Bên cạnh đó, các mục tiêu chiến lược, SM, TN, GTCL và TLGD được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, đăng tải trên website của Trường, brochure, thông tin quảng bá và các bài viết về Trường, fanpage tuyển sinh, you tube tuyển sinh,...[H1.01.02.25], [H1.01.02.26], [H1.01.01.21], [H1.01.01.23], [H1.01.02.24],... Ngoài ra, SM, TN GTCL của Nhà trường được niêm yết tại nhiều nơi dễ thấy trong khuôn viên của Trường để tăng cường phổ biến, tuyên truyền đối với CB, GV, NV, SV Nhà trường và các bên liên quan bên ngoài đến tham quan, làm việc với Trường [H1.01.01.22]. Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan có nội dung khảo sát về TN, SM, GTCL của Trường với kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan hiểu rõ về TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát

thường xuyên

Trong các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Trường, Quy chế hoạt động của Đảng ủy Nhà trường, Quy chế hoạt động của HĐT, Quy chế hoạt động của Nhà trường, Đề án phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn đến 2030 cũng như Chiến lược phát triển, Nhà trường xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao hiệu quả quản lý là thường xuyên, định kỳ rà soát cơ cấu quản lý [H1.01.01.19], [H2.02.01.21], [H2.02.02.03], [H2.02.01.06], [H1.01.01.02], [H2.02.02.04], [H1.01.02.07]. Cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Nhà trường được ban hành đầu tiên trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 [H1.01.01.02]. Hằng năm, trong báo cáo tổng kết của Đảng ủy, HĐT và báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường luôn có nội dung rà soát cơ cấu lãnh đạo, quản lý [H2.02.02.10], [H2.02.02.11], [H1.01.04.04]. Ngoài ra, trong Báo cáo chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, nghị quyết của HĐT luôn có nội dung triển khai rà soát cơ cấu lãnh đạo, quản lý [H1.01.01.19], [H1.01.01.18].

Để tổ chức và quản lý hệ thống văn bản, Nhà trường đã ban hành Quy chế Công tác văn thư, lưu trữ bao gồm các công việc về soạn thảo, ban hành văn bản, quản lý văn bản và các tài liệu trong quá trình hoạt động, đồng thời quy định trách nhiệm rõ ràng đối với các cá nhân, đơn vị trong việc tổ chức và quản lý hệ thống văn bản của Nhà trường [H2.02.01.31]. Trong quá trình lãnh đạo quản lý, Nhà trường thông báo đến các đơn vị rà soát quy định, quy chế đã ban hành và giao cho Phòng TCHC rà soát rà soát, đánh giá hệ thống văn bản của Trường [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Báo cáo rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Đảng ủy, HĐT, của Nhà trường và báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm [H2.02.02.10], [H2.02.02.11], [H1.01.04.04], [H1.01.01.07]. Hằng năm, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, các phòng chức năng và Phòng TCHC tham mưu BGH Nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung văn bản nhằm tránh chồng chéo giữa các đơn vị trong quá trình thực thi nhiệm vụ và trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã ban hành mới và sửa đổi bổ sung nhiều quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với cơ cấu tổ chức của trường ĐH [H1.01.01.02], [H2.02.01.06], [H2.02.01.21], [H2.02.01.28], [H2.02.01.29].

Việc đánh giá phân loại viên chức, NLD của Trường được thực hiện theo quy

định về đánh giá phân loại các đơn vị, phân loại viên chức NLD cũng như quy định về xét thi đua hằng năm tuân thủ theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng CB, công chức, viên chức và Luật Thi đua khen thưởng [H2.02.03.08], [H2.02.03.09]. Đối với lãnh đạo Trường gồm: Chủ tịch HĐQT, Hiệu trưởng được Bộ Xây dựng tổ chức đánh giá nhận xét và thông báo phân loại mức độ hoàn thành công việc hằng năm [H2.02.03.10], [H2.02.03.11]. Viên chức và NLD từ Phó Hiệu trưởng trở xuống do Hiệu trưởng tổ chức, đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ [H2.02.03.12], [H2.02.03.13]. Thời điểm đánh giá rà soát, phân loại đội ngũ CB quản lý được tiến hành vào cuối năm học để rút kinh nghiệm, cải tiến hiệu quả công tác và nhằm để chuẩn bị nguồn nhân lực cho năm học mới [H2.02.03.12], [H2.02.03.13].

Trên cơ sở kết quả hoàn thành nhiệm vụ và các thành tích của các cá nhân CBVC, CB quản lý là căn cứ để Nhà trường thực hiện công tác quy hoạch, bồi dưỡng hằng năm theo hướng dẫn của cấp trên [H2.02.04.03], [H2.02.04.04], [H2.02.04.05], [H2.02.04.06]. Nhà trường ban hành kế hoạch quy hoạch, rà soát quy hoạch và triển khai đúng theo quy định [H2.02.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. Để chuẩn bị nguồn nhân sự đáp ứng yêu cầu phát triển, công tác quy hoạch HĐQT, BGH và CB quản lý các đơn vị trong Trường được thực hiện, bổ sung, điều chỉnh kịp thời theo các quy định của Ban Tổ chức Trung ương, chỉ đạo của Bộ Xây dựng và Đảng ủy khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh [H2.02.04.03], [H2.02.04.04], [H2.02.04.05], [H2.02.04.06]. Căn cứ vào kết quả quy hoạch được duyệt, Nhà trường thực hiện công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm thực theo đúng quy trình, tiêu chuẩn quy định [H3.03.03.07], [H3.03.03.08]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường bổ nhiệm mới 26 CBQL và luân chuyển 3 CBQL [H2.02.03.14]. Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng đã kiểm tra và đánh giá tích cực về công tác tổ chức CB, tổ chức bộ máy của Nhà trường [H2.02.04.12].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Sau khi được thành lập theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012, trong đó có xác định cơ cấu tổ chức quản lý gồm 26 đơn vị trực thuộc [H1.01.01.01],

[H1.01.01.02]. Năm 2018, Nhà trường sát nhập Bộ môn Ngoại ngữ về Trung tâm NN-TH đồng thời giải thể Khoa Đào tạo nghề và chuyển chức năng đào tạo nghề về Trung tâm ĐTTX [H3.03.04.01], [H3.03.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường nâng cấp Phòng thí nghiệm thành Trung tâm TNXD&MT trực thuộc Trường nhằm nâng cao năng lực thực hiện các dự án, đề tài NCKH, SV thực tập [H3.03.01.02]. Thực hiện Nghị quyết của Đảng về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự, tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Đảng ủy đã Lãnh đạo Trường xây dựng các kế hoạch tổ chức, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế để làm cho bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả hơn [H2.02.04.01], [H2.02.04.02]. Năm 2018 và năm 2022, Bộ Xây dựng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường và Nhà trường cũng đã có các điều chỉnh về tổ chức bộ máy, nhân sự theo đúng quy định, phù hợp với quy mô và xu hướng phát triển hiện nay, đồng thời đáp ứng yêu cầu Chiến lược phát triển Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.02.07], [H2.02.01.02]. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường rà soát, đánh giá cơ cấu lãnh đạo và quản lý, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về cơ cấu tổ chức nhằm điều chỉnh để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý [H1.01.01.18], [H1.01.01.19], [H2.02.02.10], [H2.02.02.11], [H1.01.04.04]. Nhà trường thực hiện các giải pháp kiện toàn và đổi mới tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường, trong đó về các đơn vị đào tạo, Trường đã sáp nhập, đổi tên một số đơn vị để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tiết kiệm nhân lực; thành lập một số bộ môn mới để phụ trách các ngành mới mở và phù hợp với yêu cầu đào tạo của Trường; về các đơn vị KH&CN, dịch vụ, Trường đã thành lập, điều chỉnh tổ chức hoạt động các trung tâm TNXD&MT, TVXD, NN-TH; về các đơn vị hỗ trợ đào tạo theo định hướng ứng dụng, Trường đã thành lập Trung tâm ĐTTX, Trung tâm TT-TV để hỗ trợ SV tiếp cận với thực tiễn nghề nghiệp trong quá trình học tập; về các đơn vị quản lý, Trường đã kiện toàn, đổi tên phòng KH&HTQT thành Viện KH&HTQT [H3.03.04.01], [H3.03.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường giao thêm chức năng, nhiệm vụ cho một số phòng để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhân lực nhưng vẫn đảm bảo thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trường, đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng của trường ĐH HTQT [H3.03.04.02]. Ngoài ra, năm 2021, Nhà trường thành lập 3 ban: Ban TTPC, Ban TVTS&HN, Ban CVHT có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng trong các lĩnh vực chức năng, nhiệm vụ được giao [H3.03.04.03].

Thực hiện quy trình ban hành, rà soát các quy định quy chế tại Trường ĐHXD&MT và thông báo rà soát các quy định, quy chế của nhà trường hằng năm,

Phòng TCHC triển khai để các đơn vị rà soát quy định, quy chế đã ban hành [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Hằng năm, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, các phòng chức năng và Phòng TCHC tham mưu BGH Nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung văn bản nhằm tránh chồng chéo giữa các đơn vị trong quá trình thực thi nhiệm vụ và trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã ban hành mới và sửa đổi bổ sung nhiều quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với cơ cấu tổ chức của trường ĐH [H1.01.01.02], [H2.02.01.06], [H2.02.01.21], [H2.02.01.28], [H2.02.01.29].

Nhà trường đã triển khai sắp xếp bộ máy, nhân sự CB lãnh đạo, quản lý các cấp và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển những cá nhân có đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước làm quản lý các phòng, khoa, bộ môn [H3.03.03.07], [H3.03.03.08], [H2.02.03.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường cho thôi giữ chức vụ đối với những người chưa đủ tiêu chuẩn chức danh quản lý các phòng, khoa, bộ môn nhằm ổn định tổ chức bộ máy, nhân sự đáp ứng được tiêu chuẩn của một trường ĐH theo luật định [H2.02.03.14]. Đặc biệt, giai đoạn 2019-2023, Nhà trường thực hiện rà soát, sắp xếp CB, bổ nhiệm nhiều CB trẻ, đủ tiêu chuẩn vào các chức vụ quản lý các đơn vị nhằm tăng kết quả và hiệu quả quản lý [H2.02.03.14], [H2.02.04.12]. Ngoài ra, BGH Nhà trường và các đơn vị đều có sự phân công trách nhiệm cụ thể để nâng cao hiệu quả thực hiện công việc [H3.03.04.04], [H3.03.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường có cơ cấu lãnh đạo, quản lý hoàn thiện theo quy định của pháp luật và đáp ứng tốt yêu cầu công tác của Trường.
- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường được thông báo, phổ biến đến các đơn vị, đội ngũ CB, GV, NV và triển khai áp dụng trong thực tế.
- Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ CB lãnh đạo, quản lý các cấp được thực hiện định kỳ (theo năm, theo nhiệm kỳ) và theo yêu cầu công tác nên đáp ứng tốt yêu cầu công tác quản lý, điều hành Nhà trường và các đơn vị.

- Việc rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý được nghiên cứu kỹ lưỡng, thực hiện đúng quy trình, công khai và khách quan nên tạo được sự đồng thuận của CBVC, phù hợp với SM, TN và đáp ứng tốt yêu cầu hội nhập.

- Nhà trường chú trọng và triển khai quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận theo quy định và thực hiện bổ nhiệm nhiều CB trẻ, đủ tiêu chuẩn vào các chức vụ quản lý các đơn vị.

- Hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của trường được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc theo mục tiêu chiến lược của trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị đôi lúc chưa được cập nhật kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ 1 lần/năm tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ của các phòng, viện, ban, khoa, trung tâm để kịp thời điều chỉnh hoặc ban hành mới các văn bản cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường	TCHC	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục sắp xếp cơ cấu lãnh đạo, quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu lực hiệu quả.	Đảng ủy, HĐT	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản về cơ cấu quản lý của Trường.	Đảng ủy, TCHC	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục phổ biến, quán triệt, triển khai quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.	TCHC	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục cải tiến công tác đánh giá CB quản lý theo yếu tố lấy hiệu quả công tác của đơn vị quản lý làm thước đo chính.	Đảng ủy, TCHC	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục thực hiện tốt công tác đánh giá CB, công tác quy hoạch CB theo hướng ngày càng trẻ hóa đội ngũ, ưu tiên cho những CB sử dụng tốt ngoại ngữ.	Đảng ủy, TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục thực hiện bổ nhiệm nhiều CB trẻ, CB nữ đủ tiêu chuẩn vào các chức vụ quản lý các đơn vị.	Đảng ủy, BGH	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản quy định vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của trường.	TCHC và đơn vị có liên quan	Định kỳ	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	5
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	5

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được TN, SM và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ

Năm 2010, Nhà trường xây dựng Đề án thành lập Trường ĐHXDMT trên nền tảng của Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây, trong đó thể hiện chiến lược phát triển của Trường [H3.03.01.01]. Năm 2015, Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 92/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/3/2015 ban hành Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H2.02.02.04]. Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã nêu rõ SM, TN, GTCL và là cơ sở để xác định mục tiêu phát triển tổng thể dài hạn và ngắn hạn của Trường về nguồn lực, đào tạo, NCKH và PVCĐ [H2.02.02.04]. Sau khi ban hành Đề án, Chiến lược phát triển, Nhà trường hướng dẫn các đơn vị tổ chức tuyên truyền SM, TN và GTCL, triển khai các hoạt động theo Chiến lược phát triển [H2.02.02.04]. Từ năm 2017, HĐT xây dựng, ban hành các Chiến lược phát triển Nhà trường [H2.02.01.06], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06].

Nhà trường giao nhiệm vụ các đơn vị xây dựng kế hoạch, chiến lược của từng lĩnh vực và tham mưu Hiệu trưởng ký ban hành, trong đó Phòng TCHC là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, triển khai, giám sát, theo dõi thực hiện kế hoạch chiến lược của Trường [H1.01.01.02], [H3.03.03.01]. Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược của Trường và triển khai thực hiện [H4.04.01.01]. Trong Quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược của Trường ban hành có quy định các bước cần thực hiện với các nội dung cụ thể [H4.04.01.01]. Để triển khai xây dựng chiến lược được thống nhất, đồng bộ, Nhà trường đã thành lập Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường gồm 5 thành viên, với Chủ tịch HĐT là Trưởng ban và các thành viên là thành viên HĐT [H4.04.01.02]. Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường và các đơn vị sử dụng Quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược của Trường ban hành để xây dựng chiến lược của Trường cũng như chiến lược của các lĩnh vực [H4.04.01.01].

Nhà trường đã đánh giá kết quả triển khai chiến lược trong giai đoạn 2011-2015 về công tác quản trị, điều hành để xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển của Nhà trường và được thể hiện trong “Báo cáo thực hiện kế hoạch 05 năm 2011-2015 và xây dựng kế hoạch giai đoạn 2016-2020” [H4.04.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2017-2020 và được thể hiện trong “Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2020” của HĐQT [H4.04.01.03]. Các kết quả thực hiện chiến lược trong từng giai đoạn và định hướng chiến lược trong giai đoạn tiếp theo được thể hiện rõ trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội Đảng bộ của Trường nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.01.01.19]. Trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Trường, căn cứ văn bản hướng dẫn, Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường tổ chức họp và phân công các thành viên thực hiện xây dựng kế hoạch chiến lược của Trường trong từng giai đoạn [H4.04.01.02]. Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường và các đơn vị đã tiến hành nghiên cứu và tham khảo Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020, các chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và của tỉnh Vĩnh Long, Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 08/11/2011 của Tỉnh ủy Vĩnh Long về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020,... [H1.01.01.17], [H4.04.01.04]. Bên cạnh đó, Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường và các đơn vị tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường [H1.01.01.06], [H4.04.01.05], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.07]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H1.01.02.07], [H4.04.01.06]. Ngoài ra, trên cơ sở tham mưu của các đơn vị và của Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Chiến lược phát triển Trường đối với các lĩnh vực cụ thể bao gồm: KT&ĐCLCL, NCKH, CSVC và trang thiết bị, tự chủ tài chính,... [H4.04.01.07]. Căn cứ Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT, Nhà trường ban hành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 [H1.01.02.08]. Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 được đăng tải trên website của Trường [H1.01.01.21].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các

kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Căn cứ Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, Nhà trường ban hành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường đã thể hiện rõ ràng các mục tiêu, giải pháp, kế hoạch cụ thể để thực hiện một cách khoa học và chặt chẽ về các lĩnh vực như: nguồn nhân lực, đào tạo, NCKH, PVCĐ, tài chính, CSVC,... [H1.01.02.07]. Từ đó, các đơn vị chức năng tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Chiến lược phát triển Trường đối với các lĩnh vực cụ thể bao gồm: KT&ĐCLCL, NCKH, CSVC và trang thiết bị, tự chủ tài chính,... [H4.04.01.07]. Hằng năm, căn cứ Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT và kế hoạch trung hạn đã phê duyệt, Nhà trường và các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học và triển khai thực hiện [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11].

Nhà trường thông báo Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H4.04.01.06]. Bên cạnh đó, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 và chiến lược các lĩnh vực cụ thể được đăng tải trên website của Trường [H1.01.01.21]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường phổ biến, quán triệt yêu cầu các đơn vị triển khai chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CBVC các chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị để triển khai thực hiện [H1.01.01.08]. Đối với SV, Nhà trường và các đơn vị phổ biến Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 tại các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Ngoài ra, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 đồng thời phổ biến đến cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức [H1.01.01.12].

Các đơn vị thuộc trường tích cực triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của đơn

vị [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Nhà trường hằng năm đều dành kinh phí cho các hoạt động triển khai thực hiện theo chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của các đơn vị đã ban hành [H2.02.01.28], [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Kết thúc năm học, Nhà trường và các đơn vị đều thực hiện báo cáo tổng kết năm học, trong đó đánh giá kết quả đạt được so với các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của đơn vị [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2017-2020 và được thể hiện trong “Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2020” của HĐQT [H4.04.01.03]. Các kết quả thực hiện chiến lược trong từng giai đoạn và định hướng chiến lược trong giai đoạn tiếp theo được thể hiện rõ trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội Đảng bộ của Trường nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.01.01.19]. Trong giai đoạn 2019- 2023, Nhà trường, tập thể các đơn vị và CBVC nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì thành tích trong triển khai các hoạt động của Trường, của đơn vị và cá nhân [H2.02.03.07], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD

Căn cứ Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐTTĐHXDMT ngày 13/9/2017 cũng như Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-HĐTTĐHXDMT ngày 21/02/2020, trong các kế hoạch dài hạn, đối với từng lĩnh vực hoạt động, Nhà trường đã thiết lập các chỉ số thực hiện và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường thông qua Hệ thống chỉ số đánh giá KPIs ban hành kèm theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng nhà trường [H1.01.02.07], [H4.04.03.01]. Bên cạnh đó, chiến lược phát triển đối với các lĩnh vực cụ thể đều có chỉ số thực hiện chi tiết cần đạt được, cụ thể về quy mô tuyển sinh, CTĐT, tỷ lệ SV tốt nghiệp, số lượng đề tài NCKH, HTQT,... [H4.04.01.07]. Nhà trường thông báo, phổ biến các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đến các đơn vị để thực hiện [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CBVC, SV biết các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Trường và triển khai thực hiện để đạt được [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

Nhà trường giao nhiệm vụ Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường phối hợp với các đơn vị xây dựng các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính [H4.04.01.02]. Trong quá trình soạn thảo cũng như thông qua tại cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn chú trọng xem xét để đảm bảo các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện [H1.01.01.15]. Do vậy, các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đề ra bao quát các chiến lược cũng như các mảng hoạt động trọng điểm của Nhà trường [H1.01.02.07], [H4.04.03.01].

Nhà trường giao cho các đơn vị tiến hành rà soát các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đối với lĩnh vực được phân công phụ trách theo từng năm học nhằm kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Kết thúc năm học, Nhà trường và các đơn vị đều thực hiện báo cáo tổng kết năm học, trong đó đánh giá kết quả đạt được so với các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính cũng như các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của đơn vị [H4.04.03.01], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Bên cạnh đó, báo cáo tổng kết và phương hướng năm học của Nhà trường được toàn thể CBVC, NLD tham gia góp ý kiến thông qua biên bản hội nghị CBVC ở cấp đơn vị và được Phòng TCHC tổng hợp và thông qua góp ý trực tiếp tại Hội nghị CBVC [H1.01.01.06], [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược của Trường và triển khai thực hiện [H4.04.01.01]. Trong Quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược của Trường ban hành có quy định các bước cần thực hiện với các nội dung cụ thể [H4.04.01.01]. Để triển khai xây dựng chiến lược được thống nhất, đồng bộ, Nhà trường đã thành lập Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường gồm có 5 thành viên, với Chủ tịch HĐT là Trưởng ban và các thành viên là thành viên HĐT [H4.04.01.02]. Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường và các đơn vị sử dụng Quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược của Trường ban hành để xây dựng chiến lược của Trường cũng như chiến lược của các lĩnh vực [H4.04.01.01]. Với việc ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã tạo nên sự đồng bộ, thống nhất trong quá trình rà soát, điều chỉnh chiến lược của Trường so với trước đây Nhà trường giao nhiệm vụ các đơn vị xây dựng kế hoạch, chiến lược của từng lĩnh vực và tham mưu Hiệu

trưởng ký ban hành, trong đó Phòng TCHC là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, triển khai, giám sát, theo dõi thực hiện kế hoạch chiến lược của Trường [H4.04.01.01], [H1.01.01.02], [H3.03.03.01].

Để đánh giá sự phù hợp của kế hoạch chiến lược, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng TCHC là đơn vị chịu trách nhiệm chính, phối hợp các đơn vị tiến hành rà soát kế hoạch chiến lược, các chỉ tiêu phấn đấu [H1.01.01.02], [H3.03.03.01]. Kết thúc năm học, Nhà trường và các đơn vị đều thực hiện báo cáo tổng kết năm học, trong đó đánh giá kết quả đạt được so với các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính cũng như các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của đơn vị [H1.01.02.07], [H4.04.03.01], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường và các đơn vị xây dựng bảng đối sánh kết quả đạt được so với các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định [H4.04.03.02]. Bảng đối sánh kết quả đạt được so với các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định được Nhà trường và các đơn vị sử dụng để điều chỉnh các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính cho phù hợp [H4.04.03.02].

Hằng năm, HĐT thực hiện giám sát theo quy định và có báo cáo giám sát các hoạt động của Trường [H2.02.03.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp thu ý kiến của các đơn vị và của CBVC cùng với việc sử dụng bảng đối sánh kết quả đạt được so với các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định và báo cáo giám sát của HĐT, thông qua cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị để tiến hành điều chỉnh, bổ sung các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H4.04.03.02], [H2.02.03.04], [H4.04.03.01]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã điều chỉnh và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H4.04.03.01]. Các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà trường đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, tổng kết, đánh giá Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 và trên cơ sở đó, HĐT ban hành Quyết định số 02/QĐ-HĐTTĐHXDMT ngày 21/02/2020 về Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó có nhiều chỉ tiêu phấn đấu đã được bổ sung và điều chỉnh để phản ánh tình hình hoạt động của Nhà trường, ví dụ như: chỉ tiêu tuyển sinh, chỉ tiêu mở ngành đào tạo, chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV,... [H4.04.01.03], [H1.01.02.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHXĐMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXĐMT giai đoạn 2020-2025.

- Căn cứ Chiến lược phát triển Trường ĐHXĐMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXĐMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, Nhà trường ban hành, triển khai thực hiện kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023.

- Chiến lược phát triển Trường ĐHXĐMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXĐMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 được Nhà trường triển khai thực hiện và thông tin, phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Nhà trường và các đơn vị tích cực triển khai các kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, ngắn hạn và đạt được nhiều kết quả nhất định.

- Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược và thành lập Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường để rà soát Chiến lược phát triển của Trường.

- Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành Chiến lược phát triển nhằm hướng tới đạt được SM, TN, GTCL cũng như các mục tiêu chiến lược về đào tạo, NCKH và PVCD.

- Nhà trường đã ban hành các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu chủ yếu phân đầu trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và PVCD, làm cơ sở đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường;

- Nhà trường thực hiện cải tiến các chỉ tiêu phân đầu chính cho phù hợp với mục tiêu chiến lược trong từng thời kỳ, giai đoạn, năm học; đã ban hành các văn bản bổ sung, điều chỉnh chiến lược và các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính trong từng giai đoạn, năm học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược của Nhà trường được lồng ghép vào các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn và chưa được ban hành kế hoạch riêng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường ban hành kế hoạch cụ thể, chi tiết để thực hiện rà soát, điều chỉnh chiến lược.	Phòng TCHC	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xây dựng và ban hành các kế hoạch chiến lược 5 năm cho giai đoạn tiếp theo phù hợp với định hướng phát triển Trường.	HĐT	2025-2026	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng và ban hành các kế hoạch chiến lược trung hạn cho giai đoạn tiếp theo phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển Trường.	HĐT	2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục phổ biến, quán triệt kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn của Trường đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục triển khai các kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, ngắn hạn của Nhà trường.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Rà soát, cải tiến, thực hiện quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược.	HĐT, TCHC, các đơn vị	2023-2024	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Đôn đốc thực hiện các mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 về đào tạo,	Các đơn vị	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		NCKH và PVCD.			
8	Phát huy điểm mạnh 7	Cập nhật văn bản, bổ sung, điều chỉnh các chỉ số thực hiện cho phù hợp.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục cải tiến các chỉ tiêu phấn đấu chính cho phù hợp với mục tiêu chiến lược trong từng thời kỳ, giai đoạn, năm học.	Các đơn vị	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	4.75
Tiêu chí 4.1	5.0
Tiêu chí 4.2	5.0
Tiêu chí 4.3	4.0
Tiêu chí 4.4	5.0

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD

Nhà trường xác định các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD là những nhiệm vụ trọng tâm, do vậy, quy trình triển khai xây dựng chính sách về các hoạt động luôn được Nhà trường quan tâm và thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của các đơn vị [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Nhà

trường phân công các đơn vị trực tiếp chịu trách nhiệm xây dựng, tham mưu, đề xuất chính sách, các quy chế, quy định, cụ thể: Phòng QLĐT chịu trách nhiệm các chính sách, quy định về hoạt động đào tạo; Phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm các chính sách, quy định về quản lý hoạt động đánh giá, thi KTHP và các quy định về ĐBCL bên trong; Viện KH&HTQT chịu trách nhiệm các chính sách, quy định về quản lý hoạt động KH&CN và HTQT; Phòng TCHC chịu trách nhiệm các chính sách, quy định về chế độ, chính sách và các quy định khác liên quan đến CB, GV; Phòng TCKT chịu trách nhiệm các chính sách, quy định chế độ, chính sách về tài chính; Phòng CTCTSV chịu trách nhiệm các chính sách, quy định về công tác SV, chế độ chính sách cho SV; CĐ, ĐTN chịu trách nhiệm các chính sách, quy định về PVCĐ của Trường và quy định thực hiện chương trình ngày công tác xã hội đối với SV ĐH chính quy;... [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02], [H3.03.04.05].

Dựa trên cơ sở tham khảo các văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách ở trường đại học, BGH Nhà trường hợp với lãnh đạo các đơn vị thông qua dự thảo hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường do Phòng TCHC đề xuất và trên cơ sở đó, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.15], [H5.05.01.01]. Văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Nhà trường ban hành được gửi đến các đơn vị để thực hiện [H5.05.01.01]. Bên cạnh đó, Phòng TCHC tổ chức tập huấn cho CBVC các đơn vị về hướng dẫn xây dựng chính sách của Nhà trường ban hành để tạo sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện [H5.05.01.02].

Trong quá trình xây dựng, đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ, các đơn vị luôn tuân thủ văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường [H5.05.01.01]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham khảo và tuân thủ các văn bản quy định về chủ trương của Đảng, các yêu cầu quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các thông tư và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Bộ Xây dựng [H2.02.01.01], [H1.01.01.17]. Các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 và được xây dựng, đề xuất, ban hành dựa trên sự phù hợp với SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.03], [H1.01.02.03]. Hằng năm, HĐT, Ban TTND giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường [H2.02.03.02], [H2.02.03.04], [H5.05.01.03].

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường thường xuyên

được rà soát thông qua lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan nhằm điều chỉnh và cập nhật kịp thời, được cụ thể hóa bằng văn bản để triển khai thực hiện tại các đơn vị trong Nhà trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Đồng thời, khi xây dựng Nhà trường có tham khảo các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ của các CSGD uy tín trong nước như: Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Xây dựng, Trường ĐH Cần Thơ,... [H5.05.01.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường ban hành nhiều chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ và triển khai thực hiện [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Cùng với việc thực hiện và triển khai các chính sách, việc phân công theo dõi và giám sát thực hiện về chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được giao cho các đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện chính sách ban hành của mỗi đơn vị [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02], [H3.03.04.05]. HĐT ban hành văn bản cụ thể về các vấn đề có liên quan: tổ chức bộ máy, đào tạo, tuyển sinh, NCKH, hỗ trợ SV trong chương trình hành động để chỉ đạo điều hành và giám sát các hoạt động của Nhà trường thông qua báo cáo BDG gửi HĐT [H2.02.03.02], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05]. Đảng ủy Trường chỉ đạo thông qua các nghị quyết về hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.18]. Trên cơ sở nghị quyết hằng năm của Đảng ủy và kế hoạch kiểm tra, giám sát, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và Ban TTND triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH, PVCĐ của Trường [H2.02.03.01], [H5.05.01.03]. BGH Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng chỉ đạo công tác ĐT, NCKH, phân công Phòng QLĐT phụ trách theo dõi và giám sát việc thực hiện chính sách về đào tạo, Viện KH&HTQT phụ trách theo dõi việc thực hiện chính sách công tác KH&CN và HTQT; một Phó Hiệu trưởng chỉ đạo công tác nội chính và PVCĐ, phân công Phòng QT&TB, Phòng CTCTSV, CĐ, ĐTN, HSV phụ trách theo dõi và giám sát việc thực hiện chính sách về PVCĐ [H3.03.04.04].

Hoạt động giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được nêu rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường và trên cơ sở đó, các đơn vị triển khai thực hiện [H1.01.01.02], [H3.03.01.03]. Bên cạnh đó, năm 2019, Nhà trường ban hành Quy trình giám sát việc thực hiện chính sách với việc phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị cùng với các bước thực hiện chi tiết [H5.05.02.01]. Nhà trường gửi Quy trình giám sát việc thực hiện chính sách đến

các đơn vị để giám sát việc thực hiện về chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H5.05.02.01].

Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH phổ biến, quán triệt lãnh đạo các đơn vị về việc thực hiện nghiêm túc việc giám sát việc thực hiện về chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CBVC Quy trình giám sát việc thực hiện chính sách để họ tự giác, tích cực tham gia giám sát việc thực hiện về chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường cũng như có những ý kiến góp ý để điều chỉnh các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ cho phù hợp [H1.01.01.08]. Trên cơ sở đó, các đơn vị triển khai giám sát việc thực hiện về chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, trong đó hoạt động thường xuyên của Ban TTPC với việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với tổ chức, đơn vị và cá nhân thuộc quyền quản lý của Hiệu trưởng; Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo; Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Làm đầu mối phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan về công tác thanh tra, kiểm tra; Báo cáo, tổng kết kinh nghiệm về công tác thanh tra, kiểm tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng; Kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung các chính sách và quy định của Nhà nước về giáo dục; Tham mưu với Hiệu trưởng về công tác xây dựng các văn bản quy định nội bộ trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng; thẩm định, rà soát, kiểm tra văn bản, hệ thống hóa văn bản quy định nội bộ; tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong Nhà trường;... [H5.05.02.02], [H2.02.04.13]. Ngoài ra, Ban TTPC được thành lập từ năm 2021 với việc thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất các mặt hoạt động trong Nhà trường theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, quy chế đào tạo, quy chế thi cử, cấp văn bằng, chứng chỉ; việc thực hiện các quy định về giáo trình, bài giảng; việc quản lý tài chính, tài sản, khoa học công nghệ, công tác tổ chức CB và điều kiện cần thiết khác ĐBCLGD,... và có báo cáo trong các kỳ giao ban, sơ kết và tổng kết năm công tác [H5.05.02.03].

Nhà trường đồng thời yêu cầu triển khai cơ chế giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được thực hiện thông qua tự giám sát, trong đó công tác tự giám sát việc thực hiện các chính sách của từng đơn vị về các hoạt động qua một số kết luận chỉ đạo trong giao ban hằng tháng được cụ thể qua chức

năng nhiệm vụ của các đơn vị [H1.01.01.15], [H2.02.02.07]. Tại các cuộc họp giao ban của Nhà trường, các đơn vị báo cáo việc triển khai thực hiện chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ, trong đó Phòng QLĐT báo cáo tổng kết công tác năm học trong đó có báo cáo cụ thể việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo trong năm học; Viện KH&HTQT báo cáo việc theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách về NCKH,... [H1.01.01.15]. Bên cạnh đó, kết quả thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được thể hiện trong báo cáo công tác tháng, báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H2.02.02.12], [H2.02.02.13], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Trong báo cáo tổng kết của Đảng ủy, của HĐT luôn tổng kết việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, đồng thời đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách của Trường trong năm tiếp theo [H2.02.02.10], [H2.02.02.11]. Ngoài ra, trong báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm của Nhà trường và các đơn vị luôn có nội dung đánh giá, tổng kết việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát thường xuyên

Theo Quy trình giám sát việc thực hiện chính sách có quy định về việc định kỳ, thường xuyên rà soát các chính sách của Trường [H5.05.02.01]. Hằng năm, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có nội dung về rà soát chính sách định kỳ, trên cơ sở đó các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định do các quy định của Nhà nước thay đổi và nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, cụ thể: Phòng QLĐT rà soát các quy định liên quan đến đào tạo trình độ sau ĐH, ĐH hệ chính quy; Trung tâm ĐTTX rà soát các quy định liên quan đến đào tạo trình độ ĐH hệ VL VH, ĐH liên thông, đã cụ thể hóa các nội dung trong quy chế đào tạo, định kỳ sau mỗi khóa học có sự điều chỉnh, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện CTĐT, bổ sung CĐR chính sách về đào tạo được cập nhật đảm bảo theo quy định Thông tư số 07/2015/TT-BGD&ĐT về việc hướng dẫn rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT, Thông tư số 17/2021/TT-Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH và Thông tư số 08/2021/TT-BGD&ĐT về quy chế đào tạo trình độ ĐH; Viện KH&HTQT có trách nhiệm tổ chức rà soát các quy định liên quan đến chính sách về quản lý KH&CN và HTQT; Phòng CTCTSV, CĐ, ĐTN rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về PVCĐ; Phòng KT&ĐBCL rà soát, đánh giá các văn bản liên quan

đến hoạt động kiểm tra, đánh giá SV trong quá trình đào tạo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động đào tạo của Nhà trường, công tác ĐBCL [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02].

Các đơn vị thuộc trường triển khai rà soát chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và theo kế hoạch năm học của Trường, của đơn vị [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Kết quả rà soát chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường được thể hiện trong báo cáo công tác tháng, báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H2.02.02.12], [H2.02.02.13], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết của Đảng ủy, của HĐT luôn tổng kết việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H2.02.02.10], [H2.02.02.11]. Ngoài ra, trong báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm của Nhà trường và các đơn vị luôn có nội dung đánh giá, tổng kết việc thực hiện các chính sách và kết quả rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Căn cứ kết quả rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, tại các cuộc họp giao ban của Nhà trường, BGH yêu cầu các đơn vị tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung và ban hành các chính sách mới [H1.01.01.15], [H2.02.02.07]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành các chính sách mới về ĐT, NCKH và PVCĐ cập nhật các văn bản pháp quy và phù hợp với điều kiện thực tiễn [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07]. Theo đó, Phòng QLĐT đã đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến chính sách về đào tạo; Viện KH&HTQT đã đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến chính sách về KH&CN; Phòng CTCTSV, CD, ĐTN - HSV đã đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến chính sách về PVCĐ [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07]. Về ĐT, Nhà trường đã ban hành Quy định công tác học vụ theo hệ thống tín chỉ kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHXDMT ngày 09/9/2016 dựa trên Quy chế về đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT; năm 2019 rà soát, bổ sung Quy định công tác học vụ theo Quyết định số 320/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/9/2019; năm 2021 rà soát, bổ sung Quy định công tác học vụ theo Quyết định số 465/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/10/2021 [H5.05.01.05]. Tháng 11/2022, Nhà trường đào tạo trình độ thạc sĩ, đã ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ kèm theo Quyết định số 466/QĐ-ĐHXDMT ngày 11/8/2022 nhằm đáp ứng yêu cầu về tổ chức đào tạo thạc sĩ của SV và phù hợp với Quy chế

đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD&ĐT quy định [H5.05.01.05]. Viện KH&HTQT tổ chức rà soát các quy định về hoạt động KH&CN và HTQT và trình Hiệu trưởng ký ban hành quy định mới, trong đó Trường đã ban hành quy định hoạt động NCKH, bao gồm: Quy định về SHTT, Quy định về quản lý hoạt động KH&CN kèm theo Quyết định số 465/QĐ-ĐHXDMT ngày 11/8/2022, Quy định về quản lý hoạt động NCKH của SV kèm theo Quyết định số 129/QĐ-ĐHXDMT ngày 17/3/2022, Quy chế tổ chức và hoạt động tạp chí KH&CN, Quy chế thành lập và tổ chức hoạt động nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh Trường ĐHXDMT ban hành kèm theo Quyết định số 337/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/6/2022 [H5.05.01.06]. Các văn bản về KH&CN thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, đặc biệt là các quy định và quy trình về hoạt động SKCT, được cập nhật khi có nhiều các dạng đề tài, SKCT được CBVC, NLD Nhà trường nghiên cứu nhằm đáp ứng tốt cho nhu cầu công việc hằng ngày và mang lại hiệu quả cho đơn vị [H5.05.01.06]. CĐ Trường rà soát các quy định về hoạt động CĐ thông qua các báo cáo hằng năm để đánh giá các hoạt động trong năm và đề ra chương trình hành động cho năm tiếp theo về chương trình các hoạt động PVCD, hoạt động thiện nguyện nhằm giúp cho CBVC, NLD gắn kết hơn với xã hội [H5.05.01.07]. ĐTN - HSV phối hợp Phòng CTCTSV và các đơn vị rà soát, cập nhật quy định, kế hoạch hoạt động như hoạt động tình nguyện hè (xây nhà tình nghĩa, xây dựng đường đân nông thôn, hệ thống chiếu sáng,...), hiến máu tình nguyện, các hoạt động PVCD như tham gia dọn vệ sinh, tham gia các cuộc thi do Nhà trường và Tỉnh đoàn Vĩnh Long phát động, tham gia vẽ tranh tường ở hàng rào Nhà trường, các trường mẫu giáo, nơi công cộng, hỗ trợ sân chơi thiếu nhi,... đặc biệt phối hợp với Phòng CTCTSV tham mưu cho BGH ban hành Quy định thực hiện chương trình ngày công tác xã hội đối với SV ĐH hệ chính quy kèm theo Quyết định 489/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/11/2019 nhằm nâng cao ý thức PVCD trong SV toàn Trường, theo đó SV sẽ tích lũy tối thiểu 15 ngày công tác xã hội, được Nhà trường cấp giấy chứng nhận hoàn thành, là điều kiện để xét tốt nghiệp [H5.05.01.07], [H5.05.04.01].

Trong các cuộc họp của Đảng ủy, HĐT, họp giao ban của Nhà trường, các đơn vị thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD nếu có những khó khăn, vướng mắc sẽ kịp thời phản hồi để từ đó có sự điều chỉnh thích hợp [H1.01.01.15], [H1.01.01.08], [H2.02.02.08], [H2.02.02.09]. Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì và phối hợp các đơn vị trong việc lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV,

NV, SV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường với kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đạt trên 95% [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CBVC của Trường và của các đơn vị hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.07]. Các ý kiến của SV tại các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Với việc điều chỉnh, bổ sung, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ, Đảng ủy, các tổ chức đoàn thể, tập thể Nhà trường và các đơn vị cũng như cá nhân CB, GV, NV, SV đạt được nhiều thành tích, nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H2.02.03.07], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đã ban hành các quy định, văn bản, chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ phù hợp với yêu cầu của luật định và phù hợp với SM, TN, chiến lược phát triển của Trường nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu giáo dục đề ra.

- Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được chú trọng, quan tâm và chỉ đạo từ quá trình phân công xây dựng, giám sát thực hiện và quá trình tiếp nhận các thông tin phản hồi để sửa đổi, bổ sung phù hợp với xu thế phát triển giáo dục ĐH nói chung và các ngành/lĩnh vực đào tạo của Nhà trường nói riêng.

- Nhà trường ban hành kế hoạch, quy định để giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, đồng thời phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Nhà trường phân công cụ thể trách nhiệm cho các phòng chức năng trong việc đề xuất, thực hiện, rà soát, theo dõi các chính sách và việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được triển khai thực hiện, theo dõi, rà soát, đánh giá hằng năm.

- Nhà trường khảo sát, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Nhà trường thực hiện cải tiến, điều chỉnh các chính sách về đào tạo, NCKH, PVCĐ dựa trên những kết quả rà soát, đánh giá và đáp ứng được sự hài lòng của các

bên liên quan.

- Kết quả khảo sát thể hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD của Trường đáp ứng được sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan ngoài Trường về chính sách ĐT, NCKH và PVCD của Nhà trường đôi lúc còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát ý kiến các bên liên quan ngoài Trường về các chính sách đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường.	QLĐT, KH&HTQT CTCTSV CD, ĐTN, HSV	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xây dựng các kế hoạch, chính sách có liên quan về đào tạo, NCKH và PVCD trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường.	Các đơn vị	Hằng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát và điều chỉnh các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD.	QLĐT, KH&HTQT CD, ĐTN, HSV, các đơn vị	Hằng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục quán triệt, phổ biến rộng rãi kế hoạch, quy định giám sát sự tuân thủ các chính sách của Trường đến các bên liên quan.	TCHC, đơn vị liên quan	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục phân công các bộ phận giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ	QLĐT, KH&HTQT CĐ, ĐTN, HSV, đơn vị liên quan	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục triển khai thực hiện, theo dõi, rà soát, đánh giá các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường.	TCHC, đơn vị liên quan	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục khảo sát ý kiến các bên liên quan về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ bằng nhiều hình thức khác nhau.	KT&ĐBCL đơn vị liên quan	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ	KT&ĐBCL CTCTSV, CĐ, ĐTN, HSV, đơn vị liên quan	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.	TCHC, đơn vị liên quan	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	5.0
Tiêu chí 5.1	5.0
Tiêu chí 5.2	5.0
Tiêu chí 5.3	5.0
Tiêu chí 5.4	5.0

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ

Nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố then chốt, quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH, PVCĐ, phát triển nguồn nhân lực được đề cập trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội Đảng bộ của Trường nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.01.01.19]. Đảng ủy, HĐT ban hành nghị quyết về công tác quy hoạch và bổ nhiệm CB lãnh đạo, quản lý trong quá trình hoạt động, bảo đảm sử dụng hiệu quả nhân lực của Nhà trường [H1.01.01.18], [H1.01.01.19]. Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 thể hiện kế hoạch dài hạn về quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Trường về cả số lượng và chất lượng để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.02.07]. Trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2023 của Nhà trường thể hiện rõ các nội dung về phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.02.08]. Căn cứ Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2023, hằng năm, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của Phòng TCHC luôn có các nội dung về phát triển nguồn nhân lực, trong đó có đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.24]. Để có cơ sở đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm, tiếp thu ý kiến của các đơn vị và CBVC, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký ban hành Đề án vị trí việc làm của Trường

[H3.03.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng, ban hành và áp dụng Bản mô tả công việc cho từng vị trí việc làm là cơ sở để phân công nhiệm vụ, đánh giá việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm [H3.03.01.05]. Phòng TCHC được giao nhiệm vụ đánh giá nguồn nhân lực của Nhà trường để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, trên cơ sở đó, Phòng TCHC thực hiện báo cáo đánh giá nguồn nhân lực của Nhà trường cũng như thực hiện báo cáo nguồn nhân lực theo yêu cầu của Bộ Xây dựng [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02], [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H2.02.04.12]. Ngoài ra, báo cáo đánh giá nguồn nhân lực của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường, của Phòng TCHC và báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07].

Để đáp ứng yêu cầu quản lý, thực hiện các nghị quyết của Đảng, chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Nhà trường đã thực hiện tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý, nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý, tinh giản biên chế để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới [H2.02.04.01], [H2.02.04.02]. Đồng thời, hằng năm Đảng ủy ra nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ, trong đó có nội dung rà soát cơ cấu tổ chức, nhân sự lãnh đạo và quản lý của Nhà trường [H1.01.01.19]. Nhà trường đặc biệt quan tâm công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực, thể hiện rõ vai trò của Đảng ủy, HĐT, BGH trong công tác quy hoạch nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H2.02.04.03], [H2.02.04.04], [H2.02.04.05]. [H2.02.04.06]. Mục tiêu chung của các kế hoạch quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý là phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực ở mọi lĩnh vực, đảm bảo đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý về trình độ đào tạo và chuyên môn, nhiệt tình tâm huyết, chuẩn mực về tư cách đạo đức nghề nghiệp ngang tầm các trường ĐH hàng đầu của khối ngành kỹ thuật trong nước, từng bước tiếp cận các trường trong khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển Nhà trường theo chiến lược và yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng cao; ưu tiên phát triển các lĩnh vực mũi nhọn, có lợi thế cạnh tranh, hoặc các lĩnh vực quan trọng có ảnh hưởng; đặc biệt chú trọng xây dựng và phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động của Nhà trường [H2.02.04.06]. Trong quá trình chỉ đạo, Đảng ủy đã ban hành kế hoạch về tổ chức công tác quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý của Trường các nhiệm kỳ [H2.02.03.03]. Công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực tại Trường được thực hiện đồng bộ ở tất cả các nhóm đối tượng (CB quản lý, GV, NV) theo quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường và dựa trên kết quả đánh giá nguồn nhân lực của Nhà trường để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. Tất cả

các khâu, quy trình quy hoạch theo Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW ngày 5/11/2012 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý và hướng dẫn của Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng về công tác quy hoạch CB [H2.02.04.03], [H2.02.04.04], [H2.02.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Để đáp ứng nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV, NV cũng như đề bạt, bổ nhiệm đội ngũ CB quản lý, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc cho từng vị trí việc làm và thường xuyên được rà soát bổ sung [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Đồng thời, Trường đã ban hành quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức với nguyên tắc chung là tập trung xây dựng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong tốt [H6.06.02.01], [H6.06.02.02]. Căn cứ đề án vị trí việc làm và đề nghị nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị trực thuộc, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng GV, NV hằng năm, dựa trên những điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định [H6.06.02.03]. Quy trình và quy định về tuyển dụng đều căn cứ vào các Nghị định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H6.06.02.03]. Nhà trường thông báo tuyển dụng viên chức, NLĐ được niêm yết công khai trên bảng tin, website của Trường và của Phòng TCHC [H6.06.02.03], [H1.01.01.21], [H6.06.02.04]. Nhằm thu hút SV tốt nghiệp loại giỏi về Trường công tác, Nhà trường phổ biến rộng rãi thông báo tuyển dụng đến các SV thông qua các Khoa và đến các trường ĐH khác [H6.06.02.03]. Nhà trường chú trọng, ưu tiên tuyển chọn những GV có chức danh, học hàm, học vị và có khả năng tốt về ngoại ngữ, về ứng dụng CNTT trong giảng dạy và đạt thành tích trong NCKH thể hiện qua Quy định chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường [H6.06.02.05], [H6.06.02.06]. Sau khi các ứng viên nộp hồ sơ về Phòng TCHC, Nhà trường tiến hành quy trình tuyển dụng, thông báo kết quả tuyển dụng trên bảng tin, website của Trường và của Phòng TCHC [H6.06.02.03], [H1.01.01.21], [H6.06.02.04]. Nhà trường ký kết hợp đồng có thời hạn với các ứng viên đã trúng tuyển và thực hiện việc trả lương, các khoản phụ cấp, chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, đồng thời phân công CBGV hướng dẫn chuyên môn trong thời gian tập sự, thử việc [H6.06.02.03], [H6.06.02.07], [H2.02.01.29]. Đối với GV, trong thời gian tập sự, phải được Hội

đồng duyệt giảng cấp trường đồng ý mới đủ điều kiện phân công đứng lớp. Trường hợp lần đầu không đạt thì phải duyệt giảng lại, nếu lần 2 vẫn không đạt sẽ chấm dứt hợp đồng [H6.06.02.03], [H6.06.02.07]. Về công tác bổ nhiệm, Nhà trường xác định các tiêu chuẩn năng lực cụ thể cho từng đối tượng CB, GV, NV, đối với CB quản lý chú trọng các yêu cầu về phẩm chất, bằng cấp, năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm trong đó đặc biệt chú ý đến phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý được quy định trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý của Trường [H3.03.03.07], [H3.03.03.08], [H2.02.03.14]. Hồ sơ bổ nhiệm tuân theo hướng dẫn của Chính phủ, Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng, thể hiện qua danh sách bổ nhiệm CB giai đoạn 2019-2023 và hồ sơ cá nhân CBQL [H3.03.03.07], [H3.03.03.08], [H2.02.03.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường bổ nhiệm mới 26 CBQL và luân chuyển 3 CBQL [H2.02.03.14].

Các văn bản về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được Nhà trường gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời yêu cầu phổ biến đến CBVC biết để thực hiện [H6.06.02.01], [H6.06.02.02], [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05], [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Tại cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà trường phổ biến các văn bản về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đến các thành viên dự họp [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đầy đủ các văn bản về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đến CBVC của đơn vị biết để thực hiện [H1.01.01.08]. Hệ thống các bản về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đến CBVC của Trường được đăng tải trên website của Nhà trường và của Phòng TCHC [H1.01.01.21], [H6.06.02.04].

Tự đánh giá: 6/7.

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm CB/GV, NV khác nhau

Năm 2018, Nhà trường rà soát, điều chỉnh, xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm, trong đó thể hiện rõ nội dung mô tả năng lực đối với đội ngũ CBVC cho từng vị trí công việc và năm 2020, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn hiện hành và tình hình thực tế, Nhà trường rà soát danh mục vị trí việc làm và bản mô tả từng vị trí việc làm gửi Bộ GD&ĐT, trong đó xác định rõ về năng lực đạo đức, phẩm chất cá nhân, khả năng tư duy độc lập,... [H3.03.01.04]. Năm 2023, Nhà trường thực hiện rà soát vị trí việc làm các đơn vị. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng, ban hành và áp dụng Bản mô tả công việc cho từng vị trí việc làm là cơ sở để phân công nhiệm vụ, đánh giá việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm [H3.03.01.05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã triển khai đề án vị trí việc làm,

thông báo cụ thể nội dung mô tả năng lực của từng vị trí việc làm để CBVC, NLD biết, thực hiện và phân đầu [H3.03.01.04]. Xác định tiêu chuẩn, năng lực của CB, GV, NV là cơ sở quan trọng cho công tác tuyển dụng, sắp xếp, bổ nhiệm nên trong quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, NLD do Nhà trường ban hành quy định cụ thể các tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV, viên chức, NLD khác nhau và nhấn mạnh các tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị [H2.02.04.03], [H2.02.04.04], [H2.02.04.05]. [H2.02.04.06], [H2.02.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06], [H6.06.02.01], [H6.06.02.02], [H6.06.02.03]. Trong các văn bản thông báo tuyển dụng hằng năm, Nhà trường xác định và mô tả rõ năng lực cần có đối với các vị trí GV, NV tuyển dụng [H6.06.02.03]. Các nội dung mô tả năng lực đối với đội ngũ CB, GV, NV được quy định rõ trong Quy định tuyển dụng, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và các tiêu chuẩn được rà soát, điều chỉnh bổ sung định kỳ [H2.02.04.06], [H6.06.02.02]. Ngoài ra, Quy định chế độ làm việc của GV được điều chỉnh thường xuyên để phù hợp quy định về yêu cầu của GV trường ĐH theo Luật Giáo dục ĐH [H6.06.03.01], [H6.06.03.02]. Các văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch và bổ nhiệm do Nhà trường ban hành dựa trên các văn bản quy định của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Xây dựng đều quy định rõ năng lực đối với từng vị trí quy hoạch và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy chế bổ nhiệm [H2.02.04.03], [H2.02.04.04], [H2.02.04.05], [H2.02.04.06], [H2.02.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06], [H6.06.02.01], [H6.06.02.02], [H6.06.02.03].

Về tiêu chuẩn bổ nhiệm, Nhà trường đã cập nhật tiêu chí và tiêu chuẩn theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ ban hành kèm theo Quyết định số 826/QĐ-BXD ngày 20/6/2018 và Quyết định số 828/QĐ-BXD ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng [H2.02.04.05], [H6.06.02.02]. Theo danh sách thống kê các tiêu chí bổ nhiệm trong giai đoạn 2019-2023 đúng yêu cầu về trình độ chuyên môn, trình độ chính trị, trình độ nghiệp vụ và có lý lịch rõ ràng và các hồ sơ bổ nhiệm đúng theo các bước và đáp ứng các tiêu chí theo quy định của cấp trên [H2.02.03.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường bổ nhiệm mới 26 CBQL và luân chuyển 3 CBQL [H2.02.03.14]. Về tiêu chuẩn tuyển dụng GV, NV thể hiện cụ thể qua thông báo tuyển dụng, cụ thể: yêu cầu tốt nghiệp đúng trình độ, chuyên ngành; Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; Có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Có lý lịch rõ ràng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tư cách tốt; nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn

ng nghiệp vụ được giao [H6.06.02.03]. Ngoài ra, Nhà trường chú trọng, ưu tiên tuyển chọn những GV có chức danh, học hàm, học vị và có khả năng tốt về ngoại ngữ, về ứng dụng CNTT trong giảng dạy và đạt thành tích trong NCKH [H6.06.02.03], [H6.06.02.05], [H6.06.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tuyển dụng 23 CBVC, trong đó có 10 GV với 01 GS, 01 PGS, 07 TS, 01 ThS và 13 NV với 03 ThS, 08 ĐH và 02 chuyên môn khác [H6.06.02.03], [H6.06.03.03]. Báo cáo của Nhà trường gửi Bộ Xây dựng về công tác CB đánh giá đầy đủ về công tác CB ở các mảng tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo bồi dưỡng, biên chế,... đồng thời qua đợt kiểm tra của Bộ Xây dựng, Đoàn Kiểm tra của Bộ đánh giá Nhà trường thực hiện tốt và đầy đủ các quy định, tuyển dụng và bổ nhiệm đúng theo yêu cầu và tiêu chuẩn [H6.06.01.02], [H2.02.04.12].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV, NV được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 thể hiện kế hoạch dài hạn về quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Trường về cả số lượng và chất lượng để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, trong đó chú trọng và thể hiện rõ quy mô và nhu cầu đào tạo bồi dưỡng dài hạn, hằng năm của Trường [H1.01.02.07]. Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài của CBVC Trường ĐHXDMT nhằm cụ thể hóa những quy định về nghĩa vụ, quyền lợi của CBVC Nhà trường khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời về cơ bản đã xác định quy trình đào tạo cũng như quy trình bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV [H2.02.04.07], [H2.02.04.08]. Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định đào tạo, bồi dưỡng CBVC và NLĐ, trong đó đã làm rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền lợi của CB, GV, NV được đưa đi đào tạo hay bồi dưỡng chuyên môn [H2.02.04.08]. Để có cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, NV, hằng năm, Phòng TCHC thông báo triển khai cho các đơn vị trực thuộc đăng ký nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02], [H6.06.04.01]. Dựa trên số liệu tổng hợp, phòng TCHC xây dựng báo cáo phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và dự thảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, NV, thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị và trên cơ sở đó Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng CBVC hằng năm [H1.01.01.15], [H6.06.04.01].

Tại cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để thông qua Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng CBVC hằng năm của Nhà trường luôn chú trọng xem xét yêu cầu của hoạt động ĐT, NCKH, nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, NV và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Trường [H1.01.01.15], [H6.06.04.01]. Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng CBVC hằng năm của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, NV và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Trường với các mốc thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện [H6.06.04.01]. Nhà trường gửi Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng CBVC hằng năm đến các đơn vị để thực hiện và các đơn vị phổ biến CB, GV, NV thông qua các cuộc họp giao ban của đơn vị [H6.06.04.01], [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài của CBVC Trường ĐHXDMT, Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng CBVC được đăng tải trên website của Trường và của Phòng TCHC [H1.01.01.21], [H6.06.02.04].

Thông qua cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường triển khai và yêu cầu các đơn vị thực hiện Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng CBVC hằng năm [H1.01.01.15]. Phòng TCHC là đơn vị thường trực theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng CBVC, đồng thời yêu cầu lãnh đạo các đơn vị động viên, khuyến khích CB, GV, NV tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được ban hành [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ do Nhà trường ban hành quy định cụ thể hỗ trợ về tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ CBQL, GV, NV tham gia học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H2.02.01.29]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBVC và trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã dành 2.984.717.460 đồng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBVC của Trường [H4.04.02.01], [H6.06.04.02]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ CB, GV, NV kiến thức quản lý giáo dục, lý luận chính trị, nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ, GV chính, ĐBCL, văn thư lưu trữ,... [H2.02.04.09], [H2.02.04.10], [H2.02.04.11].

Trên cơ sở nhu cầu đào tạo GV và cơ hội học bổng, Nhà trường đã cử GV tham gia học tập sau ĐH, các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước thông qua các chương trình học bổng hoặc tự túc [H2.02.04.09], [H2.02.04.10]. Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kiến thức quản lý nhà nước, lý luận chính trị, kiến thức pháp luật, kỹ năng quản lý, chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành, kiến thức tin học, ngoại ngữ và các kiến thức bổ trợ khác cho CBVC được thực hiện khi có nhu cầu từ cá nhân hoặc nhu cầu công tác của mỗi đơn vị [H2.02.04.09],

[H2.02.04.10], [H2.02.04.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường giảm 100% thời gian làm việc cho nghiên cứu sinh), được hỗ trợ một phần kinh phí trong quá trình học tập (Đối với nghiên cứu sinh đúng chuyên ngành, Trường hỗ trợ từ 250 triệu đồng đến 350 triệu đồng) [H1.01.01.21], [H2.02.01.29]. Ngoài ra, Trường tạo điều kiện cho GV tham gia giao lưu quốc tế nhằm giúp GV nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ trong thời kỳ hội nhập [H2.02.04.09]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường cử 3.093 CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ngoài nước, trong đó 3.090 CBVC đào tạo, bồi dưỡng trong nước và 03 CBVC đào tạo, bồi dưỡng ngoài nước [H2.02.04.09]. Thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, trong giai đoạn 2019-2023, 08 CBVC Nhà trường đã đạt học vị TS và 11 CBVC đạt học vị ThS [H2.02.04.09]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV hằng năm thể hiện hài lòng về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường [H6.06.04.03], [H1.01.01.14]. Ý kiến của CBVC tại Hội nghị CBVC Trường và Hội nghị CBVC các đơn vị hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 6/7.

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ

Căn cứ các quy định của Chính phủ về đánh giá phân loại CB, viên chức, Nhà trường ban hành Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và NLĐ và triển khai thực hiện [H2.02.03.08], [H2.02.03.10], [H2.02.03.12]. Trong Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và NLĐ hằng năm của Nhà trường có quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV [H2.02.03.12]. Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo Phòng TCHC tham mưu xây dựng kế hoạch, thông báo việc đánh giá, phân loại viên chức, NLĐ và xét thi đua năm học kèm theo bổ sung cập nhật ban hành các biểu mẫu, biên bản, phiếu đánh giá để triển khai thống nhất thực hiện cho các đơn vị [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02].

Nhà trường gửi Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và NLĐ đến các đơn vị để thực hiện [H2.02.03.12]. Bên cạnh đó, Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và NLĐ do Nhà trường ban hành được đăng tải trên website của Trường và của Phòng TCHC [H1.01.01.21], [H6.06.02.04]. Thông qua họp giao ban, Hiệu trưởng Nhà trường quán triệt và yêu cầu trưởng các đơn vị phổ biến cụ thể và tiến hành đánh giá, phân loại viên chức, NLĐ đảm bảo tính chính xác, khách quan và dân chủ [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CBVC Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và NLĐ do Nhà trường ban hành tại các

cuộc họp giao ban của đơn vị [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, việc đánh giá kết quả công việc của CBVC được thực hiện công khai, minh bạch thông qua đánh giá xếp loại hiệu quả công tác A, B, C hằng tháng và đặc biệt là đánh giá phân loại đơn vị và cá nhân CBVC hằng năm [H6.06.05.01]. Trên cơ sở đó, các đơn vị triển khai để CB, GV, NV thực hiện báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H2.02.03.13]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của CB, GV, NV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TCHC [H2.02.03.13]. Hằng năm, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá CB, GV, NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến CB, GV, NV [H1.01.01.15], [H2.02.03.13]. Đối với lãnh đạo Trường gồm: Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng được Bộ Xây dựng tổ chức đánh giá nhận xét và thông báo phân loại mức độ hoàn thành công việc hằng năm [H2.02.03.10], [H2.02.03.11]. Viên chức và NLĐ từ Phó Hiệu trưởng trở xuống do Hiệu trưởng tổ chức, đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ [H2.02.03.12], [H2.02.03.13]. Thời điểm đánh giá rà soát, phân loại đội ngũ CB quản lý được tiến hành vào cuối năm học để rút kinh nghiệm, cải tiến hiệu quả công tác và nhằm để chuẩn bị nguồn nhân lực cho năm học mới [H2.02.03.12], [H2.02.03.13]. Kết quả đánh giá CB, GV, NV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV [H2.02.03.13].

Nhà trường giao nhiệm vụ Phòng TCHC là đơn vị xây dựng và lưu trữ dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Để đảm bảo việc lưu trữ và cung cấp kịp thời dữ liệu đánh giá CBVC toàn Trường, Phòng TCHC phân công 01 NV phụ trách tổng hợp và lưu trữ dữ liệu đánh giá, phân loại CBVC và bình xét danh hiệu thi đua hằng năm [H3.03.03.01], [H6.06.05.02]. Cơ sở dữ liệu đánh giá, phân loại CBVC và bình xét danh hiệu thi đua hằng năm được cập nhật đầy đủ và kịp thời [H6.06.05.02].

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Xây dựng, Nhà trường ban hành Quy chế công tác thi đua khen thưởng việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với tập thể và cá nhân dựa trên kết quả việc đánh giá, phân loại viên chức và NLĐ và cập nhật các tiêu chí về danh hiệu thi đua theo quy định [H2.02.03.09], [H6.06.05.03], [H6.06.05.04]. Theo đó, kết quả đánh giá, phân loại viên chức và NLĐ hằng năm được sử dụng để tiến hành bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với đội ngũ CBVC và NLĐ [H2.02.03.12], [H6.06.05.04]. Trong quá trình đánh giá phân loại viên chức, bình xét các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân, các đơn vị

luôn căn cứ vào hướng dẫn, tuân theo trình tự các bước và nộp hồ sơ khen thưởng đúng quy định của Nhà trường [H6.06.05.04]. Kết quả đánh giá, phân loại viên chức và NLD là cơ sở để Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Nhà trường xét chọn các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân theo các tiêu chí trong quy chế thi đua khen thưởng [H6.06.05.04]. Hằng năm, Phòng QLĐT thống kê giờ giảng của GV, Viện KH&HTQT thống kê giờ NCKH của GV, CD và ĐTN thống kê giờ PVCĐ của GV, NV để phục vụ cho việc đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng của CBVC [H6.06.05.05]. Hằng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường họp xét danh hiệu thi đua khen thưởng của tập thể và cá nhân CBVC do các đơn vị đề nghị [H2.02.01.15], [H2.02.01.25], [H6.06.05.06]. Ngoài quy định chung, GV có thành tích xuất sắc trong giảng dạy (luyện thi olympic quốc gia, festival kiến trúc đạt giải,...), NCKH (hướng dẫn SV NCKH đạt, công bố công trình NCKH trong nước và quốc tế có chất lượng), PVCĐ được Nhà trường ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng hằng năm [H6.06.05.04], [H2.02.01.29]. Kết quả thi đua khen thưởng của CB, GV, NV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV [H6.06.05.02]. Công tác thi đua, khen thưởng của Trường đã tạo động lực động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân thi đua lao động sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đồng thời ghi nhận, biểu dương, khen thưởng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong các phong trào thi đua, đóng góp vào sự phát triển của Nhà trường [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Bên cạnh việc sử dụng kết quả đánh giá, phân loại CBVC hằng năm trong quá trình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng, trong quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBVC của Nhà trường quy định kết quả đánh giá, phân loại hằng năm được sử dụng làm căn cứ để đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm,... hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ thể hiện qua các điều kiện, tiêu chuẩn trong quy định đào tạo bồi dưỡng [H2.02.03.12], [H6.06.05.04], [H6.06.02.02]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBVC và trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã dành 2.984.717.460 đồng cho động đào tạo, bồi dưỡng CBVC của Trường [H4.04.02.01], [H6.06.04.02]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường cử 3.093 CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ngoài nước, trong đó 3.090 CBVC đào tạo, bồi dưỡng trong nước và 03 CBVC đào tạo, bồi dưỡng ngoài nước [H2.02.04.09], [H2.02.04.10]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV hằng năm thể hiện hài lòng về hoạt động đánh giá phân loại và thi đua khen thưởng của Nhà trường [H6.06.04.03], [H1.01.01.14]. Ý kiến của CBVC tại Hội nghị CBVC Trường và Hội nghị CBVC các đơn vị hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động đánh giá phân loại và thi đua khen thưởng của Nhà trường

[H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Để đảm bảo việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên, Nhà trường phân công Phòng TCHC theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Trên cơ sở đó, Phòng TCHC thực hiện công tác theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực của Trường và phân công chuyên viên thực hiện nhiệm vụ theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường đảm bảo tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm và được tập huấn, cập nhật các kiến thức, văn bản mới về lĩnh vực và công việc được phụ trách [H3.03.03.01]. Để tổ chức và quản lý hệ thống văn bản, Nhà trường đã ban hành Quy chế Công tác văn thư, lưu trữ bao gồm các công việc về soạn thảo, ban hành văn bản, quản lý văn bản và các tài liệu trong quá trình hoạt động, đồng thời quy định trách nhiệm rõ ràng đối với các cá nhân, đơn vị trong việc tổ chức và quản lý hệ thống văn bản của Nhà trường [H2.02.01.31]. Trong quá trình lãnh đạo quản lý, Nhà trường thông báo đến các đơn vị rà soát quy định, quy chế đã ban hành [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Báo cáo rà soát chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Đảng ủy, HĐT, của Nhà trường và báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm [H2.02.02.10], [H2.02.02.11], [H1.01.04.04], [H1.01.01.07]. Hằng năm, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, các phòng chức năng và Phòng TCHC tham mưu BGH Nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung văn bản nhằm tránh chồng chéo giữa các đơn vị trong quá trình thực thi nhiệm vụ và trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã ban hành mới và sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế công tác thi đua khen thưởng, Quy định chế độ công tác của GV, Đề án vị trí việc làm,...[H2.02.01.28], [H2.02.01.29], [H6.06.05.04], [H6.06.03.01],...

Trong quá trình triển khai rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, Phòng TCHC khảo sát ý kiến góp ý các đơn vị về chế độ, chính sách, quy chế quy định, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực của Nhà trường để từ đó điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách, quy chế, quy

định và quy trình cho phù hợp với điều kiện thực tiễn [H6.06.06.01], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05], [H6.06.03.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của CBVC đối với các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực thông qua các cuộc họp giao ban của các đơn vị và tại Hội nghị CBVC hằng năm của Trường, của các đơn vị [H1.01.01.08], [H1.01.01.07]. Ngoài ra, Nhà trường triển khai hộp thư góp ý để tiếp nhận các ý kiến góp ý của CBVC đối với các hoạt động của Trường nói chung và các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực nói riêng [H6.06.06.02].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ

Căn cứ kết quả theo dõi, rà soát, đánh giá hằng năm về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường phân công Phòng TCHC là đơn vị thường trực và phối hợp các đơn vị đề xuất điều chỉnh, cải thiện chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Nội dung cải thiện các chế độ, chính sách dựa trên các kết quả rà soát, đánh giá để hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ được thể hiện trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị và CBVC về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực, Phòng TCHC và các đơn vị dự thảo văn bản cải thiện chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực, thông qua cuộc họp giữa BGH tổ chức với lãnh đạo các đơn vị và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký ban hành văn bản cải thiện các chế độ, chính sách dựa trên các kết quả rà soát, đánh giá để hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ [H6.06.06.01], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05], [H6.06.03.02], [H1.01.01.08], [H6.06.06.02], [H1.01.01.15]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã cải thiện các chế độ, chính sách dựa trên các kết quả rà soát, đánh giá để hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ như: Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHXDMT, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐHXDMT, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế công tác thi đua khen thưởng, Quy định chế độ công tác của GV, Đề án vị trí việc làm,... [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H2.02.01.28], [H2.02.01.29], [H6.06.05.04], [H6.06.03.01],...

Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị và CBVC, Phòng TCHC dự thảo nội dung điều chỉnh, bổ sung quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình BCH Đảng ủy, Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, Quy chế tuyển dụng, sử dụng và

quản lý viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động viên chức quản lý [H2.02.04.06], [H6.06.02.02], [H3.03.03.07]. Trong các văn bản về quản lý nguồn nhân lực được Nhà trường ban hành dựa trên tiếp thu ý kiến của các đơn vị và CBVC thể hiện rõ nét thực hiện việc cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực làm căn cứ đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực [H2.02.04.06], [H6.06.02.02], [H3.03.03.07]. Trên cơ sở đó, trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường bổ nhiệm mới 26 CBQL và luân chuyển 3 CBQL, tuyển dụng 23 CBVC, trong đó có 10 GV với 01 GS, 01 PGS, 07 TS, 01 ThS và 13 NV với 03 ThS, 08 DH và 02 chuyên môn khác [H2.02.03.14], [H6.06.02.03], [H6.06.03.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành văn bản quy định về quy hoạch nguồn nhân lực và tiến hành quy hoạch nguồn nhân lực của Trường dựa trên việc đánh giá nhu cầu hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

- Hệ thống văn bản quản lý nguồn nhân lực do Nhà trường ban hành tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác quy hoạch CB và được triển khai nhằm phát triển nhân lực đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

- Nhà trường xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm phù hợp với từng vị trí, chức danh nghề nghiệp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng quy mô phát triển của Trường.

- Nhà trường ban hành các kế hoạch, quy hoạch nhân sự, kế hoạch quy hoạch CB lãnh đạo, viên chức quản lý và kế hoạch tuyển dụng với tiêu chí tuyển dụng, tiêu chí chức danh, tiêu chí bổ nhiệm được xác định rõ ràng.

- Nhà trường xây dựng đầy đủ các quy định, quy trình về các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ CBVC, NLĐ đáp ứng yêu cầu công tác đánh giá nhân sự hằng năm và được phổ biến công khai trong toàn Trường.

- Nhà trường xây dựng được văn bản quy định về các tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ CBVC, NLĐ cũng như bảng mô tả vị trí, công việc, khối lượng công việc cho các đối tượng trong toàn Trường.

- Nhà trường xây dựng và triển khai các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CBVC, NLĐ trên cơ sở xác định rõ nhu cầu đào tạo, phát triển của đội ngũ CBVC, NLĐ.

- Trong giai đoạn 2019-2023, hầu hết CB, GV, NV của Trường được đào tạo,

bồi dưỡng từ 02 lần trở lên và ý kiến của CB, GV, NV hài lòng về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường.

- Nhà trường xây dựng hệ thống các chính sách, chế độ, quy trình và quy hoạch về đội ngũ CBVC, đồng thời định kỳ rà soát, cải tiến các chính sách, chế độ, quy trình và quy hoạch về đội ngũ CBVC, NLD.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường bổ nhiệm mới 26 CBQL và luân chuyển 3 CBQL, tuyển dụng 23 CBVC, trong đó có 10 GV với 01 GS, 01 PGS, 07 TS, 01 ThS và 13 NV với 03 ThS, 08 ĐH và 02 chuyên môn khác.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Thu hút nguồn nhân lực trình độ cao về công tác tại Trường còn hạn chế do khó khăn trong chính sách.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến chính sách thu hút nguồn nhân lực trình độ cao về trường công tác.	TCHC, các đơn vị	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên cập nhật các văn bản chính sách cấp trên về nguồn nhân lực.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng và triển khai hệ thống văn bản quản lý nguồn nhân lực theo quy định hiện hành của Nhà nước về công tác quy hoạch CB.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục rà soát đề án vị trí việc làm đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, bổ sung bộ tiêu chí tuyển dụng, tiêu chí chức danh, tiêu chí bổ nhiệm.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
6	Phát huy	Tiếp tục rà soát, bổ sung bộ tiêu	TCHC,	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 5	chuẩn năng lực vị trí việc làm và bản mô tả công việc tương ứng.	các đơn vị		
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục xây dựng, rà soát quy định, chính sách về nhân lực theo đề án vị trí việc làm và cải tiến chính sách, chế độ đào tạo, NCKH và PVCĐ.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục rà soát, bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBVC, NLD đáp ứng yêu cầu phát triển của trường.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV theo nhu cầu.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh 9	Tiếp tục rà soát, cải tiến các chính sách, chế độ, quy trình và quy hoạch về đội ngũ CB, GV, NLD.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
11	Phát huy điểm mạnh 10	Tiếp tục tuyển dụng đội ngũ GV, NV có trình độ cao, phù hợp với định hướng phát triển Trường.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	5,28
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	6
Tiêu chí 6.3	5

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 6.4	6
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và CSVC

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện TN, SM, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ được thiết lập và vận hành.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, tham mưu BGH Trường thực hiện việc quản lý tài chính, Nhà trường phân công Phòng TCKT xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Phòng TCKT có 06 CBVC trong đó có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 kế toán viên, 01 thủ quỹ [H7.07.01.01]. CBVC Phòng TCKT đã được đào tạo đúng chuyên môn nghiệp vụ, trong vòng 5 năm qua đã tham gia nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ [H7.07.01.01].

Căn cứ mục tiêu chiến lược về ĐT, NCKH và PVCĐ đã xác định, Nhà trường ban hành Đề án tự chủ tài chính để từ đó có động cơ và năng lực cạnh tranh trên cơ sở chất lượng ĐT, NCKH và khả năng tìm kiếm việc làm của SV, trong đó, xác định các nội dung, các mục tiêu, chỉ số phấn đấu về hoạt động kế hoạch tài chính từng giai đoạn, cùng với các biện pháp triển khai thực hiện [H4.04.01.07]. Nhà trường thực hiện đánh giá tình hình chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2020 đã xác định cụ thể về việc nâng nguồn thu hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện SM, TN và các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ [H4.04.01.03]. Các nguồn thu hợp pháp của Trường chủ yếu là thu học phí, thu liên kết đào tạo, thu từ hoạt động NCKH và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ khác [H4.04.02.01].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng về việc xây dựng dự toán thu chi hằng năm, Phòng TCKT là đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính [H7.07.01.02], [H4.04.02.01]. Nhà trường gửi thông báo kèm theo các biểu mẫu để yêu cầu các đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch nhu cầu sử dụng kinh phí của đơn vị và gửi về Phòng TCKT [H7.07.01.02]. Trên cơ sở bảng dự toán kinh phí do các

đơn vị gửi về, Phòng TCKT tổng hợp dự thảo kế hoạch tài chính, sau đó được công khai trong các cuộc họp giao ban giữa BGH Nhà trường với trưởng các đơn vị và Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.15], [H4.04.02.01]. Kế hoạch tài chính được công khai trong Hội nghị CBVC hằng năm để thống nhất nhu cầu sử dụng kinh phí [H4.04.02.01], [H1.01.01.07]. Bên cạnh đó, kế hoạch tài chính được thông báo công khai đến các đơn vị để thực hiện [H4.04.02.01].

Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H2.02.01.28], [H2.02.01.29]. Trong quá trình xây dựng, Nhà trường đã ban hành dự thảo, lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị, tổng hợp ý kiến, thông báo ban hành quy chế chi tiêu nội bộ sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt, triển khai thực hiện ở các đơn vị [H6.06.06.01]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị thông báo Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ đến toàn thể CBVC biết [H1.01.01.08]. Nhà trường giao trách nhiệm cho phòng TCKT phối hợp với các đơn vị thực hiện triển khai kế hoạch tài chính hằng năm [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Căn cứ kế hoạch tài chính đã ban hành, Phòng TCKT triển khai thực hiện các khoản thu từ học phí các năm học, thu hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ từ các trung tâm và các khoản thu sự nghiệp khác [H4.04.02.01]. Phòng TCKT tham mưu cho Nhà trường xét duyệt các đề xuất về đầu tư, mua sắm vật tư, trang thiết bị và các đề xuất thanh toán cho các đơn vị, đề tài NCKH, kê khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo đúng quy định [H7.07.01.02], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]. Về công tác hạch toán kế toán, Nhà trường đã triển khai thực hiện công tác hạch toán kế toán theo đúng quy định chế độ kế toán và đã sử dụng phần mềm kế toán Misa trong công tác hạch toán kế toán; thực hiện tốt công tác lưu trữ, bảo quản tài liệu kế toán [H4.04.02.01], [H7.07.01.06]. Nhà trường được Bộ Xây dựng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và được phân loại Trường ĐHXĐMT là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên [H7.07.01.02]. Để đảm bảo quyền thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp để tăng các nguồn thu hợp pháp trong đó thực hiện việc mở rộng nhiều loại hình đào tạo, đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, liên kết với các CSGD đào tạo trong nước [H7.07.01.07], [H4.04.02.01]. Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã ổn định dần mức độ tự chủ về tài chính, nguồn thu tại đơn vị duy trì ổn định, đảm bảo chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD, ngoài ra còn có tích lũy, trích lập các quỹ theo quy định nhằm tái đầu tư phát triển cho Nhà trường [H7.07.01.08], [H4.04.02.01]. Nguồn thu tại Trường qua các năm trong giai đoạn 2019-2023 chiếm tỷ lệ từ 44% đến 66% trong tổng nguồn thu của Trường [H4.04.02.01].

Hàng năm, Phòng TCKT thực hiện rà soát, báo cáo, đánh giá, cập nhật kế hoạch tài chính, thực hiện rà soát các nguồn thu, nguồn chi để có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch cho phù hợp với điều kiện của nhà trường, thu chi cân đối hiệu quả [H4.04.02.01]. Ngoài việc thực hiện thu, chi tài chính được Nhà trường công bố công khai các nguồn thu chi tài chính trước ngày tổ chức Hội nghị CBVC hàng năm, dựa trên kết quả rà soát, các ý kiến đóng góp của CBVC tại hội nghị, Phòng TCKT đề xuất với Nhà trường cải tiến kế hoạch tài chính ngày càng hiệu quả hơn [H1.01.01.07], [H7.07.01.09], [H4.04.02.01]. Công tác tài chính của Trường được kiểm toán hoặc xét duyệt quyết toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và kết quả kiểm toán, xét duyệt quyết toán hàng năm đều thể hiện không có sai phạm [H1.01.04.04], [H1.01.01.07], [H7.07.01.05]. Phòng TCKT thường xuyên thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch tài chính nhằm tăng cường nguồn thu hợp pháp để hỗ trợ việc thực hiện SM, TN và các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCĐ cho Nhà trường [H7.07.01.09], [H4.04.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, tập thể Phòng TCKT đều đạt tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó nhiều cá nhân CBVC Phòng TCKT đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và cấp Bộ [H2.02.03.07], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thiết lập và vận hành

Nhà trường giao Phòng QT&TB nhiệm vụ xây dựng giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, hoạt động bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC, hạ tầng, phương tiện dạy và học, phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Phòng QT&TB công bố chức năng nhiệm vụ trên website của Trường và của Phòng QT&TB [H1.01.01.21], [H7.07.02.02]. Phòng QT&TB có 25 thành viên, trong đó có 1 Trưởng phòng, 1 Phó trưởng phòng và 23 NV phục vụ, trong đó có thành lập tổ thực hiện công tác quản trị và thiết bị của Nhà trường [H7.07.02.01]. CBVC phòng QT&TB được cử tham gia khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn [H7.07.02.01].

Xác định mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHXDĐT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDĐT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó có các nội dung về CSVC và trang thiết bị [H1.01.02.07]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn

2020-2023 thể hiện các nội dung đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCD [H1.01.02.08]. Hằng năm, Nhà trường gửi thông báo kèm theo các biểu mẫu để các đơn vị đề xuất nhu cầu tài chính, CSVC và trang thiết bị của đơn vị gửi về Phòng QT&TB [H7.07.02.03]. Các đơn vị đã đề xuất nhu cầu vật tư, CSVC, trang thiết bị và lập danh mục theo biểu mẫu và gửi về Phòng QT&TB [H7.07.02.03]. Trên cơ sở đó, Phòng QT&TB tổng hợp ý kiến các đơn vị lập thành dự thảo kế hoạch CSVC và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ, thông qua họp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để thống nhất nhu cầu sử dụng CSVC và trang thiết bị [H1.01.01.15], [H7.07.02.03]. Trên cơ sở đó, Phòng QT&TB hoàn thiện kế hoạch sử dụng CSVC và cơ sở hạ tầng để trình Hiệu trưởng phê duyệt và thông báo nội dung kế hoạch đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H7.07.02.03].

Căn cứ kế hoạch sử dụng CSVC và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị, Phòng QT&TB triển khai thực hiện theo quy trình mua sắm vật tư, trang thiết bị và quy trình thực hiện hoạt động bảo trì CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị [H7.07.02.04]. Việc đầu tư mua sắm vật tư, trang thiết bị CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được thực hiện lập hồ sơ và báo kết quả đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật [H7.07.02.05]. Đến nay, Nhà trường có 78 phòng học các loại, trong đó các phòng học có diện tích 60m² đến 67m² dành cho những lớp bình thường có số lượng 50 SV, các phòng học lớn với diện tích 86m² đến 94,24m² dành cho những lớp có số lượng trên 80 SV, các giảng đường lớn phù hợp với một số học phần và chuyên ngành đào tạo; 05 giảng đường với tổng diện tích: 1.277 m², bình quân diện tích phòng học cho SV chính quy là 20 m²/SV, vượt so với TCVN 3981:1985 (trung bình từ 0,9m² - 1,5m²/SV); 3 phòng lab học tiếng Anh với tổng diện tích 270 m²; 09 phòng học máy tính với tổng diện tích 1.231,6 m², trong đó có một số phòng được kết nối hệ thống camera phục vụ cho các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, sát hạch kỹ năng công nghệ thông tin. Hệ thống xưởng thực hành/phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ đồ dùng học tập có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập của SV [H7.07.02.06]. Năm 2018, Bộ Xây dựng ban hành quyết định số 909/QĐ-BXD ngày 29/6/2018 về tăng cường năng lực NCKH cho các phòng thí nghiệm môi trường và vật liệu xây dựng với tổng mức đầu tư 35 tỷ đồng [H7.07.02.06]. Năm 2019, Bộ Xây dựng ban hành quyết định số 514/QĐ-BXD ngày 07/6/2019 về phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và

kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: cải tạo, nâng cấp CSVC với tổng mức đầu tư 12 tỷ đồng. Năm 2020, Bộ Xây dựng ban hành quyết định số 1176/QĐ-BXD ngày 03/9/2020 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng CSVC Trường ĐHXDMT giai đoạn 2 với tổng mức đầu tư 338 tỷ đồng [H7.07.02.06]. Năm 2021, Bộ Xây dựng ban hành quyết định số 465/QĐ-BXD ngày 28/4/2021 phê duyệt chủ trương dự án đầu tư nâng cấp nhà hiệu bộ, nhà học, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan trường ĐHXDMT (khu A) là 55 tỷ đồng; quyết định số 586/QĐ-BXD ngày 14/5/2021 phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: cải tạo, nâng cấp CSVC với tổng mức đầu tư 2,806 tỷ đồng; quyết định số 856/QĐ-BXD ngày 15/7/2021 phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng CSVC Trường ĐHXDMT giai đoạn 2 với tổng mức đầu tư 337,616 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: Thư viện có diện tích 6.292 m², khối nhà làm việc của các trung tâm: NCKH, tư vấn kiểm định chất lượng,... có diện tích sàn 1.499 m², khu KTX có 2 khối nhà 5 tầng với diện tích 5.458 m², xưởng thực hành kết hợp nhà thí nghiệm kết cấu lớn có diện tích sàn 3.400 m², khối giảng đường 1.000 chỗ kết hợp phòng hóa chất, phòng vẽ, triển lãm có diện tích sàn 4.220 m², nhà ăn có diện tích sàn 2.880 m²,... [H7.07.02.06].

Hàng năm, Nhà trường thông báo để các đơn vị cử người phối hợp với Phòng TCKT và Phòng QT&TB tiến hành kiểm kê tài sản theo các biểu mẫu do Nhà trường quy định [H7.07.02.07]. Trước ngày 31/12 hằng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê đối sánh các số lượng của đơn vị hiện có so với số lượng Nhà trường đang quản lý [H7.07.02.06], [H7.07.02.07]. Hằng năm, Phòng TCKT và Phòng QT&TB thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị [H7.07.02.08]. Tại các phòng vi tính, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, Phòng QT&TB đều triển khai Sổ Nhật ký sử dụng trang thiết bị và trên cơ sở đó, hằng năm, Phòng QT&TB thực hiện báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H7.07.02.09], [H7.07.02.10]. Bên cạnh đó, trong hội nghị CBVC hằng năm, Nhà trường báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị [H1.01.01.07].

Dựa trên kết quả kiểm kê và báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị cũng như báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ, hằng năm, Phòng QT&TB đề xuất với Nhà trường có điều chỉnh kế hoạch đầu tư, mua sắm vật tư, CSVC và cơ sở hạ tầng trong đó có các phương

tiện dạy và học, phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ ngày càng hiệu quả [H7.07.02.07], [H7.07.02.08], [H7.07.02.10], [H7.07.02.03], [H4.04.01.07]. Nhà trường ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó có phân công giao nhiệm vụ phòng QT&TB phối hợp với Phòng TCKT thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp CSVC và trang thiết bị, đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư cho CSVC, cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.02.05]. Trong giai đoạn từ 2019-2023, CSVC và trang thiết bị của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H7.07.02.06]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV thể hiện mức độ hài lòng về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng phục vụ đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CBVC của Trường và của các đơn vị hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng phục vụ đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.07]. Các ý kiến của SV tại các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng phục vụ đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

Tự đánh giá: 6/7.

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thiết lập và vận hành

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho phòng QT&TB là đơn vị cùng trực tiếp quản trị thiết bị và cơ sở hạ tầng CNTT [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Phòng QT&TB hiện có 25 thành viên, trong đó có 1 Trưởng phòng, 1 Phó trưởng phòng và 23 NV phục vụ, trong đó có thành lập tổ thực hiện công tác quản trị và thiết bị của Nhà trường [H7.07.02.01]. Phòng QT&TB ham mưu, đề xuất cho Trường các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực trực tiếp quản lý [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02].

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 do Nhà trường ban hành, trong đó có các nội dung về các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.02.07]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 thể hiện các nội dung đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp các thiết

bị CNTT và cơ sở hạ tầng để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.02.08]. Hằng năm, Nhà trường gửi thông báo kèm theo các biểu mẫu để các đơn vị đề xuất nhu cầu sử dụng thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập của đơn vị gửi về Phòng QT&TB [H7.07.02.03]. Các đơn vị đã đề xuất nhu cầu sử dụng thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập theo biểu mẫu và gửi về Phòng QT&TB [H7.07.02.03]. Trên cơ sở đó, Phòng QT&TB tổng hợp ý kiến các đơn vị lập thành dự thảo kế hoạch mua sắm thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, thông qua họp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để thống nhất nhu cầu sử dụng thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng [H1.01.01.15], [H7.07.02.03]. Trên cơ sở đó, Phòng QT&TB hoàn thiện kế hoạch sử dụng thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng để trình Hiệu trưởng phê duyệt và thông báo nội dung kế hoạch đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H7.07.02.03].

Căn cứ kế hoạch sử dụng thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Phòng QT&TB triển khai thực hiện theo quy trình mua sắm vật tư, trang thiết bị và quy trình thực hiện hoạt động bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H7.07.02.04]. Việc đầu tư mua sắm vật tư, trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được thực hiện lập hồ sơ và báo kết quả đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật [H7.07.02.05], [H7.07.01.05]. Hiện nay, Nhà trường có 08 phòng thực hành máy tính với hơn 400 máy tính và tất cả máy tính ở các đơn vị được kết nối mạng Internet, được phân bố đều trong phạm vi các đơn vị trong toàn Trường [H7.07.02.06]. Hệ thống mạng không dây miễn phí (wireless) được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Trường [H7.07.03.01]. Công tác quản lý các hoạt động của Nhà trường được tin học hóa, sử dụng các phần mềm quản lý chuyên dụng: Phần mềm QLĐT, phần mềm Kế toán, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm quản lý hành chính tổ chức,... [H7.07.01.06]. Nhà trường cấp cho mỗi đơn vị, CBVC một tài khoản Email mang tên miền của Trường (@mtu.edu.vn) để truyền đạt thông tin nội bộ chính xác và thống nhất [H7.07.03.02]. Đối với hệ thống mạng, Nhà trường đã lựa chọn VNPT, Viettel ký kết hợp đồng internet để phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và PVCĐ [H7.07.03.03].

Hằng năm, Nhà trường thông báo để các đơn vị cử người phối hợp với Phòng TCKT và Phòng QT&TB tiến hành kiểm kê tài sản theo các biểu mẫu do Nhà trường quy định [H7.07.02.07]. Trước ngày 31/12 hằng năm, Nhà trường tiến hành

kiểm kê đối sánh các số lượng của đơn vị hiện có so với số lượng Nhà trường đang quản lý [H7.07.02.06], [H7.07.02.07]. Hằng năm, Phòng TCKT và Phòng QT&TB thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị [H7.07.02.08]. Tại các phòng vi tính, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, Phòng QT&TB đều triển khai Sổ Nhật ký sử dụng trang thiết bị và trên cơ sở đó, hằng năm, Phòng QT&TB thực hiện báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H7.07.02.09], [H7.07.02.10]. Bên cạnh đó, trong hội nghị CBVC hằng năm, Nhà trường báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị [H1.01.01.07].

Dựa trên kết quả kiểm kê và báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị cũng như báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ, hằng năm, Phòng QT&TB đề xuất với Nhà trường có điều chỉnh kế hoạch đầu tư, mua sắm thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ ngày càng hiệu quả [H7.07.02.07], [H7.07.02.08], [H7.07.02.10], [H7.07.02.03], [H4.04.01.07]. Nhà trường ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó có phân công giao nhiệm vụ phòng QT&TB phối hợp với Phòng TCKT thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp CSVC và trang thiết bị, đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.02.05]. Trong giai đoạn từ 2019-2023, thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H7.07.02.06]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV thể hiện mức độ hài lòng về sử dụng thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CBVC của Trường và của các đơn vị hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.07]. Các ý kiến của SV tại các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về sử dụng thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống

mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thiết lập và vận hành

Trung tâm TT-TV, Phòng QT&TB được phân công quản trị nguồn lực hỗ trợ hiệu quả việc giảng dạy, học tập cũng như nguồn tài liệu của thư viện, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu có CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02], [H7.07.04.01]. Trung tâm TT-TV hiện có 05 CBVC, trong đó 01 Giám đốc, 04 NV và tham mưu cho Trường các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực TT-TV trực tiếp quản lý [H7.07.04.01]. NV Trung tâm TT-TV tham gia nhiều khóa tập huấn nghiệp vụ nâng cao năng lực chuyên môn [H7.07.04.01]. Trung tâm TT-TV là nơi CBVC, SV và người có nhu cầu nghiên cứu, học tập trao đổi kinh nghiệm với Trung tâm TT-TV các trường ĐH, phối hợp bổ sung, trao đổi tài liệu và chia sẻ nguồn lực thông tin, từng bước hiện đại hóa, tăng cường khả năng lưu trữ, khai thác và bảo quản các nguồn thông tin, tài liệu [H7.07.04.02], [H7.07.04.03].

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 do Nhà trường ban hành, trong đó có các nội dung về nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.02.07]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 thể hiện các nội dung đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.02.08]. Hằng năm, Nhà trường thông báo kèm theo các biểu mẫu thống nhất để yêu cầu các đơn vị đề xuất bổ sung nguồn tài liệu về nhu cầu nguồn lực học tập của đơn vị gửi về Trung tâm TT-TV [H7.07.04.04]. Căn cứ yêu cầu của CTĐT và nhu cầu nguồn học tập cho các năm học do các đơn vị đề nghị bổ sung, Trung tâm TT-TV, Phòng QT&TB tổng hợp, thông qua họp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để thống nhất và trên cơ sở đó Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch nguồn tài liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H1.01.01.15], [H7.07.04.04]. Trung tâm TT-TV thông báo kế hoạch sử dụng nguồn lực học tập của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng

day, CSDL trực tuyến đến các đơn vị để thực hiện [H7.07.04.04].

Căn cứ kế hoạch sử dụng nguồn lực học tập của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, Trung tâm TT-TV tiến hành bổ sung nguồn học liệu trên cơ sở áp dụng quy trình mua sắm vật tư [H7.07.02.04], [H7.07.04.07]. Hiện nay, Trung tâm TT-TV có nguồn tài liệu phong phú và đầy đủ, gồm: 2.832 đầu sách giấy, 01 thư viện số có thể khai thác sử dụng được hàng trăm nghìn tài liệu số từ nhiều nguồn, 02 phòng đọc và mượn sách với tổng diện tích 311 m², gồm 180 chỗ đọc sách, 01 server và 25 máy tính để tra cứu internet [H7.07.04.02], [H7.07.04.08]. Nhằm đáp ứng yêu cầu cho bạn đọc sử dụng và khai thác các tài liệu thư viện có hiệu quả, Trung tâm TT-TV xây dựng các văn bản hướng dẫn, quy định hoạt động của Trung tâm, gồm: Nội quy sử dụng thư viện, quy định về sử dụng và khai thác thư viện [H7.07.04.09]. Theo đó, Trung tâm TT-TV hoạt động từ 7h - 17h, từ thứ 2 đến thứ 6 hằng tuần [H7.07.04.09]. Bên cạnh đó, Trung tâm TT-TV ban hành hướng dẫn sử dụng thư viện để giúp bạn đọc dễ dàng khai thác và sử dụng các dịch vụ thư viện [H7.07.04.09]. Trung tâm TT-TV tin học hóa các nghiệp vụ thư viện dựa trên phần mềm quản lý thư viện [H7.07.04.10].

Nhà trường giao cho Trung tâm TT-TV, Phòng QT&TB thực hiện việc báo cáo đánh giá tổng kết hằng năm, quy định cụ thể về việc lập kế hoạch bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn tài liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02], [H7.07.04.01]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá về đầu tư bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Trung tâm TT-TV, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H7.07.04.11]. Bên cạnh đó, trong hội nghị CBVC hằng năm, Nhà trường báo cáo đánh giá về đầu tư bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Trung tâm TT-TV, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.07].

Hằng năm, Trung tâm TT-TV phối hợp với phòng TCKT và Phòng QT&TB tiến hành kiểm kê như nguồn tài liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.02.07], [H7.07.04.12]. Trung tâm TT-TV là đơn vị quản lý dữ liệu về nguồn lực học tập và dữ liệu đánh giá của bạn đọc về các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H7.07.04.08], [H7.07.04.10], [H7.07.04.13]. Trung tâm TT-TV thống kê số lượng mượn trả sách trực tuyến và trực tiếp [H7.07.04.14]. Dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến

được Trung tâm TT-TV cập nhật thường xuyên [H7.07.04.08], [H7.07.04.10], [H7.07.04.13].

Hàng năm, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của Trung tâm TT-TV, Phòng QT&TB luôn có các nội dung bổ sung, cập nhật nguồn học liệu của Trung tâm TT-TV, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Hiện nay, Nhà trường đang đầu tư Trung tâm TT-TV hiện đại, dự kiến đưa vào khai thác quý II năm 2023 [H7.07.04.15]. Mỗi năm, Trường dành kinh phí để đầu tư mua sắm sách, báo và nâng cấp thư viện, bao gồm cả sách tham khảo cho SV và GV đồng thời năm học 2022-2023, Nhà trường xây mới thư viện 4 tầng với tổng số tiền trong giai đoạn 2019-2023 là 47.947.663.446 đồng [H4.04.02.01]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV thể hiện mức độ hài lòng về nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến của Trường [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CBVC của Trường và của các đơn vị hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về về nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến của Trường [H1.01.01.07]. Các ý kiến của SV tại các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến của Trường [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Phòng QT&TB là đơn vị chịu trách nhiệm về cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của SV và những người có nhu cầu đặc biệt [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Phòng QT&TB hiện có 25 thành viên, trong đó có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 23 NV [H7.07.02.01]. CBVC Phòng QT&TB được tham gia khóa tập huấn về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.02.01].

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 do Nhà trường ban hành, trong đó có các nội dung về đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H1.01.02.07]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai

đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 thể hiện các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H1.01.02.08]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H1.01.01.24], [H1.01.01.25].

Trong kế hoạch xây dựng, đầu tư CSVC, Nhà trường luôn quan tâm tạo môi trường làm việc, học tập hiệu quả cho CBVC, NLD và SV, trong đó Trường đã đầu tư hệ thống điều hòa cho 100% phòng làm việc, phòng họp và phòng thực hành máy vi tính [H7.07.05.01], [H7.07.02.06]. Đồng thời, Nhà trường triển khai trồng cây xanh và đầu tư xây dựng sân vườn trong khuôn viên Trường [H7.07.05.02]. Hiện nay, công tác y tế học đường được Nhà trường quan tâm đặc biệt. Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng QT&TB tổ chức sơ cứu ban đầu, cấp thuốc cho CBVC, SV, phối hợp với các bệnh viện khám sức khỏe định kỳ cho CBVC, NLD và SV mới nhập học vào Trường [H7.07.05.03], [H7.07.05.04]. Hằng năm, Nhà trường thông báo đến tất cả CBVC, SV tham gia BHYT, bảo hiểm thân thể [H7.07.05.05]. Hiện nay, Nhà trường có hàng rào đảm bảo an toàn cho SV trong khuôn viên Trường, cách ly hoàn toàn môi trường xung quanh và có hợp đồng với công ty vệ sinh bảo vệ trực 24/24h [H7.07.05.02], [H7.07.05.06]. Ngoài lực lượng trên, Nhà trường có đầu tư lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên Trường như: cổng trường, KTX, khu vực cầu thang, lối đi chung, bãi xe,... [H7.07.03.03]. Nhà trường triển khai tuyên truyền không hút thuốc lá theo quy định [H7.07.05.07]. Nhà trường đã thành lập đội Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn, khi có sự cố xảy ra và cũng đã phối hợp với phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn công an tỉnh Vĩnh Long tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Trường [H7.07.05.08].

Phòng QT&TB là đơn vị quản lý dữ liệu, thống kê đánh giá, giám sát môi trường, sức khỏe, sự an toàn, khả năng tiếp cận của SV và những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.02.01]. Trong 5 năm gần đây, Nhà trường có 03 SV có nhu cầu đặc biệt học tập tại Trường [H7.07.05.09]. Hằng năm, Phòng TCKT và Phòng QT&TB thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị, trong đó có nội dung báo cáo về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.02.08]. Bên cạnh đó, trong hội nghị CBVC hằng năm, Nhà trường báo cáo về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H1.01.01.07]. Tại các phòng vi tính, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, Phòng QT&TB đều triển khai Sổ Nhật ký sử dụng trang thiết bị và trên cơ sở đó, hằng

năm, Phòng QT&TB thực hiện báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCD, trong đó có nội dung báo cáo theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện đối với môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.02.09], [H7.07.02.10].

Hàng năm, Phòng QT&TB đề xuất với Nhà trường điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư, mua sắm vật tư, CSVC và cơ sở hạ tầng cũng như đầu tư, mua sắm thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập nhằm đảm bảo môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của CBVC, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H7.07.02.03]. Nhà trường dành kinh phí để cải thiện môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của CBVC, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H4.04.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của CBVC, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng được đảm bảo và cải thiện [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV thể hiện mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của CBVC, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng của Trường [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CBVC của Trường và của các đơn vị hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của CBVC, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng của Trường [H1.01.01.07]. Các ý kiến của SV tại các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của CBVC, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng của Trường [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 7

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đã xây dựng, ban hành hệ thống văn bản phục vụ cho việc triển khai công tác lập kế hoạch về tài chính, quản lý tài chính, tăng cường các nguồn lực tài chính trong, ngoài Nhà trường theo đúng các quy định của Nhà nước.

- Trường đã được Bộ Xây dựng giao quyền thực hiện tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính, trên cơ sở đó, trong giai đoạn 2019-2023, nguồn thu hợp pháp của Trường qua từng năm được đa dạng hóa từ nhiều nguồn thu từ các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

- Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản và thực hiện đồng bộ công tác quản lý CSVC, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng thông tin như: máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập như nguồn tài liệu cho thư viện, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở học liệu trực tuyến từ khâu lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp.

- Trường trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng CSVC, các thiết bị CNTT và hệ thống máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập, nguồn dữ liệu của thư viện, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD.

- Trường được Bộ Xây dựng phê duyệt đầu tư CSVC với tổng mức đầu tư trên 440 tỷ đồng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD.

- Nhà trường xây dựng, quản lý CSDL về CSVC, xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, trong đó có CNTT, cơ sở hạ tầng thông tin như: máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật, quyền truy cập, các nguồn lực học tập ở cấp trường và cấp đơn vị.

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các đơn vị quản trị về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của người có nhu cầu đặc biệt.

- Kết quả khảo sát ý kiến CB, GV, NV, SV thể hiện mức độ hài lòng về CSVC, hạ tầng, các phương tiện dạy học, các phòng thực hành thí nghiệm, thiết bị dạy học, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng đầu sách ngoại văn về chuyên ngành còn hạn chế so với nhu cầu.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường số lượng sách ngoại văn về chuyên ngành.	TT-TV	2024-2025	
2	Phát huy	Kiểm tra, rà soát, ban hành hệ thống các văn bản, triển khai	TCKT	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 1	công tác lập kế hoạch thu chi tài chính, quản lý tài chính, tăng cường các nguồn lực tài chính của Nhà trường theo đúng các quy định.			
3	Phát huy điểm mạnh 2	Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tăng nguồn thu hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.	TCKT	Hằng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Rà soát, ban hành, điều chỉnh hệ thống văn bản quản lý CSVC, cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị CNTT phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCD.	QT&TB, TCKT, TT-TV	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Rà soát bổ sung CSVC, cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT, các nguồn lực học tập, nguồn tài liệu của thư viện, luôn tăng cường trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD.	QT&TB, TCKT, TT-TV	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục xây dựng CSVC khu A và khu B theo Dự án đã được phê duyệt.	Tổ Quản lý dự án, QT&TB	Hằng năm	
7	Phát huy	Xây dựng và quản lý CSDL CSVC, trang thiết bị CNTT,	TCHC,	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 6	cơ sở hạ tầng thông tin như: máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, nguồn lực học tập ở cấp trường, cấp đơn vị.	TCKT, TT-TV		
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tăng cường quản trị về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt.	QT&TB, CTCTSV, các đơn vị	Hằng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục khảo sát ý kiến CBVC, NLĐ, SV về CSVC, hạ tầng, phương tiện dạy học, phòng thực hành thí nghiệm, thiết bị dạy học, thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng.	KT&ĐBCL các đơn vị	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	5,2
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	6
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Nhằm triển khai hiệu quả tối đa các hoạt động đối ngoại, một số đơn vị đặc thù về công tác này cũng được thành lập nhằm mở rộng hợp tác cả về số lượng và phạm vi hợp tác, theo quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHXDMT [H1.01.01.02], Nhà trường giao nhiệm vụ cho Viện KH&HTQT là đơn vị thực hiện công tác quản lý, phát triển và tổ chức các hoạt động HTQT của Nhà trường, mở rộng các quan hệ, hình thức hợp tác, khai thác hiệu quả quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế trong đào tạo, NCKH, trao đổi GV, SV; phối hợp với các cá nhân, tổ chức trong đào tạo, NCKH có yếu tố nước ngoài và phát triển mạng lưới đối tác [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Bên cạnh đó, BGH Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng chỉ đạo công tác KH&CN và HTQT [H3.03.04.04]. Viện KH&HTQT hiện có 01 Viện trưởng, 02 Viện phó và 07 nhân viên [H8.08.01.01]. CBVC Viện KH&HTQT được cử tham gia khóa tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về quản lý hoạt động NCKH và HTQT [H8.08.01.01].

Nhà trường đã xây dựng các quy định về quản lý hoạt động HTQT và trên cơ sở đó ban hành các quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân công, phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại thông qua chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị [H8.08.01.02]. Theo đó, Phòng CTCTSV, Ban TVTS&HN, các đơn vị xây dựng và triển khai mạng lưới quan hệ hợp tác với doanh nghiệp trong nước và các trung tâm xây dựng kế hoạch hợp tác sản xuất, NCKH, CGCN, bồi dưỡng và sát hạch tay nghề công nhân cho các cơ quan, doanh nghiệp [H8.08.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng và ban hành quy định làm việc với các đối tác trong và ngoài nước, các quy định về quản lý CBVC, NV của Nhà trường đi công tác, học tập trong và ngoài nước, quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Trường [H8.08.01.03], [H8.08.01.04], [H8.08.01.05]. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu thế hội nhập quốc tế của quốc gia nói chung và trong giáo dục nói riêng, hoạt động đối ngoại là một trong những nhiệm vụ chiến lược quan trọng của Nhà trường để nâng cao vị thế, uy tín, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 xác định kế hoạch và giải pháp phát triển các đối tác hợp tác trong và ngoài nước để đạt được SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H1.01.02.07]. Theo Chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030, Nhà trường tiếp tục triển khai quy định mới về quản lý hoạt động HTQT trong Nhà trường; thực hiện tốt các chương trình, dự án đang

triển khai và xây dựng một số dự án mới theo nhu cầu phát triển của từng đơn vị, tiếp tục phát triển mối quan hệ với các đối tác nước ngoài trong các chương trình trao đổi SV, GV; ngoài ra chú trọng đẩy mạnh quan hệ hợp tác với Lào, Thái Lan, Campuchia, Nhật Bản, Đài Loan, Philippines,... dựa trên những mối quan hệ hợp tác thành công với các trường. Triển khai cụ thể các hoạt động hợp tác NCKH, tổ chức hội thảo, liên kết đào tạo với các đối tác đã ký thỏa thuận với Nhà trường,... [H1.01.02.07]. Ngoài ra, trong kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 thể hiện các nội dung phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.01.02.08].

Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường luôn được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường thông qua các báo cáo tổng kết hằng năm của Nhà trường và báo cáo tổng kết của các đơn vị cũng như đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, của Viện KH&HTQT [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.21], [H8.08.01.06]. Trong chiến lược và kế hoạch phát triển, Nhà trường tập trung đẩy mạnh hợp tác với các CSGD ở các nước ASEAN và các nước có nền giáo dục, KH&CN phát triển để tranh thủ đào tạo đội ngũ, tăng cường hoạt động trao đổi GV và SV, đồng thời, Nhà trường cũng đề ra các giải pháp đẩy mạnh hợp tác với các trường, các doanh nghiệp thông qua việc ký kết các chương trình liên kết đào tạo, NCKH và chuyển giao KH&CN, tuyển dụng và sử dụng lao động [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Mối quan hệ giữa Nhà trường với các đối tác ngày càng phát triển theo chiều sâu và phát triển mở rộng thêm các đối tác khác trong khu vực và cả nước [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã tích cực thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác, tổ chức đón tiếp nhiều đối tác trong và ngoài nước, ký kết hợp tác với nhiều đối tác nước ngoài [H1.01.02.15], [H8.08.01.07]. Bên cạnh đó, các buổi hội thảo, giao lưu GV, SV với các trường nước ngoài, tổ chức thực tế chuyên môn cho SV tại nước ngoài cũng đã được Nhà trường triển khai thực hiện trong thời gian qua [H1.01.01.12], [H8.08.01.08], [H8.08.01.09], [H8.08.01.10].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, Nhà trường triển khai thực hiện các hoạt động quan hệ đối ngoại

trên cơ sở các văn bản quy định, quy chế của Nhà trường nhằm tìm kiếm, trao đổi thông tin, ký kết hợp đồng, ký cam kết hợp tác với các đối tác trên tất cả lĩnh vực: đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật, hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV [H1.01.02.07], [H8.08.01.02]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị có các nội dung cụ thể triển khai các hoạt động đối ngoại theo kế hoạch, thực hiện các thỏa thuận đã ký kết [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.15]. Nhà trường tổ chức hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, giao lưu trao đổi học thuật, cử CBVC tham gia nghiên cứu sinh, giảng dạy ở các nước tiên tiến như Mỹ, Hàn Quốc, Đài Loan, triển khai các cam kết về hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV [H1.01.01.12].

Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại theo kế hoạch, thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, theo đó đã triển khai được nhiều hoạt động thực tế, đem lại hiệu quả và lợi ích cho Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như: mời GV các trường ĐH giảng dạy, trao đổi, giao lưu học thuật; tổ chức các đoàn tham quan và hợp tác với các trường ĐH ở Anh, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Hàn Quốc, Đài Loan, Philippines,... tổ chức trao đổi SV các khóa ngắn hạn, SV tình nguyện; tổ chức các khóa huấn luyện kỹ năng tìm việc làm cho SV do các doanh nghiệp tài trợ và trực tiếp huấn luyện; tổ chức ngày hội việc làm để các doanh nghiệp giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp ra trường; tổ chức ký kết hợp tác tài trợ học bổng cho SV giữa Nhà trường với các đối tác là các doanh nghiệp trong nước [H8.08.01.07], [H8.08.01.08], [H8.08.01.09], [H8.08.01.10]. Nhà trường đã hợp tác với Đại sứ quán Lào, tỉnh Xiêng Khoảng đào tạo lưu học sinh tại Trường, tổng cộng 8 lưu học sinh Lào [H8.08.01.09]. Triển khai hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, SV với đối tác trong và ngoài nước được nhà trường thực hiện thông qua các hoạt động hợp tác như: liên kết đào tạo, trao đổi GV, SV phối hợp tổ chức hội thảo khoa học, thực hiện các đề tài NCKH được Nhà trường tổ chức triển khai hằng năm [H1.01.01.12], [H2.02.04.09], [H8.08.02.01], [H8.08.02.02].

Các văn bản quản lý hoạt động đối ngoại và kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường luôn được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, của Viện KH&HTQT [H8.08.01.02], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.01.21], [H8.08.01.06]. Nhà trường ký kết hợp tác với nhiều đối tác trong nước, trong đó có các đối tác lớn và uy tín như: Công ty Xây dựng và Phát triển phần mềm Aureole, Công ty Vinpearl (Tập đoàn Vingroup), Công ty TNHH Bạch Kim Toàn Cầu, Công ty cổ phần đầu tư Phan Vũ, Công ty phát triển nguồn nhân lực Tsubaki, Công ty

Aoki, Công ty Tsuno, Công ty Excel Sior,... và triển khai nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước theo chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch của Trường [H1.01.02.15], [H8.08.01.07], [H1.01.02.07], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác ngoài nước theo chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch của Trường với nhiều doanh nghiệp nước ngoài, các trường ĐH ở nước ngoài, một số đối tác nước ngoài có mối quan hệ mật thiết với nhà trường như: Trường ĐH Laguna (Philippines), Trường ĐH Quốc gia Lào, Trường ĐH Phranakhon Rajabhat (Thái Lan), ĐH Naresuan (Thái Lan), Trường ĐH KH&CN Quốc gia Seoul (Hàn Quốc), Trường ĐH Quốc Lập Trung ương NCU (Đài Loan), ĐH Quốc Gia Hsing (Đài Loan), ĐH Quốc tế Jinda O.P (Ấn Độ), Tổ chức Nhân lực kỹ năng xây dựng Nhật Bản (JAC), Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực kỹ thuật cao và Du học Nhật Thành,... [H1.01.02.15], [H8.08.01.07], [H1.01.02.07], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Hằng năm, Nhà trường ký kết biên bản ghi nhớ/thỏa thuận/hợp đồng với các đối tác ngoài nước, nội dung ký kết được các bên tổ chức triển khai hiệu quả giúp hiện thực mục tiêu của Nhà trường và tạo điều kiện cho GV, SV được tham quan, giao lưu, trao đổi, làm việc,... [H1.01.01.12], [H2.02.04.09], [H8.08.01.08]. Bên cạnh sự hợp tác về đào tạo, Nhà trường tích cực hợp tác với các cơ quan, tổ chức, CSGD, cơ sở nghiên cứu để phối hợp thực hiện đề tài NCKH các cấp, đăng tải các bài báo trên các tạp chí uy tín quốc tế [H8.08.02.01], [H8.08.02.02]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV thể hiện mức độ hài lòng về hoạt động đối ngoại của Trường [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CBVC của Trường và của các đơn vị hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về hoạt động đối ngoại của Trường [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác mạng lưới và quan hệ đối ngoại để có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế thông qua các cuộc họp giao ban của BGH với lãnh đạo các đơn vị, trong đó họp rà soát về hiệu quả hoạt động hợp tác [H1.01.01.15], [H2.02.02.07], [H8.08.03.01]. Kết quả rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác mạng lưới và quan hệ với các đối tác trong nước thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường, của Viện KH&HTQT và các đơn vị [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Bên cạnh đó, hoạt động rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác mạng lưới và quan hệ với các đối tác trong nước thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.01.07].

Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo rà soát các hoạt động hợp tác, các đối tác trong NCKH và HTQT [H8.08.03.02]. Đối với các đối tác là doanh nghiệp trong nước, Viện KH&HTQT, Phòng CTCTSV, Ban TVTS&HN theo dõi, rà soát và đánh giá năng lực doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ SV, rà soát các văn bản, nội dung thỏa thuận so với năng lực của doanh nghiệp [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02], [H1.01.02.15]. Đối với các đối tác liên kết đào tạo trong nước, nội dung rà soát tập trung chủ yếu vào rà soát, đối chiếu các văn bản pháp luật hiện hành về chế độ chính sách của Nhà nước; quy chế, quy định các bộ, ngành liên quan; rà soát các hợp đồng đào tạo với quy chế chi tiêu nội bộ để so sánh, đánh giá mức độ hiệu quả của các hợp đồng đã triển khai thực hiện [H1.01.02.15]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức rà soát công tác liên kết đào tạo với các trường ĐH, CĐ trong nước để từ đó áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả liên kết,... [H8.08.03.03].

Đối với các hoạt động HTQT, Viện KH&HTQT thường xuyên rà soát, rút kinh nghiệm sau các cuộc làm việc, hội nghị, hội thảo khoa học, rà soát các quy định về HTQT, quản lý đoàn ra đoàn vào, trao đổi SV, đưa CB, GV đi nước ngoài tham quan, học tập, NCKH đảm bảo phù hợp với chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác của Nhà trường [H1.01.02.15], [H8.08.03.04], [H8.08.03.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện báo cáo công tác HTQT và xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2018-2020, 2020-2022 và báo cáo công tác KHCN&HTQT giai đoạn 2015-2020, trong đó rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ ngoài nước [H8.08.01.07]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường không có vi phạm trong hoạt động HTQT, việc hợp tác liên kết đào tạo với các đối tác thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, được sự ủng hộ mạnh mẽ của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Vĩnh Long và các đơn vị liên quan, hoạt động ký kết hợp tác với các doanh nghiệp ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu [H8.08.03.02], [H8.08.01.07]. Với các đối tác trong nước và nước ngoài, Nhà trường luôn giữ được mối quan hệ tốt và thường xuyên giao lưu trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ cùng phát triển [H8.08.03.06].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước, Nhà trường triển khai áp dụng nhiều biện pháp nhằm phát triển số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại [H8.08.03.02], [H8.08.01.07].

Giai đoạn 2019-2023, với sự cố gắng tích cực của các đơn vị, CBVC và SV, hoạt động đối ngoại của Nhà trường đã có sự phát triển tích cực, mạng lưới hợp tác liên tục được mở rộng, nhiều đối tác mới đã đến thăm, làm việc và ký hợp đồng/biên bản/thỏa thuận hợp tác với Nhà trường, cụ thể: hợp tác với nhiều trường THPT, doanh nghiệp, các trường ĐH, CĐ trong và ngoài nước [H1.01.02.15]. Số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường tăng lên với nhiều kết quả khả quan về hoạt động đối ngoại, trong đó Nhà trường ký kết hợp tác với nhiều đối tác trong nước, trong đó có các đối tác lớn và uy tín như: Công ty Xây dựng và Phát triển phần mềm Aureole, Công ty Vinpearl (Tập đoàn Vingroup), Công ty TNHH Bạch Kim Toàn Cầu, Công ty cổ phần đầu tư Phan Vũ, Công ty phát triển nguồn nhân lực Tsubaki, Công ty Aoki, Công ty Tsuno, Công ty Excel Sior,... một số đối tác nước ngoài có mối quan hệ mật thiết với nhà trường như: Trường ĐH Laguna (Philippines), Trường ĐH Quốc gia Lào, Trường ĐH Phranakhon Rajabhat (Thái Lan), ĐH Naresuan (Thái Lan), Trường ĐH KH&CN Quốc gia Seoul (Hàn Quốc), Trường ĐH Quốc Lập Trung ương NCU (Đài Loan), ĐH Quốc Gia Hsing (Đài Loan), ĐH Quốc tế Jinda O.P (Ấn Độ), Tổ chức Nhân lực kỹ năng xây dựng Nhật Bản (JAC), Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực kỹ thuật cao và Du học Nhật Thành,... [H1.01.02.15].

Để cải thiện mối quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nhằm đạt được SM, TN và các mục tiêu chiến lược đã đề ra, Nhà trường điều chỉnh, ban hành Quy định về HTQT, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài, Quy định, quy trình làm việc, cam kết hợp tác với các đối tác nước ngoài, Quy chế về quản lý người nước ngoài học tập tại Trường,... [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04], [H8.08.01.05],... Bên cạnh đó, Nhà trường đa dạng hóa các mối quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới các đối tác (liên kết hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và CGCN; tham gia các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các CLB trao đổi học thuật chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý tổ chức các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ,...) [H1.01.02.15], [H1.01.01.12], [H8.08.02.01], [H8.08.02.02]. Nhà trường đẩy mạnh hoạt động cử CBVC, SV đi công tác, học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài như: Nhật Bản, Ấn Độ, Đài Loan, Thái Lan, Philippines, Anh,... [H8.08.01.08], [H8.08.01.09], [H8.08.01.10], [H2.02.04.09]. Kết quả trong giai đoạn 2019-2023, hoạt động hợp tác với các đối tác đã thu được những kết quả nhất định, số lượng các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại ngày càng nâng cao; thực hiện được nhiều hợp đồng, ký hợp tác, biên bản ghi nhớ, thỏa thuận với các đối tác; đặc biệt, trong hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp đã giúp cho SV có cơ hội đi thực tập, trải nghiệm, nhận học bổng,

được làm việc ngay trong quá trình học tập; nhiều SV có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp ĐH [H1.01.02.14], [H8.08.01.07], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV thể hiện mức độ hài lòng về hoạt động đối ngoại của Trường [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CBVC của Trường và của các đơn vị hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về hoạt động đối ngoại của Trường [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường phân công bộ phận chuyên trách về lĩnh vực HTQT nhằm tham mưu xây dựng các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại.

- Nhà trường ban hành Quy định quản lý hoạt động HTQT, các quy trình thực hiện các hoạt động HTQT nhằm giám sát, đảm bảo các hoạt động liên quan đến lĩnh vực HTQT được thực hiện đúng quy định.

- Trong Quy định về hoạt động HTQT do Trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát, phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại, trách nhiệm của các đơn vị, CB, GV, NV, SV trong công tác đối ngoại của Trường.

- Hệ thống thông tin của Trường thông suốt, đảm bảo cho các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được phổ biến đến các đơn vị.

- Nhà trường luôn quan tâm, theo dõi việc thực hiện các kế hoạch đối ngoại cũng như thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký kết, đồng thời chú trọng vào việc thực hiện các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi GV, trao đổi học thuật, tạo điều kiện cho SV tham gia các chương trình thực tập sinh quốc tế, tham gia giao lưu với các trường ĐH ở nước ngoài.

- Nhà trường định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả các thỏa thuận hợp tác và trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với chế độ, chính sách của Nhà nước, phù hợp với quy chế, quy định của các bộ, ngành, địa phương và phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường.

- Giai đoạn 2019-2023, Nhà trường có sự phát triển chất lượng, số lượng đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại và đa dạng về các hoạt động hợp tác có hiệu quả.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nhà trường chưa triển khai thực hiện chương trình liên kết đào tạo với các đối

tác nước ngoài.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình liên kết đào tạo với các đối tác nước ngoài	KH&HTQT, QLĐT, ĐTTX	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện tốt công tác điều hành, quản lý hoạt động HTQT.	BGH, KH&HTQT, QLĐT	Hằng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát quy định quản lý hoạt động HTQT, quy trình thực hiện các hoạt động HTQT.	KH&HTQT	Hằng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Rà soát cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát, phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại, trách nhiệm của các đơn vị, CB. GV, NV, SV trong công tác đối ngoại của Trường.	KH&HTQT	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Thường xuyên rà soát, kiểm tra, bảo trì hệ thống thông tin của Trường.	QLĐT, TT-TV	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tăng cường số lượng và hiệu quả của các chương trình trao đổi học thuật, trao đổi GV, trao đổi SV	KH&HTQT, QLĐT, ĐTTX	Hằng năm	
7	Phát huy	Thường xuyên rà soát, đánh	KH&HTQT,	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 6	giá hiệu quả các thỏa thuận hợp tác với các đối tác.	QLĐT, ĐTTX		
8	Phát huy điểm mạnh 7	Xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng, sự đa dạng, hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại.	KH&HTQT, QLĐT	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	5,0
Tiêu chí 8.1	5,0
Tiêu chí 8.2	5,0
Tiêu chí 8.3	5,0
Tiêu chí 8.4	5,0

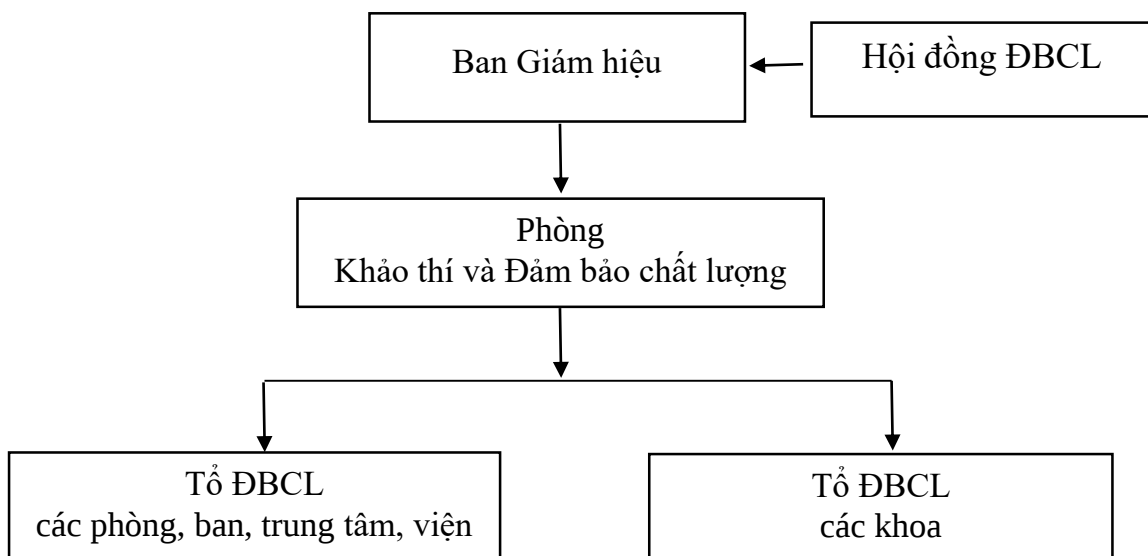
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

Phòng KT&ĐBCL được thành lập theo Quyết định số 75/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/3/2012 trên cơ sở tách bộ phận KT&ĐBCL của Phòng QLĐT Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây [H3.03.01.02]. Phòng KT&ĐBCL có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện và quản lý 2 lĩnh vực: Khảo thí, ĐBCL [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Phòng KT&ĐBCL hiện có 07 thành viên gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 05 NV, trong đó 02 thành viên có chứng chỉ hoàn thành CTĐT kiểm định viên, tất cả thành viên được bồi dưỡng về

ĐBCL theo yêu cầu công việc [H09.09.01.01]. Trưởng phòng chỉ đạo chung công việc của Phòng và phụ trách chính mảng ĐBCL, các thành viên được phân công theo từng mảng công việc đồng thời có luân chuyển công việc trong phòng nhằm phát huy hiệu quả cao nhất trách nhiệm của từng cá nhân [H09.09.01.01].

Để xây dựng Hệ thống ĐBCL bên trong, Hiệu trưởng phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác ĐBCL [H3.03.04.04]. Nhà trường thành lập Hội đồng ĐBCLGD của Trường theo Quyết định số 210/QĐ-ĐHXDMT ngày 18/4/2022 và tổ ĐBCL ở các đơn vị [H2.02.01.18], [H2.02.01.19]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Quyết định số 211/QĐ-ĐHXDMT ngày 18/4/2022 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng ĐBCLGD và Quyết định số 109/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/4/2020 về Quy định ĐBCL xác định cơ cấu tổ chức ĐBCL bên trong, quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong mạng lưới cũng như hướng dẫn kế hoạch hoạt động ĐBCL của Nhà trường [H2.02.01.27], [H09.09.01.02]. Trong hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường, Hội đồng ĐBCLGD: tham mưu các chủ trương, chính sách chất lượng; thông qua kế hoạch ĐBCL trong từng giai đoạn và năm học; giám sát hoạt động ĐBCLGD; đánh giá kết quả thực hiện ĐBCLGD của các đơn vị trong Nhà trường; Phòng KT&ĐBCL tham mưu Hội đồng ĐBCLGD quản lý, tổng hợp đề xuất ý kiến và chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động về ĐBCLGD của Nhà trường theo chỉ đạo của Hội đồng ĐBCLGD; Tổ ĐBCLGD các đơn vị phối hợp triển khai các hoạt động ĐBCLGD, thu thập minh chứng và báo cáo kết quả về Hội đồng ĐBCLGD thông qua Phòng KT&ĐBCL [H2.02.01.18], [H2.02.01.19].



Hình 9.1.1. Sơ đồ hoạt động của Hệ thống ĐBCL bên trong

Định hướng hoạt động ĐBCL cho giai đoạn phát triển, bên cạnh nội dung về ĐBCL được đề cập đến trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm

2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, Nhà trường ban hành Kế hoạch ĐBCL Trường ĐHXDMT giai đoạn 2019-2023 tầm nhìn 2030 [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của các đơn vị, đặc biệt là của Phòng KT&ĐBCL luôn có các nội dung triển khai hoạt động ĐBCL [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Nhà trường ban hành và triển khai hệ thống văn bản về ĐBCL đến các đơn vị trong toàn trường, đồng thời yêu cầu phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H2.02.01.18], [H2.02.01.19], [H2.02.01.27]. Bên cạnh đó, các văn bản về ĐBCL được đăng tải trên website của Trường, của Phòng KT&ĐBCL và niêm yết trong Sổ tay ĐBCL [H1.01.01.21], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04].

Để tăng cường năng lực hoạt động ĐBCL, Nhà trường cử CBVC tham gia bồi dưỡng CTĐT kiểm định viên, tham dự các đợt tập huấn về ĐBCL trong và ngoài Trường [H2.02.04.09]. Từ năm 2018, Nhà trường liên hệ Trung tâm Kiểm định CLGD - ĐH Đà Nẵng tổ chức các khóa tập huấn và xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT [H2.02.04.11]. Bên cạnh đó, để học hỏi, hiểu rõ được nội dung công việc ĐGN, căn cứ vào thông báo và được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm định CLGD - ĐH Đà Nẵng, Nhà trường đã cử CBVC quan sát viên ĐGN tại các trường ĐH, từ đó, CBVC đã nâng cao nghiệp vụ chuyên môn trong công tác và có những đề xuất cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động TĐG, ĐGN CSGD [H9.09.01.05]. Ngoài ra, Nhà trường có 2 CBVC tham gia thành viên đoàn ĐGN của Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng đánh giá trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh [H9.09.01.06].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 nêu rõ định hướng hoạt động ĐBCL cho giai đoạn phát triển, trong đó thể hiện chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực

[H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Bên cạnh đó, chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực được thể hiện trong Kế hoạch ĐBCL Trường ĐHXDMT giai đoạn 2019-2023 tầm nhìn 2030 [H4.04.01.07]. Trên cơ sở đó, trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của các đơn vị, đặc biệt là của Phòng KT&ĐBCL luôn có các nội dung triển khai hoạt động ĐBCL với sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực cho CBVC của Trường về hoạt động ĐBCL [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Nhà trường gửi Kế hoạch ĐBCL Trường ĐHXDMT giai đoạn 2019-2023 tầm nhìn 2030 và kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của các đơn vị đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H4.04.01.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25].

Chính sách ĐBCL của Nhà trường được thể hiện rõ Nghị quyết số 06/NQ-HĐTr ngày 20/8/2021 đề công tác ĐBCL phát triển toàn diện trong hoạt động đào tạo là: “Xây dựng và phát triển hệ thống ĐBCLGD bên trong phù hợp với SM, mục tiêu và điều kiện thực tế của Trường” [H1.01.01.02]. Trong Chiến lược phát triển Nhà trường và chính sách ĐBCL trong Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019-2023 thể hiện sự ưu tiên xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng, số lượng [H1.01.02.07], [H4.04.01.07]. Bên cạnh đó, Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn 2030 có mục tiêu là: “Xây dựng hoàn thiện Hệ thống ĐBCLGD của Nhà trường; Rà soát và cải tiến tất cả các hoạt động của Nhà trường theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD của Bộ GD&ĐT; Triển khai TĐG và ĐGN CSGD và CTĐT theo tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và khu vực; Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và CGCN” [H4.04.01.07]. Giai đoạn 2019-2023, Nhà trường cử nhiều CBVC tham dự tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL cũng như các khóa tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, lý luận chính trị,... [H2.02.04.09], [H2.02.04.10], [H2.02.04.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ chi phí và tạo điều kiện tối đa về thời gian để hoàn thành nhiệm vụ khóa học theo quy chế, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC [H2.02.04.08], [H2.02.01.29]. Trường chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có nghiệp vụ, chuyên môn vững vàng về ĐBCL trong hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ [H2.02.04.10], [H9.09.01.01], [H9.09.01.05], [H9.09.01.06].

Các văn bản về ĐBCL được phổ biến đến các bên liên quan thông qua đăng tải trên website của Trường, của Phòng KT&ĐBCL và niêm yết trong Sổ tay ĐBCL [H1.01.01.21], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]. Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan và phân công trách nhiệm cụ thể đến các đơn

vị thực hiện, trong đó Phòng KT&ĐBCL khảo sát ý kiến CBVC, SV về hoạt động đào tạo, phục vụ của Trường, Phòng CTCTSV khảo sát ý kiến cựu SV và nhà tuyển dụng, Phòng QLĐT tổ chức hội nghị, hội thảo đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp [H1.01.01.13]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về hoạt động của Trường [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định, kế hoạch và triển khai lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV [H9.09.02.01]. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan được gửi đến các đơn vị để tham khảo, tiếp thu xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai nhằm cải tiến chất lượng hoạt động của Nhà trường [H1.01.01.19], [H9.09.02.01].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Nhằm cụ thể hóa Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, hằng năm, Nhà trường và các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học, trong đó cụ thể hóa chiến lược về ĐBCL của Trường [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Bên cạnh đó, Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn 2030 được cụ thể hóa thành kế hoạch hoạt động hằng năm, thể hiện rõ các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, kế hoạch khoa học và chặt chẽ nhằm xây dựng, phát triển, hoàn thiện hệ thống ĐBCLGD nội bộ, thực hiện đánh giá, kiểm định chất lượng CSGD và CTĐT nhằm tạo bước chuyển biến tích cực trong công tác ĐBCLGD, hình thành văn hóa chất lượng trong Nhà trường [H4.04.01.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Nhà trường gửi Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25].

Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường phổ biến, quán triệt, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị phổ biến Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, Kế

hoạch ĐBCL giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học thông qua các cuộc họp giao ban của đơn vị và với SV tại các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai nhiều khóa tập huấn nâng cao năng lực về ĐBCL cho CB, GV, NV cũng như tạo điều kiện để đội ngũ CB, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL và KĐCL [H2.02.04.09], [H2.02.04.10], [H2.02.04.11]. Nhà trường đã cử CBVC quan sát viên ĐGN tại các trường ĐH, từ đó, CBVC đã nâng cao nghiệp vụ chuyên môn trong công tác và có những đề xuất cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động TĐG, ĐGN CSGD [H9.09.01.05]. Đến nay, Nhà trường có 7 viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chương trình kiểm định viên và có 2 CBVC tham gia thành viên đoàn ĐGN của Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng đánh giá trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh [H2.02.04.09], [H9.09.01.06].

Hàng năm, Nhà trường triển khai các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch năm học đã ban hành và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị lấy ý kiến của ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV và triển khai khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về hoạt động của Trường [H9.09.02.01], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan được gửi đến các đơn vị để tham khảo, tiếp thu xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai nhằm cải tiến chất lượng hoạt động của Nhà trường [H1.01.01.19], [H9.09.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, với sự quan tâm đầu tư của Nhà trường đối với hoạt động ĐBCL đã góp phần vào thành tích đạt được của Trường trong ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H6.06.05.02], [H2.02.03.07], [H4.04.02.02].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai

Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã ban hành Quy chế văn thư lưu trữ của Trường theo Quyết định số 180/QĐ-ĐHXDMT ngày 30/6/2020 thay thế cho

Quy chế văn thư lưu trữ của Trường ban hành theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/8/2012 [H2.02.01.31]. Theo đó, văn bản, hồ sơ liên quan do đơn vị cụ thể soạn thảo thì đơn vị đó lưu trữ [H2.02.01.31]. Đối với các văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL trước khi ban hành phải được Ban TTPC kiểm tra, rà soát và phòng TCHC phổ biến đến các đơn vị, cá nhân trong Trường qua email công vụ, các cuộc họp, trang thông tin điện tử, phát thanh nội bộ của Trường, lưu trữ tại Phòng TCHC và các đơn vị có liên quan [H2.02.01.31], [H9.09.04.01], [H1.01.01.15], [H1.01.01.21], [H9.09.04.02]. Dữ liệu về đội ngũ được lưu trữ và quản lý bằng hồ sơ giấy, phần mềm quản lý nhân sự do Phòng TCHC phụ trách [H6.06.03.03], [H7.07.01.06], [H3.03.03.01]. Toàn bộ văn bản hành chính, quyết định, thông báo,... lưu trữ, quản lý bản cứng, file mềm trên máy tính và chia sẻ trực tuyến trên Google Drive cho các đơn vị do Phòng TCHC phụ trách],[H7.07.01.06], [H3.03.03.01]. Đối với thông tin về CTĐT, kế hoạch đào tạo, lịch học, lịch thi,... của các hệ đào tạo được lưu trữ và quản lý trên phần mềm QLĐT do Phòng QLĐT phụ trách [H7.07.01.06], [H9.09.04.03]. Tất cả thông tin về kết quả thi của SV được lưu trữ và quản lý trên phần mềm QLĐT do Phòng KT&ĐBCL và Phòng QLĐT phụ trách [H7.07.01.06], [H9.09.04.03], [H9.09.01.01]. Toàn bộ thông tin về SV (lý lịch, hồ sơ,...) do phòng QLĐT phụ trách; cựu SV, các chính sách hỗ trợ SV (học bổng, vay vốn, kỷ luật, khen thưởng,...) do Phòng CTCTSV phụ trách, lưu trữ và quản lý [H7.07.01.06], [H9.09.04.04]. Toàn bộ thông tin về tài chính, công tác thu chi,... được quản lý trên phần mềm kế toán MISA do Phòng TCKT phụ trách [H7.07.01.06], [H7.07.01.01].

Với nhiệm vụ là đơn vị thường trực công tác ĐBCL, toàn bộ hệ thống tài liệu liên quan đến công tác ĐBCL bao gồm các quy định, quy chế, kế hoạch năm học, báo cáo tổng kết năm học,... được lưu trữ bản cứng và bản mềm tại Phòng KT&ĐBCL [H2.02.01.31], [H9.09.01.01], [H2.02.01.27], [H9.09.01.02], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Đối với văn bản đến, văn thư giao cho Trưởng phòng và Trưởng phòng sẽ lưu trong tệp văn thư theo các mục: Khảo thí hoặc ĐBCL và đối với văn bản đi, sau khi trình cho cấp có thẩm quyền ký ban hành, văn thư Nhà trường sẽ lưu bản chính đồng thời gửi cho các đơn vị và cá nhân đúng theo nơi nhận của văn bản [H2.02.01.31], [H9.09.01.01]. Việc lưu trữ các văn bản đi và đến này do 01 NV phòng KT&ĐBCL phụ trách [H9.09.01.01]. Tệp văn bản được lưu trữ trên các ứng dụng của Google giúp công tác tra cứu, lưu trữ hiệu quả, nhanh chóng [H7.07.01.06], [H9.09.01.01].

Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL và thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để xem xét việc rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường [H1.01.01.15]. Kết quả rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường, của Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Dựa trên kết quả rà soát, Nhà trường ban hành mới các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL đã được điều chỉnh [H1.01.01.13].

Trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của các đơn vị có nội dung phổ biến CB, GV, NV, SV về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được gửi đến các đơn vị để thực hiện [H2.02.01.31], [H9.09.01.01], [H2.02.01.27], [H9.09.01.02], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường phổ biến, quán triệt các đơn vị tập trung triển khai các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL đã ban hành [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL đến CB, GV, NV biết để thực hiện [H1.01.01.08]. Ngoài ra, các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được đăng tải trên website của Trường, của Phòng KT&ĐBCL và niêm yết trong Sổ tay ĐBCL [H1.01.01.21], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 có bộ KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL trong giai đoạn [H1.01.02.07]. Bên cạnh đó, Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019-2023 có bộ KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL [H4.04.01.07]. Nhà trường đã thiết lập các chỉ số thực hiện và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường thông qua Hệ thống chỉ số đánh giá KPIs ban hành kèm theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng nhà trường, trong đó dùng để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL [H1.01.02.07], [H4.04.03.01]. Nhà trường thông báo bộ KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL đến các đơn vị để thực

hiện [H1.01.02.07], [H4.04.01.07], [H4.04.03.01].

Tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường phổ biến, quán triệt các đơn vị sử dụng bộ KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV về việc sử dụng bộ KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL [H1.01.01.08]. Hằng năm, Nhà trường và các đơn vị sử dụng bộ KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra về KT&ĐBCL, báo cáo tổng kết đánh giá kết quả hoạt động ĐBCL để đo lường mức độ thực hiện các chỉ tiêu phân đầu chính được xây dựng trong bộ chỉ số KPIs của Trường [H5.05.02.02], [H2.02.04.13]. Ngoài ra, trong tài liệu Hội nghị CBVC hằng năm có nội dung kết quả công tác ĐBCL thông qua sử dụng bộ KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường và đánh giá [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TCHC rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động của Trường [H9.09.06.01]. Dựa trên các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT, Phòng TCHC phối hợp các đơn vị họp rà soát quy trình lập kế hoạch các hoạt động của Trường đang áp dụng [H1.09.06.02]. Trên cơ sở đó, Phòng TCHC dự thảo quy trình lập kế hoạch được điều chỉnh, cải tiến, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.15], [H9.09.06.01], [H9.09.06.03]. Nhà trường thông báo quy trình lập kế hoạch được điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.06.01].

Nhà trường giao cho các đơn vị tiến hành rà soát các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính đối với lĩnh vực được phân công phụ trách theo từng năm học nhằm kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Kết thúc năm học, Nhà trường và các đơn vị đều thực hiện báo cáo tổng kết năm học, trong đó đánh giá kết quả đạt được so với các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính cũng như các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của đơn vị [H4.04.03.01], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H4.04.03.02]. Bên cạnh đó, báo cáo tổng kết và phương hướng năm học của Nhà trường được

toàn thể CBVC, NLD tham gia góp ý kiến các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính thông qua biên bản hội nghị CBVC ở cấp đơn vị và được Phòng TCHC tổng hợp và thông qua góp ý trực tiếp tại Hội nghị CBVC [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]. Hằng năm, HĐT thực hiện giám sát theo quy định và có báo cáo giám sát các hoạt động của Trường [H2.02.03.04]. Nhà trường tiếp thu ý kiến của các đơn vị và của CBVC cùng với việc sử dụng bảng đối sánh kết quả đạt được so với các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định và báo cáo giám sát của HĐT, thông qua cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị để tiến hành điều chỉnh, bổ sung các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H4.04.03.02], [H2.02.03.04], [H4.04.03.01]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã điều chỉnh và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H4.04.03.01]. Các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà trường đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, tổng kết, đánh giá Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 và trên cơ sở đó, HĐT ban hành Quyết định số 02/QĐ-HĐTTHĐHXDMT ngày 21/02/2020 về Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó có nhiều chỉ tiêu phấn đấu đã được bổ sung và điều chỉnh để phản ánh tình hình hoạt động của Nhà trường, ví dụ như: chỉ tiêu tuyển sinh, chỉ tiêu mở ngành đào tạo, chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV,... [H4.04.01.03], [H1.01.02.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 9

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng hệ thống ĐBCL chặt chẽ, phân công nhiệm vụ rõ ràng và triển khai thực hiện.
- Nhà trường bố trí nhân sự chuyên trách cho Phòng KT&ĐBCL và tạo điều kiện nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về ĐBCL và KĐCL.
- Nhà trường xây dựng và ban hành Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn 2030, kế hoạch ĐBCL năm học hằng năm và triển khai thực hiện
- Chiến lược ĐBCL Nhà trường được các đơn vị cụ thể hóa bằng kế hoạch hành động chi tiết, khả thi và triển khai nghiêm túc.
- Hệ thống lưu trữ văn bản của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh, bổ sung; các quy trình, thủ tục ĐBCL được triển khai kịp thời đến các đơn vị.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn cho đội ngũ CB, GV, NV về công tác ĐBCL và KĐCL giáo dục.

- Nhà trường định kỳ lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan về hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường;

- Các chỉ tiêu chất lượng được rà soát, cải tiến theo mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường cơ bản đạt được các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính về công tác ĐBCL.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Vẫn còn trường hợp NLĐ chưa tích cực tham gia công tác ĐBCL của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tuyên truyền công tác ĐBCL của Nhà trường.	TCHC, KT&ĐBCL	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống ĐBCL để phát huy có hiệu quả hệ thống này trong chiến lược phát triển Nhà trường.	Hội đồng ĐBCL	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục sắp xếp, bố trí, bồi dưỡng nhân sự chuyên trách công tác ĐBCL cho Phòng KT&ĐBCL.	TCHC, KT&ĐBCL	2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Rà soát kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn 2030, kế hoạch ĐBCL năm học	KT&ĐBCL	2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục xây dựng kế hoạch hành động của các đơn vị theo Chiến lược của Nhà trường	Các đơn vị	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và triển khai quy trình, thủ tục ĐBCL đến các đơn vị.	KT&ĐBCL	Hằng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ CB, GV, NV về công tác ĐBCL và KĐCL giáo dục	KT&ĐBCL, TCHC	Hằng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Định kỳ, khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động ĐBCL của Trường.	KT&ĐBCL, CTCTSV	Hằng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu chất lượng phù hợp với mục tiêu chiến lược của Nhà trường	Hội đồng ĐBCL	Hằng năm	
10	Phát huy điểm mạnh 9	Tiếp tục triển khai KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác ĐBCL.	TCHC, các đơn vị	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	5
Tiêu chí 9.1	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	5

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN được thiết lập

Xác định tầm quan trọng công tác ĐBCL, Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCL theo Quyết định số 75/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/3/2012 và có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện và quản lý 2 lĩnh vực: Khảo thí, ĐBCL [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Kế hoạch ĐBCL của Nhà trường, trong đó xác định rõ lộ trình và kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài CSGD và các CTĐT được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng năm 2030 và Kế hoạch ĐBCL Trường ĐHXDMT giai đoạn 2019-2023 tầm nhìn 2030 [H1.01.02.07], [H4.04.01.07]. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN CSGD và các CTĐT [H10.10.01.01].

Nhằm chuẩn bị công tác TĐG CSGD và CTĐT, Nhà trường gửi các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời đăng tải trên website của Trường và của Phòng KT&ĐBCL và niêm yết trong Sổ tay ĐBCL [H10.10.01.02], [H1.01.01.21], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]. Nhà trường ban hành kế hoạch TĐG CSGD, thành lập Hội đồng TĐG và các nhóm công tác chuyên trách [H10.10.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch TĐG CTĐT, thành lập Hội đồng TĐG và các nhóm công tác chuyên trách [H10.10.01.04]. Để chuẩn bị tốt cho việc triển khai TĐG CSGD và CTĐT cũng như chuẩn bị cho ĐGN, Nhà trường triển khai nhiều khóa tập huấn nâng cao năng lực về ĐBCL cho CB, GV, NV cũng như tạo điều kiện để đội ngũ CB, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL và KĐCL [H2.02.04.09], [H2.02.04.11]. Nhà trường đã cử CBVC quan sát viên ĐGN tại các trường ĐH, từ đó, CBVC đã nâng cao nghiệp vụ chuyên môn trong công tác và có

những đề xuất cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động TĐG, ĐGN CSGD [H9.09.01.05]. Đến nay, Nhà trường có 7 viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chương trình kiểm định viên và có 2 CBVC tham gia thành viên đoàn ĐGN của Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng đánh giá trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh [H2.02.04.09], [H9.09.01.06].

Các quy định và hướng dẫn công tác TĐG và ĐGN được triển khai và phân công cụ thể đến từng đơn vị, nhóm chuyên trách thông qua các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị, họp Hội đồng TĐG [H1.01.01.15], [H10.10.01.05]. Nhà trường xác định tầm quan trọng của công tác TĐG CSGD nhằm giúp Trường kiểm soát chất lượng các hoạt động trong quản lý, điều hành, phát huy các ưu điểm và khắc phục hạn chế để nâng cao chất lượng công tác, trên cơ sở đó, BGH Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng chỉ đạo Phòng KT&ĐBCL để giám sát, đôn đốc công việc, đặc biệt công tác chuẩn bị TĐG và ĐGN CSGD [H3.03.04.04].

Nhà trường thành lập Hội đồng TĐG, trong đó Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và thành viên là các Phó Hiệu trưởng và Trưởng, Phó các đơn vị trong Trường [H10.10.01.03], [H10.10.01.04]. Hội đồng TĐG xây dựng kế hoạch TĐG và phân công các nhóm chuyên trách thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí [H10.10.01.01]. Hội đồng TĐG thường xuyên chỉ đạo công tác thu thập minh chứng, cung cấp các dữ liệu và thông báo các đơn vị thực hiện nghiêm túc, từ đó, tổ ĐBCL ở các đơn vị cung cấp các thông tin, minh chứng cho Ban Thư ký hội đồng kịp thời [H10.10.01.05]. Nhà trường liên hệ và tiến hành đăng ký với Trung tâm KĐCLGD-ĐH Đà Nẵng để đánh giá ngoài CSGD và CTĐT [H10.10.01.06].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và ĐGN được thực hiện định kỳ bởi các CB và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Nhà trường đã triển khai công tác TĐG lần đầu theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH và đã được Trung tâm KĐCLGD - ĐHĐN cấp Giấy chứng nhận KĐCL CSGD năm 2018 [H10.10.02.01], [H10.10.02.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai TĐG CTĐT

trình độ ĐH ngành Kỹ thuật Xây dựng theo Thông tư số 04/2016-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN cấp Giấy chứng nhận KĐCL CSGD năm 2020 [H10.10.02.01], [H10.10.02.03]. Năm 2022, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng TĐG CSGD, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng [H10.10.01.03], [H10.10.01.04]. Trưởng ban thư ký họp triển khai công tác đến các bộ phận ĐBCL ở các đơn vị và họp các nhóm chuyên trách để triển khai, hướng dẫn công tác thu thập minh chứng, đồng thời giải thích các vướng mắc trong quá trình thu thập minh chứng [H10.10.01.05]. Nhà trường gửi các văn bản triển khai TĐG và chuẩn bị ĐGN đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến thông qua các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị, họp Hội đồng TĐG [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H1.01.01.15], [H10.10.01.05]. Bên cạnh đó, các văn bản triển khai TĐG và chuẩn bị ĐGN được đăng tải trên website của Trường và của Phòng KT&ĐBCL và niêm yết trong Sổ tay ĐBCL [H1.01.01.21], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]. Lãnh đạo các đơn vị phổ biến các văn bản triển khai TĐG và chuẩn bị ĐGN đến CBVC thông qua các cuộc họp giao ban của đơn vị và đối với SV là thông qua các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.01.08], [H1.01.01.09].

Để triển khai các công việc TĐG, Hội đồng TĐG đã đề ra kế hoạch với các mốc thời gian cụ thể cho việc tìm kiếm, xử lý và mã hóa minh chứng, tập huấn các nhóm chuyên trách [H10.10.01.01]. Để chuẩn bị tốt cho việc triển khai TĐG CSGD và CTĐT cũng như chuẩn bị cho ĐGN, Nhà trường triển khai nhiều khóa tập huấn nâng cao năng lực về ĐBCL cho CB, GV, NV cũng như tạo điều kiện để đội ngũ CB, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL và KĐCL [H2.02.04.09], [H2.02.04.11]. Nhà trường đã cử CBVC quan sát viên ĐGN tại các trường ĐH, từ đó, CBVC đã nâng cao nghiệp vụ chuyên môn trong công tác và có những đề xuất cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động TĐG, ĐGN CSGD [H9.09.01.05]. Đến nay, Nhà trường có 7 viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chương trình kiểm định viên và có 2 CBVC tham gia thành viên đoàn ĐGN của Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng đánh giá trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh [H2.02.04.09], [H9.09.01.06]. Báo cáo TĐG CSGD và CTĐT của Nhà trường được hoàn thành đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.01.02].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát

Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, Hội đồng TĐG thường xuyên họp để đánh giá tiến độ thực hiện công tác TĐG và trên cơ sở đó đề xuất áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả công tác TĐG [H10.10.01.05]. Đối với các nhóm chuyên trách họp định kỳ hằng tháng để báo cáo kết quả thu thập, phân tích, đánh giá minh chứng để từ đó xác định điểm mạnh, tồn tại của từng lĩnh vực của Nhà trường so với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí [H10.10.01.05]. Hội đồng TĐG họp để thông qua dự thảo báo cáo TĐG cũng như báo cáo TĐG, trong đó xem xét, đánh giá để từ đó đi đến thống nhất về các điểm mạnh, tồn tại của Nhà trường đối với tiêu chuẩn/tiêu chí và thể hiện trong báo cáo TĐG [H10.10.01.05]. Trong báo cáo TĐG CSGD Nhà trường thể hiện các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động được xác định, phân tích cụ thể với các minh chứng kèm theo [H10.10.02.04], [H10.10.02.05].

Tại cuộc họp định kỳ của Hội đồng TĐG, dựa trên việc xác định các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động của Trường, Hội đồng TĐG đề xuất các biện pháp cụ thể để tiếp tục tăng cường, duy trì điểm mạnh và đặc biệt quan trọng là phải khắc phục toàn bộ các tồn tại sơ với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí [H10.10.01.05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường thông báo kết luận cuộc họp của Hội đồng TĐG, trong đó có các kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại của Nhà trường và phân công cho các đơn vị thực hiện cũng như thời gian hoàn thành để giám sát, đánh giá việc thực hiện khắc phục các tồn tại [H10.10.01.05], [H2.02.02.07].

Các đơn vị triển khai kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại của Nhà trường theo kế hoạch TĐG cũng như kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H10.10.01.01], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Trên cơ sở đó, tại phiên họp kế tiếp của Hội đồng TĐG xem xét, rà soát kết quả cải tiến chất lượng các hoạt động do các đơn vị thực hiện với các minh chứng cụ thể [H10.10.01.05]. Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, Nhà trường thực hiện nhiều hoạt động cải tiến chất lượng ĐBCL về chiến lược, ĐBCL về hệ thống, ĐBCL về chức năng, kết quả hoạt động [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Đặc biệt, công tác lưu trữ văn bản của Nhà trường được chú trọng và triển khai có hệ thống so với thời điểm bắt đầu thực hiện công tác TĐG [H2.02.01.31], [H7.07.01.06].

Theo báo cáo đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục và báo cáo đánh giá ngoài CTĐT trình độ ĐH ngành Kỹ thuật Xây dựng của Nhà trường đã thể hiện rõ những điểm mạnh, tồn tại của Trường và đặc biệt là các kiến nghị để Trường cải tiến chất lượng [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Bên cạnh đó, Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN nêu những điểm mạnh, tồn

tại của Trường và đặc biệt là các kiến nghị để Trường cải tiến chất lượng [H10.10.03.03]. Nhà trường sử dụng báo cáo đánh giá ngoài và Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.03.01], [H10.10.03.02], [H10.10.03.03].

Sau khi Nhà trường đạt kiểm định chất lượng CSGD lần 1 năm 2018, dựa trên báo cáo đánh giá ngoài và Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD, Nhà trường rà soát các hoạt động: công tác quản trị, đào tạo, nhân lực, PVCĐ, tài chính kế hoạch, hỗ trợ SV,... [H10.10.03.01], [H10.10.03.02], [H10.10.03.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng Trường và CTĐT trình độ ĐH ngành Kỹ thuật Xây dựng sau khi được cấp Giấy chứng nhận KĐCL CTĐT [H10.10.03.04], [H10.10.03.05]. Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành, Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhiều mặt hoạt động, đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng sau hoạt động ĐGN [H10.10.01.02], [H10.10.03.04]. Hằng năm, Nhà trường xây dựng báo cáo tổng kết công tác về mọi mặt, báo cáo công tác ĐBCL năm học trước và đề ra phương hướng ĐBCL năm tiếp theo nhằm khắc phục những mặt tồn tại, phát huy những mặt tích cực, kết quả đã đạt được [H10.10.03.06].

Nhà trường tổ chức họp Hội đồng ĐBCL để khắc phục những tồn tại nêu trong kiến nghị của Hội đồng KĐCLGD thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐH Đà Nẵng nhằm áp dụng các biện pháp và phương hướng cải tiến cụ thể trong thời gian tiếp theo [H10.10.03.07]. Năm 2021, Nhà trường tiến hành báo cáo giữa chu kỳ KĐCLGD nhằm đánh giá các hoạt động đào tạo và viết báo cáo đánh giá theo kiến nghị của Hội đồng KĐCLGD [H10.10.03.08]. Ngoài ra, kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 10.4. Quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho việc ĐGN được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD

Trước năm 2018, Nhà trường thực hiện TĐG theo quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT và theo quy trình TĐG được quy định tại công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 về hướng dẫn TĐG trường đại học [H10.10.04.01]. Sau khi Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT được ban hành, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL tiến hành rà soát, đề xuất quy trình TĐG CSGD [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị rà soát quy trình TĐG CSGD

[H1.01.01.15].

Căn cứ công văn số 766/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT hướng dẫn tự đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở đại học, Phòng KT&ĐBCL đề xuất quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị ĐGN, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký ban hành [H10.10.04.02]. Nhà trường gửi quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị ĐGN đến các đơn vị, Hội đồng TĐG và các nhóm chuyên trách để thực hiện hành [H10.10.04.02], [H10.10.01.03], [H10.10.01.04]. Trong quy trình TĐG được điều chỉnh, cải tiến, Nhà trường chú trọng thành lập Hội đồng TĐG với đầy đủ thành phần đúng theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT và công văn số 766/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT, đồng thời lưu ý trong việc trình bày báo cáo TĐG CSGD với việc trình bày đánh giá chung của tiêu chuẩn [H1.01.01.02], [H10.10.04.02].

Trong quá trình rà soát quy trình TĐG, Phòng KT&ĐBCL đồng thời rà soát, đề xuất quy trình chuẩn bị ĐGN [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị rà soát quy trình chuẩn bị ĐGN [H1.01.01.15]. Quy trình chuẩn bị ĐGN được điều chỉnh, cải tiến được quy định trong quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị ĐGN do Hiệu trưởng Nhà trường ban hành và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H10.10.04.02].

Trong quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị ĐGN do Nhà trường ban hành có những điều chỉnh, cải tiến cụ thể về chuẩn bị ĐGN [H10.10.04.02]. Theo đó, Nhà trường chủ động đăng ký với tổ chức KĐCLGD trước khi hoàn thành báo cáo TĐG cũng như chú trọng thực hiện đầy đủ việc thông báo kết quả lựa chọn tổ chức KĐCLGD với các hồ sơ, biểu mẫu cụ thể cho Cục QLCL, Bộ GD&ĐT trước khi tiến hành ĐGN [H10.10.04.02], [H10.10.01.02]. Nhà trường triển khai thực hiện quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị ĐGN đối với KĐCL CSGD năm 2023 và KĐCL CTĐT trình độ ĐH ngành Kỹ thuật Xây dựng ĐGN [H10.10.04.02], [H10.10.01.01], [H10.10.01.06].

Tại các cuộc họp của các nhóm chuyên trách và cuộc họp của Hội đồng TĐG, Phòng KT&ĐBCL báo cáo, chia sẻ các thực hành tốt trong quá trình thực hiện công tác TĐG để các nhóm chuyên trách rút kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả công tác TĐG [H10.10.01.05]. Bên cạnh đó, các nhóm chuyên trách chia sẻ kinh nghiệm, các thực hành tốt trong việc thu thập và xử lý minh chứng, viết báo cáo TĐG tiêu chí và tiêu chuẩn cũng như quá trình chuẩn bị cho ĐGN [H10.10.01.05]. Các nhóm chuyên trách đồng thời trao đổi những khó khăn, vướng mắc và đề ra tiến trình cụ thể cho công tác TĐG đạt hiệu quả [H10.10.01.05]. Ngoài ra, 7 viên chức tham gia

đào tạo, bồi dưỡng chương trình kiểm định viên và có 2 CBVC tham gia thành viên đoàn ĐGN của Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng đánh giá Trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh báo cáo kinh nghiệm để các đơn vị, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách học tập trong quá trình triển khai công tác TĐG và chuẩn ĐGN CSGD [H2.02.04.09], [H9.09.01.06]. Ngoài ra, các Khoa của Trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm chia sẻ các kinh nghiệm, các thực hành tốt trong công tác phát triển CTĐT, ĐC môn học/học phần, đổi mới PPDH và KTĐG,... [H10.10.04.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch TĐG, thành lập Hội đồng TĐG và triển khai công tác TĐG theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn cho Hội đồng TĐG và các nhóm chuyên trách về ĐBCL và KĐCL giáo dục.

- Tất cả thành viên tham gia Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách đều tham gia tập huấn về KĐCL giáo dục và TĐG trong KĐCL giáo dục.

- Nhà trường có 7 viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chương trình kiểm định viên và có 2 CBVC tham gia thành viên đoàn ĐGN của Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng đánh giá Trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh.

- Năm 2017, Nhà trường thực hiện công tác TĐG, tham gia ĐGN và đã được cấp Giấy chứng nhận KĐCL CSGD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí) ban hành theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường triển khai công tác TĐG, tham gia ĐGN và đã được cấp Giấy chứng nhận KĐCL trình độ ĐH ngành Kỹ thuật Xây dựng theo Thông tư số 04/2016-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường rà soát, điều chỉnh và ban hành quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến và triển khai cải tiến khắc phục các tồn tại được phát triển trong quá trình TĐG và kết quả ĐGN.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Còn trường hợp đơn vị chưa thực sự chủ động triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường quán triệt, thống nhất triển khai thực hiện kế hoạch khắc phục tồn tại, cải tiến chất lượng.	BGH, các đơn vị	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Rà soát, điều chỉnh kế hoạch chuẩn bị cho công tác TĐG và ĐGN chi tiết theo đúng lộ trình.	Hội đồng TĐG	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng, tập huấn công tác ĐBCL, KĐCL.	TCHC, KT&ĐBCL	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục cử CBVC tham gia bồi dưỡng, tập huấn công tác ĐBCL, KĐCL.	TCHC, KT&ĐBCL	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục cử CBVC tham gia chương trình bồi dưỡng kiểm định viên.	TCHC, KT&ĐBCL	2024-2025	
	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục triển khai công tác TĐG, tham gia ĐGN cấp CSGD theo quy định.	KT&ĐBCL Hội đồng TĐG	Hàng năm	
	Phát	Tiếp tục triển khai công	KT&ĐBCL	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	huy điểm mạnh 6	tác TĐG, tham gia ĐGN cấp CTĐT theo quy định.	Hội đồng TĐG		
3	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và ban hành quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT.	KT&ĐBCL	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục triển khai cải tiến, khắc phục tồn tại trong quá trình TĐG và kết quả ĐGN.	KT&ĐBCL, Các đơn vị	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	5
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thiết lập

Trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn 2030 xác định:

Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.01.02.07]. Xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được nêu rõ trong Kế hoạch ĐBCL Trường ĐHXĐMT giai đoạn 2019-2023 tầm nhìn 2030 [H4.04.01.07]. Năm 2019, Nhà trường ban hành Kế hoạch xây dựng hệ thống ĐBCLGD và công tác chuẩn bị kiểm định chất lượng giáo dục và năm 2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Nhà trường triển khai xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong nhằm hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H11.11.01.02].

Trong quyết định thành lập các đơn vị, Lãnh đạo Trường giao nhiệm vụ cho các đơn vị tổ chức thu nhận dữ liệu, xử lý, báo cáo, lưu trữ và trao đổi thông tin với các bên liên quan,... ở lĩnh vực thuộc chức năng nhiệm vụ [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và trong Kế hoạch triển khai thực hiện quản lý thông tin ĐBCL bên trong có sự phân công cụ thể cho các đơn vị chủ trì, phối hợp, hỗ trợ [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H11.11.01.02]. Theo đó, Phòng QLĐT quản lý cổng thông tin đào tạo, chịu trách nhiệm đầu mối về phần mềm đào tạo; phối hợp với các đơn vị tổ chức thu thập dữ liệu, xử lý, báo cáo và trao đổi thông tin về công tác đào tạo (tuyển sinh, đề cương chương trình, công tác mở ngành, SV tốt nghiệp, kế hoạch giảng dạy học tập, đăng ký học phần, kế hoạch thi KTHP, bảo vệ đồ án tốt nghiệp, nhập điểm, xử lý học vụ, sắp xếp thời khóa biểu,...); Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị tổ chức thu thập dữ liệu, xử lý, báo cáo và trao đổi thông tin về công tác tổ chức thi, công tác ĐBCL: thu thập minh chứng, viết báo cáo, khảo sát ý kiến các bên liên quan,...; Phòng TCHC là đơn vị đầu mối trong việc quản lý hệ thống thông tin chung của Trường; nhận, tham mưu cho BGH xử lý văn bản hành chính, gửi đến các đơn vị liên quan và lưu trữ theo quy định; tổ chức thu thập dữ liệu, xử lý, báo cáo và trao đổi thông tin về công tác tổ chức CB, hành chính với các đơn vị trong và ngoài Trường theo chỉ đạo của BGH; Phòng TCKT phối hợp với các đơn vị tổ chức thu thập dữ liệu, xử lý, báo cáo và trao đổi thông tin về công tác tài chính của Trường; Phòng CTCTSV phối hợp với các đơn vị tổ chức thu thập dữ liệu, xử lý, báo cáo và trao đổi thông tin của SV, kết quả rèn luyện, chế độ chính sách, hỗ trợ SV và khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, doanh nghiệp về hoạt động đào tạo; Viện KH&HTQT phối hợp với các đơn vị tổ chức thu thập dữ liệu, xử lý, báo cáo và trao đổi thông tin về công tác NCKH, HTQT; Các khoa có trách nhiệm tổ chức thu thập dữ liệu, xử lý, báo cáo và trao đổi thông tin về GV, kết quả giảng dạy, học tập, rèn luyện của SV, biên soạn đề cương chi tiết, CTĐT, kế hoạch đào

tạo, NCKH của đơn vị, công tác CVHT,...; Trung tâm TT-TV phối hợp với các đơn vị trong Trường cập nhật, quản lý thông tin; quản lý, khai thác thư viện phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH; Các trung tâm, đoàn thể quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc xử lý, thu thập và báo cáo và chuyển thông tin từ các bên liên quan: Trung tâm TNXD&MT tham gia thực hiện thí nghiệm, giám định kỹ thuật các công trình xây dựng, giảng dạy học phần thực hành, thí nghiệm cho SV [H11.11.01.17]; Trung tâm ĐTTX tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ: An toàn lao động, xây dựng, kiến trúc và các nghiệp vụ khác, tổ chức liên kết các lớp đào tạo VLVH [H11.11.01.18]; Trung tâm TVXD tham gia thiết kế, giám sát, tư vấn giám sát các công trình xây dựng trong lĩnh vực cho phép [H11.11.01.19]; Trung tâm NN-TH tổ chức các lớp bồi dưỡng, cấp chứng chỉ/chứng nhận về tin học, ngoại ngữ [H11.11.01.20]; Nhà trường giao nhiệm vụ cho CĐ, ĐTN, HSV thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa (phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách), giúp đỡ các địa phương, gia đình khó khăn trong tỉnh Vĩnh Long. Đặc biệt với hoạt động “Mùa hè xanh”, tuổi trẻ Nhà trường đã có nhiều đóng góp cho cộng đồng, như làm đường đôn nông thôn, xây nhà cho các gia đình chính sách,... [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H11.11.01.02].

BGH Nhà trường ban hành kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện quản lý thông tin ĐBCL bên trong và kế hoạch cụ thể để triển khai việc ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành, BGH Nhà trường chỉ đạo ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL, thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn 2030: Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý, ứng dụng công nghệ số và truyền thông hiện đại trong hệ thống quản lý,... tiến đến tin học hóa công tác quản lý của Trường vào năm 2030 [H1.01.02.07]. Nhà trường đã có phương án ứng dụng CNTT trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong Trường [H11.11.01.03], [H11.11.01.04]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo với các đơn vị về việc ứng dụng CNTT trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong Trường và hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong Trường được xây dựng dựa trên nền tảng CNTT [H7.07.01.06]. Năm 2022, Nhà trường xây dựng đề án chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ do Bộ Xây dựng đầu tư và Nhà trường đang trình Bộ phê duyệt dự án với kinh phí thực hiện khoảng 10 tỷ đồng [H11.11.01.29].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Nhà trường triển khai xây dựng hệ thống các phần mềm quản lý thông tin ĐBCL bên trong, trong đó phần mềm QLĐT quản lý các lĩnh vực: kế hoạch học tập, nhập học, đăng ký học phần, thi KTHP, báo điểm, thu học phí, xét kết quả học tập, các dữ liệu liên quan đến SV,...; phần mềm kế toán MISA để quản lý tài chính và quản lý tài sản do Công ty cổ phần MISA cung cấp; phần mềm quản lý NCKH, giờ NCKH đang triển khai do CBVC của Trường viết và phần mềm quản lý thư viện được triển khai sử dụng góp phần nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ ở các lĩnh vực; thông tin phản hồi từ SV và các bên liên quan được xử lý bởi phần mềm Excel hoặc thông qua các giao diện khảo sát trực tuyến như Google forms, Web forms, là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh CTĐT, CDR [H7.07.01.06]. Bên cạnh đó, thông tin ba công khai của Trường niêm yết công khai, đăng trên Website, thông tin văn bằng Nhà trường cấp cho SV tốt nghiệp được công bố trên Website đáp ứng nhu cầu tra cứu, kiểm tra của các cá nhân, tập thể [H7.07.01.06]. Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được xây dựng trên nền tảng công nghệ thông tin để hỗ trợ công tác ra quyết định với sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập Ban biên tập trang thông tin điện tử và giao trách nhiệm quản lý nội dung và Phòng QLĐT chịu trách nhiệm vận hành kỹ thuật của website [H11.11.02.01].

Với việc sử dụng hệ thống các phần mềm quản lý thông tin ĐBCL bên trong, CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được phân tích chính xác, đầy đủ, phục vụ hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường thông qua số liệu trong các báo cáo tổng kết, báo cáo Bộ Xây dựng và các cơ quan hữu quan [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H2.02.02.12], [H2.02.02.13], [H2.02.04.12], [H4.04.01.03], [H4.04.02.01], [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H1.01.01.14], [H9.09.02.01]. Các thông tin ĐBCL bên trong được lưu trữ có hệ thống và với việc ứng dụng CNTT nên được phân tích chính xác, đầy đủ cũng như đối sánh giữa kết quả thực hiện so với các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong từng lĩnh vực hoạt động [H4.04.03.01]. Bên cạnh đó, dữ liệu khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường được lưu trữ, phân tích chính xác, đầy đủ và là cơ sở để các đơn vị thuộc trường tham khảo, sử dụng trong việc áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường

[H1.01.01.14], [H9.09.02.01].

Để đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống ĐBCL bên trong, Nhà trường thành lập bộ phận bảo mật [H11.11.02.33]. CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được lưu trữ đầy đủ, đa dạng: lưu trong máy tính, ổ backup, lưu hồ sơ giấy. Toàn bộ hồ sơ về kết quả học tập của SV, văn bằng, chứng chỉ được Phòng QLĐT lưu trữ; CSDL minh chứng TĐG, ngân hàng đề thi, bài thi KTHP được lưu tại Phòng KT&ĐBCL; các Khoa lưu trữ ngân hàng đề thi, bài thi, đồ án, bài giảng, giáo trình,...theo đúng quy định;... [H11.11.02.34]. Công văn đến và đi, các quyết định, hồ sơ CBVC, NLĐ,... được Phòng TCHC lưu bản cứng, lưu bản mềm trên máy tính, chia sẻ cho các đơn vị trên Google Drive. Mỗi lĩnh vực chuyên môn của Nhà trường có đơn vị phụ trách, lưu trữ bảo mật, an toàn, dễ dàng tra cứu [H11.11.02.35].

Nhà trường quan tâm việc bảo mật và an toàn thông tin ĐBCL bên trong và đã ban hành quy định văn thư lưu trữ, trong đó phân công quản lý, sử dụng thông tin, phân cấp, phân quyền và thông báo rộng rãi cho các bên liên quan trong Trường [H2.02.01.31]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành văn bản phân quyền về truy cập thông tin và triển khai thực hiện [H11.11.02.02]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập bộ phận bảo mật của Nhà trường và ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Trường [H11.11.02.03].

Các văn bản quy định về bảo mật và an toàn thông tin ĐBCL bên trong được gửi đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CBVC biết để thực hiện [H11.11.02.02], [H11.11.02.03]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường [H1.01.01.08]. Tại các buổi sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến đến SV quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường [H1.01.01.09]. Nhà trường cung cấp cho CB, GV, NV và SV địa chỉ email nội bộ nhằm tăng cường bảo mật thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H7.07.03.02]. Các SV của Nhà trường được cấp tài khoản để sử dụng hệ thống quản lý học vụ của Trường [H11.11.02.04].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và Phòng TCHC luôn có nội dung về việc rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong

[H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Nhận thức vai trò của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, BGH Trường ban hành kế hoạch rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.03.01]. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trong việc rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, trong đó Phòng TCHC là đơn vị chủ trì và các đơn vị rà soát theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H11.11.03.01], [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường, đồng thời xem xét đề xuất của đơn vị về việc điều chỉnh, bổ sung hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.01.01.15], [H11.11.03.03].

Trong quá trình rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường đồng thời rà soát số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin [H11.11.03.01]. Tại cuộc họp giữa BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường đồng thời xem xét số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin [H1.01.01.15]. Theo đó, Nhà trường xem xét điều chỉnh, bổ sung quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan cùng với các nội dung khảo sát và biểu mẫu khảo sát [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15].

Nhà trường triển khai để các đơn vị góp ý đối với hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong và các ý kiến góp ý được tổng hợp, xem xét trong quá trình rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.03.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của lãnh đạo các đơn vị về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong tại các cuộc họp giao ban định kỳ [H1.01.01.15]. Ngoài ra, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CBVC hằng năm của Trường và các đơn vị cũng như tiếp thu ý kiến của SV thông qua các cuộc họp lớp, tuần sinh hoạt công dân và diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hằng năm [H1.01.01.07], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Trường và của Phòng TCHC có đánh giá về việc thực hiện kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin, hệ thống dữ liệu thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD

Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị và ý kiến của CB, GV, NV, SV đối với hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường triển khai điều chỉnh, cải tiến hệ thống thông tin ĐBCL bên trong và dành kinh phí thực hiện [H11.11.03.02], [H1.01.01.07], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H4.04.02.01]. Nhà trường triển khai cải tiến các phần mềm chuyên dụng của Trường, trong đó phần mềm QLĐT triển khai từ năm 2012 và tiếp tục được cập nhật, cải tiến để phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ chuyên môn; phần mềm MISA do Công ty cổ phần MISA cung cấp để quản lý tài chính và tài sản đã được nâng cấp nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả; công tác đăng ký giờ hoạt động KH&CN được triển khai trên Google sheets,... [H11.11.04.01]. Để tăng cường tính bảo mật của hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường đầu tư nâng cấp website, trong đó năm 2019, Nhà trường sử dụng website động với CSDL ngôn ngữ lập trình và sau khi rà soát, nâng cấp Cổng thông tin được sử dụng có hiệu quả hơn như: giao diện truy cập được thiết kế mới giúp CBVC, SV sử dụng linh hoạt, tốc độ truy cập nhanh, nâng cao khả năng truy cập khoảng 2.000 người tại cùng thời điểm [H11.11.04.02]. Năm 2023, xuất phát từ nhu cầu tuyển sinh, sử dụng đa phương tiện, Website được nâng cấp giao diện mới đẹp, bảo mật, phù hợp cho nhiều thiết bị, áp dụng những kỹ thuật tiên bộ công nghệ, liên thông, liên kết với các nền tảng mạng xã hội như: Zalo, Facebook, Telegram,... phát triển đa kênh, đa phương tiện giúp cung cấp thông tin Trường nhanh chóng, hiệu quả đến các bên liên quan [H11.11.04.02]. Hệ thống mạng internet và wifi được nâng cấp liên tục đáp ứng nhu cầu sử dụng của Nhà trường lên các gói cáp quang băng thông dung lượng cao, đảm bảo mạng internet hoạt động với tốc độ nhanh, wifi phủ sóng rộng: nhà hiệu bộ, sân Trường,... phục vụ hoạt động nghiên cứu, học tập, nhu cầu giải trí cho CBVC, NLĐ và SV [H11.11.04.03], [H7.07.03.03].

Nhà trường triển khai cải tiến các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong của CSGD, trong đó năm 2019, Nhà trường đã cải tiến, thay thế gửi công văn bản giấy bằng file mềm qua email công vụ và nhờ đó tiết kiệm nhiều công sức, giấy mực và thời gian [H7.07.03.02], [H9.09.04.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung quy chế công tác văn thư lưu trữ kèm theo Quyết định số 180/QĐ-ĐHXDMT ngày 30/6/2020 và phân quyền về truy cập thông tin trong hệ thống thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.04.13], [H11.11.02.02]. Ngoài ra, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan cùng với các nội dung khảo sát và biểu mẫu khảo sát [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H9.09.02.01]. Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị cũng như báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm đánh giá chính sách, quy

trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường có hiệu quả [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07].

Các thông tin thống kê, khảo sát của hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được gửi đến các đơn vị để sử dụng hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCD [H1.01.01.14], [H9.09.02.01], [H7.07.01.06]. Với việc sử dụng hệ thống các phần mềm quản lý thông tin ĐBCL bên trong, CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được phân tích chính xác, đầy đủ, phục vụ hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường thông qua số liệu trong các báo cáo tổng kết, báo cáo Bộ Xây dựng và các cơ quan hữu quan [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H2.02.02.12], [H2.02.02.13], [H2.02.04.12], [H4.04.01.03], [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H1.01.01.14], [H9.09.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Nhà trường được đề xuất, triển khai thực hiện, báo cáo dựa trên dữ liệu của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường quan tâm đầu tư, phát triển hệ thống thông tin nhằm hoàn thiện hệ thống ĐBCL trong công tác quản lý.
- Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được xây dựng trên nền tảng ứng dụng CNTT.
- Nhà trường cung cấp địa chỉ email công vụ và yêu cầu CB, GV, NV, SV sử dụng nhằm tăng cường bảo mật thông tin, dữ liệu.
- Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường hoạt động hiệu quả và phục vụ tích cực cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của Trường.
- Nhà trường triển khai rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường và tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị cũng như CB, GV, NV, SV.
- Nhà trường đầu tư nâng cao chất lượng, độ bảo mật, an toàn dữ liệu và thông tin của hệ thống ĐBCL bên trong.
- Nhà trường thường xuyên rà soát, cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong để nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng SM, TN của Trường.
- Các đơn vị trực thuộc sử dụng thông tin từ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường để triển khai hoạt động ĐT, NCKH, PVCD.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Khảo sát ý kiến các bên liên quan ngoài Trường về hệ thống ĐBCL bên trong đôi lúc còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát ý kiến các bên liên quan ngoài Trường về hệ thống ĐBCL bên trong.	CTCTSV	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục đầu tư, phát triển hệ thống thông tin nhằm hoàn thiện hệ thống ĐBCL trong công tác quản lý.	Các đơn vị	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục ứng dụng CNTT trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong.	KT&ĐBCL, các đơn vị	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục triển khai công tác qua hệ thống email công vụ Nhà trường.	TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục triển khai hiệu quả hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường.	Các đơn vị	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các	KT&ĐBCL, các đơn vị	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		bên liên quan.			
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng, độ bảo mật, an toàn dữ liệu và thông tin của hệ thống ĐBCL bên trong.	Các đơn vị	Hằng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong.	Các đơn vị	Hằng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Các đơn vị tiếp tục triển khai sử dụng thông tin từ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong.	Các đơn vị	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	5
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	5

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, Nhà trường đề ra kế hoạch nâng cao chất lượng trên mọi mặt hoạt động để đạt mục tiêu của Trường [H1.01.02.07]. Trên cơ sở đó, các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường được thể hiện rõ ràng trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của các đơn vị [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Xác định tầm quan trọng công tác ĐBCLGD, Hiệu trưởng ký Quyết định số 332/QĐ-ĐHXDMT và Quyết định số 333/QĐ-ĐHXDMT ngày 16/9/2019 thành lập Hội đồng ĐBCLGD và Tổ ĐBCLGD các đơn vị [H2.02.01.18], [H2.02.01.19]. Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng, thành viên trong Hội đồng là các Phó Hiệu trưởng và Trưởng (hoặc Phó) các đơn vị [H2.02.01.18]. Các tổ ĐBCLGD ở đơn vị gồm tổ trưởng là trưởng đơn vị, là thành viên trong Hội đồng ĐBCLGD và các thành viên của tổ [H2.02.01.19]. Để đạt mục tiêu tổng thể và quản lý điều hành công tác ĐBCLGD, Hiệu trưởng ký kế hoạch số 01/KH-ĐHXDMT ngày 05/01/2019 ban hành kế hoạch ĐBCL Trường giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn năm 2030, trong đó có kế hoạch nâng cao chất lượng các chính sách hệ thống, quy trình thủ tục và nguồn lực của Nhà trường, phân công trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị, đoàn thể trong việc thực hiện kế hoạch [H4.04.01.07]. Nhà trường ban hành quy định ĐBCL kèm theo Quyết định số 109/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/4/2020, trong đó nhiệm vụ của các đơn vị được phân công rõ ràng để giám sát chất lượng các hoạt động và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng ĐBCL [H9.09.01.02], [H2.02.01.27]. Về công tác nhân sự, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài của CBVC, trong đó nêu rõ điều kiện, trách nhiệm và quyền lợi của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tạo cơ sở pháp lý và động lực cho CBVC và NLĐ học tập nâng cao trình độ [H2.02.04.08]. Về công tác QLĐT và NCKH, Hiệu trưởng ký các quyết định ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV, quy chế đào tạo trình độ ĐH, quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, quy định quản lý hoạt động KH&CN [H6.06.03.01], [H12.12.01.01], [H12.12.01.02], [H12.12.01.03]. Để có cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ, Nhà trường đã ban hành các quy định và quy trình, thông báo lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng, quy định chấm điểm xếp loại A, B, C hằng tháng, quy định chính sách thu hút người có

học hàm, học vị về công tác tại Trường nhằm thúc đẩy việc học tập nâng cao trình độ và ghi nhận, đề cao tinh thần làm việc, cống hiến, đặc biệt là thu hút nhân lực có trình độ cao về Trường công tác [H2.02.01.29], [H6.06.05.04], [H6.06.02.05], [H6.06.05.01]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kèm theo Quyết định số 286/QĐ-ĐHXDMT ngày 26/8/2019, hướng dẫn đánh giá phân loại đơn vị, viên chức và NLĐ để có cơ sở pháp lý trong công tác CB, đánh giá phân loại hằng năm CBVC và NLĐ [H3.03.03.07], [H2.02.03.12].

Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của các đơn vị luôn có các nội dung cần thực hiện nâng cao chất lượng với các mốc thời gian cụ thể, liên tục [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn xác định các chỉ tiêu phấn đấu đối với các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và thể hiện trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Với mục đích nâng cao chất lượng, Nhà trường đã thiết lập các chỉ số thực hiện và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường thông qua Hệ thống chỉ số đánh giá KPIs ban hành kèm theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng nhà trường [H4.04.03.01]. Bên cạnh đó, chiến lược phát triển đối với các lĩnh vực cụ thể đều có chỉ số thực hiện chi tiết cần đạt được, cụ thể về quy mô tuyển sinh, CTĐT, tỷ lệ SV tốt nghiệp, số lượng đề tài NCKH, HTQT,... [H4.04.01.07]. Tại cuộc họp giao ban đầu năm học giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường phổ biến, triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng đến lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trong đó lưu ý nội dung, tiến độ, kết quả nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.15]. Ngoài ra, tại cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, BGH Nhà trường quán triệt, nhắc nhở, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc báo cáo kết quả thực hiện để kịp thời áp dụng các biện pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.15]. Các đơn vị chủ động triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng theo kế hoạch đã phê duyệt và theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường và các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể triển khai nhiều hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Nhà trường, các đơn vị và CB, GV, SV được nhận các hình thức khen thưởng vì đã có thành tích trong hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H2.02.03.07], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT, để có cơ sở trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường, năm 2017, Hiệu trưởng đã ban hành Kế hoạch TĐG số 29/KH-ĐHXDMT ngày 30/01/2017 để triển khai công tác TĐG Trường lần 1 theo công văn số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá CLGD trường ĐH [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Năm 2022, Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch TĐG số 180/KH-ĐHXDMT ngày 06/10/2022 để triển khai công tác TĐG Trường chu kỳ 2 theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT với căn cứ mốc chuẩn là Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục QLCL ban hành hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ĐH [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL nghiên cứu và đề xuất quy định về việc thực hiện so chuẩn và đối sánh của Trường [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H3.03.01.03]. Phòng KT&ĐBCL tham khảo quy định so chuẩn của ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Vinh để soạn thảo quy định về đối sánh chất lượng giáo dục của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trên cơ sở đó trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về so chuẩn, đối sánh [H12.12.02.01], [H1.01.01.15], [H12.12.02.02]. Nhà trường thông báo quy định về so chuẩn, đối sánh đến các đơn vị để thực hiện [H1.12.02.02]. Trong quy định về so chuẩn và đối sánh có nêu rõ tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh và xác định 04 nội dung để đối sánh, gồm: Chất lượng học tập, giảng dạy; kết quả đào tạo; kết quả NCKH-CGCN; kết quả PVCĐ [H1.12.02.02].

Trong văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành đồng thời nêu rõ tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng, trong đó tập trung ở các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.12.02.02]. Đối với hoạt động ĐT, Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh [H12.12.02.02]. Đối với hoạt động NCKH, Viện KH&HTQT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh [H12.12.02.02]. Đối với hoạt động PVCĐ, Phòng CTCTSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV và các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh [H1.12.02.02]. Bên cạnh việc so chuẩn, đối sánh với các trường đại học trong và ngoài nước được xác định, việc so chuẩn, đối sánh còn được thực hiện với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD và CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Hoạt động đối sánh đồng thời được thực

hiện giữa CTĐT của Nhà trường so với CTĐT tương đương của các trường ĐH uy tín trong và ngoài nước [H12.12.02.03]. Ngoài ra, công tác đối sánh được thực hiện so sánh giữa kết quả thực hiện so với chỉ tiêu, chỉ số đã xác định cũng như so với kết quả của năm trước [H4.04.03.02].

Trong quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành có hướng dẫn cụ thể sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng đối với từng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H12.12.02.02]. BGH Nhà trường họp bàn với lãnh đạo các đơn vị để xác định cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn đối sánh [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, các phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tiến hành đối sánh về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường với Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Xây dựng Miền Trung và kết quả đối sánh được gửi đến các đơn vị để nâng cao chất lượng [H1.12.02.04].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo

Để thực hiện công tác TĐG, kiểm định chất lượng Nhà trường lần 1, căn cứ vào mốc chuẩn là Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 quy định về tiêu chuẩn đánh giá CLGD trường ĐH, Hiệu trưởng đã ký quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Báo cáo TĐG đã hoàn thành và Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định năm 2018 [H10.10.02.02]. Thực hiện công tác TĐG Trường chu kỳ 2 năm 2023, Hiệu trưởng đã ký quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách để triển khai TĐG Trường theo Thông tư số 12/TT/2017/BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Nhà trường tập trung triển khai khẩn trương, tích cực, hiệu quả với việc hoàn thành báo cáo TĐG và đảm bảo tiến độ dự kiến ĐGN năm 2023 theo kế hoạch [H10.10.01.01], [H10.10.02.04]. Căn cứ quy định về so chuẩn, đối sánh đã ban hành, Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tiến hành so chuẩn, đối sánh trong đó tập trung ở các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H12.12.02.02]. BGH Nhà trường họp bàn với lãnh đạo các đơn vị để xác định cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn đối sánh là Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Xây dựng Miền Trung [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, các phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tiến hành đối sánh về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường với Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Xây dựng Miền Trung và kết quả đối sánh được gửi đến các đơn vị để nâng cao chất lượng [H1.12.02.04]. Trường ĐHXĐMT trực thuộc Bộ Xây dựng,

được nâng cấp từ cao đẳng lên ĐH cùng năm với Trường ĐHXD Miền Trung (năm 2011) và hai trường tương đồng nhau về quy mô (CBVC, CSVC, ngành đào tạo...) [H12.12.02.04]. Trường ĐH Xây dựng Miền Trung đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định cấp CSGD năm 2020 theo Bộ tiêu chuẩn hướng dẫn kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) được Trường chọn để đối sánh chất lượng học tập, giảng dạy và kết quả đào tạo [H1.12.02.04].

1. Trường ĐH Xây dựng Miền Trung

CÁC TIÊU CHÍ	KHÓA 2016-2021	KHÓA 2017-2022
1. Tỷ lệ % SV tốt nghiệp/SV nhập học - ĐH chính quy - ĐH liên thông và VLVH	65%	51%
2. Tỷ lệ % SV nghỉ học /SV nhập học.	35%	44%
3. Tỷ lệ % SV tốt nghiệp loại xuất sắc, giỏi, khá, trung bình	Xuất sắc: 4% Giỏi: 22,2% Khá: 54,6% Trung bình: 23%	Xuất sắc: 14% Giỏi: 19,2% Khá: 56,2% Trung bình: 5%
4. Tỷ lệ % SV tốt nghiệp đúng hạn	65%	51%
5. Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	5,4 năm	5,2 năm
6. Tỷ lệ SV có việc làm trong năm đầu tiên	99,8%	96,2%

2. Trường ĐHXDMT

CÁC TIÊU CHÍ	KHÓA 2016-2021	KHÓA 2017-2022
---------------------	---------------------------	---------------------------

1. Tỷ lệ % SV tốt nghiệp/SV nhập học - ĐH chính quy - ĐH liên thông và VLVH	83,5%	61,3%
2. Tỷ lệ % SV nghỉ học /SV nhập học.	17,4%	21,84%
3. Tỷ lệ % SV tốt nghiệp loại xuất sắc, giỏi, khá, trung bình	Xuất sắc: 6,8% Giỏi: 15,4% Khá: 48,8% Trung bình: 14,2%	Xuất sắc: 5,7% Giỏi: 10,7% Khá: 50,7% Trung bình: 32,9%
4. Tỷ lệ % SV tốt nghiệp đúng hạn	83,5%	61,3%
5. Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	5,2 năm	5,1 năm
6. Tỷ lệ SV có việc làm trong năm đầu tiên	100%	100%

Bên cạnh đối sánh cấp Trường, các Khoa của Trường lựa chọn và tiến hành đối sánh CTĐT với các CTĐT trong nước và quốc tế [H12.12.02.03]. Kết quả đối sánh được các đơn vị và Nhà trường sử dụng để xây dựng kế hoạch năm học, trong đó tăng cường các hoạt động ĐBCL [H12.12.02.04], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Căn cứ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên qua, các đơn vị đã lấy ý kiến phản hồi từ GV, NV, SV, các doanh nghiệp và cựu SV thông qua hội thảo, phiếu khảo sát [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Từ kết quả việc lấy ý kiến phản hồi của các doanh nghiệp và cựu SV trong khảo sát tình hình việc làm hằng năm và đối sánh CTĐT, Nhà trường đã ban hành thông báo và chỉ đạo thực hiện việc chỉnh sửa CTĐT, ĐCCT học phần để chất lượng đào tạo ngày càng được đảm bảo, đáp ứng được kỳ vọng của SV và nhu cầu của xã hội [H7.07.04.05], [H7.07.04.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường các hoạt động thanh, kiểm tra giờ giấc lên lớp, giáo án, bài giảng, công tác tổ chức thi, kiểm tra theo chuyên đề,... [H2.02.04.13], [H5.05.02.02],...

Kết quả của hoạt động so chuẩn và đối sánh được các đơn vị tổng hợp, báo cáo BGH, gửi cho các đơn vị liên quan làm cơ sở để ban hành các quyết định nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong các hoạt

động của Nhà trường [H12.12.02.04]. Hằng năm, Nhà trường cử nhiều đoàn CB, GV tham quan các trường ĐH trong và ngoài nước để học tập về mô hình quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, công tác ĐBCL, KH&CN,... để áp dụng, nâng cao chất lượng hoạt động của Trường [H2.02.04.09]. Công tác so chuẩn và đối sánh, ngoài việc giúp Nhà trường tăng cường các hoạt động ĐBCL, còn giúp các đơn vị xác định những điểm mạnh của mình để phát huy, những điểm yếu của người khác để chuyển thành cơ hội của mình; khuyến khích đổi mới, sáng tạo và tạo điều kiện cho những thay đổi trong quản lý, thể hiện qua kết quả thay đổi đề cương chương trình, tiếp tục hợp tác với doanh nghiệp để công tác đào tạo ngày càng phù hợp hơn theo định hướng ứng dụng, tiếp tục tuyển dụng GV trình độ tiến sĩ, PGS, GS nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, mở thêm các mã ngành đáp ứng nhu cầu xã hội; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động PVCD [H8.08.02.01], [H8.08.02.02], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế thành lập và tổ chức hoạt động nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh [H12.12.03.01]. Nhà trường thông báo quy chế đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, SV thực hiện [H12.12.03.01]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã thành lập các nhóm nghiên cứu [H12.12.03.01].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Nhà trường đã triển khai công tác TĐG lần đầu theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH [H10.10.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai TĐG CTĐT trình độ ĐH ngành Kỹ thuật Xây dựng theo Thông tư số 04/2016-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN cấp Giấy chứng nhận KĐCL CSGD năm 2020 [H10.10.01.02]. Năm 2022, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng TĐG CSGD, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng để triển khai TĐG CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng CSGD ĐH [H10.10.01.01]. BGH Nhà trường giao cho Phòng KT&ĐBCL triển khai rà soát quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H3.03.01.03]. Phòng KT&ĐBCL thực hiện báo cáo rà soát quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà trường

ban hành [H12.12.04.01]. BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành và trên cơ sở đó trình Hiệu trưởng ký ban hành quy định về so chuẩn, đối sánh đã được điều chỉnh [H1.01.01.15], [H12.12.02.02]. Nhà trường thông báo quy định về so chuẩn, đối sánh đã được điều chỉnh đến các đơn vị để thực hiện [H1.01.01.15], [H12.12.02.02].

Trong quá trình xác định thang đo chuẩn để so chuẩn và đối sánh, Nhà trường đã tham khảo văn bản về so chuẩn của Phòng KT&ĐBCL tham khảo quy định so chuẩn của ĐHQG Hà Nội, Trường ĐH Vinh để soạn thảo quy định về đối sánh chất lượng giáo dục của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trên cơ sở đó trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về so chuẩn, đối sánh [H12.12.02.01], [H1.01.01.15], [H12.12.02.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường tham khảo và sử dụng các tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành để lựa chọn, xác định thang đo chuẩn [H10.10.01.02]. Kết quả của hoạt động rà soát việc lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh đã giúp Lãnh đạo Trường ban hành các quyết định về quản lý có ý nghĩa thực tiễn và đạt hiệu quả cao trong công tác đảm bảo và nâng cao chất lượng công tác của Trường [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCĐ

Căn cứ báo cáo rà soát quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành do Phòng KT&ĐBCL thực hiện và thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành quy định về so chuẩn, đối sánh đã được điều chỉnh [H12.12.04.01], [H1.01.01.15], [H12.12.02.02]. So với Quy định về so chuẩn, đối sánh được ban hành lần đầu vào tháng 3 năm 2021, Quy định về so chuẩn, đối sánh đã được điều chỉnh đã có sự tham khảo quy định so chuẩn của ĐHQG Hà Nội, Trường ĐH Vinh và cập nhật các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H12.12.05.01], [H12.12.02.01], [H10.10.01.02]. Các đơn vị sử dụng quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành để đối sánh với Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Xây dựng Miền Trung và kết quả đối sánh được gửi đến các đơn vị để nâng cao chất lượng [H12.12.02.04]. Nhà trường và các đơn vị sử dụng kết quả so chuẩn, đối sánh để xây dựng kế hoạch năm học với các nội dung nâng cao chất lượng [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Về công tác nhân sự, Nhà

trường ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài của CBVC, trong đó nêu rõ điều kiện, trách nhiệm và quyền lợi của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tạo cơ sở pháp lý và động lực cho CBVC và NLD học tập nâng cao trình độ [H2.02.04.08]. Về công tác QLĐT và NCKH, Hiệu trưởng ký các quyết định ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV, quy chế đào tạo trình độ ĐH, quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, quy định quản lý hoạt động KH&CN [H6.06.03.01], [H12.12.01.01], [H12.12.01.02], [H12.12.01.03]. Để có cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ, Nhà trường đã ban hành các quy định và quy trình, thông báo lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng, quy định chấm điểm xếp loại A, B, C hằng tháng, quy định chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường nhằm thúc đẩy việc học tập nâng cao trình độ và ghi nhận, đề cao tinh thần làm việc, cống hiến, đặc biệt là thu hút nhân lực có trình độ cao về Trường công tác [H2.02.01.29], [H6.06.05.04], [H6.06.02.05], [H6.06.05.01]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kèm theo Quyết định số 286/QĐ-ĐHXDMT ngày 26/8/2019, hướng dẫn đánh giá phân loại đơn vị, viên chức và NLD để có cơ sở pháp lý trong công tác CB, đánh giá phân loại hằng năm CBVC và NLD [H3.03.03.07], [H2.02.03.12]. Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế thành lập và tổ chức hoạt động nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh và trên cơ sở đó, Nhà trường đã thành lập các nhóm nghiên cứu [H12.12.03.01]. Kết quả hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được cải thiện qua từng năm [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Nhà trường, các đơn vị và CB, GV, SV được nhận các hình thức khen thưởng vì đã có thành tích trong hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H2.02.03.07], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 12

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, Nhà trường đề ra kế hoạch nâng cao chất lượng trên mọi mặt hoạt động để đạt mục tiêu của Trường.

- Các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường được thể hiện rõ ràng trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát

triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của các đơn vị.

- Nhà trường ban hành văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh và phổ biến rộng rãi đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện.

- Nhà trường xác định và tiến hành so chuẩn, đối sánh các hoạt động với trường ĐH trong nước, với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Kết quả so chuẩn, đối sánh được chia sẻ đến các đơn vị và được Nhà trường sử dụng để áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCD.

- Hoạt động NCKH và đổi mới, sáng tạo của GV, SV Nhà trường được tăng cường và cải tiến qua từng năm nhờ hoạt động so chuẩn, đối sánh về NCKH.

- Trong giai đoạn 2019-2023, chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của Nhà trường được nâng cao qua từng năm dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh.

- Nhà trường rà soát, đánh giá để tiến hành điều chỉnh, cải tiến quy định về so chuẩn, đối sánh của Trường, trong đó có quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh nhằm nâng cao chất lượng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng các trường ĐH được lựa chọn đối sánh chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường số lượng các trường ĐH được lựa chọn đối sánh	Các đơn vị	2024-2028	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng trên mọi mặt hoạt động của Trường.	Các đơn vị	Hằng năm	
3	Phát huy	Tiếp tục xây dựng, rà	TCHC, các	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 2	soát chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục, nguồn lực trong các kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường.	đơn vị		
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục quán triệt, phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh đến các đơn vị.	TCHC, các đơn vị	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục triển khai thực hiện so chuẩn, đối sánh các hoạt động của Trường theo quy định.	Các đơn vị	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Các đơn vị thường xuyên áp dụng kết quả so chuẩn, đối sánh xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCD	Các đơn vị	Hằng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục cải tiến hoạt động NCKH và đổi mới, sáng tạo của GV, SV qua hoạt động so chuẩn, đối sánh.	KH&HTQT	Hằng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng công tác ĐT, NCKH, PVCD qua kết	KH&HTQT	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		quả so chuẩn, đối sánh.			
9	Phát huy điểm mạnh 8	Thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cải tiến quy định về so chuẩn, đối sánh của Nhà trường	KT&ĐBCL, các đơn vị	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	4,8
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5
Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	5
Tiêu chí 12.5	4

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD

Năm 2018, Trường ĐHXDMT tuyển sinh đào tạo trình độ ĐH 8 ngành với các chỉ tiêu cụ thể xác định trong đề án tuyển sinh [H13.13.01.01], [H7.07.04.05]. Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, Nhà trường xác định quy mô tuyển sinh theo các trình độ tiếp tục tăng ở trình ĐH, thạc sĩ [H1.01.02.07]. Trên cơ sở định hướng phát triển được xác định, hằng năm Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh của Trường [H13.13.01.01], [H13.13.01.02]. Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, ban chỉ đạo tư vấn tuyển sinh chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông tuyển sinh đạt

hiệu quả [H13.13.01.03], [H13.13.01.04]. Hội đồng tuyển sinh, ban chỉ đạo tư vấn tuyển sinh Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên tham gia và tổ chức họp thông qua Đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh của Trường [H13.13.01.03], [H13.13.01.04], [H13.13.01.05].

Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm, Nhà trường phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, trong đó Phòng QLĐT có nhiệm vụ chính trong việc tham mưu xây dựng đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh và các đơn vị có trách nhiệm phối hợp để triển khai kế hoạch tuyển sinh hiệu quả [H13.13.01.02]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường có nêu rõ các mốc thời gian của công tác tuyển sinh như: thời gian tư vấn, thời gian xét tuyển, thời gian xét tuyển nguyện vọng bổ sung để các phòng, khoa chủ động phối hợp thực hiện [H13.13.01.02]. Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn quán triệt và yêu cầu lãnh đạo các đơn vị, CB, GV, NV có trách nhiệm và tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H1.01.01.15]. Đồng thời, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo đơn vị quán triệt và yêu cầu đội ngũ CB, GV, NV tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H1.01.01.08].

Để triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Trường và đề án tuyển sinh được hiệu quả, trước năm 2021, Nhà trường giao cho Phòng QLĐT thường trực công tác tuyển sinh, từ tháng 3/2021, Trường thành lập Ban TVTS&HN nhằm tham mưu, giúp BGH Trường công tác tư vấn tuyển sinh [H3.03.01.02], [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.04.03], [H3.03.04.05]. Ban TVTS&HN xây dựng kế hoạch tư vấn tuyển sinh, truyền thông hằng năm, phân công trách nhiệm cho từng đơn vị, cá nhân, xác định thời gian cụ thể, rõ ràng [H3.03.04.05], [H13.13.01.06]. Bên cạnh đó, các nội dung truyền thông tuyển sinh được thể hiện qua đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường [H13.13.01.01], [H13.13.01.02]. Hoạt động truyền thông tư vấn tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện qua nhiều hình thức phong phú, ngày càng chuyên nghiệp và đi vào chiều sâu, phù hợp với yêu cầu truyền thông hiện tại, cụ thể: Tư vấn trực tiếp tại các trường THPT khu vực ĐBSCL; truyền thông, tư vấn tuyển sinh và tổ chức rèn vẽ Mỹ thuật tại các trường THPT và Trường ĐHXDMT; tư vấn tuyển sinh tại các sự kiện, ngày hội tuyển sinh do Sở GD&ĐT, các cơ quan báo chí tổ chức; tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp tại Trường, đón học sinh các trường THPT về Trường tham quan, tìm hiểu hoạt động của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường đẩy mạnh tư vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng, website, fanpage của Nhà trường cũng như các tờ rơi, brochure,... [H13.13.01.07], [H1.01.02.22], [H1.01.01.21], [H13.13.01.08], [H1.01.02.23], [H1.01.01.23].

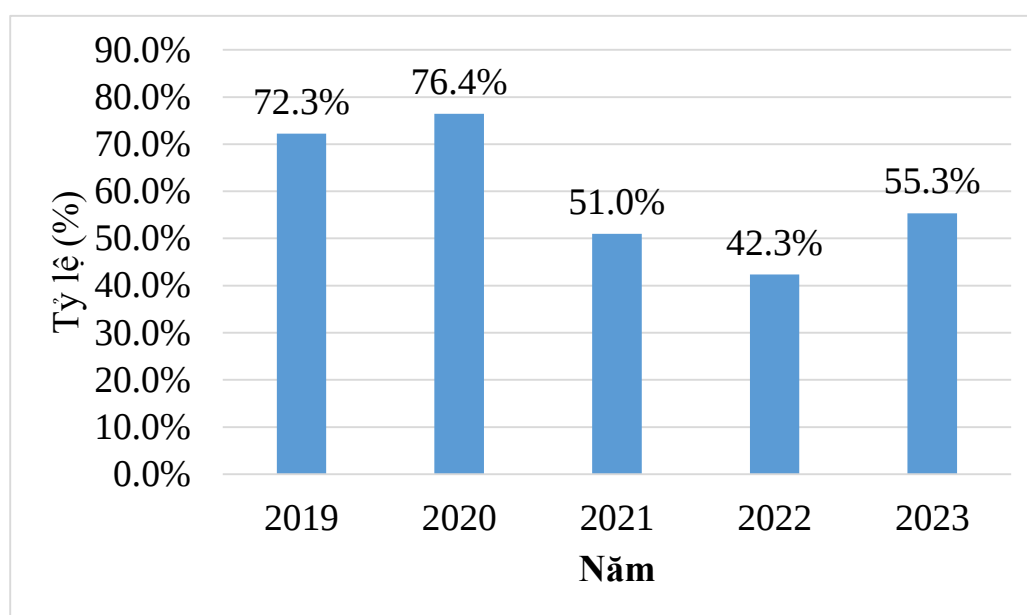
Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT

Căn cứ Thông tư, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và phân bổ chỉ tiêu của Bộ Xây dựng, hằng năm, Nhà trường xây dựng các tiêu chí tuyển sinh và xác định chỉ tiêu riêng cho mỗi ngành, trình độ đào tạo để lựa chọn SV có năng lực phù hợp với ngành học đã đăng ký và thể hiện trong đề án tuyển sinh [H13.13.02.01], [H13.13.02.02], [H13.13.01.01]. Các tiêu chí tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh được công khai trên các kênh truyền thông của Trường, cổng thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.21]. Theo đó, ngưỡng ĐBCL đầu vào theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập THPT thực hiện theo quy định của Nhà trường, có quy định mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển hằng năm; các hình thức khác theo quy định của Nhà trường nhưng không trái với quy định hiện hành của pháp luật [H13.13.01.01]. Tùy theo nhu cầu xã hội, ngành nghề đào tạo, năng lực GV và các điều kiện ĐBCL khác, Nhà trường xác định chỉ tiêu cho từng CTĐT, đảm bảo phù hợp nguồn tuyển, nhu cầu xã hội, điều kiện ĐBCL của Trường [H13.13.01.01].

Hằng năm, Nhà trường đã xây dựng đề án tuyển sinh riêng và công bố công khai các phương thức tuyển sinh trên hệ thống thông tin của Nhà trường, trang thông tin tuyển sinh của ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Bộ GD&ĐT [H13.13.02.01], [H13.13.01.01]. Đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, quy chế tuyển sinh của Nhà trường được thông qua cuộc họp của Hội đồng tuyển sinh [H13.13.01.01], [H13.13.01.02], [H13.13.02.03], [H13.13.01.05]. Tuyển sinh đào tạo trình độ ĐH chính quy, Nhà trường kết hợp nhiều phương thức như: xét tuyển, thi tuyển kết hợp với xét tuyển để tuyển chọn SV nhằm mục tiêu tạo cơ hội học tập cho những đối tượng có năng lực [H13.13.01.01], [H13.13.01.02]. Các phương thức tuyển sinh được quy định rõ ràng, cụ thể, thực hiện đúng theo các hướng dẫn, quy chế, quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và phù hợp với các điều kiện về ĐBCL của Nhà trường, phù hợp với trình độ của SV và yêu cầu của xã hội [H13.13.01.01], [H13.13.01.02]. Theo đó, đối với phương thức xét tuyển từ kết quả thi tốt nghiệp THPT, Nhà trường xác định ngưỡng ĐBCL đầu vào theo quy định của Nhà trường, Bộ GD&ĐT [H13.13.01.01], [H13.13.01.02]. Đối với phương thức xét tuyển từ kết quả học tập THPT (học bạ), Nhà trường xác định ngưỡng ĐBCL đầu vào phù hợp với quy định [H13.13.01.01], [H13.13.01.02]. Đối với ngành đào tạo có môn thi năng khiếu, Nhà trường xác định phương thức thi tuyển kết hợp với xét tuyển, Trường xây dựng quy chế tuyển sinh ĐH ngành có môn thi

năng khiếu, trong đó quy định đầy đủ quy trình tổ chức thi và xét công nhận kết quả [H13.13.01.01], [H13.13.01.02]. Để khuyến khích SV vào ngành nghề yêu thích, Nhà trường tổ chức rèn vẽ Mỹ thuật ở các trường THPT và tại Trường [H13.13.01.07]. Đối với phương thức tuyển sinh liên thông trình độ ĐH, Nhà trường xác định phương thức xét tuyển và thi tuyển, xây dựng quy chế tuyển sinh liên thông ĐH theo quy định và đồng thời thể hiện trong thông báo tuyển sinh [H13.13.02.03], [H13.13.02.04]. Tuyển sinh trình độ thạc sĩ, Nhà trường tổ chức phương thức xét tuyển và thi tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời Nhà trường xây dựng quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm đảm bảo đánh giá đúng khả năng SV để lựa chọn đúng đối tượng; đảm bảo tính minh bạch, công khai trong tuyển sinh theo các quy định hiện hành và đồng thời thể hiện trong thông báo tuyển sinh [H13.13.02.03], [H13.13.02.04]. Từ việc xác định các tiêu chí, chỉ tiêu cho từng CTĐT rõ ràng, khoa học, công bố công khai, phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường và nhu cầu của xã hội, trong những năm qua, tuy tình hình tuyển sinh gặp không ít khó khăn nhưng vẫn giữ được quy mô tuyển sinh ổn định và phù hợp với điều kiện của Nhà trường [H13.13.02.05].



Hình 13.2.1. Kết quả tuyển sinh hệ chính quy hằng năm

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 13.3. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện

Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Trường, Ban TTPC thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh, hoạt động nhập học [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H5.05.02.03]. Ban TTPC có nhiệm vụ tổ chức thanh

tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất mọi mặt hoạt động của các đơn vị dưới sự chỉ đạo của Hiệu trưởng, tổ chức phối hợp thực hiện sau khi Hiệu trưởng phê duyệt, theo dõi, tổng hợp tình hình công tác thanh tra, kiểm tra và báo cáo Hiệu trưởng [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H5.05.02.03]. Hằng năm, căn cứ kế hoạch tuyển sinh, đơn vị chuyên môn tham mưu cho BGH xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh và nhập học, có sự phân công trách nhiệm cho từng đơn vị, cá nhân, đảm bảo các hoạt động trên được thực hiện chất lượng và hiệu quả [H5.05.02.03].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng và ban hành quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.03.01]. Nhà trường gửi quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học đến các đơn vị để thực hiện [H13.13.02.01], [H13.13.03.01]. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh, Nhà trường thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh để kiểm tra, giám sát các hoạt động sơ tuyển, thi tuyển và xét tuyển, kiểm tra việc ban hành các văn bản chỉ đạo, các quyết định thành lập các hội đồng, ban và kiểm tra nhận hồ sơ, công bố kết quả trúng tuyển và công tác hậu kiểm, báo cáo kết quả tuyển sinh nhằm kiểm soát các hoạt động trước, trong và sau quá trình tuyển sinh theo đúng quy trình [H13.13.01.02], [H5.05.02.02]. BGH Nhà trường thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh và nhập học dựa trên các báo cáo số liệu giao ban hằng tháng so với chỉ tiêu, kế hoạch xây dựng trong đề án tuyển sinh [H13.13.01.01], [H13.13.01.02], [H13.13.02.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Giám sát công tác tuyển sinh và nhập học là nội dung trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm của Nhà trường [H5.05.02.02]. Ban TTPC, Phòng KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra theo từng kỳ tuyển sinh trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Bên cạnh đó, giám sát công tác tuyển sinh và nhập học thông qua hoạt động của Ban TTND thể hiện qua báo cáo kết quả hoạt động giám sát hằng năm cũng như báo cáo của Ban TTPC [H5.05.02.03], [H5.05.01.03]. Ngoài ra, Nhà trường giám sát công tác thanh tra, kiểm tra thể hiện qua các báo cáo về tình hình tuyển sinh tại các kỳ họp giao ban hằng tháng hoặc báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm [H2.02.02.12], [H2.02.02.13], [H13.13.04.02].

Mỗi đợt nhập học, Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, cá

nhân tổ chức hướng dẫn thí sinh trúng tuyển nhập học và giám sát các hoạt động nhập học theo đúng quy trình, đảm bảo chặt chẽ, nhanh chóng ổn định tình hình học tập cho tân SV [H13.13.04.03]. Theo đó, Phòng QLĐT chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động nhập học hằng năm, từ việc xây dựng kế hoạch, quy định, tổ chức triển khai thực hiện, phân công, giám sát kiểm tra các hoạt động trong quá trình nhập học như: Tình hình phối hợp thực hiện giữa các đơn vị, triển khai nhiệm vụ của CB nhận hồ sơ, thống kê báo cáo số lượng SV nhập học và các hoạt động phối hợp khác [H13.13.04.03]. Phòng CTCTSV tiếp nhận, bố trí SV ở KTX, thu thập thông tin lý lịch SV, tuyên truyền, tư vấn các chế độ chính sách [H13.13.04.03], [H13.13.04.04]. Phòng TCKT phối hợp với ngân hàng thu các khoản phí đảm bảo đúng quy định [H13.13.04.03]. Công tác tuyển sinh và nhập học được tổ chức tổng kết đánh giá, phân tích hằng năm để Nhà trường kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược, đề án phát triển Nhà trường cũng như chiến lược tuyển sinh của Trường [H13.13.04.02]. Nhà trường sử dụng phần mềm QLĐT để hỗ trợ việc giám sát, phân tích kết quả tuyển sinh và nhập học và trên cơ sở đánh giá, phân tích kết quả tuyển sinh và nhập học năm trước, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm tiếp theo đảm bảo phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, điều chỉnh những biện pháp thực hiện kém hiệu quả để hoạt động tuyển sinh và nhập học đạt được mục tiêu đề ra [H7.07.01.06], [H13.13.04.02], [H13.13.01.02], [H13.13.04.03].

Tự đánh giá: 5/7.

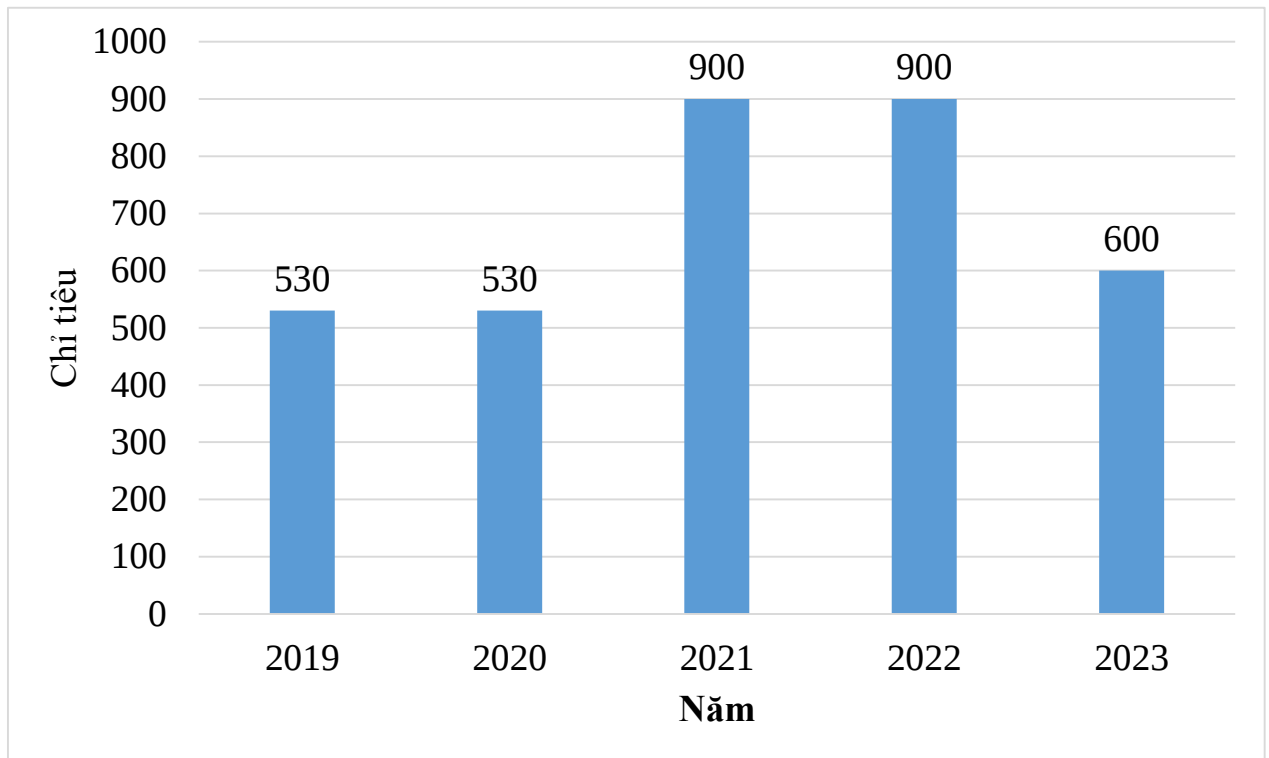
Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Căn cứ kết quả phân tích dữ liệu tuyển sinh, nhập học hằng năm và từng giai đoạn, Nhà trường điều chỉnh kế hoạch chiến lược, chính sách tuyển sinh; điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh so với chiến lược phát triển Nhà trường ở tầm nhìn xa hơn và phù hợp với yêu cầu thực tế, tập trung tăng cường các điều kiện ĐBCL nâng cao chất lượng đào tạo, ổn định nguồn tuyển, ổn định quy mô tuyển sinh đảm bảo phát triển bền vững [H13.13.04.01], [H13.13.04.02], [H13.13.02.05], [H13.13.01.01], [H13.13.01.02], [H13.13.04.03]. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học của Trường, Nhà trường luôn đề cập đến kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học như: mức điểm, kết quả học tập THPT, tỉnh thành nhiều thí sinh nhất, xuất thân của thí sinh, phương thức xét tuyển được thí sinh chọn nhiều nhất, tổ hợp được thí sinh yêu thích nhất, ngành học được thí sinh chọn nhiều nhất, các kênh truyền thông thí sinh chú ý nhất [H13.13.04.02], [H13.13.02.05]. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển

sinh và nhập học đồng thời được Nhà trường xem xét để từ đó kết hợp với kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm để điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.05.01].

Hằng năm, căn cứ các ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học và các ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị, CB, GV, NV tham gia công tác tuyển sinh và nhập học của Trường tại cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh, Nhà trường tiến hành điều chỉnh, bổ sung trong đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch nhập học của năm tiếp theo [H13.13.05.01], [H13.13.04.02], [H13.13.01.01], [H13.13.01.02], [H13.13.04.03]. Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với năng lực của Nhà trường và đảm bảo cơ cấu ngành nghề đào tạo; ổn định quy mô tuyển sinh ĐH chính quy; xác định khu vực tuyển sinh, nguồn tuyển phù hợp với điều kiện Nhà trường; xây dựng công tác truyền thông tuyển sinh ngày càng trở nên chuyên nghiệp [H13.13.05.02], [H13.13.01.01], [H13.13.01.02], [H13.13.01.06], [H13.13.01.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông hoạt động tuyển sinh và đầu mỗi năm học, Trường rà soát, cải tiến công tác truyền thông để mang lại hiệu quả trong công tác tuyển sinh, thay đổi, lựa chọn các hình thức quảng bá hình ảnh của Nhà trường qua truyền thông, tờ rơi, quyển tập tuyển sinh, nón, áo, đồng hồ, ghé đá, tranh,...; tăng cường các kênh truyền thông hướng đến đối tượng tiếp cận chủ yếu là SV, chú trọng đẩy mạnh hoạt động tuyển sinh trực tuyến thông qua hệ thống internet như: fanpage, youtube,... [H1.01.02.22], [H1.01.01.21], [H13.13.01.08], [H1.01.02.23], [H1.01.01.23]. Hằng năm, Nhà trường đón các trường THPT về tham quan các hoạt động đào tạo, CSVC, mô hình thực nghiệm, phòng thí nghiệm,...; tổ chức giao lưu văn nghệ, thể thao với các trường THPT khu vực ĐBSCL [H13.13.01.07]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Vĩnh Long tổ chức ngày hội việc làm cho các em học sinh nhằm quảng bá các ngành nghề đào tạo của Trường [H13.13.01.07]. Nhà trường thay đổi phương thức tuyển sinh; tăng thêm phương thức xét tuyển; lựa chọn tổ hợp xét tuyển và cân đối ngưỡng ĐBCL đầu vào phù hợp trình độ SV [H13.13.01.01], [H13.13.01.02]. Từ năm 2018, bên cạnh lựa chọn cấp học bổng cho những thí sinh đạt điểm cao trong kỳ thi tuyển vào Trường, Nhà trường tổ chức trao học bổng cho những học sinh trúng tuyển có hoàn cảnh khó khăn khi nhập học vào Trường và hỗ trợ học bổng cho các trường THPT trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong dịp lễ khai giảng để tăng cường truyền thông về Trường, nâng cao hiệu quả tuyển sinh [H13.13.04.04]. Quy trình nhập học và công tác đón tiếp SV trong những năm gần đây được quan tâm chu đáo bằng các hình thức tổ chức đón tân SV, bố trí đội ngũ đoàn viên thanh niên đón tiếp, hướng dẫn cho SV và người nhà làm thủ tục nhập học và Nhà trường quan

tâm triển khai tư vấn nhà trọ, chỗ ở miễn phí và các thông tin cần thiết khác cho tân SV [H13.13.03.01], [H13.13.04.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, công tác tuyển sinh và nhập học của Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng quy định và tuy những năm gần đây tình hình tuyển sinh gặp không ít khó khăn, nhưng với sự cải tiến quyết liệt, hiệu quả công tác tuyển sinh và nhập học đã mang lại những kết quả thiết thực cho Nhà trường, ổn định trong công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.05.03], [H13.13.04.01], [H13.13.02.05].



Hình 13.5.1. Chỉ tiêu tuyển sinh ĐH chính quy hằng năm

Tự đánh giá: 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 13

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh để chỉ đạo, tổ chức, giám sát, kiểm tra xuyên suốt quá trình tuyển sinh và nhập học của Trường và thành lập ban chỉ đạo tư vấn tuyển sinh chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông tuyển sinh đạt hiệu quả.

- Trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường thể hiện đầy đủ, rõ ràng những thông tin về tiêu chí, chỉ tiêu xét tuyển cho từng ngành đào tạo phù hợp, đúng theo quy định và được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và chính sách tuyển sinh, truyền thông; xây dựng quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học theo quy chế, quy định

hiện hành.

- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả, chủ động và hỗ trợ liên tục thí sinh trong công tác tuyển sinh và nhập học, đồng thời áp dụng linh hoạt, hiệu quả các hình thức tuyển sinh phù hợp.

- Các kế hoạch, chính sách, công tác truyền thông, các quy trình giám sát trong công tác tuyển sinh và nhập học được triển khai bằng các kế hoạch cụ thể để thực hiện, có sự phân công cho từng cá nhân, đơn vị phụ trách, đặc biệt là công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo phối hợp nhịp nhàng, khoa học, từ đó công tác triển khai thực hiện mang lại hiệu quả tốt.

- Các kế hoạch, chính sách, công tác truyền thông, quy trình giám sát trong công tác tuyển sinh và nhập học được rà soát cập nhật, việc rà soát dựa trên các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định của các bộ, ban, ngành trung ương và địa phương, vì vậy công tác tuyển sinh và nhập học của Nhà trường luôn đảm bảo đúng quy định.

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, trong đó tiến hành phân tích, đo lường kết quả tuyển sinh và nhập học để từ đó có những điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Trong giai đoạn 2019-2023, công tác tuyển sinh và nhập học của Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng quy định và với sự cải tiến quyết liệt, hiệu quả, công tác tuyển sinh và nhập học đã mang lại những kết quả thiết thực cho Nhà trường, ổn định trong công tác tuyển sinh và nhập học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Công tác khảo sát ý kiến về tuyển sinh và nhập học đối với các bên liên quan ngoài trường chưa rộng rãi.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát ý kiến về tuyển sinh và nhập học đối với các bên liên quan ngoài trường.	QLĐT, TVTS&HN, các khoa	2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục triển khai, cải tiến công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông tuyển sinh.	QLĐT, TVTS&HN, các khoa	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát, xây dựng tiêu chí, chỉ tiêu xét tuyển cho từng ngành đào tạo phù hợp, đúng theo quy định.	QLĐT, TVTS&HN	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy định, kế hoạch, chính sách về phù hợp với thực tế.	QLĐT, TVTS&HN	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục cải tiến, triển khai nhiều hình thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả.	QLĐT, TVTS&HN	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai các kế hoạch, chính sách, công tác truyền thông, quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.	QLĐT, các đơn vị	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch, chính sách, công tác truyền thông, quy trình giám sát trong công tác tuyển sinh và nhập học theo đúng các quy định.	QLĐT, TVTS&HN	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục triển khai phân tích, đo lường kết quả tuyển sinh và nhập học.	QLĐT, TVTS&HN	Hàng năm	
9	Phát huy	Không ngừng cải tiến công	QLĐT,	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 8	tác tuyển sinh và nhập học.	TVTS&HN		

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	4,8
Tiêu chí 13.1	5,0
Tiêu chí 13.2	5,0
Tiêu chí 13.3	5,0
Tiêu chí 13.4	5,0
Tiêu chí 13.5	4,0

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát CTDH

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Trường ĐHXDMT bắt đầu tuyển sinh trình độ ĐH năm 2012 với 2 CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng và ngành Kiến trúc [H7.07.04.05]. Trong quá trình hoạt động của Nhà trường, số lượng CTĐT trình độ ĐH chính quy được phát triển và điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như phù hợp với SM, TN và mục tiêu chiến lược đã xác định qua từng giai đoạn [H7.07.04.05]. Hiện nay, Nhà trường đào tạo 8 ngành trình độ ĐH [H7.07.04.05]. Năm học 2022-2023, Nhà trường tuyển sinh và đào tạo 01 CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật Xây dựng [H7.07.04.06]. Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động, quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT tổ chức xây dựng, thiết kế, triển khai và phát triển chương trình đề ĐBCL của CTĐT [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Dựa trên Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, Phòng QLĐT dự thảo Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê

duyet và ban hành các CTDH, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.01.01], [H1.01.01.15], [H14.14.01.02]. Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH được xây dựng và điều chỉnh theo từng giai đoạn cho phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT [H14.14.01.01], [H14.14.01.02]. Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH được Nhà trường quy định cụ thể, trong đó quy trình thiết kế, xây dựng CTDH và quy trình giám sát, cập nhật, đánh giá CTĐT được quy định gồm các bước cụ thể; các quy định trên thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Bộ GD&ĐT [H14.14.01.02]. Trong mỗi đợt triển khai xây dựng CTĐT mới hoặc định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT, Nhà trường ban hành các văn bản đề cụ thể hóa quy trình, quy định rõ kế hoạch thời gian và phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân, đơn vị có liên quan như thành lập Ban chỉ đạo, quyết định thành lập các ban soạn thảo cho mỗi ngành/chuyên ngành, các kế hoạch xây dựng CTĐT [H14.14.01.03], [H14.14.01.04]. Trong Ban chỉ đạo, Ban soạn thảo rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT do Nhà trường thành lập, Hiệu trưởng là trưởng ban, phó Hiệu trưởng là phó ban, Phòng QLĐT là thường trực và đại diện trưởng các đơn vị [H14.14.01.04]. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng và hướng dẫn quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTDH cho các CTĐT và các học phần của Nhà trường [H14.14.01.04].

Trong Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH của Nhà trường ban hành đồng thời quy định cụ thể về xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành ĐCCT học phần [H14.14.01.02]. Theo đó, quy định đầy đủ trình tự các bước thực hiện, hướng dẫn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị triển khai; thiết kế mẫu ĐCCT học phần; hướng dẫn từng mục cụ thể trong đề cương chi tiết học phần để Khoa, Bộ môn và GV thực hiện [H14.14.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Hướng dẫn biên soạn ĐCCT học phần và triển khai thực hiện [H14.14.01.05]. ĐCCT học phần được thông qua tổ bộ môn, Hội đồng KH&ĐT Khoa, Hội đồng KH&ĐT Trường và trên cơ sở đó được ban hành [H2.02.01.16], [H2.02.01.17], [H14.14.01.06], [H14.14.01.07].

Khảo sát ý kiến đóng góp, phản hồi các bên liên quan được quy định là một công việc bắt buộc trong quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT [H14.14.01.02]. Trong mỗi đợt xây dựng, cập nhật CTĐT được triển khai thực hiện nghiêm túc, kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan phục vụ trực tiếp việc xây dựng CDR, nội dung CTĐT và các học phần [H14.14.01.02]. Nhà trường ban hành kế hoạch tổ chức khảo sát phục vụ cho đề án mở ngành đào tạo, theo đó quy định

rõ nội dung cần khảo sát, trong đó có nội dung về kiến thức và kỹ năng mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp [H14.14.01.08]. Đối tượng lấy phiếu khảo sát được quy định bao gồm: Các doanh nghiệp, các nhà quản lý, cựu SV và SV Trường và phạm vi khảo sát được xác định bao gồm các tỉnh khu vực ĐBSCL [H14.14.01.08]. Ngoài ra, Nhà trường đã triển khai thực hiện quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến về CTĐT và khóa học và sử dụng kết quả khảo sát phục vụ cho việc đánh giá, rà soát, phát triển các CTĐT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Theo Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH của Nhà trường ban hành quy định cụ thể các đơn vị của Trường, Phòng QLĐT phối hợp với các Khoa, xây dựng và điều chỉnh CDR cho CTĐT và học phần [H14.14.01.02]. Phòng QLĐT là đơn vị tham mưu BGH tổ chức, xây dựng kế hoạch, điều hành, phối hợp, tổng hợp thẩm định, ban hành và công bố công khai CDR cho CTĐT theo quy định; các Khoa trực tiếp xây dựng và điều chỉnh CDR cho CTĐT/học phần [H14.14.01.02]. Để cụ thể hóa quy trình xây dựng CDR cho CTĐT/học phần theo quy định, trong mỗi đợt triển khai xây dựng CTĐT, Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo gồm BGH và lãnh đạo các đơn vị liên quan trong Nhà trường để thực hiện nhiệm vụ phối hợp chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ [H14.14.01.04]. Căn cứ quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá và ban hành CTĐT, Nhà trường ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT và Kế hoạch xây dựng CTĐT, ĐCCT học phần [H14.14.01.03], [H14.14.02.01]. Căn cứ nhu cầu của các bên liên quan, các Khoa, Bộ môn, GV giảng dạy các học phần đề xuất dự thảo CDR cho CTĐT, CDR của mỗi học phần từ đó xây dựng dự thảo nội dung CTĐT, trong đó dự thảo nội dung học phần cho phù hợp, đảm bảo thực hiện được CDR và phù hợp với các quy định về xây dựng, cập nhật CTĐT [H14.14.01.02], [H14.14.02.02]. CDR cho CTĐT Hội đồng Khoa học, thảo luận và thông qua trước khi trình Hội đồng KH&ĐT Nhà trường và trên cơ sở thống nhất của Hội đồng KH&ĐT Trường, Hiệu trưởng ký ban hành CDR của CTĐT [H2.02.01.16], [H2.02.01.17], [H14.14.01.06], [H14.14.02.03], [H14.14.02.04]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành CDR ngoại ngữ, tin học và áp dụng trong toàn trường [H14.14.02.05].

Theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, Nhà trường phân công các đơn vị tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan về các CTĐT của Nhà trường, trong đó có khảo sát CDR của CTĐT [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát ý kiến SV trước khi

tốt nghiệp về CTĐT, khóa học; Phòng CTCTSV khảo sát ý kiến cựu SV, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về tình hình việc làm và chất lượng SV tốt nghiệp; Phòng QLĐT phối hợp phòng CTCTSV khảo sát ý kiến cựu SV, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, chuyên gia đầu ngành về CĐR, CTĐT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Nội dung khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT, học phần tập trung vào các vấn đề: kỹ năng theo vị trí việc làm SV tốt nghiệp, CTĐT, học phần có phù hợp với yêu cầu thực tế,... [H1.01.01.14]. Trên cơ sở đó, Nhà trường rà soát, điều chỉnh những kỹ năng để CĐR của CTĐT, học phần đáp ứng với yêu cầu xã hội [H14.14.02.02], [H14.14.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CĐR

Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với CSGD và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, theo đó Nhà trường phải công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai điều kiện ĐBCLGD và công khai về thu chi tài chính [H7.07.01.06]. Trong đó, CĐR của CTĐT, ĐCCT học phần, kế hoạch giảng dạy theo CĐR của CTĐT là những nội dung chính của cam kết về ĐBCL, trong nhiều năm qua Nhà trường đã nghiêm túc triển khai thực hiện theo đúng các quy định này [H7.07.01.06], [H14.14.02.03], [H14.14.02.05], [H14.14.01.07]. Đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy theo CĐR của CTĐT sau khi xây dựng, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung được Nhà trường ban hành, công bố chính thức đến các bên liên quan trong và ngoài Trường, theo đó, các quyết định ban hành CTĐT, đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy theo CĐR hướng dẫn cách thức thực hiện, hình thức công bố, hiệu lực thi hành và đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm triển khai thực hiện [H14.14.02.03], [H14.14.02.05], [H14.14.01.07], [H14.14.03.01].

Đề cương chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy theo CĐR của CTĐT được công bố chính thức đến tất cả các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như: thông qua kế hoạch đào tạo hằng năm, thời khóa biểu học kỳ, phần mềm QLĐT, website của Nhà trường, hệ thống email công vụ, hệ thống văn bản hành chính, Sổ tay SV,... [H14.14.03.02], [H14.14.03.03], [H7.07.01.06], [H1.01.01.21], [H7.07.03.02], [H1.01.02.26],... Đối với SV khóa mới, Nhà trường thông báo đến SV CTĐT từng ngành học, quy chế đào tạo, các quy định có liên quan tới học tập, rèn luyện và sinh hoạt của SV tại Tuần sinh hoạt công dân [H1.01.01.10]. Trước khi học kỳ mới bắt đầu, Nhà trường thông báo đến SV thời

khóa biểu lớp học phân dự kiến giảng dạy trong học kỳ gồm các thông tin: Mã học phần, tên học phần, số tín chỉ, tên lớp học phần, tiết học, phòng học, điều kiện đăng ký học phần và các ghi chú khác đối với việc đăng ký học phần; thời gian tổ chức đăng ký học phần của học kỳ [H14.14.03.03]. Đội ngũ CVHT được phân công là người trực tiếp hướng dẫn, giải thích cho SV về CDR, mục tiêu của CTĐT; vai trò, vị trí, mục tiêu cần đạt được của từng học phần trong CTĐT; tư vấn, hướng dẫn SV lựa chọn, đăng ký học phần phù hợp với năng lực học tập, kế hoạch học tập riêng cho từng SV [H14.14.03.04], [H14.14.03.05]. Đối với SV khóa cũ, đầu mỗi năm học, CVHT thông báo kế hoạch năm học dự kiến cho từng CTĐT theo từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ tổ chức giảng dạy, ĐCCT học phần, các điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần [H14.14.03.04], [H14.14.03.05]. Vào buổi học đầu tiên của từng học phần, GV giảng dạy học phần công bố, cung cấp ĐCCT học phần, kế hoạch giảng dạy học phần, thông báo các hình thức kiểm tra đánh giá và cách đánh giá môn học, hình thức kiểm tra quá trình và thi KTHP, tài liệu chính, tài liệu tham khảo, hình thức trao đổi thông tin giữa GV và SV, giúp SV có những hiểu biết tổng quan về học phần, từ đó chủ động hơn trong việc học, tự học, góp phần nâng cao hiệu quả việc dạy và học các học phần trong CTĐT [H14.14.03.06], [H12.12.01.01].

Tại cuộc họp giao ban đầu năm học, BGH quán triệt và yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV triển khai các hoạt động dạy học và đào tạo theo kế hoạch năm học đã phê duyệt và hướng tới đạt được CDR [H1.01.01.15]. Các Khoa và GV Trường triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch năm học và giảng dạy theo thời khóa biểu đã xác định [H14.14.03.02], [H14.14.03.03]. Hoạt động đào tạo và giảng dạy của Nhà trường được giám sát thông qua phần mềm quản lý đào tạo, hoạt động dự giờ của các Khoa, cũng như kiểm tra thực tế của Bộ phận Thanh tra của Trường [H7.07.01.06], [H14.14.03.07], [H14.14.03.08], [H5.05.02.03]. Trong giai đoạn 2019-2023, các hoạt động dạy và học của Trường được triển khai theo đúng kế hoạch, hướng tới đạt CDR [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTDH được thực hiện

Trước năm 2021, quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTDH của Nhà trường được thực hiện theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [H14.14.01.01], [H14.14.01.02]. Hiện nay, Nhà trường thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [H14.14.01.01], [H14.14.01.02]. Để cụ thể

hóa các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về quy trình lập hồ sơ mở ngành đào tạo, quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá và ban hành CTĐT [H14.14.01.02]. Nhà trường phân công Phòng QLĐT là đơn vị rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.02]. Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, Phòng QLĐT dự thảo quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được điều chỉnh, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị, trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.15], [H14.14.01.01], [H14.14.01.02]. Năm 2022, Nhà trường triển khai rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH và năm 2023, Nhà trường ban hành quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH đã được điều chỉnh và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H14.14.01.02].

Việc định kỳ rà soát CTDH ít nhất 2 năm 1 lần đã được Nhà trường thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của Bộ GD&ĐT [H14.14.01.01]. Giai đoạn 2019-2023, CTDH của Nhà trường được rà soát, cập nhật, bổ sung 2 lần vào năm 2020 và năm 2022 [H14.14.01.02], [H14.14.01.03]. Việc rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT xuất phát từ yêu cầu thực tế công tác đào tạo và xu hướng phát triển của Nhà trường và từ việc thay đổi chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ GD&ĐT [H14.14.01.08], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H14.14.02.02]. Nhà trường chỉ đạo các Khoa chủ động rà soát CTDH, các học phần do Khoa quản lý, tổ chức hội thảo, lấy ý kiến các bên liên quan [H14.14.02.02], [H1.01.01.12]. Trên cơ sở đó, Nhà trường tổ chức rà soát toàn bộ CTDH và trong quá trình triển khai có tổ chức đối sánh với các CTDH của các trường ĐH khác trong nước cũng như tham khảo ý kiến của các bên liên quan về CTĐT để điều chỉnh, phát triển CTDH theo kịp với yêu cầu thực tế [H14.14.01.03], [H12.12.02.03], [H14.14.01.08], [H14.14.02.02]. Các CTDH của Nhà trường được thông qua bộ môn, Hội đồng KH&ĐT Khoa, Hội đồng KH&ĐT Trường và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành [H14.14.04.01], [H14.14.01.06], [H7.07.04.05], [H14.14.04.02]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Bản mô tả CTĐT và gửi đến các đơn vị để áp dụng [H14.14.04.03]. CTĐT, CTDH, ĐCCT học phần của Nhà trường ban hành được gửi đến các đơn vị để thực hiện, đăng tải trên website của Trường và của Phòng QLĐT, niêm yết trong Sổ tay SV [H1.01.01.21], [H13.13.01.08], [H1.01.02.26].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và CTDH được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các

bên liên quan

Theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực SV đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục ĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 quy định về chuẩn CTĐT; Xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH, để đảm bảo sự phù hợp và đáp ứng nhu cầu xã hội, quy trình thiết kế, đánh giá CTDH của Nhà trường được cải tiến, cập nhật về nội dung, quy trình, thời gian và các giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện ĐBCL của Trường [H14.14.01.01], [H14.14.01.02]. Sau khi được Hội đồng KH&ĐT thông qua nội dung cải tiến và cập nhật, quy trình thiết kế, đánh giá CTDH được Hiệu trưởng quyết định ban hành, công bố chính thức đến các bên liên quan trong và ngoài Trường [H14.14.05.02]. Trường luôn quan tâm cập nhật, cải tiến quy trình thiết kế, đánh giá CTDH nhằm đảm bảo đúng các quy định; đáp ứng mục tiêu, vai trò và SM Nhà trường, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan trong việc đào tạo ĐH và sau ĐH theo định hướng ứng dụng [H14.14.05.02].

Xuất phát từ yêu cầu thực tế công tác đào tạo và xu hướng phát triển của Nhà trường và từ việc thay đổi chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường chỉ đạo các Khoa chủ động rà soát, điều chỉnh CTDH theo kế hoạch của Trường [H14.14.01.03]. Các Khoa tham khảo, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan về CTĐT và đối sánh với các CTĐT trong nước, quốc tế để rà soát, điều chỉnh CTDH [H1.01.01.14], [H1.01.01.12], [H14.14.02.02]. Các CTDH của Nhà trường được thông qua bộ môn, Hội đồng KH&ĐT Khoa, Hội đồng KH&ĐT Trường và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành [H14.14.04.01], [H14.14.01.06], [H7.07.04.05], [H14.14.04.02]. So với các CTDH trước đây, CTDH của Nhà trường sau khi được cải tiến, cập nhật mang lại kết quả tích cực, các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian, trình tự bố trí các học phần hợp lý và đảm bảo tính logic [H7.07.04.05], [H14.14.04.02]. Các bên liên quan qua khảo sát thể hiện mức độ hài lòng đối với việc điều chỉnh, cải tiến CTDH của Nhà trường [H1.01.01.14], [H1.01.01.07], [H1.01.01.11].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH cho tất cả các CTĐT và các học phần có

sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

- Các quy định về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các học phần được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các học phần phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

- Các đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các học phần được Nhà trường văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CDR; thông tin đến các bên liên quan đầy đủ, kịp thời qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

- Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế, quy trình đánh giá CTDH theo đúng quy định và phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

- Các CTDH của Trường được xây dựng, điều chỉnh, cải tiến dựa trên sự tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan thể hiện mức độ hài lòng đối với việc điều chỉnh, cải tiến CTDH của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng ý kiến nhà tuyển dụng đối với một số CTDH chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về CTDH.	QLĐT, KT&ĐBCL, CTCTSV, các Khoa	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống quy định, quy trình về thiết kế, phát triển CTDH có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.	QLĐT, các Khoa	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống quy định, quy trình về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.	QLĐT, các Khoa	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các học phần phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan định kỳ.	QLĐT, các Khoa	Định kỳ	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tăng cường xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống quy định, quy trình về xây dựng đề cương học phần theo CDR và công khai đầy đủ đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.	QLĐT, các Khoa	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế, đánh giá CTDH theo quy định đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	QLĐT, các khoa	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục điều chỉnh, cải tiến CTDH có tham khảo các CTDH khác và lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan.	QLĐT, KT&ĐBCL, các khoa	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tăng cường khảo sát ý kiến các bên liên quan khi điều chỉnh, cải tiến CTDH của Nhà trường.	QLĐT, KT&ĐBCL, các khoa	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	5,0
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với TLGD và để đạt được CDR

Theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT, TLGD được định nghĩa là “một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của GV và SV trong hoạt động giáo dục” [H10.10.01.02]. Trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030, Nhà trường đã xác định đổi mới các CTĐT, phương pháp tổ chức đào tạo, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, cung cấp nguồn học liệu cho SV, nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của Nhà trường và đây được xem là TLGD ban đầu của Trường [H1.01.02.07]. Năm 2021, HĐT tổ chức họp thảo luận và xây dựng TLGD cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Nhà trường cũng như xu thế phát triển chung của giáo dục ĐH, trên cơ sở dự thảo

lấy ý kiến các đơn vị đóng góp, Nhà trường chính thức ban hành TLGD của Trường gắn với thương hiệu MTU, đó là “Môi trường thân thiện - Tri thức khoa học - Ứng dụng thực tế” [H1.01.01.16], [H1.01.01.03]. Theo đó, Trường xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, giúp nâng cao tri thức khoa học, ứng dụng vào thực tế, góp phần xây dựng và phát triển đất nước [H1.01.01.03]. Môi trường giáo dục thân thiện là định hướng xây dựng của Nhà trường, trong môi trường giáo dục đó SV được tôn trọng, đối xử công bằng, bình đẳng và nhân ái; được phát huy dân chủ và tạo điều kiện để phát triển phẩm chất và năng lực [H1.01.01.03]. Nhà trường luôn hướng đến tri thức khoa học, đó là những kiến thức, hiểu biết được tích lũy một cách hệ thống nhờ vào quá trình NCKH [H1.01.01.03]. Kiến thức chuyên ngành luôn được Trường cập nhật, bổ sung, đổi mới CTĐT cho phù hợp với xu hướng phát triển chung; nâng cao trình độ, kỹ năng của GV ngang tầm khu vực Đông Nam Á [H1.01.01.03]. Nền tảng kiến thức rộng giúp SV định hướng tốt hơn [H1.01.01.03]. Trong một thế giới luôn vận động và thay đổi nhanh chóng SV cần khả năng học tập suốt đời để bắt kịp cái mới, cần tiếp xúc và làm việc với nhiều người ở nhiều quốc gia, cần tư duy để tìm ra giải pháp và đưa ra sáng kiến thay vì chỉ làm theo mệnh lệnh [H1.01.01.03]. SV được đào tạo kỹ năng làm việc song song với học tập kiến thức chuyên môn, các kỹ năng mềm như: làm việc nhóm, giao tiếp, đàm phán, viết, tra cứu, tư duy độc lập, tự học, hợp tác, lãnh đạo, quản lý,... được Nhà trường đưa vào trong CTĐT chính khóa và ngoại khóa [H1.01.01.03]. Trách nhiệm chính yếu của mỗi SV chính là học tập [H1.01.01.03]. Trong học tập, SV cần phải chú tâm và biết tìm tòi, khám phá, ứng dụng vào thực tế những kiến thức đã học [H1.01.01.03]. SV được đào tạo là người chịu trách nhiệm hay là người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm [H1.01.01.03]. Đây là mẫu của những người chủ, những người lãnh đạo trong tập thể. Giáo dục cho SV tinh thần trách nhiệm với bản thân, với gia đình và với cộng đồng. Gắn kết giáo dục ở trường với giáo dục ở cộng đồng [H1.01.01.03]. SV không chỉ hướng tới xây dựng sự nghiệp cho bản thân mà còn đóng góp cho cộng đồng, xã hội, không chỉ ở hiện tại mà còn cho các thế hệ tương lai [H1.01.01.03]. TLGD phù hợp với mục tiêu, SM và xu thế phát triển chung của Trường. SM tuyên bố Trường “đào tạo nguồn nhân lực xây dựng chất lượng cao theo định hướng ứng dụng” và “đào tạo, bồi dưỡng, NCKH, ứng dụng và CGCN” [H1.01.01.03]. Ngoài ra, Chiến lược phát triển Trường đề cập các mục tiêu phù hợp với TLGD như: đào tạo trình độ ĐH và sau ĐH các ngành kỹ thuật phù hợp theo nhu cầu xã hội, ĐBCL đào tạo nguồn nhân lực về trình độ chuyên môn và kỹ năng ứng dụng; đào tạo gắn với nhu cầu xã hội, gắn với thực tiễn sản xuất và hội nhập quốc tế [H1.01.02.07].

Trong Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH do Nhà trường ban hành có yêu cầu khi xác định các hoạt động dạy và học phù hợp với TLGD của Nhà trường [H14.14.01.02]. Các Khoa phổ biến đề GV lưu ý sự phù hợp với TLGD của Nhà trường khi xác định các hoạt động dạy và học trong ĐCCT học phần [H1.01.01.08]. Trên cơ sở đó, GV xác định các hoạt động dạy và học trong ĐCCT học phần phù hợp với TLGD của Nhà trường [H1.01.01.03], [H14.14.01.07].

Để nâng cao chất lượng và phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của CĐR, Nhà trường tổ chức các đợt tập huấn về CĐR, xây dựng CTĐT, CTDH, tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học, trao đổi kinh nghiệm ứng dụng thực tế, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, chức danh nghề nghiệp cho GV [H15.15.01.01], [H1.01.01.12]. Trong nội dung tập huấn cho GV về việc xây dựng CĐR CTĐT, CĐR học phần, Nhà trường đồng thời hướng dẫn GV xác định các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CĐR [H15.15.01.01]. Bên cạnh đó, trong Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH do Nhà trường ban hành có yêu cầu có đề cập đến việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với CĐR [H14.14.01.02]. Trên cơ sở đó, GV của Nhà trường xác định, lựa chọn hoạt động dạy học phù hợp với CĐR đã ban hành và thể hiện trong ĐCCT học phần [H14.14.02.03], [H14.14.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

Giai đoạn 2019-2023, Trường đã triển khai thực hiện các chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV, được cụ thể hóa bằng quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Đề án vị trí việc làm và kế hoạch hướng dẫn triển khai thực hiện việc xác định vị trí việc làm [H1.01.01.02], [H3.03.01.04]. Đặc biệt, Nhà trường xây dựng và thực hiện các chính sách tài chính nhằm thu hút, phát triển đội ngũ GV có trình độ cao, được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và quy định chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác của Trường [H6.06.02.05], [H6.06.02.06], [H2.02.01.29]. Nhà trường áp dụng các đãi ngộ như: GV có trình độ từ tiến sĩ trở lên về Trường nhận được phụ cấp thu hút đến 600 triệu đồng; được ưu đãi trả lương gấp 7 lần lương cơ bản và được bố trí chỗ ở; CB đang giảng dạy tại Trường đi học nghiên cứu sinh được hỗ trợ kinh phí đến 350 triệu đồng [H6.06.02.05], [H6.06.02.06], [H2.02.01.29]. Về công tác tuyển dụng GV, vào đầu mỗi năm học, căn cứ đề xuất tuyển dụng của các đơn vị, BGH Trường xem

xét, thống nhất chỉ tiêu tuyển dụng và thông báo công khai trên Website, trong họp cơ quan, đồng thời thông tin đến CB, GV được biết để giới thiệu ứng viên có năng lực [H6.06.02.02], [H6.06.02.03]. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình quy định với các tiêu chuẩn rõ ràng [H6.06.02.02], [H6.06.02.03]. Kết quả tuyển dụng GV được thông báo công khai trên website của Trường và Phòng TCHC [H1.01.01.21], [H6.06.02.04]. Công tác bổ nhiệm CB được Nhà trường chú trọng, với mục tiêu lựa chọn, bổ nhiệm được người lãnh đạo có đủ năng lực, phẩm chất tốt, tạo động lực cho sự phát triển chung, phát huy tối đa từ sự đóng góp của nguồn nhân lực trình độ cao, Nhà trường xây dựng các chế độ ưu đãi, các tiêu chuẩn của CB lãnh đạo và ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo các đơn vị để triển khai thực hiện, trong đó ưu tiên quy hoạch, bổ nhiệm đối với các CBVC có trình độ tiến sĩ [H3.03.03.07], [H3.03.03.08], [H2.02.03.14]. Để phát huy nguồn nhân lực, phát triển nhanh, mạnh về số lượng và chất lượng đội ngũ GV cơ hữu, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn được Nhà trường quan tâm, cụ thể hóa bằng quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBVC [H2.02.04.08]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng GV như: bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học; nghiệp vụ sư phạm; lý luận chính trị; sau ĐH;... [H6.06.04.02], [H2.02.04.09], [H2.02.04.10], [H2.02.04.11].

Về tổ chức, phân công nhiệm vụ cho GV trong quá trình công tác, Nhà trường dựa trên tiêu chuẩn, chức danh, trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của mỗi GV để sắp xếp, bố trí giảng dạy [H6.06.03.01], [H14.14.03.01], [H14.14.03.03]. Theo đó, GV tham gia giảng dạy bậc ĐH phải có bằng thạc sĩ trở lên và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; Trong 01 năm học, định mức giờ chuẩn giảng dạy cho GV là 350 giờ chuẩn (tương đương 1.050 giờ hành chính), trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định [H6.06.03.01]. Hằng năm, căn cứ số lượng ngành đào tạo, số học phần, lớp học và đội ngũ GV, Phòng QLĐT phối hợp các Khoa xây dựng kế hoạch chi tiết bố trí GV giảng dạy nhằm ĐBCL, tiến độ, đáp ứng được những tiêu chuẩn, tiêu chí, kế hoạch tổng thể học tập và giảng dạy của Nhà trường [H14.14.03.02]. Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Nhà trường còn cộng tác thường xuyên với các GV giỏi, giàu kinh nghiệm đến từ các trường ĐH khác để giảng dạy nhằm giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy, học thuật [H6.06.03.03]. Ngoài ra, các khoa chuyên ngành cũng luôn tích cực, chủ động mời các doanh nghiệp có uy tín tham gia vào các hoạt động trong quá trình đào tạo, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp để nâng cao tính thực tiễn của ngành nghề đào tạo [H15.15.02.01].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CDR

Các CTĐT của Trường bao gồm các nội dung bắt buộc và tự chọn xen kẽ nhau trong suốt quá trình triển khai chương trình học đảm bảo cho SV vừa tiếp thu kiến thức chuyên môn, vừa học tập được các kỹ năng phục vụ cho hoạt động học tập và làm việc sau này, thúc đẩy việc học tập suốt đời của SV [H7.07.04.05]. Trường có các trung tâm đào tạo, tư vấn và các CLB học thuật để cung cấp cho SV một môi trường học tập đa dạng ngoài kiến thức tiếp thu do GV cung cấp SV có thể tham gia học thuật ở các trung tâm, các CLB SV [H3.03.01.02]. Nhà trường đã thành lập Trung tâm NN-TH có chức năng đào tạo, cấp chứng chỉ, chứng nhận theo quy định của pháp luật; Nhà trường chấp nhận những văn bằng, chứng chỉ do những cơ sở đào tạo khác cấp theo quy định và phù hợp với quy định về CDR của CTĐT [H3.03.01.02]. Nhà trường tổ chức giảng dạy học phần ngoại ngữ chuyên ngành nhằm giúp SV có thể tự nghiên cứu, tự mở rộng kiến thức trên nền tảng kiến thức phong phú, đa dạng [H14.14.03.02], [H14.14.03.03]. Nhà trường tiếp nhận du học sinh và cử SV giao lưu với SV nước ngoài, đồng thời tiếp nhận SV, tình nguyện viên nước ngoài đến giao lưu với SV của Trường nhằm tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy NH tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức [H8.08.01.09], [H8.08.01.10].

Các học phần lý thuyết trong CTĐT được bố trí với nhiều hình thức tổ chức dạy - học đa dạng và phong phú như: giảng lý thuyết, thảo luận, báo cáo chuyên đề và chú trọng đến các hoạt động dạy - học theo hướng tích cực, lấy SV làm trung tâm [H14.14.03.02], [H14.14.03.03]. Nhà trường triển khai cho SV thực hiện bài tập lớn - đồ án học phần nhằm giúp SV hình thành kỹ năng, tư duy sáng tạo, kiến thức chuyên ngành giúp SV tiếp cận nhanh với công việc sau khi tốt nghiệp ra Trường [H14.14.01.07], [H15.15.03.01]. Nhà trường và Khoa thường xuyên tổ chức những buổi tham quan theo đề xuất của GV, qua đó, SV được tiếp xúc với môi trường, công việc và con người làm việc thực tế, từ đó SV kết nối được kiến thức đã học với kiến thức thực tế, học hỏi nhiều kiến thức từ môi trường thực tế, yêu thích ngành nghề mà mình lựa chọn, hình thành thái độ đúng đắn [H14.14.03.02], [H14.14.03.03]. Bên cạnh đó, mỗi ngành nghề đào tạo được bố trí học phần thực tập công nhân để SV làm quen với những công việc trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp ra trường nhằm giúp SV có tay nghề cơ bản, nhận thức đúng đắn và hiểu biết rõ ràng về nghề nghiệp, môi trường làm việc, từ đó hình thành thái độ chuẩn mực đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp [H14.14.01.07], [H14.14.03.02], [H14.14.03.03]. Đối với thực tập tốt nghiệp là giai

đoạn học tập hữu ích, không chỉ giúp SV áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn mà còn hình thành các kỹ năng mềm, định hướng tương lai, tạo lập quan hệ, phát triển chuyên môn và công tác sau này [H14.14.01.07], [H14.14.03.02], [H14.14.03.03]. Ngoài ra, đồ án tốt nghiệp là học phần gồm 10 tín chỉ, giúp SV hệ thống kiến thức đã học trong suốt quá trình học tập, ứng dụng vào công trình cụ thể, giải quyết các vấn đề chuyên môn có liên quan như kiến trúc, nền móng, kết cấu, dự toán,... giúp SV có những kiến thức chuyên ngành vững chắc, áp dụng vào thực tiễn [H14.14.01.07]. Nhà trường mời các chuyên gia, GV có kinh nghiệm từ các trường ĐH và các doanh nghiệp trong nước giảng dạy một số học phần, hội thảo, đồ án tốt nghiệp,... nhằm tăng tính trao đổi học thuật, kỹ thuật và công nghệ mới [H6.06.03.03], [H15.15.02.01].

Trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Trường cũng như kế hoạch năm học của các đơn vị luôn đề cập đến nội dung triển khai để GV ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của học phần [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng GV về việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR [H2.02.04.09], [H2.02.04.10], [H2.02.04.11], [H15.15.01.01]. Bên cạnh đó, GV của Nhà trường tham dự và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học, trong đó có nội dung về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy [H2.02.04.10]. Trong các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu BCN các Khoa phổ biến, quán triệt GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, tất cả các Khoa của Trường phổ biến, triển khai GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của tất cả học phần và triển khai đa dạng các ngành nghề đào tạo, bồi dưỡng [H1.01.01.08], [H7.07.01.07], [H15.15.03.02]. Đối với phương pháp giảng lý thuyết, GV sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với minh họa bằng mô hình, hình ảnh, video trực quan giúp SV dễ dàng tiếp thu kiến thức [H15.15.03.01]. Nhà trường đầu tư mua sắm và được trang bị hệ thống máy móc, thiết bị thí nghiệm hiện đại phục vụ nhu cầu giảng dạy và được công nhận phòng thí nghiệm đạt chuẩn (LAS) [H7.07.05.01], [H7.07.02.06]. Các học phần thí nghiệm, thực hành, SV thực hành trực tiếp trên các thiết bị, từ đó giúp SV củng cố kiến thức lý thuyết, hình thành kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp [H7.07.05.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức giảng dạy học phần thực tập tay nghề, thực tập tốt nghiệp, trong đó Trường có hệ thống xưởng thực tập tay nghề,

thực tập với đầy đủ máy móc, trang thiết bị để tất cả SV đều phải thực hiện toàn bộ nội dung theo đề cương học phần và đây là hình thức tổ chức giảng dạy rất hiệu quả vì SV trực tiếp thực hiện các công việc và tạo ra được sản phẩm thực tế, từ đó nắm vững kiến thức lý thuyết và kích thích khả năng tư duy, phát triển, hoàn thiện hơn trong điều kiện làm việc thực tế [H7.07.05.01]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tham quan thực tế phục vụ giảng dạy các học phần trong CTĐT do Khoa, GV đề xuất và thông qua các buổi tham quan cơ sở sản xuất, công trường xây dựng, SV hiểu rõ hơn những nội dung kiến thức được trang bị tại Trường đồng thời học hỏi thêm nhiều kiến thức từ thực tế sản xuất [H7.07.05.01], [H1.01.02.15].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Ngay từ khâu tuyển dụng, Nhà trường giám sát chặt chẽ thông qua quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng [H6.06.02.02]. Sau khi tuyển dụng, GV phải qua thời gian tập sự để được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm trước khi giảng dạy chính thức [H6.06.02.02], [H6.06.02.03]. GV khi lên lớp phải có hồ sơ giảng dạy [H14.14.03.01]. Nhà trường giao cho Ban TTPC, Khoa, Bộ môn kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy của GV [H1.01.01.02], [H3.03.01.03]. Đầu học kỳ, Nhà trường ban hành kế hoạch giảng dạy cho từng GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng giảng dạy và tiến độ thực hiện trong một học kỳ, giúp GV chủ động hoàn thành tốt khối lượng giảng dạy [H14.14.03.02]. Căn cứ kế hoạch đào tạo, Phòng QLĐT xây dựng thời khóa biểu chi tiết theo học kỳ cụ thể và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử, GV phụ trách học phần lên lớp theo kế hoạch giảng dạy [H14.14.03.03]. Ban TTPC chịu trách nhiệm giám sát giờ lên lớp của GV, đồng thời báo cáo BGH, Khoa và được sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV vào cuối mỗi tháng [H5.05.02.02], [H5.05.02.03].

Hoạt động giảng dạy của GV trên lớp được giám sát, đánh giá của Khoa, Bộ môn bằng hình thức dự giờ [H14.14.03.07]. Hoạt động giảng dạy của GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV khi KTHP và các buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với SV theo định kỳ [H9.09.02.01], [H1.01.01.11]. Kết quả đánh giá, xếp loại GV hằng năm được thực hiện công khai và theo kế hoạch, quy định của Nhà trường [H2.02.03.12], [H2.02.03.13].

Định kỳ, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV, SV cuối khóa, cựu SV, các doanh nghiệp về CTĐT, chất lượng đào tạo, phục vụ và tình hình việc làm

của SV sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Các thông tin thu thập qua khảo sát được Nhà trường quan tâm và coi đây là kênh thông tin khách quan, đáng tin cậy làm cơ sở cho việc triển khai cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá SV [H1.01.01.13]. Theo đó, kết thúc mỗi đợt khảo sát, bộ phận chuyên trách tiến hành tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát, trên cơ sở đó, các đơn vị tổ chức họp, thảo luận và đề ra giải pháp, chương trình hành động cụ thể để phát huy và kịp thời khắc phục, cải tiến những mặt còn tồn tại, hạn chế trong các hoạt động đào tạo và phục vụ của Nhà trường [H15.15.04.01].

Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, ban hành các quy chế, quy định đối với SV như: Quy chế đào tạo trình độ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy chế đánh giá điểm rèn luyện SV, Quy định về công tác SV, Quy chế thi và kiểm tra các học phần,... [H12.12.01.01], [H15.15.04.02], [H15.15.04.03], [H15.15.04.04]. Nhà trường phân công GV làm công tác CVHT, trong đó CVHT phải hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định giúp Nhà trường trực tiếp quản lý, giám sát và giúp đỡ SV, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi để nắm tình hình học tập và rèn luyện, nguyện vọng,... của SV [H14.14.03.04], [H14.14.03.05], [H15.15.04.05], [H15.15.04.06]. Nhà trường thường xuyên tổ chức tập huấn đội ngũ CVHT, GVCN [H15.15.04.07]. Bên cạnh đó, Phòng CTCTSV có trách nhiệm quản lý, tổ chức lớp SV từ năm nhất [H15.15.04.08]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với SV để nắm bắt tình hình học tập của SV, giảng dạy của GV, CSVC,... [H1.01.01.11]. Ngoài ra, Trường có hộp thư để SV đóng góp ý kiến về hoạt động đào tạo của Nhà trường [H6.06.06.02]. Nhà trường đầu tư bổ sung nguồn tài liệu hằng năm để phục vụ hoạt động dạy học và NCKH cũng như tỷ lệ độc giả sử dụng nguồn học liệu của Trung tâm TT-TV [H7.07.04.08], [H7.07.04.10]. Trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường và của các Khoa luôn có nội dung đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm về triển khai các phương pháp dạy học hiện đại, về ứng dụng công nghệ trong dạy học [H1.01.04.04], [H1.01.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời

Ngay từ khi được thành lập, Trường xác định quan điểm giáo dục lấy SV làm trung tâm, hướng đến CDR, SV được đào tạo toàn diện, học xong làm việc được ngay ở nhiều vị trí việc làm [H1.01.01.01]. Quan điểm này vẫn áp dụng thống nhất khi xây dựng TLGD là: “*Môi trường thân thiện - Tri thức khoa học - Ứng dụng thực tế*” [H1.01.01.03]. Để phù hợp với TLGD đã công bố, Nhà trường triển khai

sửa đổi, bổ sung nội dung của từng khối kiến thức và kỹ năng, được điều chỉnh phù hợp cho từng ngành thông qua các học phần cụ thể hoặc các học phần bổ trợ, hoạt động định hướng [H14.14.02.03], [H7.07.04.05]. Năm 2021, HĐT tổ chức họp thảo luận và xây dựng TLGD cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Nhà trường cũng như xu thế phát triển chung của giáo dục ĐH, trên cơ sở dự thảo lấy ý kiến các đơn vị đóng góp, Nhà trường chính thức ban hành TLGD của Trường gắn với thương hiệu MTU, đó là “Môi trường thân thiện - Tri thức khoa học - Ứng dụng thực tế” [H1.01.01.16], [H1.01.01.03].

Định kỳ, Nhà trường thông báo đến các Khoa, Bộ môn triển khai việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung ĐCCT học phần, hình thức thi, phương pháp đánh giá học phần trong CTĐT phù hợp với TLGD nhằm đạt CĐR [H14.14.01.03], [H14.14.02.01]. Ban chủ nhiệm Khoa triển khai đề GV điều chỉnh, cập nhật nội dung ĐCCT học phần, hình thức thi, phương pháp đánh giá học phần trong CTĐT phù hợp với TLGD nhằm đạt CĐR tại các cuộc họp [H14.14.04.01]. Trên cơ sở đó, GV các Khoa rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung ĐCCT học phần, hình thức thi, phương pháp đánh giá học phần trong CTĐT phù hợp với TLGD nhằm đạt CĐR [H14.14.04.07].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H9.09.02.01]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường [H1.01.01.14], [H9.09.02.01]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CBVC hàng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hàng năm đều thể hiện sự hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường [H1.01.01.07], [H1.01.01.11].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 15

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- TLGD phù hợp với mục tiêu, SM của Trường và xu thế phát triển chung, được công bố chính thức đến các bên liên quan.

- Nhà trường thực hiện tốt chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV, đặc biệt là GV có trình độ cao.

- Nhà trường thực hiện tốt việc phân công giảng dạy và NCKH cho GV dựa

trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

- Nhà trường tạo được môi trường dạy - học đa dạng giúp SV tích cực chủ động tham gia, đảm bảo đạt CDR và hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng học tập suốt đời.

- Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, khu thực tập phục vụ giảng dạy và học tập hiện đại để SV hăng hái học tập suốt đời.

- Nhà trường triển khai nghiêm túc việc giám sát GV, đánh giá GV hằng năm thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Kết quả khảo sát GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng ý kiến phản hồi các bên liên quan ngoài trường về hoạt động dạy học chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát ý kiến các bên liên quan ngoài trường về các hoạt động dạy học.	CTCTSV	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung TLGD phù hợp chiến lược phát triển Trường.	HĐT, các đơn vị	Hằng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục nghiên cứu cải tiến chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV, đặc biệt GV trình độ cao.	TCHC, các đơn vị	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục phân công giảng dạy và NCKH cho GV phù hợp chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm.	QLĐT, KH&HTQT, các đơn vị	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục nghiên cứu, cải thiện môi trường dạy - học ngày càng tốt hơn, đảm bảo SV tốt nghiệp ra trường đáp ứng tốt nhu cầu xã hội.	Các đơn vị	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục đầu tư CSVC, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, khu thực tập.	Các đơn vị	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục thực hiện giám sát, đánh giá GV bằng nhiều hình thức.	Các đơn vị	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục khảo sát ý kiến GV, SV, cựu SV về TLGD và các hoạt động dạy học của Trường.	KT&ĐBCL, CTCTSV	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

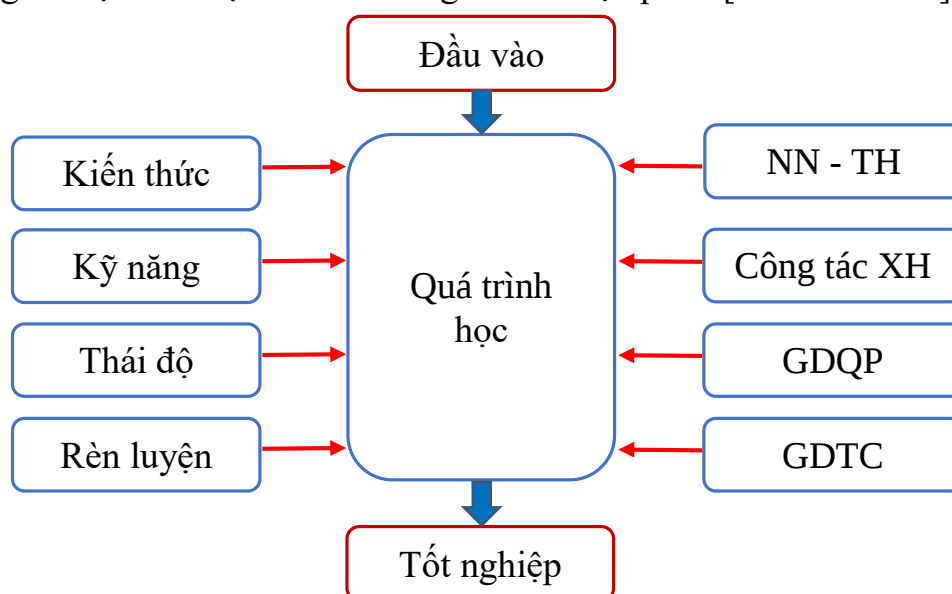
Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	5,0
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5

Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

Tiêu chí 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Nhà trường ban hành quy chế học vụ theo hệ thống tín chỉ dựa trên quy chế đào tạo trình độ ĐH của Bộ GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công tác tuyển sinh và đào tạo các chương trình trình độ ĐH hệ chính quy, trong đó có quy định KTĐG KQHT của người học [H14.14.03.06], [H12.12.01.01]. Nhận thức tầm quan trọng của công tác đánh giá SV, căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng và ban hành quy định tổ chức thi KTHP, xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi KTHP nhằm thiết lập, hoàn chỉnh hệ thống kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá SV phù hợp, xuyên suốt qua các giai đoạn học tập của SV từ lúc vào Trường đến khi kết thúc quá trình học tập [H15.15.04.04], [H16.16.01.01], [H16.16.01.02]. Năm 2021, Nhà trường chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện quy định tổ chức thi KTHP, trong đó phân công rõ trách nhiệm các bên phối hợp tổ chức thi (Phòng QLĐT, các Khoa, Phòng KT&ĐBCL,...) và quy định thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Phòng QLĐT và các Khoa được giao nhiệm vụ lựa chọn loại hình, lập kế hoạch, hướng dẫn triển khai các hoạt động đánh giá phù hợp trong quá trình học tập đối với học phần. Các hình thức kiểm tra và đánh giá được thể hiện chi tiết trong ĐCCT học phần [H14.14.01.07].



Hình 16.1.1. Các nội dung đánh giá SV tại Trường ĐHXĐMT

Kế hoạch đánh giá SV được xây dựng chi tiết và xuyên suốt trong quá trình học tập tại Trường, bắt đầu từ khâu tuyển đầu vào cho đến khi tốt nghiệp, trong đó để trúng tuyển vào Trường, thí sinh phải tham dự kỳ thi hoặc xét tuyển đầu vào đạt yêu cầu đối với tất cả trình độ ĐH, sau ĐH và Trường kiểm tra trình độ ngoại ngữ SV theo chuẩn đầu vào để bố trí học tập đúng năng lực theo quy định [H13.13.01.02], [H16.16.01.04]. Kế hoạch thi, xét tuyển đầu vào được tiến hành theo kế hoạch và quy định của Bộ GD&ĐT, trên cơ sở các quy định của Nhà nước, Nhà trường biên soạn quy chế tuyển sinh với hình thức tuyển sinh khác nhau [H13.13.02.03]. Trong quá trình học tập tại Trường, SV được đánh giá qua các học phần và đánh giá tổng kết cuối khoá [H12.12.01.01], [H15.15.04.04]. Với mỗi học phần, việc đánh giá tiến hành xuyên suốt quá trình học tập học phần đó, thể hiện qua các điểm đánh giá: Thái độ, tính chuyên cần của SV, kiểm tra kiến thức quá trình và kiểm tra đánh giá KTHP [H12.12.01.01], [H15.15.04.04]. Tất cả hình thức đánh giá được thể hiện trong đề cương học phần và có kế hoạch chi tiết của từng học kỳ [H14.14.01.07], [H16.16.01.05]. Sau khi hoàn thành các học phần theo quy định, SV phải tham dự thực tập tốt nghiệp và kiểm tra đánh giá toàn diện thông qua đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp [H16.16.01.06].

Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, đặc thù của Nhà trường, đối với mỗi CTĐT, Nhà trường ban hành CDR [H14.14.02.03], [H14.14.02.04], [H14.14.02.05]. Các CDR được xây dựng dựa trên quy định về kiến thức tối thiểu, năng lực SV và yêu cầu của xã hội [H14.14.02.03]. Để SV đạt được CDR, các Khoa lựa chọn loại hình đánh giá SV phù hợp trong quá trình học tập và thể hiện trong ĐCCT học phần [H14.14.01.07]. Các loại hình KT&ĐG được áp dụng tại Trường: Thi trắc nghiệm; thi vấn đáp; thảo luận nhóm, bài tập về nhà, bảo vệ đồ án, bảo vệ bài tập lớn,... [H16.16.01.07]. Các hình thức và loại hình đánh giá đều được xác định trong đề cương chi tiết học phần cũng như trong CTDH và được công bố trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, website Nhà trường, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân của SV hằng năm [H1.01.02.25], [H1.01.02.26], [H1.01.01.21], [H1.01.01.10]. Quy trình đánh giá SV, nhiệm vụ các bên liên quan được quy định rõ ràng, chi tiết [H15.15.04.04]. Trong đó, Bộ môn đề xuất đánh giá thông qua Hội đồng khoa, Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL và Ban TTPC có trách nhiệm giám sát và kiểm tra nhằm đảm bảo kết quả đánh giá SV khách quan và theo quy định [H15.15.04.04]. Ban TTPC thanh tra, kiểm tra tất cả các hoạt động đào tạo, bảo đảm tính khách quan, chính xác, công bằng, phát hiện kịp thời những trường hợp vi phạm quy chế thi [H5.05.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR

Nhằm thúc đẩy sự phù hợp trong việc xây dựng CTDH, nhiều phương pháp đánh giá SV khác nhau được GV áp dụng và phù hợp với CĐR [H14.14.02.03], [H14.14.02.05], [H16.16.01.07]. Các phương pháp KTĐG SV thể hiện rõ trong ĐCCT học phần [H14.14.01.07]. Các ngành đào tạo của Trường, CĐR và các phương pháp KTĐG phù hợp để đạt được CĐR được xác định rõ ràng và phổ biến tới SV ngay từ khi bắt đầu nhập học thông qua Sổ tay SV, phổ biến tại Tuần sinh hoạt công dân [H1.01.02.26], [H1.01.01.10]. Để đánh giá mức độ thực hiện CĐR, Nhà trường áp dụng nhiều hình thức đánh giá SV theo đúng quy định [H12.12.01.01], [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Hiện nay, Trường áp dụng các hình thức đánh giá sau: Đánh giá chuyên môn (nội dung chính của học phần); Đánh giá thái độ; Đánh giá chuyên cần; Đánh giá rèn luyện (điểm rèn luyện);... [H16.16.01.07]. Kế hoạch đánh giá SV được xây dựng chi tiết và xuyên suốt trong quá trình học tập tại Trường, bắt đầu từ khâu tuyển đầu vào cho đến khi tốt nghiệp, trong đó để trúng tuyển vào Trường, thí sinh phải tham dự kỳ thi hoặc xét tuyển đầu vào đạt yêu cầu đối với tất cả trình độ ĐH, sau ĐH và Trường kiểm tra trình độ ngoại ngữ SV theo chuẩn đầu vào để bố trí học tập đúng năng lực theo quy định [H13.13.01.02], [H16.16.01.04]. Trong quá trình học tập tại Trường, SV được đánh giá qua các học phần và đánh giá tổng kết cuối khoá [H12.12.01.01], [H15.15.04.04]. Với mỗi học phần, việc đánh giá tiến hành xuyên suốt quá trình học tập học phần đó, thể hiện qua các điểm đánh giá: Thái độ, tính chuyên cần của SV, kiểm tra kiến thức quá trình và kiểm tra đánh giá KTHP [H12.12.01.01], [H15.15.04.04]. Tất cả hình thức đánh giá được thể hiện trong đề cương học phần và có kế hoạch chi tiết của từng học kỳ [H14.14.01.07], [H16.16.01.05]. Sau khi hoàn thành các học phần theo quy định, SV phải tham dự thực tập tốt nghiệp và kiểm tra đánh giá toàn diện thông qua đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp [H16.16.01.06].

Trường bắt đầu đào tạo theo hình thức tín chỉ từ năm 2010 (khi còn là trường cao đẳng), trong đó mỗi học phần lý thuyết có 02 thang điểm đánh giá: Điểm quá trình chiếm 30% và điểm thi KTHP chiếm 70% [H14.14.02.03]. Hiện nay, điểm đánh giá quá trình chiếm 40% và điểm thi KTHP chiếm 60% [H14.14.02.03]. Tuy nhiên, cơ cấu thang điểm linh hoạt, phụ thuộc vào đặc thù của từng học phần mà tỷ lệ các cột điểm có thể thay đổi nhưng điểm thi KTHP không thấp hơn 50% [H14.14.02.03]. Một số học phần trong điểm quá trình có điểm chuyên cần, thái

độ, thảo luận nhóm, điểm kiểm tra [H14.14.02.03], [H14.14.02.05]. Đối với một số học phần cơ sở ngành, yêu cầu SV vận dụng kiến thức cơ bản để giải quyết một vấn đề đơn giản [H14.14.02.05], [H16.16.01.07]. Việc đánh giá SV qua các câu hỏi kiểm tra/thi dạng viết hoặc vấn đáp [H14.14.02.05], [H16.16.01.07]. SV phải thực hiện giải quyết vấn đề trong thời gian kiểm tra/thi với yêu cầu nhất định [H16.16.02.01]. Bên cạnh đó, một số học phần chuyên ngành quan trọng, yêu cầu SV tổng hợp kiến thức để giải quyết một vấn đề phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian, việc đánh giá SV qua quá trình thực hiện các bài tập lớn trong môn học, đồ án môn học,... hình thức đánh giá chủ yếu là vấn đáp, thuyết trình, đồ án [H14.14.01.07], [H16.16.01.07]. Cuối khóa học, SV phải thực hiện học phần tốt nghiệp [H14.14.02.03]. Đây là bước đánh giá cuối cùng và quan trọng nhất, yêu cầu SV vận dụng toàn bộ kỹ năng, kiến thức đã học tại Trường, không chỉ hiểu mà còn phải biết vận dụng, phân tích và sáng tạo [H14.14.01.07]. Do vậy, đối với khối ngành kỹ thuật áp dụng hình thức đánh giá là bảo vệ đồ án tốt nghiệp trước Hội đồng tốt nghiệp, riêng ngành kế toán, SV bảo vệ luận văn tốt nghiệp trước Hội đồng tốt nghiệp [H16.16.01.06]. Đối với các CDR thuộc về các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, việc đánh giá qua quá trình SV thực hiện các bài thực hành/thí nghiệm, SV phải bảo vệ báo cáo kết quả thực hành/thí nghiệm [H14.14.01.07], [H16.16.01.07]. Đối với ý thức kỷ luật, ý thức tham gia các phong trào đoàn thể, trách nhiệm với cộng đồng, hoạt động ngoại khóa,... của SV được đánh giá thông qua sự đồng thuận giữa SV, tập thể lớp và CVHT, kết quả là điểm rèn luyện mỗi kỳ của SV [H14.14.01.07], [H16.16.01.07].

Sau mỗi kỳ thi KTHP, Phòng KT&ĐBCL phân tích, đánh giá kết quả thi, quá trình kiểm tra đánh giá kết quả SV thông qua biểu đồ phổ điểm, đối sánh kết quả thi KTHP theo từng học phần của Nhà trường [H16.16.02.02], [H16.16.02.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những rà soát, điều chỉnh phù hợp, nâng cao chất lượng công tác thi và kiểm tra, đánh giá SV [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCL phân tích, đánh giá đối với kỳ thi tuyển sinh và các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù như: vấn đáp, thuyết trình, đồ án,... để từ đó Nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đo lường được mức độ đạt CDR [H13.13.02.05], [H16.16.02.04].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CDR

Căn cứ đặc điểm của từng học phần, các đơn vị quy định hình thức đánh giá

SV khi xây dựng ĐCCT các học phần [H14.14.01.07]. Mỗi học phần lý thuyết được đánh giá qua 2 cột điểm: điểm quá trình và điểm thi KTHP [H12.12.01.01], [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Một số học phần trong điểm quá trình có điểm chuyên cần, nhận thức, điểm kiểm tra, trong đó, điểm nhận thức được đánh giá qua thái độ của SV, tinh thần xây dựng bài học,... [H12.12.01.01], [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Đối với điểm chuyên cần, việc đánh giá SV được thực hiện qua tỷ lệ tiết học SV tham dự trên lớp [H12.12.01.01], [H15.15.04.04], [H14.14.01.07]. Cuối học phần, SV phải tham gia kỳ thi KTHP [H12.12.01.01], [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Đề thi do các Khoa xây dựng, Nhà trường thẩm định, nghiệm thu, bổ sung vào ngân hàng đề thi theo quy định [H15.15.04.04], [H16.16.01.03], [H16.16.01.01], [H16.16.01.02], [H16.16.03.01]. Để đảm bảo tính chính xác, công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của SV, trong mỗi phòng thi bố trí 2 CB coi thi [H15.15.04.04], [H16.16.01.05]. Bên ngoài phòng thi có CB giám sát phòng thi do thường trực hội đồng thi phân công [H16.16.01.05]. Nhà trường thành lập tổ giám sát kỳ thi KTHP [H16.16.03.01]. Mỗi bài thi được chấm 2 vòng, CB chấm thi tập trung tại phòng KT&ĐBCL, có Camera giám sát [H15.15.04.04], [H16.16.01.05], [H16.16.02.01]. Các hình thức đánh giá SV được rà soát thường xuyên để đảm bảo công bằng và hướng tới đạt được CDR [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Hằng năm, Nhà trường yêu cầu các Bộ môn rà soát, điều chỉnh KTĐG SV cho phù hợp với các yêu cầu thực tiễn và trên cơ sở đề xuất của các Khoa, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để thông qua và điều chỉnh, bổ sung phương pháp kiểm tra, đánh giá cho phù hợp [H16.16.02.03], [H1.01.01.15], [H14.14.01.07].

Sau mỗi kỳ thi KTHP, Phòng KT&ĐBCL phân tích, đánh giá kết quả thi, quá trình kiểm tra đánh giá kết quả SV thông qua biểu đồ phổ điểm, đối sánh kết quả thi KTHP theo từng học phần và khảo sát ý kiến SV về quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà trường [H16.16.02.02], [H9.09.02.01], [H1.01.01.14]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những rà soát, điều chỉnh phù hợp, nâng cao chất lượng công tác thi và kiểm tra, đánh giá SV [H15.15.04.04]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCL phân tích, đánh giá đối với kỳ thi tuyển sinh và các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù như: vấn đáp, thuyết trình, đồ án,... để từ đó Nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đo lường được mức độ đạt CDR [H13.13.02.05], [H16.16.02.04].

Sau khi công bố điểm thi, SV có quyền làm đơn phúc khảo điểm thi [H12.12.01.01], [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Để phục vụ công tác tổ chức thi KTHP, hiện nay Nhà trường sử dụng phần mềm QLĐT [H7.07.01.06]. Với các học phần đồ án, thực hành, SV trình bày đồ án trước thầy cô hướng dẫn hoặc hội đồng

bảo vệ và kết quả bảo vệ đồ án được công bố ngay sau khi kết thúc phần thi, SV khiếu nại kết quả tại thời điểm công bố, trong trường hợp đó, Hội đồng bảo vệ đồ án họp và thảo luận đưa ra quyết định cuối cùng [H12.12.01.01], [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Định kỳ, Ban TTPC triển khai công tác kiểm tra công tác thi, bao gồm: kiểm tra đề thi, đáp án; kiểm tra điểm học phần; kiểm tra công tác chấm thi để kịp thời khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện [H5.05.02.03]. Sau khi kết thúc học kỳ, Nhà trường thành lập Hội đồng xét kết quả học tập của SV, thông qua đó tiến hành phân tích và đánh giá kết quả của SV [H15.15.04.05], [H16.16.03.02]. Trên cơ sở đó, Đảng ủy, BGH, các đơn vị có những chủ trương, giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập [H1.01.01.24], [H1.01.01.25].

Để đánh giá SV khách quan, chính xác, tin cậy và đạt CDR, mỗi học kỳ, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của SV về công tác giảng dạy và học tập, trong đó có nội dung quan trọng là công tác thi, kiểm tra [H9.09.02.01], [H1.01.01.14]. Căn cứ kết quả đó, các Khoa, Bộ môn tiến hành họp và đề ra giải pháp điều chỉnh hình thức đánh giá học phần phù hợp, áp dụng các năm học tiếp theo [H1.01.01.08], [H1.01.01.25]. Các học phần thay đổi hình thức thi thông qua Hội đồng và điều chỉnh trong đề ĐCCT học phần, phổ biến đến SV và GV thực hiện trong quá trình giảng dạy [H14.14.01.07]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường công bố kết quả đánh giá kịp thời; các trường hợp khiếu nại, phúc tra được xử lý hợp lý [H9.09.02.01], [H1.01.01.14], [H16.16.03.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CDR

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường luôn xem việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là một khâu quan trọng [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Căn cứ ý kiến phản hồi của SV và GV qua các kênh khác nhau, Nhà trường thường xuyên rà soát và đổi mới các hình thức đánh giá SV [H9.09.02.01], [H1.01.01.14], [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Bên cạnh đó, các loại hình, hình thức đánh giá người học được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật trong ĐCCT học phần và được niêm yết trong Sổ tay SV, đăng tải trên website của Nhà trường [H14.14.01.07], [H1.01.02.26], [H1.01.01.21].

Sau mỗi kỳ thi KTHP, Phòng KT&ĐBCL phân tích, đánh giá kết quả thi, quá trình kiểm tra đánh giá kết quả SV thông qua biểu đồ phổ điểm, đối sánh kết quả thi KTHP theo từng học phần [H16.16.02.02]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL

phân tích, đánh giá đối với kỳ thi tuyển sinh và các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù như: vấn đáp, thuyết trình, đồ án,... để từ đó Nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đo lường được mức độ đạt CDR [H13.13.02.05], [H16.16.02.04]. Ngoài ra, Ban TTPC triển khai công tác kiểm tra công tác thi, bao gồm: kiểm tra đề thi, đáp án; kiểm tra điểm học phần; kiểm tra công tác chấm thi để kịp thời khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện [H5.05.02.03].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác đào tạo, KT&ĐBCL, NCKH,... [H16.16.04.01]. Dựa trên các ý kiến đóng góp của hội nghị, Nhà trường cải tiến, cập nhật loại hình, phương pháp đánh giá SV được áp dụng trong CTĐT cũng như quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG [H15.15.04.04], [H16.16.01.03].

Trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, khoa trong việc giải quyết các khiếu nại, phản ánh của SV về kết quả thi, kiểm tra đánh giá [H15.15.04.04], [H16.16.01.03]. Nhà trường quy định cụ thể thời gian cho việc giải quyết khiếu nại, phản nản của SV về kết quả thi, KTĐG [H15.15.04.04], [H16.16.01.03].. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường xử lý hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra, đánh giá và không có tình trạng khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT của người học [H9.09.02.01], [H1.01.01.14], [H16.16.03.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 16

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị thực hiện.

- Nhà trường thông báo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đến các Khoa, GV, SV thực hiện, đồng thời đăng tải trên Website Trường và thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV.

- Công tác đánh giá SV được triển khai trong suốt quá trình học tập tại Trường, đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng giảng dạy và khối lượng kiến thức được tiếp thu của SV.

- Nhà trường có hệ thống các quy trình, quy định từ lập kế hoạch đến việc triển khai, giám sát việc tổ chức thi, chấm thi, giám sát thi và chấm phúc khảo nghiêm túc,

công khai minh bạch, đảm bảo sự chính xác, công bằng trong kiểm tra đánh giá SV.

- Định kỳ từng học kỳ và từng năm học, Phòng KT&ĐBCL, Phòng QLĐT tiến hành phân tích, đánh giá kết quả thi, quá trình kiểm tra đánh giá kết quả SV thông qua biểu đồ phổ điểm, đối sánh kết quả thi KTHP theo từng học phần và phân tích, đánh giá đối với kỳ thi tuyển sinh và các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù.

- Nhà trường triển khai rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và trên cơ sở đó tiến hành điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường xử lý hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra, đánh giá và không có tình trạng khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT của người học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng các ý kiến phản hồi của cựu SV về kiểm tra, đánh giá còn ít.

3. Kế hoạch cải tiến:

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường lấy ý kiến phản hồi của cựu SV về kiểm tra, đánh giá.	KT&ĐBCL, CTCTSV	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị thực hiện trong quy định tổ chức thi kết thúc học phần phù hợp với thực tiễn Nhà trường.	KT&ĐBCL	Định kỳ	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục quán triệt, phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức quy định tổ chức thi kết	KT&ĐBCL, các đơn vị	Định kỳ	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		thúc học phần đến các bên liên quan.			
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục triển khai đánh giá SV xuyên suốt quá trình học tập	QLĐT, các khoa	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát và hoàn thiện quy trình, quy định về công tác đánh giá	Các đơn vị	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục phân tích, đánh giá kết quả thi, quá trình kiểm tra đánh giá kết quả SV thông qua biểu đồ phổ điểm, đối sánh kết quả thi KTHP theo từng học phần và phân tích, đánh giá đối với kỳ thi tuyển sinh và các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù.	KT&ĐBCL, QLĐT	Hằng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học.	KT&ĐBCL, QLĐT, các khoa	Hằng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục xử lý hợp lý, công khai, minh bạch các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học.	KT&ĐBCL, QLĐT, các khoa	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	5
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV cũng như hệ thống giám sát SV

Căn cứ các quy định về công tác đào tạo và công tác SV của Bộ GD&ĐT, các nghị quyết Đảng bộ, Nhà trường ban hành văn bản về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được thể hiện trong Quy chế đào tạo trình độ ĐH, Quy định về công tác SV, Quy định về công tác cố vấn học tập [H12.12.01.01], [H15.15.04.03], [H14.14.03.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV, hướng dẫn về miễn, giảm học phí, quy định công tác SV nội trú, quy định công tác SV ngoại trú và triển khai thực hiện [H17.17.01.01], [H17.17.01.02], [H17.17.01.03], [H17.17.01.04]. Nhà trường gửi các văn bản về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CVHT và đăng tải trên website Nhà trường, của Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV [H1.01.02.25], [H1.01.02.26], [H1.01.02.21], [H13.13.01.08], [H17.17.01.05].

Nhà trường phân công chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện việc hỗ trợ, phục vụ, giám sát SV đạt hiệu quả [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Theo đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCTSV là đơn vị chủ trì và các đơn vị của Trường kể cả các tổ chức đoàn thể đều có trách nhiệm tham gia và tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H3.03.04.05]. Các đoàn thể CĐ, ĐTN, HSV có nhiệm vụ tổ chức cho SV các hoạt động phong trào, thiện nguyện [H2.02.01.22], [H2.02.01.23], [H2.02.01.24]. Trên cơ sở đó, các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong đơn vị để phục vụ hỗ trợ cho SV [H1.01.01.25], [H1.01.02.09],

[H1.01.02.10], [H1.01.02.11].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả học tập của người học [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Bên cạnh đó, Phòng CTCTSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả rèn luyện của người học [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Các Khoa tham gia hoạt động giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học của Khoa quản lý [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Ngoài ra, đội ngũ CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học thuộc lớp được phân công phụ trách [H14.14.03.04], [H14.14.03.05]. Phòng QLĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập của người học toàn Trường [H7.07.01.06], [H15.15.04.05]. Bên cạnh đó, Phòng CTCTSV sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả rèn luyện của người học toàn Trường [H7.07.01.06], [H15.15.04.06]. Các Khoa được phân quyền trên phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học của Khoa [H7.07.01.06], [H15.15.04.05], [H15.15.04.06]. Đội ngũ GV CVHT và GVCN đồng hành cùng với các đơn vị hỗ trợ giám sát SV, tư vấn cho SV trong suốt quá trình học tập tại Trường [H14.14.03.04], [H14.14.03.05], [H1.01.01.09].

Dựa vào tiêu chí đánh giá phân loại CBVC, NLĐ và chức năng nhiệm vụ của Phòng CTCTSV với công việc phục vụ hỗ trợ và giám sát SV, Phòng CTCTSV xây dựng bộ tiêu chí đánh giá các thành viên trong đơn vị [H6.06.02.02], [H17.17.01.06]. Đồng thời, Ban CVHT xây dựng quy định công tác CVHT, để thực hiện trong công tác đánh giá phục vụ hỗ trợ và giám sát của CVHT hằng năm đối với SV [H14.14.03.04]. Các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ được gửi đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến cán bộ, nhân viên hỗ trợ biết [H6.06.02.02], [H17.17.01.06], [H14.14.03.04]. Ngoài ra, trong Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và kế hoạch khảo sát kiến phản hồi của các bên liên quan hằng năm của Nhà trường luôn thể hiện rõ các tiêu chí đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ [H1.01.01.13], [H1.01.01.14].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Nhà trường thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị tư vấn, cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho SV, cụ thể Phòng QLĐT tư vấn hỗ trợ cho SV về lĩnh vực học tập, đăng ký học phần, rút học phần,...; Phòng KT&ĐBCL tư vấn hỗ trợ

về công tác thi KTHP, phúc khảo điểm thi KTHP cho SV, các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan của Nhà trường; Viện KH&HTQT hỗ trợ SV về việc NCKH và sáng tạo kỹ thuật; Trung tâm TT-TV tư vấn hỗ trợ cho SV nguồn học liệu; Ban CVHT tư vấn hỗ trợ cho SV về chương trình học, phương pháp học; các khoa tư vấn, hỗ trợ SV thực tập tốt nghiệp, ngoại khóa,... Phòng CTCTSV tư vấn hỗ trợ cho SV về chế độ chính sách, rèn luyện, kỷ luật, khởi nghiệp cho SV, tổ chức các hoạt động phụ trợ...; Ban TTPC tiếp nhận đơn thư khiếu nại của SV về hoạt động đào tạo; ĐTN, HSV tư vấn hỗ trợ cho SV các hoạt động rèn luyện kỹ năng, thiện nguyện, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, ngày công tác xã hội,... [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.04.05], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Các nhân sự của các đơn vị tham gia tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập cho người học là những người có đủ trình độ tư vấn, hỗ trợ người học [H9.09.04.03], [H9.09.01.01], [H8.08.01.01], [H9.09.04.04], [H5.05.02.03]. Nhà trường thành lập đội ngũ GVCN, CVHT để đồng hành cùng SV, kịp thời tư vấn hỗ trợ cho SV trong suốt thời gian học tập tại Trường [H14.14.03.04]. Đội ngũ GVCN, CVHT được Nhà trường lựa chọn và được bồi dưỡng nghiệp vụ để có đầy đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao [H15.15.04.07]. Đặc biệt đối với CVHT, Nhà trường chọn các GV dạy chuyên ngành tư vấn, hỗ trợ cho SV [H14.14.03.04]. Định kỳ, Ban CVHT và Phòng CTCTSV phối hợp tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nghiệp vụ cho đội ngũ GVCN và CVHT [H15.15.04.07]. Khi SV nhập học, Nhà trường tổ chức đón và hướng dẫn các thủ tục cần thiết: tổ chức tiếp nhận hồ sơ theo từng khối ngành, thành lập lớp, thành lập ban cán sự các lớp,... [H13.13.04.03], [H15.15.04.08]. Phòng CTCTSV bố trí chỗ ở cho SV tại khu KTX; phối hợp với ĐTN, HSV giới thiệu nhà trọ cho SV có nhu cầu ở ngoại trú [H17.17.02.01], [H13.13.04.04]. Trong tuần sinh hoạt công dân SV, Nhà trường thông tin đến SV các văn bản pháp luật, quy chế, quy định, các chế độ chính sách, tư vấn về CTĐT, phương pháp học tập; sử dụng thư viện; các kỹ năng cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp,... [H1.01.01.10]. GVCN gặp mặt SV để làm công tác tổ chức lớp và trao đổi kế hoạch làm việc với lớp; cung cấp số điện thoại, địa chỉ email công vụ, thông tin của các đơn vị trong Trường [H1.01.01.09]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội thảo tư vấn giới thiệu việc làm, tập huấn kỹ năng xin việc, tham gia ngày hội việc làm của các cấp,... [H17.17.02.03]. Chương trình thiết kế lồng ghép nội dung kỹ năng mềm giúp SV nâng cao khả năng học tập, làm việc sau khi tốt nghiệp ra trường [H17.17.02.03], [H17.17.02.04]. Nhà trường đã ký kết văn bản hợp tác với các đơn vị và doanh nghiệp, qua đó, các doanh nghiệp hỗ trợ SV về việc làm, địa điểm thực tập, học bổng cho SV vượt khó học tập, SV có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ SV làm việc ở nước ngoài sau khi tốt nghiệp,... [H17.17.02.05]. Nhà trường có khu nội trú

1.000 chỗ ở cho SV [H17.17.02.06]. Để quản lý SV nội trú, Trường ban hành quy định quản lý SV nội trú và phối hợp với công an địa phương đăng ký tạm trú tạm vắng cho SV, có NV trực 24/7 nhằm xử lý các vấn đề phát sinh [H17.17.01.03], [H17.17.02.07]. Khu nội trú có căn tin phục vụ nhu cầu ăn uống được quản lý tốt, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy để phục vụ cho SV; có khu thể thao phục vụ cho SV trong quá trình học tập, giải trí [H17.17.02.06]. Trong suốt thời gian học tập, SV được các đơn vị triển khai thực hiện công tác phục vụ hỗ trợ thường xuyên với nhiều hoạt động của Đoàn TN, Hội SV [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Các hoạt động mùa hè xanh, hiến máu tình nguyện, tiếp sức mùa thi, đền ơn đáp nghĩa, về nguồn, hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19,... là những hoạt động trọng tâm của ĐTN và HSV [H5.05.04.01], [H17.17.02.08]. Nhằm tạo điều kiện cho SV có sân chơi lành mạnh, bổ ích, ĐTN và HSV tổ chức các CLB về học thuật, thể dục thể thao, văn nghệ và các hoạt động kỹ năng, tình nguyện như: CLB tiếng Anh, CLB bóng bàn, CLB bóng đá, CLB văn nghệ,... [H1.01.02.21].

Phòng QLĐT triển khai kịp thời các hoạt động tổ chức đào tạo cho từng chuyên ngành, kế hoạch đào tạo hằng năm, học kỳ, thời khóa biểu học tập SV, Kế hoạch đào tạo khóa học, Kế hoạch thực tập và làm đồ án tốt nghiệp, hướng dẫn SV đăng ký học phần, rút học phần, đăng ký học cải thiện, xét kết quả học tập,... [H14.14.03.02], [H14.14.03.03], [H17.17.02.02],... GVCN, CVHT thường xuyên gặp gỡ, hỗ trợ SV trong học tập, rèn luyện và các vấn đề khác có liên quan [H1.01.01.09], [H14.14.03.04]. GVCN hỗ trợ SV thực hiện các quy định, chế độ, chính sách, theo dõi tình hình SV của lớp trong suốt thời gian học tập tại Trường bằng hồ sơ lớp học [H1.01.01.09]. CVHT hỗ trợ SV các hoạt động đăng ký học, học lại, học cải thiện, các vấn đề khác liên quan đến học tập [[H14.14.03.04]. Nhà trường triển khai hệ thống cổng thông tin QLĐT liên kết với đường dẫn <http://online.mtu.edu.vn>, trong đó có toàn bộ tình trạng học tập của SV về kết quả học tập, cảnh báo học tập, khen thưởng, kỷ luật,... [H7.07.01.06], [H15.15.04.05], [H16.16.03.02]. Thông tin về quá trình học tập được thể hiện trên tài khoản cá nhân của từng SV theo đường dẫn <http://online.mtu.edu.vn> [H7.07.01.06]. Kết quả học tập được thông báo qua tài khoản email công vụ của SV, thông tin kết quả học tập của SV chưa đạt yêu cầu về cho gia đình để kịp thời phối hợp với Nhà trường giáo dục, động viên, giúp đỡ SV cố gắng vươn lên trong quá trình học tập [H7.07.03.02].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát sự hài lòng của SV về hoạt động đào tạo, chất lượng phục vụ, công tác giảng dạy của GV, khảo sát về CTĐT, khảo sát chất lượng công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa [H1.01.01.13],

[H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị cũng như báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm luôn có nội dung đánh giá về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV cũng như hệ thống giám sát SV được rà soát

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV được rà soát trong cuộc họp giao ban hằng tháng của Trường và của các đơn vị nhằm đánh giá các hoạt động, giải quyết các vấn đề phát sinh, kết quả phối hợp thực hiện công việc được phân công trong việc hỗ trợ phục vụ SV [H1.01.01.15], [H1.01.01.08]. Trên cơ sở đó, Nhà trường và các đơn vị điều chỉnh các quy định, quy chế, công cụ thực hiện nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như rà soát, điều chỉnh quy định công tác SV, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV theo quy định của Bộ GD&ĐT và điều chỉnh quy trình đánh giá điểm rèn luyện SV [H15.15.04.02], [H15.15.04.03]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, Nhà trường đã ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV đồng thời Nhà trường hỗ trợ kịp thời đến SV các chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập,... [H17.17.01.01], [H17.17.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã nâng cấp phần mềm QLĐT theo quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV, quy trình bình xét danh hiệu thi đua của SV, giải quyết nhanh chóng và đầy đủ các thủ tục xác nhận cho SV [H7.07.01.06], [H17.17.03.01], [H17.17.03.02]. Những năm trước, việc tham gia BHYT của SV chưa có quy trình thực hiện, ý thức tự giác tham gia BHYT của SV chưa cao và việc tổ chức cho SV tham gia BHYT của Nhà trường bị động do phải chờ các văn bản chỉ đạo từ cấp trên, tuy nhiên, với kết quả kiểm tra, rà soát, Nhà trường ban hành quy trình cụ thể để giám sát và hỗ trợ SV trong việc tham gia BHYT [H7.07.05.05]. Nhà trường ban hành quy chế công tác SV nội trú và quy chế công tác SV ngoại trú nên rất thuận tiện trong công tác giám sát, hỗ trợ và đánh giá kết quả thực hiện của SV và thường xuyên rà soát, cập nhật theo quy định [H17.17.01.03], [H17.17.01.04].

Dựa vào tiêu chí đánh giá phân loại CBVC, NLD và chức năng nhiệm vụ của Phòng CTCTSV với công việc phục vụ hỗ trợ và giám sát SV, Phòng CTCTSV xây dựng bộ tiêu chí đánh giá các thành viên trong đơn vị [H6.06.02.02], [H17.17.01.06]. Đồng thời, Ban CVHT xây dựng quy định công tác CVHT, để thực hiện trong công tác đánh giá phục vụ hỗ trợ và giám sát của CVHT hằng năm đối với SV [H14.14.03.04]. Các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân

viên hỗ trợ được gửi đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến cán bộ, nhân viên hỗ trợ biết để thực hiện [H6.06.02.02], [H17.17.01.06], [H14.14.03.04], [H6.06.05.02]. Công tác chủ nhiệm, CVHT hằng năm được tổ chức tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm, đề ra kế hoạch về công tác hỗ trợ, phục vụ của GVCN, CVHT đối với SV. GVCN, CVHT ghi nhận ý kiến phản hồi của SV và đề xuất Trường rà soát các nội dung chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ, hỗ trợ SV [H14.14.03.04], [H14.14.03.05], [H1.01.01.09]. Nhà trường rà soát các văn bản về phục vụ và hỗ trợ SV, trong đó ban hành quy định công tác CVHT và rà soát, điều chỉnh quy định công tác SV đối với CTĐT ĐH nhằm nâng cao chất lượng công tác phục vụ hỗ trợ và giám sát của GVCN, CVHT đối với SV [H14.14.03.04]. Hằng năm, BGH Nhà trường tham dự diễn đàn đối thoại với SV và các ý kiến đóng góp được Nhà trường tiếp thu, giải trình trực tiếp với SV [H1.01.01.11]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát sự hài lòng của SV về hoạt động đào tạo, chất lượng phục vụ, công tác giảng dạy của GV, khảo sát về CTĐT, khảo sát chất lượng công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa và mức độ hài lòng về dịch vụ hỗ trợ [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Ngoài ra, kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, giám sát người học được thể hiện trong báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm cũng như báo cáo của Ban TTPC [H1.01.01.07], [H5.05.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Căn cứ nội dung các cuộc họp rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV thông qua các cuộc họp giao ban của Trường và của các đơn vị, Nhà trường tiến hành cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV và được thể hiện cụ thể trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H1.01.01.15], [H1.01.01.08], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.10]. Nhà trường đã ban hành Quy định công tác SV theo Thông tư số 10/2016/BGDĐT ban hành quy định về công tác SV đối với CTĐT ĐH của Bộ GD&ĐT thay thế cho các quy định cũ không còn hiệu lực thi hành, Quy định đánh giá điểm rèn luyện SV theo Thông tư số 16/2015/BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV được đào tạo trình độ ĐH, Quy trình bình xét thi đua, khen thưởng danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể SV, quy trình xử lý kỷ luật SV theo quy định về công tác SV [H15.15.04.02], [H15.15.04.03], [H17.17.03.01]. Nhà trường ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích cho SV nhằm phục vụ, hỗ trợ kịp thời cho SV về chế độ chính sách

như: học bổng, miễn giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; xây nhà tình nghĩa cho SV;... [H17.17.01.01], [H17.17.01.02]. Định kỳ, Nhà trường khảo sát mức độ hài lòng của SV nội trú về sự phục vụ, hỗ trợ khi ở trong KTX và kết quả khảo sát làm cơ sở cho việc cải tiến công tác phục vụ hỗ trợ và giám sát SV nội trú được tốt [H17.17.02.01]. Việc ban hành quy chế công tác SV ngoại trú đã giúp cho Nhà trường quản lý tốt SV ngoại trú [H17.17.01.04]. Bên cạnh đó, quy trình về việc tham gia BHYT của SV, trong đó thể hiện rõ thời gian cũng như quyền lợi của SV khi tham gia BHYT và việc tổ chức thực hiện đóng BHYT được công khai, rõ ràng nên SV tham gia hiệu quả [H7.07.05.05]. Ngoài ra, quy trình xác nhận SV đang học tập tại Trường để phục vụ cho việc vay vốn, tạm hoãn nghĩa vụ quân sự,... đã giúp việc làm giấy xác nhận của SV được nhanh chóng và chính xác [H17.17.03.02].

Nhà trường đã có một số điều chỉnh phần mềm QLĐT (về CSDL học tập, rèn luyện, danh hiệu thi đua của SV) theo quy chế mới ban hành nhằm đảm bảo công tác quản lý SV hiệu quả, thông suốt [H7.07.01.06]. Định kỳ, Phòng QLĐT phối hợp các đơn vị xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập, kế hoạch xét tốt nghiệp và chuẩn bị dữ liệu từ phần mềm QLĐT, tổ chức xét thi đua, khen thưởng cho SV [H7.07.01.06]. Kết quả đánh giá kết quả học tập sau khi xét duyệt được lưu trên phần mềm QLĐT và bản cứng tại Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV [H7.07.01.06], [H15.15.04.05], [H16.16.03.02]. Phòng CTCTSV quản lý hồ sơ SV như: lý lịch trích ngang, các dữ liệu về kết quả rèn luyện, khen thưởng - kỷ luật, học bổng khuyến khích học tập, miễn giảm học phí,... bằng phần mềm QLĐT [H7.07.01.06]. CSDL được cập nhật thường xuyên vào hệ thống và Phòng QLĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCTSV, Ban CVHT, ĐTN giám sát SV về rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật, các hoạt động ngoại khóa,... [H7.07.01.06].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát sự hài lòng của SV về hoạt động đào tạo, chất lượng phục vụ, công tác giảng dạy của GV, khảo sát về CTĐT, khảo sát chất lượng công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa và mức độ hài lòng về dịch vụ hỗ trợ [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát ý kiến của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát của Trường với hơn 90% ý kiến đánh giá mức độ hài lòng trở lên [H1.01.01.14]. Ngoài ra, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Trường với SV hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học của Trường [H1.01.01.11].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 17

1. Tóm tắt điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quản lý hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và thông báo, phổ biến thực hiện trong toàn Trường.

- Kế hoạch thực hiện và tổng kết đánh giá các hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát SV được Nhà trường xây dựng hằng năm và triển khai cụ thể cho từng năm học, từng chương trình hoạt động.

- Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát SV từ lúc vào học đến khi tốt nghiệp ra trường.

- Hằng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường để từ đó có các biện pháp cải tiến chất lượng công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.

- Các hoạt động hỗ trợ SV thường xuyên được rà soát, cải tiến, đổi mới, đặc biệt tăng cường các kỹ năng về tự học, giới thiệu việc làm, các hoạt động công tác xã hội, các hoạt động thiện nguyện.

- Phần mềm quản lý đào tạo của Trường được cải tiến, góp phần hiệu quả trong công tác giám sát người học của Nhà trường.

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học của Trường.

2. Tóm tắt điểm tồn tại:

Tiêu chí đánh giá hiệu quả một số hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát SV còn chung chung.

3. Kế hoạch cải tiến:

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát SV.	CTCTSV, CVHT, ĐTN	2024-2025	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục quán triệt, phổ biến rộng rãi hệ thống văn bản quản lý hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.	TCHC, các đơn vị	Hằng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng kế hoạch các hoạt động phục vụ và hỗ trợ cũng như giám sát SV và chủ động triển khai cụ thể cho từng năm học, cho từng chương trình hoạt động.	ĐTN, HSV, các đơn vị	Hằng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ cũng như giám sát SV.	ĐTN, HSV, các đơn vị	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.	ĐTN, HSV, các đơn vị	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động tự học, kỹ năng tìm kiếm việc làm, hoạt động công tác xã hội, hoạt động thiện nguyện.	ĐTN, HSV, các đơn vị	Hằng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục rà soát, cải tiến phần mềm quản lý đào tạo.	QLĐT, các đơn vị	Hằng năm	
8	Phát huy điểm	Tiếp tục khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống	KT&ĐBCL CTCTSV	Hằng năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	mạnh 7	giám sát người học.			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	5
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng CB nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHXDMT xác định cơ cấu tổ chức và quản lý các hoạt động bao gồm: Hệ thống chỉ đạo, điều hành và quản lý các hoạt động NCKH và CGCN của Nhà trường, trong đó xác định Hiệu trưởng giữ vai trò chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoạt động KH&CN và HTQT với sự tư vấn của Hội đồng KH&ĐT và tham mưu của Viện KH&HTQT [H1.01.01.02]. Phòng NCKH&QHQT là đơn vị tham mưu cho Hiệu trưởng quản lý, tổ chức các hoạt động về NCKH và HTQT của Trường được thành lập theo quyết định số 74/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/3/2012 [H3.03.01.02]. Năm 2016, Nhà trường đã ban hành quyết định số 112/QĐ-ĐHXDMT ngày 30/3/2016 đổi tên thành Phòng KH&HTQT [H3.03.01.02]. Năm 2023, Nhà trường đã ban hành quyết định số 125/QĐ-ĐHXDMT ngày 17/3/2023 đổi tên thành Viện KH&HTQT [H3.03.01.02], [H8.08.01.01]. Trường ĐHXDMT là trường công lập, ngoài công tác đào tạo trình độ ĐH và thạc sĩ, Nhà trường còn được phép tổ chức NCKH, CGCN và hợp tác đào tạo. Nhà trường đã được Bộ KH&CN cấp giấy phép hoạt động KH&CN số A-

2531 ngày 15/11/2022 trên một số lĩnh vực đào tạo của Nhà trường [H18.18.01.01]. Nhà trường ban hành quyết định phân công công tác cụ thể cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, trong đó, công tác NCKH và HTQT do 01 Phó Hiệu trưởng trực tiếp quản lý [H3.03.04.04].

Nhà trường thành lập Hội đồng KH&ĐT cấp Trường và công tác quản lý được Nhà trường phân cấp cho các Hội đồng [H2.02.01.16]. Nhà trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHXDMT và triển khai thực hiện [H2.02.01.26]. Ở các đơn vị có hội đồng KH&ĐT cấp khoa thực hiện việc đề xuất, kiểm tra và nghiệm thu các đề tài cấp khoa, nhiệm vụ khoa học ở đơn vị [H2.02.01.17]. Để nâng cao vai trò của các Khoa và đáp ứng với tình hình thực tế, Hội đồng KH&ĐT giao trách nhiệm lãnh đạo khoa phối hợp Viện KH&HTQT đề xuất thành lập các hội đồng xét duyệt, hội thảo và nghiệm thu theo quy định về quản lý hoạt động KH&CN [H2.02.01.17]. Việc quản lý các đề tài, nhiệm vụ khoa học thể hiện qua sơ đồ quản lý khoa học Nhà trường [H18.18.01.02].

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025 nhằm triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về NCKH, CGCN cũng như theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn ngân sách hoạt động KH&CN được giao [H4.04.01.07]. Để triển khai hoạt động KH&CN theo đúng quy định của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và Bộ Xây dựng đồng thời đáp ứng định hướng phát triển của Trường, Nhà trường đã ban hành quy định quản lý hoạt động KH&CN kèm theo quyết định số 553/QĐ-ĐHXDMT ngày 31/12/2018, được sửa đổi bổ sung theo các quyết định số: 369/QĐ-ĐHXDMT ngày 01/10/2019, 33/QĐ-ĐHXDMT ngày 21/01/2021 và 465/QĐ-ĐHXDMT ngày 11/08/2022 [H18.18.01.03], [H12.12.01.03]. Quy định quản lý hoạt động KH&CN của Trường xác định, định hướng mục tiêu hoạt động KH&CN; quy định chính sách, giao nhiệm vụ các đơn vị tổ chức, quản lý, giám sát các hoạt động KH&CN; hướng dẫn quy trình tổ chức thực hiện quản lý đối với đề tài cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ [H12.12.01.03]. Nhà trường xây dựng và ban hành quy định định mức và hướng dẫn xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN dựa vào tình hình thực tế của Nhà trường [H6.06.03.01]. Các đề tài có sử dụng kinh phí của Nhà trường thực hiện theo quy định quản lý hoạt động KH&CN của Trường và quy chế chi tiêu nội bộ [H12.12.01.03], [H2.02.01.29]. Khối lượng giờ chuẩn NCKH đối với GV thực hiện và miễn giảm theo quy định chế độ công tác GV, quy định quản lý hoạt động KH&CN [H12.12.01.03], [H2.02.01.29]. Các quy định xác định rõ các tiêu chí tính giờ NCKH và Viện KH&HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát [H12.12.01.03].

Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 về việc quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các CSGD ĐH, Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 quy định về hoạt động KH&CN trong CSGD ĐH và căn cứ vào tài chính thực tế của Nhà trường, hằng năm, Nhà trường tổ chức họp, thống nhất mức chi cho NCKH và đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ [H1.01.01.15], [H2.02.01.29]. Quy định tài chính NCKH SV thực hiện theo quy định quản lý hoạt động KH&CN SV [H18.18.01.04]. Bên cạnh đó, quy định tài chính NCKH SV và các hoạt động NCKH được lồng ghép vào quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H2.02.01.29].

Hằng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng, Bộ KH&CN và Sở KH&CN tỉnh Vĩnh Long về báo cáo tình hình thực hiện và đăng ký nhiệm vụ mới, Nhà trường đề xuất nhiệm vụ theo đơn đặt hàng cũng như việc rà soát các cơ chế quản lý của cơ quan cấp trên đề xuất điều chỉnh [H12.12.01.03]. Sau khi các cá nhân, đơn vị đăng ký đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh, Viện KH&HTQT là đơn vị thường trực tập hợp và Nhà trường gửi công văn đăng ký các đơn vị quản lý xét chọn hằng năm đồng thời đăng ký các đề tài/dự án KH&CN trong năm tiếp theo [H18.18.01.05]. Định kỳ, Nhà trường báo cáo đánh giá hoạt động KH&CN, tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN của Trường, tình hình thực hiện các đề tài/dự án, công tác giải ngân đối với các đề tài/dự án đúng theo quy định [H18.18.01.05]. Hằng năm, Viện KH&HTQT phối hợp với các khoa tổ chức kiểm tra tiến độ nhiệm vụ NCKH các cấp đã đăng ký thực hiện [H18.18.01.27], [H12.12.01.03]. Nhà trường đã có chính sách khen thưởng và xử lý công tác NCKH trong Quy định hoạt động KH&CN, khen thưởng cho GV, SV khi tham gia hoạt động NCKH, ban hành quyết định công nhận các đề tài NCKH sau khi được Hội đồng nghiệm thu thông qua [H12.12.01.03], [H18.18.01.04].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được TN và SM của CSGD

Để triển khai các hoạt động KH&CN, CGCN, chuyển giao tri thức, Nhà trường đã thành lập các đơn vị nhằm thực hiện chiến lược dài hạn, đáp ứng đào tạo, NCKH và CGCN gồm: Trung tâm TNXD&MT, Trung tâm NN-TH, Trung tâm TVXD, Trung tâm ĐTTX, đồng thời ban hành quy chế hoạt động của từng đơn vị cũng như mức thu chi tài chính [H3.03.01.02], [H2.02.01.28]. Các trung tâm đã đóng góp nhiều doanh thu cho Nhà trường thông qua các lớp dạy bồi dưỡng cấp ngắn hạn của Trung tâm ĐTTX; đào tạo và cấp chứng nhận/chứng chỉ NN-TH của

Trung tâm NN-TH; các hợp đồng tư vấn, thiết kế, giám sát, thí nghiệm của Trung tâm TVXD và Trung tâm TNXD&MT [H4.04.02.01], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Nhà trường đã triển khai Kế hoạch phát triển KH&CN đến các bộ phận chuyên trách, các đơn vị nhằm tìm kiếm các nguồn học bổng cho GV và SV Nhà trường tham gia học tập, nghiên cứu ngắn hạn và dài hạn [H4.04.01.07]. Hằng năm, Trường được các đơn vị, doanh nghiệp cấp học bổng, mô hình thực nghiệm để SV sử dụng trong học tập và NCKH [H1.01.02.14].

Nhà trường ban hành Quy chế thành lập và tổ chức hoạt động nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh và triển khai thực hiện [H12.12.03.01]. Viện KH&HTQT tham mưu cho Hiệu trưởng đề xuất các Khoa thành lập các nhóm nghiên cứu, trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký quyết định về việc thành lập các nhóm nghiên cứu của Nhà trường [H12.12.03.01]. Nhà trường áp dụng chính sách đối với CB, GV có bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế được Nhà trường hỗ trợ kinh phí theo quy định [H12.12.01.03]. Ngoài ra, để thúc đẩy CB, GV và SV viết báo, tổ chức hội thảo, hội nghị và Seminar ở các đơn vị, Nhà trường có chính sách hỗ trợ kinh phí thông qua quy chế chi tiêu nội bộ và quy định hoạt động KH&CN của Trường [H2.02.01.29]. Hằng năm, Nhà trường trích kinh phí NCKH cho GV và SV từ nguồn thu học phí [H4.04.02.01], [H18.18.02.01].

Nhà trường đã xây dựng quy định về tiếp khách nước ngoài, quy trình mời đoàn vào hợp tác, quy trình tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi hợp tác,... thông qua quy định quản lý hoạt động HTQT của Trường ĐHXDMT [H8.08.01.04]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã tìm kiếm và ký kết hợp tác với một số trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước [H1.01.02.15]. Nhà trường ký kết thực hiện đề tài, dự án KH&CN, dự án sự nghiệp kinh tế với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Kế hoạch Tài chính - Bộ Xây dựng, nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được ký kết với Sở KH&CN tỉnh Vĩnh Long [H18.18.01.05]. Để thúc đẩy NCKH, Trường đã thực hiện công tác truyền thông thông qua các hoạt động hội nghị, hội thảo KH&CN như: Hội nghị NCKH SV, hội nghị, hội thảo KH&CN cấp vùng, quốc gia, quốc tế tổ chức tại Trường [H18.18.02.02], [H1.01.01.12].

Hằng năm, Nhà trường triển khai các hoạt động NCKH theo đúng kế hoạch năm học đã ban hành [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Viện KH&HTQT tham mưu thành lập các hội đồng xét duyệt, triển khai các đề tài NCKH các cấp, theo dõi tiến độ thực hiện, tổ chức nghiệm thu theo Quy định về quản lý hoạt động KH&CN do Nhà trường ban hành [H12.12.01.03], [H18.18.02.03], [H18.18.02.04]. Bên cạnh đó, Phòng TCKT thực hiện đầy đủ việc chi kinh phí cho các hoạt động NCKH theo dự toán đã được Hiệu trưởng phê duyệt [H18.18.02.01]. Viện KH&HTQT phối

hợp với Phòng TCKT hướng dẫn cụ thể để các chủ nhiệm đề tài NCKH thực hiện quyết toán kinh phí đã được cấp đối với đề tài NCKH các cấp [H12.12.01.03]. Trong giai đoạn 2019-2023, số lượng đề tài NCKH các cấp của Trường tăng dần qua từng năm [H8.08.02.01]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2019-2023, nhiều tập thể, cá nhân CB, GV, SV Nhà trường đã đạt nhiều thành tích trong NCKH và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H18.18.02.02].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 có các KPIs cụ thể đối với từng lĩnh vực công tác, trong đó có các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025 có các KPIs cụ thể đối với từng lĩnh vực công tác, trong đó có các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường [H4.04.01.07]. Ngoài ra, trong Hệ thống chỉ số đánh giá KPIs ban hành kèm theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng Nhà trường ban hành có KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường trong năm học [H4.04.03.01]. Tại cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường yêu cầu Viện KH&HTQT và các Khoa triển khai hoạt động NCKH để đạt được các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường [H1.01.01.15].

Đối với các GV, hằng năm, Nhà trường đánh giá kết quả NCKH thông qua kết quả đánh giá viên chức và NLĐ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV và là điều kiện bình xét danh hiệu thi đua đối với cá nhân [H2.02.03.12]. Cuối năm học, Nhà trường thông báo đến các đơn vị kê khai giờ NCKH của từng cá nhân, trên cơ sở đó, Viện KH&HTQT tiến hành kiểm tra, đối chiếu, rà soát việc kê khai giờ khoa học theo quy định và sử dụng trong đánh giá, xếp loại viên chức và NLĐ [H6.06.05.05], [H6.06.05.02]. Cuối mỗi năm học, Viện KH&HTQT và các Khoa tổng kết hoạt động NCKH của Trường và của đơn vị, trong đó đối sánh kết quả hoạt động NCKH so với các KPIs đã xác định [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Kết quả hoạt động NCKH đồng thời được thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.01.07].

Hàng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát các KPIs đối với lĩnh vực của Trường, trong đó có các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu [H1.01.01.15]. Bên cạnh đó, tại Hội nghị CBVC hàng năm luôn xem xét, đánh giá, điều chỉnh các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu cho phù hợp, khả thi [H1.01.01.07]. Các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu được điều chỉnh thể hiện trong Hệ thống chỉ số đánh giá KPIs và kế hoạch năm học tiếp theo [H4.04.03.01], [H1.01.01.24]. Các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu được điều chỉnh qua từng năm học cho phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của Trường [H4.04.03.01], [H1.01.01.24].

Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học

Căn cứ vào quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị, quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan, Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát các bên liên quan về hoạt động KH&CN và HTQT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Phòng KT&ĐBCL khảo sát ý kiến CBVC, SV về hoạt động đào tạo và chất lượng phục vụ của Nhà trường, trong đó có nội dung về công tác quản lý, chất lượng hoạt động NCKH của Trường [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát ý kiến, các bên liên quan đánh giá tốt và thể hiện mức độ hài lòng về công tác quản lý NCKH [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp thu ý kiến đánh giá của SV trong hội nghị đối thoại SV, hội nghị NCKH SV, ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp trong các hội nghị, hội thảo khoa học do Nhà trường tổ chức [H1.01.01.11], [H18.18.02.02], [H1.01.01.12]. Ngoài ra, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV về công tác quản lý NCKH của Trường tại Hội nghị CBVC hàng năm [H1.01.01.07]. Trong giai đoạn 2019-2023, nhiều tập thể, cá nhân Trường đã đạt thành tích trong NCKH và nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H18.18.02.02].

Hoạt động NCKH của Trường luôn được cải tiến, chuyên môn hóa, trong đó việc xét duyệt, thực hiện và nghiệm thu theo quy trình, quy định và biểu mẫu cụ thể cập nhật theo các quy định [H18.18.02.03], [H18.18.02.04]. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy định quản lý hoạt động KH&CN đáp ứng yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ KH&CN [H12.12.01.03]. Nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác NCKH SV, Nhà trường đã ban hành quy định NCKH của SV và triển khai thực hiện [H18.18.01.04]. Nhà trường biên tập Sổ tay NCKH và gửi đến các đơn vị để triển khai [H18.18.04.01]. Viện KH&HTQT đã có sáng kiến “Ứng dụng Google sheet tổ chức đăng ký giờ hoạt động KH&CN năm học 2020-

2021 cho GV” nhằm chuyển việc đăng ký giờ NCKH cho CBVC sang hình thức trực tuyến [H18.18.04.02]. Bên cạnh đó, Viện đang triển khai đề tài xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu khoa học của GV để quản lý CSDL về tên, mã số, tác giả của các đề tài NCKH, thuận tiện cho các đơn vị truy xuất báo cáo và tổng hợp, xây dựng hệ thống cập nhật hoạt động khoa học trực tuyến để từng cá nhân có thể tự khai báo hoạt động khoa học của mình và điểm khoa học [H7.07.01.06]. Năm 2022, Nhà trường đã thực hiện đề án nâng cấp trang Thông tin khoa học giáo dục thành Tạp chí KH&CN có chỉ số ISSN 2525-2615 xuất bản 04 số/năm. Đồng thời, Nhà trường tiếp tục phấn đấu để đưa Tạp chí KH&CN thành Tạp chí được tính điểm trong Hội đồng chức danh GS Nhà nước [H18.18.04.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 18

1. Tóm tắt điểm mạnh:

- Trường đã xây dựng chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với tình hình phát triển của Nhà trường theo từng giai đoạn, xây dựng và ban hành quy định quản lý hoạt động KH&CN của GV và SV, có đánh giá, rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo tình hình thực tế, từng bước tin học hóa hệ thống quản lý NCKH.

- Nhà trường ban hành Quy định quản lý hoạt động KH&CN, trong đó quy định rõ việc triển khai thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu.

- Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, kế hoạch năm học và Hệ thống chỉ số đánh giá KPIs của Nhà trường ban hành có quy định các KPIs về hoạt động NCKH của Trường.

- Hằng năm, Nhà trường quan tâm đầu tư tài chính cho hoạt động NCKH, xây dựng chế độ khuyến khích nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động NCKH.

- Trường đã rà soát, thành lập nhóm nghiên cứu theo lĩnh vực chuyên ngành.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về công tác quản lý hoạt động NCKH với kết quả đánh giá tốt về công tác quản lý hoạt động NCKH của Trường.

- Trong giai đoạn 2019-2023, nhiều tập thể, cá nhân CB, GV, SV Nhà trường đã đạt nhiều thành tích trong NCKH và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

- Năm 2022, Nhà trường đã nâng cấp trang Thông tin khoa học giáo dục thành Tạp chí KH&CN.

2. Tóm tắt điểm tồn tại:

Các nhóm nghiên cứu mới thành lập nên số lượng các công trình khoa học còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tham gia nghiên cứu các công trình khoa học cấp Tỉnh, Bộ; đồng thời Nhà trường hỗ trợ kinh phí, thời gian cho các nhóm nghiên cứu.	KH&HTQT	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với tình hình phát triển của Nhà trường theo từng giai đoạn, hoàn thiện hệ thống quản lý về KH&CN.	KH&HTQT	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát việc triển khai thực hiện giám sát và các hoạt động nghiên cứu trong quy định quản lý hoạt động KH&CN của Trường.	KH&HTQT	Định kỳ	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục rà soát, xây dựng các văn bản quy định về KPIs hoạt động NKCH của Trường.	KH&HTQT Các đơn vị	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục đầu tư tài chính cho NCKH, xây dựng chế độ khuyến khích, nâng cao chất lượng hoạt động NCKH.	KH&HTQT	Hàng năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
6	Phát huy điểm mạnh 5	Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để xây dựng nhóm nghiên cứu trở thành nhóm nghiên cứu mạnh.	KH&HTQT Các đơn vị	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục khảo sát ý kiến của các bên liên quan về công tác quản lý hoạt động NCKH.	KT&ĐBCL	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động KH&CN các cấp.	KH&HTQT Các đơn vị	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục nâng cao số lượng và chất lượng bài viết khoa học trên Tạp chí KH&CN Nhà trường.	Ban tạp chí KH&CN KH&HTQT	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	<i>4,75</i>
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	5

Tiêu chuẩn 19. Quản lý Tài sản Trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh,

sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Viện KH&HTQT có chức năng nhiệm vụ quản lý hoạt động KH&CN và HTQT, tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện quản lý công tác NCKH, công nghệ, công tác bảo hộ TSTT của Nhà trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Việc quản lý, đăng ký TSTT và kết quả khoa học được xác định rõ là trách nhiệm của Hội đồng KH&ĐT mà Viện KH&HTQT là đơn vị tham mưu, quy định cụ thể trong quy định quản lý hoạt động KH&CN, việc đăng ký quyền SHTT là trách nhiệm của Nhà trường đối với tất cả sản phẩm hoặc quy trình KH&CN từ kết quả NCKH, Nhà trường có trách nhiệm phối hợp với tác giả và đối tác trong công tác chuyển giao sản phẩm KH&CN theo Luật SHTT hiện hành, đặc biệt quy định rõ về định mức SHTT [H3.03.01.02], [H2.02.01.16]. Năm 2018, khi Nghị định 22/2018/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan ra đời, Nhà trường ban hành Quyết định số 553/QĐ-ĐHXDMT ngày 31/12/2018 ban hành quy định về SHTT trong Quy định về quản lý hoạt động KH&CN trong Trường ĐHXDMT [H12.12.01.03], [H19.19.01.01]. Theo quy định, Chương 6 có quy định rõ về việc quản lý TSTT, chính sách bảo hộ quyền SHTT của Trường và việc bảo hộ các phát minh sáng chế [H12.12.01.03]. Điều 26 quy định này thể hiện Viện KH&HTQT chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các nội dung quản lý và bảo hộ sản phẩm SHTT [H12.12.01.03]. Tất cả các quy định liên quan đến hoạt động KH&CN được thể hiện trong Sổ tay NCKH giúp CBVC tra cứu thuận lợi, nhanh chóng [H18.18.04.01].

Các quy định SHTT được thể hiện trong Quy định quản lý hoạt động KH&CN và Quy định về SHTT của Trường ĐHXDMT [H12.12.01.03]. Viện KH&HTQT có trách nhiệm và được chủ động trong việc xúc tiến thương mại đối với các TSTT mà Trường ĐHXDMT là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu, quy định rõ về việc phân chia lợi nhuận các bên có sản phẩm trí tuệ của Trường ĐHXDMT, theo đó đối với các sản phẩm đề tài KH&CN có khả năng ứng dụng vào sản xuất tại các địa phương, doanh nghiệp (được thực hiện dưới hình thức CGCN hoặc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật) do Nhà trường chủ trì thì tác giả sẽ được nhận 60-75% lợi nhuận, chủ sở hữu 20-35% tùy giá trị TSTT, đơn vị chủ quản của tác giả nhận 5% lợi nhuận, nếu tác giả là viên chức của Nhà trường thì tỷ lệ được nhận của đơn vị (5%) sẽ chuyển về Nhà trường [H12.12.01.03].

Trước năm 2018, việc thương mại hóa các đề tài NCKH chưa thực sự được chú ý và các chính sách đối với lĩnh vực này còn chưa được quan tâm đúng mức,

tuy nhiên, từ năm 2018, Nhà trường đã bắt đầu quan tâm đến việc khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu đồng thời ban hành các chính sách nhằm hỗ trợ việc thương mại hóa các đề tài nghiên cứu qua từng giai đoạn, được thể hiện rõ trong quy định quản lý hoạt động KH&CN Trường [H12.12.01.03]. Cụ thể, theo quy định này, với các đề tài đã được nghiệm thu và bắt đầu tiến hành thương mại hóa, chủ nhiệm đề tài sẽ làm tờ trình đề xuất hỗ trợ kinh phí xuất bản, Viện KH&HTQT chịu trách nhiệm xin giấy phép xuất bản, phát hành, phân phối và đưa vào sử dụng các sản phẩm [H12.12.01.03]. Chính sách hỗ trợ kịp thời này đã thúc đẩy CB, GV, các nhóm nghiên cứu bắt tay vào nghiên cứu, phát minh, sáng chế các sản phẩm có định hướng khai thác thương mại [H12.12.01.03]. Cụ thể, hiện nay, mỗi xuất bản công bố trong nước, quốc tế khi báo cáo về Trường đều hỗ trợ kinh phí tăng gấp nhiều lần trước đây [H12.12.01.03]. Giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã thực hiện nhiều đề tài NCKH, nhiều bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước [H8.08.02.02], [H19.19.01.02].

Để thúc đẩy, hỗ trợ tốt hơn cho đội ngũ nhà khoa học, GV và SV Trường trong công tác SHTT, thương mại hoá sản phẩm NCKH, Viện KH&HTQT có trách nhiệm nhận dạng các kết quả NCKH có thể đăng ký SHTT, hỗ trợ nhà khoa học trong quy trình đăng ký, liên hệ với Cục SHTT Việt Nam trong việc xử lý, cấp bằng SHTT [H12.12.01.03]. Nhà trường cũng quy định chặt chẽ việc công bố thông tin trong đào tạo, NCKH, thẩm quyền công bố thông tin, thủ tục công bố thông tin. Nhà trường xây dựng quy định hoạt động KH&CN và lồng ghép việc quản lý TSTT trong việc triển khai thực hiện và sử dụng các sản phẩm có bản quyền, bao gồm: Quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định duyệt và sử dụng giáo trình, bài giảng và tài liệu học tập tại Trường, trong đó thể hiện rõ quy trình nghiệm thu bài giảng, giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo hoặc tài liệu khác, quy định về SKCT và quy trình xét công nhận về SKCT, quy định về tính giờ chuẩn NCKH [H12.12.01.03]. Nhà trường đã đăng ký hoạt động KH&CN, được Bộ KH&CN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN số A-2531 ngày 15/11/2022 với các lĩnh vực hoạt động: NCKH và thực hiện các đề tài, dự án trong các lĩnh vực sau: quản lý xây dựng, kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, kỹ thuật công trình xây dựng, quy hoạch vùng và đô thị, kiến trúc, công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, kỹ thuật môi trường, kỹ thuật phần mềm, kế toán; Dịch vụ KH&CN: Thông tin, tư vấn, CGCN, đào tạo, các dịch vụ KH&CN khác trong lĩnh vực nghiên cứu nêu trên; Hợp tác các tổ chức, cá nhân để thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường [H18.18.01.01].

Trong Quy định quản lý hoạt động KH&CN của Nhà trường đã ban hành có quy định cụ thể quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu

[H12.12.01.03]. Các đề tài NCKH của CB, GV, SV Nhà trường đều đảm bảo thực hiện đúng theo quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu [H12.12.01.03], [H18.18.01.04]. Hằng năm, Viện KH&HTQT thống kê các đề tài NCKH được nghiệm thu, đồng thời đề xuất các đề tài được đánh giá kết quả tốt để đăng ký quyền SHTT [H8.08.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường thực hiện tốt công tác công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả NCKH của CB, GV [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H18.18.01.05]. Để làm cơ sở pháp lý, Nhà trường đã lưu trữ tất cả những sản phẩm khoa học tại Viện KH&HTQT và đăng trên trang <https://scholar.google.com.vn/> [H19.19.01.03].

Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT được triển khai

Theo quy định của Nhà trường, toàn bộ sách, giáo trình, bài giảng, bài báo khoa học, công trình khoa học được thực hiện bởi các cá nhân, tập thể thuộc tài sản của Trường đều là các kết quả NCKH và được đảm bảo quyền SHTT theo quy định của Trường [H12.12.01.03], [H19.19.02.01]. Nhận biết các kết quả nghiên cứu cần đăng ký SHTT trong danh mục đăng ký, kết quả nghiệm thu, đánh giá của Hội đồng của các đề tài, dự án, ấn phẩm khoa học theo quyết định nghiệm thu của Nhà trường; Luận văn của GV, SV được lưu trữ tại thư viện; Các hồ sơ hoạt động KH&CN được lưu trữ tại Viện KH&HTQT, bao gồm: Toàn bộ CSDL về các đề tài NCKH của CB, GV, SV và các SKCT được lưu trữ bằng bản cứng và bản mềm được sắp xếp theo năm học [H8.08.02.01], [H19.19.02.02], [H19.19.02.03]. Danh mục tên các đề tài được đưa vào hệ thống lưu trữ trên phần mềm và đăng trên trang <https://scholar.google.com.vn/> [H7.07.01.06], [H19.19.01.04]. Các đề tài NCKH thực hiện cấp Bộ, cấp tỉnh và CGCN được lưu trữ hồ sơ và kết quả nghiên cứu tại Viện KH&HTQT [H18.18.02.03], [H18.18.02.04]. Ngoài ra, các đầu mục sách chuyên khảo, tạp chí phục vụ công tác đào tạo, NCKH của Trường được lưu trữ tại thư viện [H7.07.04.08].

Nhà trường ban hành Quy định về SHTT trong quy định quản lý hoạt động KH&CN của Trường ĐHXDMT [H19.19.01.02]. Viện KH&HTQT phổ biến và hướng dẫn đến các Khoa cũng như các CB, GV Quy định về SHTT [H19.19.01.02]. Bên cạnh đó, Viện KH&HTQT tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo về công tác SHTT cũng như triển khai các cuộc thi về SHTT [H19.19.02.04], [H19.19.02.05]. Nhờ những nỗ lực về hướng dẫn quyền SHTT mà trong những năm qua, Nhà trường không có báo cáo về việc quyền SHTT bị xâm phạm [H19.19.02.06], [H1.01.04.04].

Hệ thống lưu trữ TSTT của Trường đã được triển khai, tất cả dữ liệu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu của Trường được cập nhật theo đúng quy định hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT nêu trong quy định về việc bảo hộ bản quyền và quyền SHTT [H19.19.01.02]. Nhà trường có các CSDL về TSTT, như báo cáo và sản phẩm của các đề tài NCKH; giáo trình; luận văn, khóa luận, đồ án tốt nghiệp; ấn phẩm khoa học (tập san, kỷ yếu); các công bố khoa học;... [H8.08.02.01], [H19.19.02.02], [H19.19.02.03]. Nhà trường quy định kết quả của đề tài, dự án do Nhà trường đầu tư khi công bố trên các ấn phẩm khoa học phải ghi đầy đủ pháp danh của Trường [H19.19.01.02]. Việc lưu trữ được cập nhật theo từng giai đoạn triển khai của sản phẩm trí tuệ [H19.19.02.03]. Để ngăn ngừa hiện tượng sử dụng phần mềm vi phạm bản quyền, Nhà trường đã chú trọng đầu tư mua sắm, hỗ trợ của các doanh nghiệp một số phần mềm bản quyền như: QLĐT, kế toán MISA, quản lý nhân sự, khai thác nguồn dữ liệu điện tử, quản lý thư viện, rà soát đạo văn, quản lý ngày công tác xã hội,... [H7.07.01.06]. Nhà trường lồng ghép các quy định trích dẫn tài liệu tham khảo nhằm xác lập việc GV, SV Trường không vi phạm quyền tác giả [H19.19.01.02]. Thông qua việc kiểm tra, giám sát, rà soát văn đề SHTT cho thấy Trường chưa có hiện tượng vi phạm SHTT [H19.19.02.06], [H1.01.04.04]. Trong các hợp đồng triển khai nhiệm vụ KH&CN của Nhà trường đều ghi rõ tên tác giả, kinh phí, sản phẩm yêu cầu có căn cứ theo quy định KH&CN của Nhà trường, trong đó có quy định quyền tác giả có phân lợi ích từ TSTT là kết quả NCKH [H19.19.01.02]. Trường có quy chế hỗ trợ kinh phí cho các nhiệm vụ, sản phẩm là bài báo, bằng sáng chế hoặc biên soạn sách nước ngoài nhưng phải đứng tên Nhà trường trong các nhiệm vụ được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ [H19.19.01.02], [H2.02.01.29]. Đến nay, Nhà trường có 01 đơn đăng ký Bằng sáng chế độc quyền được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận và Logo Nhà trường đã được thiết kế mới, đang nộp hồ sơ để xin bảo hộ bản quyền [H19.19.02.07].

Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý TSTT được triển khai thực hiện

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Viện KH&HTQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác quản lý, việc thực hiện quy định về SHTT và kết quả triển khai thực hiện các chỉ tiêu về TSTT so với đề ra trong kế hoạch đầu năm của Trường, báo cáo kết quả hoạt động cho BGH [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã thực hiện rà soát công tác quản lý TSTT 2 lần, vào năm 2020 và năm 2022 [H19.19.03.01]. Viện KH&HTQT phối hợp với các đơn vị và

các cá nhân trong Trường tiến hành rà soát công tác quản lý TSTT [H19.19.03.01]. Kết quả việc kiểm tra rà soát cho thấy công tác quản lý TSTT tại các đơn vị chưa được quan tâm nhiều, nguyên nhân là do đa số các đơn vị không có sản phẩm SHTT được công nhận ngoài các tài liệu đã xuất bản [H19.19.03.01].

Trên cơ sở ý kiến các đơn vị về công tác quản lý TSTT, báo cáo đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ, báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường và của Viện KH&HTQT, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị xem xét, điều chỉnh Quy định về SHTT của Trường và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký ban hành [H19.19.03.01], [H19.19.02.06], [H1.01.04.04], [H1.01.01.15], [H12.12.01.03]. Nhà trường gửi Quy định về SHTT đã được điều chỉnh đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H19.19.02.04]. Trong một số phiên họp của Hội đồng KH&ĐT, công tác quản lý TSTT cũng được tổng kết và đánh giá [H14.14.01.06]. Kết quả rà soát, đánh giá cho thấy các khoa, GV, SV triển khai tốt quy định nộp lưu chiểu các đồ án, khóa luận, báo cáo đề tài NCKH, luận văn [H19.19.02.06].

Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý TSTT được cải tiến để bảo hộ CSGD, CB nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Căn cứ tổng hợp ý kiến các đơn vị về công tác quản lý TSTT, báo cáo đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ, báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường và của Viện KH&HTQT, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị xem xét, điều chỉnh Quy định về SHTT của Trường và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký ban hành [H19.19.03.01], [H19.19.02.06], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.15], [H19.19.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường xác định các nội dung cải tiến công tác quản lý TSTT và được thể hiện trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Viện KH&HTQT [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Trước năm 2018, Nhà trường thực hiện việc quản lý TSTT thông qua các quy định cụ thể đối với từng loại hình hoạt động KH&CN đơn lẻ nhưng từ năm 2018, Nhà trường quản lý TSTT đồng bộ và nhất quán đối với tất cả các sản phẩm trí tuệ trong Nhà trường, trong đó những quy định sử dụng tài liệu tham khảo, trích dẫn, chống “đạo văn” được thống nhất và áp dụng đồng bộ [H12.12.01.03]. Với quy định mới, việc cải tiến công tác quản lý TSTT đã được thực hiện theo hướng khuyến khích, động viên đội ngũ tham gia công tác NCKH thông qua các chính sách như: các chủ nhiệm đề tài được nhận lợi nhuận cao theo quy định từ việc thương mại hóa sản phẩm hoặc CGCN; việc ưu tiên áp mức giờ chuẩn đối với các bài báo quốc tế được nâng cao [H19.19.01.02], [H2.02.01.29]. Việc quản lý TSTT đã được Nhà trường quan tâm

cải tiến theo hướng khuyến khích đội ngũ NCKH như tăng lợi nhuận CGCN, tăng kinh phí hỗ trợ viết báo trên các tạp chí có uy tín đứng tên của Trường, sửa đổi quy định tính giờ NCKH theo hướng khuyến khích viết bài cho các tạp chí uy tín và đăng ký thực hiện các nhiệm vụ NCKH cấp Tỉnh, Bộ,... [H19.19.01.02], [H2.02.01.29], [H6.06.03.01]. Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng công tác quản lý TSTT thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường và của Viện KH&HTQT cũng như trong báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07]. Đến nay, Nhà trường có 01 đơn đăng ký Bằng sáng chế độc quyền được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận và Logo Nhà trường đã được thiết kế mới, đang nộp hồ sơ để xin bảo hộ bản quyền [H19.19.02.07].

Việc khảo sát mức độ hài lòng của các đơn vị qua các đợt rà soát công tác quản lý TSTT trong Nhà trường theo các chu kỳ rà soát và khảo sát ý kiến GV, SV hằng năm, trong đó có nội dung khảo sát về công tác quản lý TSTT của Trường [H19.19.03.01], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát đối với các lãnh đạo các đơn vị, GV và SV trong Trường cho thấy trên 80% số người được khảo sát đều tỏ ra hài lòng với công tác quản lý TSTT của Nhà trường [H1.01.01.14]. Điều này cho thấy công việc quản lý TSTT đang được tiến hành tốt và có những cải tiến phù hợp, góp phần đảm bảo lợi ích của các nhà nghiên cứu, của Trường và cộng đồng [H1.01.01.14].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 19

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành các quy định về SHTT trong Trường liên quan đến các vấn đề khai thác SHTT, bảo hộ, phân bổ lợi ích các bên về TSTT.
- Nhà trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn CB, GV, SV các nội dung trong Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường ban hành.
- Trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Nhà trường có các nội dung về đăng ký SHTT và triển khai thực hiện.
- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CB, GV, SV.
- Trong những năm gần đây, Nhà trường không có CBVC vi phạm tiêu chuẩn năng lực đạo đức về NCKH và vi phạm quyền SHTT.
- Kết quả khảo sát đối với các lãnh đạo các đơn vị, GV và SV trong Trường

cho thấy trên 80% số người được khảo sát đều tỏ ra hài lòng với công tác quản lý TSTT của Nhà trường.

- Qua quá trình cải tiến, Trường đã có sản phẩm trí tuệ được đăng ký bảo hộ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng các sản phẩm NCKH được đăng ký quyền SHTT còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường chính sách hỗ trợ kinh phí, thời gian đối với các nhà khoa học, các nhóm nghiên cứu nhằm thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu.	KH&HTQT	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy định cụ thể về quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, sản phẩm khoa học, kết quả nghiên cứu.	KH&HTQT	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tập huấn, hướng dẫn CB, GV, SV quy chế quản lý hoạt động SHTT của Trường ban hành.	KH&HTQT	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục phổ biến, xây dựng kế hoạch cho CB, GV đăng ký SHTT.	KH&HTQT	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Thường xuyên quán triệt tư tưởng, trách nhiệm đơn vị, cán bộ hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên	KH&HTQT	Hàng năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		cứu của CB, GV, SV.			
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy định cụ thể về chuẩn năng lực đạo đức của chủ nhiệm các đề tài/dự án các cấp.	KH&HTQT	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục khảo sát ý CB, GV và SV về công tác quản lý TSTT của Nhà trường.	KT&ĐBCL CTCTSV	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục cải tiến công tác quản lý TSTT, đăng ký bảo hộ các sản phẩm trí tuệ.	KH&HTQT	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	4.25
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	5

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Sau khi được nâng cấp thành trường ĐH, Nhà trường ban hành Quyết định số 470/QĐ-ĐHXDMT ngày 30/12/2011 quy định quản lý hoạt động HTQT có nội

dung về phân quyền cho các đơn vị và cá nhân trong việc triển khai, quản lý đối với các hoạt động HTQT như tổ chức hội nghị, hội thảo, seminar khoa học, ký kết hợp tác về đào tạo và NCKH, CGCN [H8.08.01.02]. Năm 2022, Nhà trường ban hành quy định HTQT sửa đổi theo quyết định số 237/QĐ-ĐHXDMT ngày 10/05/2022, bổ sung các nội dung mở rộng quy mô áp dụng của quy định HTQT cũng như quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu [H8.08.01.02]. Nhà trường gửi Quy định quản lý hoạt động HTQT đến các đơn vị để thực hiện đồng thời phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H8.08.01.02]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các đơn vị phổ biến Quy định quản lý hoạt động HTQT đến CBVC thông qua các cuộc họp giao ban [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, Quy định quản lý hoạt động HTQT được đăng tải trên website của Nhà trường và của Viện KH&HTQT [H1.01.01.21], [H8.08.01.06].

Nhà trường xác định tầm quan trọng của việc mở rộng hợp tác về NCKH với các đối tác tiềm năng bên ngoài nhằm tăng cường năng lực NCKH của CBVC, NLD và SV, thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, Kế hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025 [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Theo đó, Nhà trường xác định các mục tiêu chiến lược và những giải pháp tăng cường sự gắn kết và hợp tác giữa Trường với các đối tác trong nước, đẩy mạnh HTQT với các nước ASEAN và những nước có nền giáo dục, KH&CN tiên tiến [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Đồng thời, trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường, của Viện KH&HTQT và các đơn vị có các nội dung đánh giá tình hình hợp tác về đào tạo và NCKH của Trường và các kế hoạch triển khai dựa trên những biến động về KT-XH của đất nước và tình hình thực tế của Trường [H1.01.01.24], [H1.01.01.25].

Viện KH&HTQT có chức năng quản lý NCKH trong Trường, tìm kiếm đối tác và thiết lập, phát triển các mối quan hệ hợp tác, tiến tới xây dựng và quản lý các dự án hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế, tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng hệ thống các văn bản hướng dẫn, quản lý các hoạt động quan hệ và HTQT; phối hợp với Phòng TCHC hỗ trợ thực hiện kịp thời và đúng quy định các thủ tục liên quan chuẩn bị cho các đoàn CBVC của Trường đi công tác ở nước ngoài và đón các đoàn nước ngoài đến làm việc với Trường theo chỉ đạo của Hiệu trưởng [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H8.08.01.01]. Xác định lợi thế về đào tạo ngành Xây dựng và vị trí địa lý, Nhà trường đã chủ động tìm kiếm các đối tác ở các trường

đào tạo về xây dựng, các công ty chuyên ngành xây dựng trong nước, các nước thuộc khối ASEAN và châu Á, Nhà trường đã liên hệ với các trường ngoài nước có uy tín để tìm kiếm lĩnh vực hợp tác phù hợp nhất [H1.01.02.15]. Nhằm xây dựng mối quan hệ hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp để CGCN, hợp tác NCKH và đào tạo, Nhà trường đã thành lập Trung tâm TVXD thực hiện các dịch vụ tư vấn xây dựng, Trung tâm TNXD&MT thực hiện thực hiện các dịch vụ tư vấn, thực hiện các thí nghiệm về cầu, đường, quản lý phòng thí nghiệm cho các hoạt động học tập và NCKH của Nhà trường]; Trung tâm ĐTTX với trách nhiệm tổ chức đào tạo trình độ ĐH hệ liên thông, VLVH, bồi dưỡng ngắn hạn về giám sát công trình, an toàn lao động,... [H3.03.01.02]. Nhà trường đã ban hành các quyết định phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, trong đó phân công rõ thành viên BGH chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý mảng NCKH và HTQT [H3.03.04.04]. Lãnh đạo các khoa phân công thư ký khoa hỗ trợ công tác NCKH của GV trực thuộc, phối hợp với Viện KH&HTQT tiến hành triển khai thực hiện và nghiệm thu nhiệm vụ NCKH, SKCT, tham gia tư vấn và theo dõi việc thực hiện các chương trình hợp tác đã được ký kết và triển khai trong khoa [H3.03.04.05]. Hiện tại, Nhà trường đang thúc đẩy phát triển hợp tác thực tế với nhiều đối tác trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH như các CSGD ĐH, các sở ban ngành tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh khu vực ĐBSCL, công ty cấp nước các tỉnh, công ty Vinpearl (tập đoàn Vingroup), công ty xây dựng và phát triển phần mềm Aureole, công ty Vilandco,... [H1.01.02.15].

Để phát triển hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, Nhà trường đề ra các chỉ số mục tiêu trong từng năm học và xây dựng kế hoạch hành động cho từng lĩnh vực nhằm đạt được các mục tiêu chung đã được xác định trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDĐT, kế hoạch phát triển KH&CN, đề ra các chỉ số thực hiện chính (KPIs) và kế hoạch hành động về quan hệ hợp tác và đối tác trong NCKH,... trong các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn của Trường [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07], [H4.04.03.01], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Viện KH&HTQT và các khoa có nhiệm vụ liên lạc với các đối tác và đồng thời theo dõi tiến triển của nội dung hợp tác [H8.08.01.02]. Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi họp rà soát kết quả triển khai nội dung đã ký thỏa thuận hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp [H1.01.01.15]. Viện KH&HTQT thường xuyên rà soát, rút kinh nghiệm sau các cuộc làm việc, hội nghị, hội thảo khoa học, rà soát các quy định về HTQT, quản lý đoàn ra đoàn vào, trao đổi SV, đưa CB, GV đi nước ngoài tham quan, học tập, NCKH đảm bảo phù hợp với chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác của Nhà trường

[H8.08.03.04], [H8.08.03.05]. Kết quả hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Viện KH&HTQT và báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT, kế hoạch phát triển KH&CN, các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn của Trường thể hiện rõ các chỉ số phát triển hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07], [H4.04.03.01], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Trong chiến lược và kế hoạch phát triển, Nhà trường tập trung đẩy mạnh hợp tác với các CSGD ở các nước ASEAN và các nước có nền giáo dục, KH&CN phát triển để tranh thủ đào tạo đội ngũ, tăng cường hoạt động trao đổi GV và SV, đồng thời, Nhà trường cũng đề ra các giải pháp đẩy mạnh hợp tác với các trường, các doanh nghiệp thông qua việc ký kết các chương trình liên kết đào tạo, NCKH và chuyển giao KH&CN, tuyển dụng và sử dụng lao động [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Hằng năm, Viện KH&HTQT xây dựng kế hoạch hoạt động HTQT cho từng năm, trong đó đề xuất các chỉ tiêu về đối tác, lĩnh vực hợp tác và khu vực đối tác phù hợp với phương hướng phát triển chung của Nhà trường [H1.01.01.25]. Nhà trường luôn chủ động phổ biến các chính sách, kế hoạch thúc đẩy hợp tác nghiên cứu đến các trường đơn vị và các nhà khoa học thông qua các cuộc họp giao ban, tổng kết năm học để các nội dung trên được triển khai toàn diện trong Trường [H1.01.01.15].

Từ chiến lược và các phương hướng đề ra từ đầu năm học, Nhà trường tích cực khuyến khích CB, GV tìm kiếm các đối tác hợp tác tiềm năng từ Nhật Bản, Lào, Hàn Quốc, Đài Loan, Philippines,... mời các đại diện của các đối tác đến thăm và làm việc với Lãnh đạo Trường, trao đổi, bàn bạc các nội dung có thể hợp tác với Trường; tổ chức các chuyến công tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác về đào tạo, NCKH,... [H1.01.02.15], [H8.08.03.06], [H2.02.04.09]. Thông qua các báo cáo của Viện KH&HTQT về tình hình hợp tác trong các báo cáo giao ban hằng tháng và báo cáo tổng kết năm phục vụ các hội nghị CBVC cũng như các phát biểu đề xuất trực tiếp tại hội nghị CBVC, chỉ ra các hoạt động hiệu quả, những hạn chế khó khăn gặp phải và đề ra phương án giải quyết thực tế để cải thiện và phát triển tình hình hợp tác về NCKH và đào tạo của Nhà trường [H2.02.02.12], [H2.02.02.13], [H1.01.01.07].

Cùng với nỗ lực tìm kiếm và mở rộng các mối quan hệ hợp tác mới, Trường tiến hành thúc đẩy phát triển các mối quan hệ hợp tác có hiệu quả giữa Nhà trường và các đối tác [H8.08.03.06]. Sau khi đánh giá, rà soát, Nhà trường xác định các đối tác có tiềm năng, điều kiện tương thích và có thiện chí phát triển các dự án hợp tác chung với Trường [H8.08.03.01], [H8.08.03.02], [H8.08.01.07]. Từ đó, Nhà trường mời các đối tác về thăm và làm việc, giới thiệu CSVC và tiềm lực nhân sự của Trường, tích cực tham gia hội thảo, gặp gỡ và tìm hiểu CSVC của đối tác, triển khai các hoạt động liên kết như trao đổi SV, NCKH, liên kết đào tạo,... [H2.02.04.09], [H8.08.01.08], [H8.08.01.09], [H8.08.01.10].

Trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có nội dung quy định về việc dành kinh phí, chi phí cho hoạt động tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến tham và làm việc tại Trường [H2.02.01.29]. Việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với Nhà trường luôn thực hiện đúng theo quy định tại thông tư 01/2010/TT-BTC ngày 6/1/2010 của Bộ Tài chính về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H2.02.01.29]. Nhà trường luôn dành kinh phí và áp dụng các chế độ hỗ trợ CB, GV, SV tham dự hội thảo, các cuộc thi, khóa tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài nhằm góp phần tìm kiếm, phát triển các hợp tác, đối tác nghiên cứu cũng như đa dạng hóa nguồn thu thông qua hoạt động hợp tác [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Nhà trường tích cực đầu tư các trang thiết bị mới phục vụ NCKH của GV và SV, từ đó tạo niềm tin và ĐBCL hợp tác về NCKH với các đối tác [H7.07.02.06].

Nhà trường khuyến khích các cá nhân và tập thể GV tham gia các đề tài NCKH liên kết với các cá nhân và đơn vị khác, tham gia viết các bài báo khoa học, xuất bản sách chung với các nhà khoa học ngoài Trường [H12.12.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường khuyến khích và tìm kiếm các đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ, Quỹ tài trợ khoa học,... để CB, GV đăng ký thực hiện [H12.12.01.03]. Tổng kết giai đoạn 2019-2023, những nỗ lực của Nhà trường trong việc thúc đẩy các quan hệ hợp tác NCKH và liên kết đào tạo đã gặt hái được những kết quả đáng khích lệ với số lượng đối tác tăng dần, số lượng GV tham gia hội thảo quốc tế tăng, số bài báo trong nước và quốc tế tăng dần [H1.01.02.15], [H8.08.01.07], [H8.08.01.08], [H8.08.01.09], [H8.08.01.10], [H2.02.04.09], [H19.19.01.03].

Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tích cực phối hợp với các đối tác trong nước và ngoài nước tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học [H1.01.02.15], [H1.01.01.12]. Nhà trường đồng tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với các đối tác trong nước như: Hội thảo khoa học cấp vùng “Kết nối, hỗ trợ đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực xây dựng - Kiến trúc cho các tỉnh Tây Nam bộ, Hội thảo khoa học “Ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt

động xây dựng cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long”,... [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường đồng tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với các đối tác ngoài nước như: Hội thảo “Ảnh hưởng của xâm nhập mặn, triều cường, điều kiện địa chất, môi trường khí hậu đến tuổi thọ công trình tại Đồng bằng sông Cửu Long”, Hội thảo “Phát triển xây dựng bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long”,... [H1.01.01.12]. Thông qua các hoạt động hợp tác, Nhà trường đã được hỗ trợ và trang bị nhiều thiết bị, phương tiện nghiên cứu hiện đại cũng như góp phần đáng kể nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV của Trường [H7.07.02.06], [H2.02.04.09].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Trong Quy định quản lý hoạt động HTQT do Nhà trường ban hành có quy định về quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác nghiên cứu [H8.08.01.02]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Viện KH&HTQT là đơn vị rà soát tính hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH của Trường; kiểm tra, giám sát tiến độ các đề tài, dự án NCKH, đặc biệt đối với các dự án có sự hợp tác với các đối tác trong và ngoài [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Các Khoa phân công thư ký Khoa phối hợp với Viện KH&HTQT tổ chức, thực hiện và rà soát các hoạt động hợp tác NCKH [H3.03.04.05].

Công tác rà soát các hoạt động hợp tác và đối tác trong NCKH được Nhà trường thực hiện thông qua việc đánh giá định kỳ tiến độ và đánh giá hiệu quả các hợp tác, đối tác, đặc biệt là các chương trình, dự án, đề tài hợp tác nghiên cứu, được quy định rõ trong quy định quản lý hoạt động KH&CN và quy định quản lý hoạt động HTQT [H12.12.01.03], [H8.08.01.02]. Viện KH&HTQT thực hiện báo cáo rà soát các hoạt động hợp tác, các đối tác trong NCKH và HTQT, trong đó đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể [H8.08.03.02]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường, của Viện KH&HTQT và báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm luôn có nội dung rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07]. Nhà trường tổ chức hợp triển khai các nội dung hợp tác khả thi trong các MoU sau ký kết và trong nội dung hợp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị thường xuyên rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể của Trường [H8.08.03.01], [H1.01.01.15]. Nhà trường sử dụng các chỉ số đánh

giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học và Hệ thống chỉ số đánh giá KPIs của Trường [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07], [H4.04.03.01].

Trong báo cáo rà soát các hoạt động hợp tác, các đối tác trong NCKH và HTQT do Viện KH&HTQT thực hiện đồng thời rà soát, đánh giá tính hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác [H8.08.03.02]. Trong giai đoạn 2019-2023, số lượng đối tác của Nhà trường tăng dần, số lượng GV tham gia hội thảo quốc tế tăng, số bài báo trong nước và quốc tế tăng dần [H1.01.02.15], [H8.08.01.07], [H8.08.01.08], [H8.08.01.09], [H8.08.01.10], [H2.02.04.09], [H19.19.01.03]. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động hợp tác, Nhà trường đã được hỗ trợ và trang bị nhiều thiết bị, phương tiện nghiên cứu hiện đại cũng như góp phần đáng kể nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV của Trường [H7.07.02.06], [H2.02.04.09]. Trên cơ sở rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu, Nhà trường tập trung đẩy mạnh hợp tác với các CSGD ở các nước ASEAN và các nước có nền giáo dục, KH&CN phát triển để tranh thủ đào tạo đội ngũ, tăng cường hoạt động trao đổi GV và SV, đồng thời, Nhà trường cũng đề ra các giải pháp đẩy mạnh hợp tác với các trường, các doanh nghiệp thông qua việc ký kết các chương trình liên kết đào tạo, NCKH và chuyển giao KH&CN, tuyển dụng và sử dụng lao động [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Ngoài ra, ý kiến khảo sát của CB, GV thể hiện sự hài lòng về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác của Trường [H1.01.01.14].

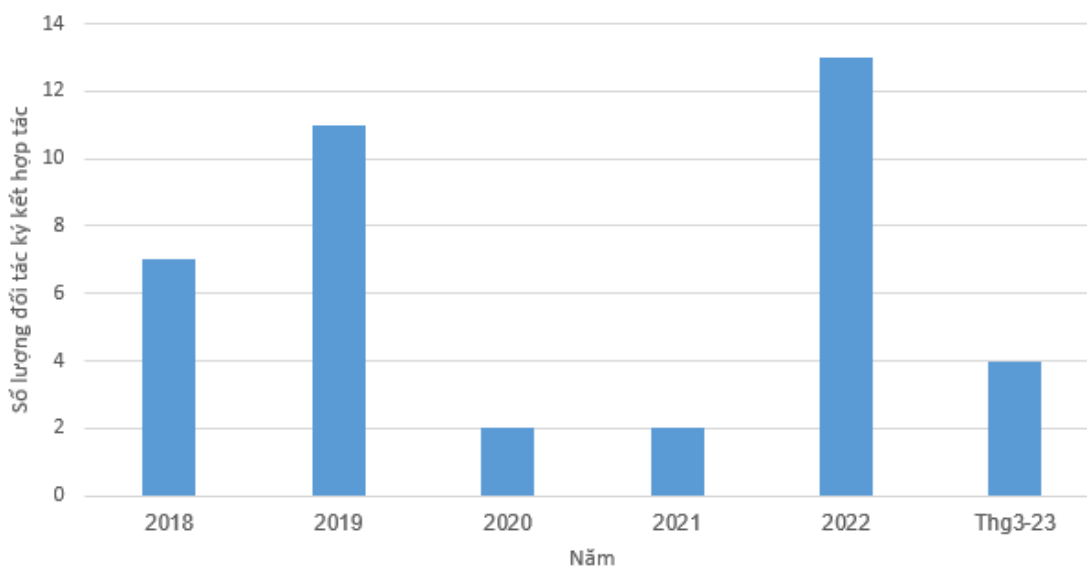
Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Nhà trường thực hiện công tác rà soát các hoạt động hợp tác, đối tác trong NCKH thông qua việc đánh giá định kỳ tiến độ và hiệu quả của các hợp tác, đối tác, đặc biệt là các chương trình, dự án, đề tài hợp tác nghiên cứu [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Từ đó, xác định phương hướng phát triển trong tương lai, phát triển mở rộng các dự án, đối tác hiệu quả, cải thiện các chương trình hợp tác đang gặp các vấn đề khó khăn, sàng lọc lựa chọn ra đối tác phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí và áp dụng các chế độ hỗ trợ CB, GV, SV tham dự hội thảo, các cuộc thi, khóa tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài nhằm góp phần tìm kiếm, phát triển các hợp tác, đối tác nghiên cứu cũng như đa

dạng hóa nguồn thu thông qua hoạt động hợp tác [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Nhà trường tích cực đầu tư các trang thiết bị mới phục vụ NCKH của GV và SV, từ đó tạo niềm tin và ĐBCL hợp tác về NCKH với các đối tác [H7.07.02.06]. Nhà trường khuyến khích các cá nhân và tập thể GV tham gia các đề tài NCKH liên kết với các cá nhân và đơn vị khác, tham gia viết các bài báo khoa học, xuất bản sách chung với các nhà khoa học ngoài Trường [H12.12.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường khuyến khích và tìm kiếm các đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ, Quỹ tài trợ khoa học,... để CB, GV đăng ký thực hiện [H12.12.01.03].

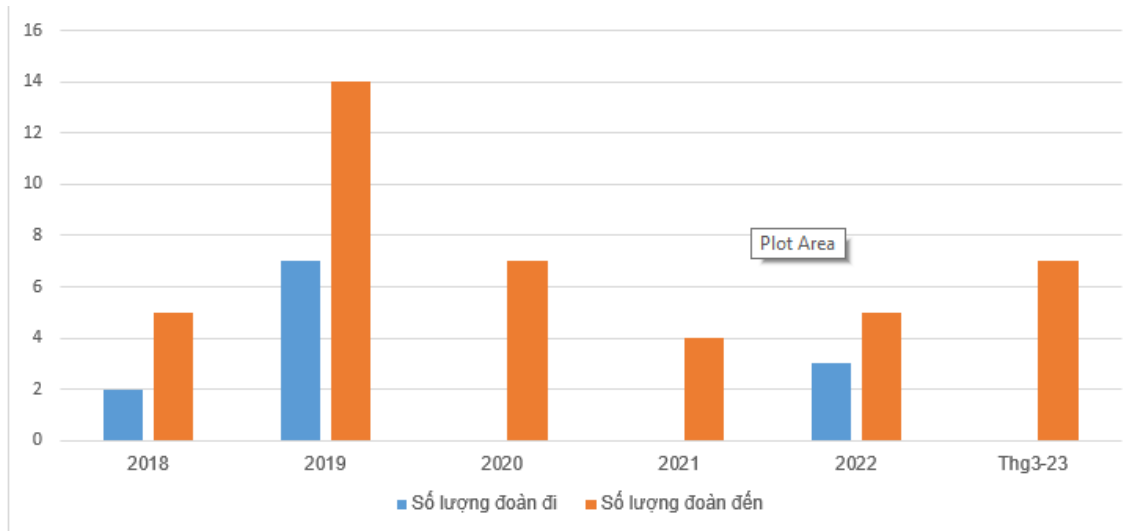
Trong giai đoạn 2019-2023, số lượng đối tác của Nhà trường tăng dần với nhiều đối tác mạnh và tiềm năng [H1.01.02.15]. Nhà trường ký kết 55 văn bản ký kết hợp tác với các trường ĐH, các doanh nghiệp trong nước, ký kết 16 văn bản hợp tác với các trường ĐH, học viện, các doanh nghiệp ngoài nước [H1.01.02.15]. Đến nay, Nhà trường đã ký kết 16 văn bản hợp tác với các trường ĐH, các doanh nghiệp của 10 quốc gia, vùng lãnh thổ, đó là Anh, Nhật Bản, Canada, Ấn Độ, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Philippines, Lào và Đài Loan [H1.01.02.15].



Hình 20.4.1. Số lượng đối tác hợp tác hằng năm

Trong giai đoạn 2019-2023, hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước của Nhà trường trong hoạt động nghiên cứu đã đạt được các kết quả đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu Trường đã đề ra [H8.08.01.07], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07]. CB, GV của Nhà trường đã thực hiện 04 đề tài NCKH trong đó có sự tham gia, hợp tác của các đối tác bên ngoài Trường [H8.08.02.01], [H18.18.02.03]. Bên cạnh đó, CB, GV của Nhà trường đã công bố 186 bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước, xuất bản 05 sách và giáo trình với sự hợp tác, tham gia của các đối tác bên ngoài Trường [H8.08.02.02],

[H19.19.01.03]. Nhà trường đã phối hợp với các trường ĐH, các doanh nghiệp tổ chức 17 hội nghị, hội thảo khoa học các cấp [H1.01.01.12].



Hình 20.4.2. Số lượng đoàn công tác đi và đến hằng năm

Nhà trường khuyến khích GV đăng ký học bổng nghiên cứu sinh quốc tế nhằm nâng cao trình độ và tiếp tục các thể hệ làm cầu nối liên kết Nhà trường với quốc tế, có chính sách hỗ trợ GV tham gia các đề tài NCKH thuộc các quỹ quốc tế hoặc liên kết với các cá nhân là GV, nhà khoa học, nhà nghiên cứu tại các trường trên thế giới [H8.08.01.03]. Hằng năm, Nhà trường cử nhiều đoàn công tác sang đối tác dự hội thảo và tham quan CSVC giáo dục, thảo luận chương trình liên kết đào tạo, đón đoàn đối tác đến dự hội thảo tại Trường, trao đổi SV quốc tế [H2.02.04.09], [H8.08.01.08], [H8.08.01.09], [H8.08.01.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tích cực tìm kiếm đối tác hợp tác NCKH từ các doanh nghiệp bên cạnh việc hỗ trợ thực tập, thảo luận góp ý về CTĐT,... [H17.17.02.05], [H14.14.01.08], [H14.14.02.02].

Tự đánh giá: 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 20

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, Kế hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung phát triển đối tác hợp tác về NCKH.

- Nhà trường ban hành Quy định quản lý hoạt động HTQT, trong đó có nội dung quy định cụ thể về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

- Nhà trường phân công nhiệm vụ trong thực hiện hợp tác với đối tác, mở rộng mạng lưới đối tác về NCKH như: các trường ĐH, viện nghiên cứu, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phù hợp tại nước ngoài.

- Hằng năm, Nhà trường đã tổ chức định kỳ việc rà soát các quy định, tình hình kết quả thực hiện hợp tác với đối tác.

- Nhà trường chú trọng đầu tư cho công tác hợp tác, mở rộng đối tác đào tạo và NCKH.

- Trong giai đoạn 2019-2023, hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước của Nhà trường trong hoạt động nghiên cứu đã đạt được các kết quả đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu Trường đã đề ra.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Do dịch Covid-19 nên ảnh hưởng nhiều đến mức độ cải thiện các mối quan hệ hợp tác, đối tác NCKH trong năm 2020, 2021.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục tăng cường chính sách, biện pháp cải thiện các mối quan hệ hợp tác, đối tác NCKH.	KH&HTQT	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển đối tác hợp tác về NCKH.	HĐT, KH&HTQT	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát, xây dựng quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu.	KH&HTQT	Hàng năm	
4	Phát huy điểm	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy định và tăng cường bồi dưỡng	KH&HTQT	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	mạnh 3	nghiệp vụ cho nhân sự được phân công.			
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về lĩnh vực hợp tác với đối tác.	KH&HTQT	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục đầu tư vào công tác hợp tác, mở rộng đối tác đào tạo và NCKH.	KH&HTQT	Hằng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục cải tiến hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước của Nhà trường trong hoạt động nghiên cứu.	KH&HTQT	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 20</i>	4.5
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	4
Tiêu chí 20.4	4

Tiêu chuẩn 21. Kết nối PVCD

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối cộng đồng và cung cấp các dịch vụ PVCD để thực hiện TN và SM của CSGD

Đảng ủy, HĐT chỉ đạo và định hướng cho Nhà trường ban hành các chính sách, xây dựng kế hoạch kết nối và PVCD nhằm thực hiện SM, TN [H1.01.01.18], [H1.01.01.19]. Trong Nghị quyết của Đảng ủy Trường các nhiệm kỳ xác định nhiệm vụ kết nối và PVCD của Trường [H1.01.01.19]. Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 của Nhà trường uôn có chính sách và tập trung triển khai thực hiện các hoạt động kết nối và PVCD [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Trên cơ sở đó, Nhà trường và các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học, trong đó có các nội dung cụ thể về kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và nhằm góp phần thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11], [H1.01.01.03].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về phục vụ cộng đồng và triển khai thực hiện [H21.21.01.01]. Trong Quy định về PVCD của Nhà trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H21.21.01.01]. Nhà trường thông báo Quy định về PVCD của Trường ban hành đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV thực hiện [H21.21.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định ngày công tác xã hội đối với SV và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H21.21.01.02]. Lãnh đạo các đơn vị phổ biến Quy định về PVCD đến CBVC của đơn vị thông qua các cuộc họp giao ban [H1.01.01.08]. Đối với SV, Nhà trường và các đơn vị, các khoa phổ biến Quy định về PVCD, quy định ngày công tác xã hội đối với SV tại Tuần sinh hoạt công dân và thông qua sinh hoạt lớp định kỳ [H1.01.01.10], [H1.01.01.09], [H14.14.03.05]. Ngoài ra, Quy định về PVCD được đăng tải trên website của Trường và của Phòng CTCTSV cũng như niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CVHT [H1.01.01.21], [H17.17.01.05], [H1.01.02.25], [H1.01.02.26], [H21.21.01.03].

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trong đó có thực hiện xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H1.01.01.02], [H3.03.01.03]. Bên cạnh đó, trong Quy định về PVCD của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc trong việc xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H21.21.01.01]. Nhà trường thành lập và ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị, tham gia các hoạt động kết nối và PVCD tuân thủ các quy định của pháp luật như: Viện KH&HTQT, Trung tâm

TVXD, Trung tâm TNXD&MT, Trung tâm ĐTTX, Trung tâm NN-TH, Phòng CTCTSV,... [H3.03.01.02], [H3.03.04.02]. Các lĩnh vực liên quan đến kết nối và PVCĐ của Nhà trường cụ thể như: đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho kỹ sư, CB kỹ thuật ngành xây dựng, kiến trúc, cấp thoát nước, giao thông và các ngành khác Trường đào tạo theo nhu cầu ở địa phương và khu vực; NCKH và CGCN các vấn đề liên quan đến kiến trúc, xây dựng, giao thông,...; tổ chức các hội thảo khoa học về xây dựng, kiến trúc, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin xây dựng nhà ở bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức, tham gia các hoạt động kết nối hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội địa phương, tham gia các hoạt động thiện nguyện [H21.21.01.01]. Các đơn vị tham gia nghiên cứu các đề tài theo hướng ứng dụng để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương và khu vực, đào tạo bồi dưỡng cấp chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ và tin học, bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc lĩnh vực xây dựng cho CBVC, NLĐ có nhu cầu ở khu vực ĐBSCL; ký kết hợp đồng kiểm định chất lượng công trình, thiết kế công trình xây dựng, ký kết hợp đồng thí nghiệm, tham gia thiết kế quy hoạch các khu đô thị, khu dân cư; hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm, tổ chức ngày hội việc làm,... [H3.03.04.05], [H1.01.01.25], [H2.02.02.06], [H1.01.04.05], [H2.02.02.12]. Ngoài ra, đoàn thể như: CĐ, ĐTN, HSV,... có quy chế và hằng năm ban hành chương trình công tác, trong đó có các hoạt động kết nối và PVCĐ như: hiến máu tình nguyện, mùa hè xanh, xây nhà tình nghĩa, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, phòng chống Covid-19,... [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Trung tâm TVXD, Trung tâm TNXD&MT, Trung tâm ĐTTX, Trung tâm NN-TH, Ban TVTS&HN, tổ chức CĐ, ĐTN, HSV, các CLB thuộc Trường có quy định chức năng nhiệm vụ và quy chế hoạt động, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể nhân sự phụ trách việc xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và PVCĐ [H3.03.04.05].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và PVCĐ được thực hiện

Căn cứ nghị quyết của Đảng ủy về kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, Nhà trường đã lãnh đạo các đơn vị có liên quan ban hành các chính sách, kế hoạch hướng dẫn việc kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ để thực hiện SM, TN đạt mục tiêu, đúng tiến độ, đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả [H1.01.01.18], [H1.01.01.19], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Trung tâm TVXD ký kết nhiều hợp đồng tư vấn, thiết kế, giám sát nhiều công trình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và khu vực [H1.01.01.25], [H21.21.02.01]. Trung tâm TNXD&MT ký kết các hợp đồng thực hiện công tác kiểm

định chất lượng, thí nghiệm vật liệu chuyên ngành xây dựng, cấp nước, cầu đường,... [H1.01.01.25], [H21.21.02.02]. Trung tâm NN-TH đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ và tin học cho SV, CBVC, NLĐ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và khu vực ĐBSCL [H1.01.01.25], [H21.21.02.03]. Trung tâm ĐTTX hằng năm bồi dưỡng nghiệp vụ về giám sát, đấu thầu, thi công, sát hạch tay nghề,... cho các cơ quan, doanh nghiệp, đào tạo trình độ ĐH hệ liên thông, VLVH cho học viên trong và ngoài tỉnh Vĩnh Long [H1.01.01.25]. Viện KH&HTQT, Trung tâm TT-TV, Ban biên tập tham mưu cho Nhà trường xuất bản Tạp chí KH&CN, phát hành mỗi năm 4 kỳ, trong đó nhiều bài viết của GV, SV về ứng dụng các giải pháp kỹ thuật trong xây dựng, kiến trúc, cấp nước, kinh tế,... [H18.18.04.03]. Đồng thời, xây dựng kế hoạch và tổ chức nhiều hội thảo khoa học liên quan đến những vấn đề chuyên môn ngành nghề Trường đang đào tạo [H1.01.01.12]. Trường liên kết đào tạo và NCKH với các CSGD ĐH, doanh nghiệp trong nước và quốc tế nhằm kết nối, PVCD [H8.08.03.03]. Hằng năm, Nhà trường hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn trên địa bàn, nhận phụng dưỡng suốt đời 02 Mẹ Việt Nam anh hùng [H1.01.02.09], [H1.01.02.18]. CĐ trường tổ chức vận động CBVC các quỹ từ thiện, nhân đạo, thăm hỏi tặng quà các gia đình chính sách, các gia đình bị thiên tai lũ lụt, tham gia chương trình hiến máu tình nguyện,... [H1.01.02.09], [H1.01.02.18]. ĐTN phối hợp tổ chức "Ngày hội việc làm" nhằm kết nối giữa SV với các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuyển dụng, SV có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, tổ chức ký kết biên bản ghi nhớ giữa Nhà trường và các doanh nghiệp hỗ trợ SV trong học tập, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn nhân lực có chất lượng tại Trường [H1.01.02.10], [H1.01.02.19]. ĐTN, HSV tích cực tham gia "Chiến dịch mùa hè xanh", về các xã vùng sâu vùng xa giúp địa phương làm đường bê tông, xây nhà, làm sân bóng chuyền, hướng dẫn ôn tập hè, quyên góp đồ dùng, sách vở dụng cụ học tập tặng cho các em thiếu nhi,... tham gia chương trình hiến máu tình nguyện do Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh Vĩnh Long phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh Vĩnh Long tổ chức, tổ chức cho các đoàn viên thanh niên Nhà trường vệ sinh vỉa hè đường phố, tổ chức ngày tình nguyện, chương trình tiếp sức mùa thi,... [H1.01.02.10], [H1.01.02.11], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20], [H5.05.04.01], [H17.17.02.08]. ĐTN, HSV phối hợp các địa phương tổ chức quốc tế thiếu nhi 1/6, trung thu,... cho các em tại một số địa phương thuộc tỉnh Vĩnh Long, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, hỗ trợ tích cực cho địa phương: Hỗ trợ học tập, đời sống cho thanh thiếu nhi bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, hỗ trợ nhân dân khai báo y tế điện tử, quét mã QR code, trực chốt phòng chống dịch trên địa bàn thành phố Vĩnh Long,..., [H17.17.02.08].

Trong quá trình xây dựng văn bản Quy định về PVCD và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, Nhà trường tham khảo và tuân thủ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản khác của pháp luật [H21.21.01.01]. Tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để thông qua văn bản quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, các thành viên dự họp chú trọng và xem xét sự tuân thủ các văn bản quy định của pháp luật [H1.01.01.15]. Trong giai đoạn 2019-2023, các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường thực hiện luôn đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí hằng năm, đầu tư CSVC, trang thiết bị để tăng cường cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng [H2.02.01.29], [H4.04.02.01], [H7.07.02.06]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, SV đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng hằng năm với mức độ hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Nhà trường, các đơn vị trực thuộc và CB, GV, NV, SV trong giai đoạn 2019-2023 đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động kết nối và PVCD [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và PVCD

Bên cạnh việc ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn hoạt động kết nối và PVCD, Nhà trường triển khai hệ thống đo lường, giám sát hoạt động thông qua các chỉ tiêu, chỉ số đánh giá kết quả hoạt động kết nối và PVCD thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu cụ thể của hoạt động kết nối và PVCD thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường, của các đơn vị và được sử dụng để đánh giá cuối mỗi năm học [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Ngoài ra, trong Quy định về PVCD có nội dung chi tiết về hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) đánh giá kết quả hoạt động kết nối và PVCD của Trường [H21.21.01.01]. Chỉ số về KH&CN và HTQT được thể hiện qua số lượng các đề tài NCKH của CBVC, NLĐ và SV đạt giải các cấp; Số lượng bài báo khoa học công bố trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế; Thống kê chỉ số tác động với cộng đồng học thuật (IF) của các

bài báo khoa học; Số lượng các sinh hoạt học thuật với SV, GV nước ngoài; Bảng kê/Báo cáo tài chính về hoạt động NCKH; Số lượng các biên bản ghi nhớ hợp tác và các dự án được ký kết; Số lượng các chương trình giao lưu quốc tế; Số lượng CBVC, SV tham gia; Phản hồi của CBVC, SV sau tham gia; Số lượng các CSGD ĐH ký kết hợp tác đào tạo tại Trường [H21.21.01.01], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Đối với hoạt động tình nguyện, hệ thống đo lường, giám sát được hiển thị rõ bằng: Số lượng CBVC, SV tham gia; số lượng và trị giá các công trình tình nguyện; số lượng SV nhận giấy chứng nhận tham gia các hoạt động; số lượng giải thưởng; số lượng CBVC, SV được khen thưởng; số lượng các chương trình tình nguyện được Nhà trường triển khai thực hiện; số lượng các lớp liên kết đào tạo với các tỉnh thành; số lượng các đơn vị, nhà tài trợ; nguồn kinh phí tài trợ [H21.21.01.01], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Hoạt động hợp tác doanh nghiệp được giám sát, đo lường với các số liệu thống kê: Số hợp đồng được ký kết thiết kế, đào tạo bồi dưỡng, giám sát, kiểm định công trình, thí nghiệm,...; số lượng chương trình, hội thảo phối hợp với doanh nghiệp tổ chức cho SV; số lượng SV đăng ký tham gia; số lượng doanh nghiệp phối hợp; số lượng doanh nghiệp ký kết hợp tác với Nhà trường; kết quả khảo sát doanh nghiệp về CTĐT; kết quả khảo sát cựu SV đang làm việc tại các doanh nghiệp, SV thực tập tại các doanh nghiệp [H21.21.01.01], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Đối với hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, số liệu đo lường và giám sát được thực hiện thông qua: Số lượng báo, đài, các đối tác phối hợp với Nhà trường tổ chức hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cộng đồng; thống kê số lượng CBVC tham gia tư vấn, hướng nghiệp; thống kê số lượng trường THPT, tỉnh/thành, học sinh được Nhà trường triển khai công tác tư vấn, hướng nghiệp [H21.21.01.01], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25].

CSDL về hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ. CSDL trên phần mềm, máy tính và dưới dạng văn bản được lưu trữ tổng hợp tại Phòng TCHC và các đơn vị, tổ chức có liên quan về kế hoạch, các bên tham gia; các đóng góp cho xã hội; các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao [H7.07.01.06], [H21.21.03.01], [H4.04.02.01]. CSDL về hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường được cập nhật và báo cáo tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị [H7.07.01.06], [H21.21.03.01], [H4.04.02.01], [H1.01.01.15].

Công tác đo lường, giám sát hoạt động kết nối và PVCD được thể hiện thông qua hệ thống TĐG (đánh giá nội bộ) và tiến tới ĐGN [H21.21.01.01]. Hệ thống TĐG được vận hành dựa trên chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị mô tả công

việc, phân công nhiệm vụ mỗi bộ phận, cá nhân để có trách nhiệm tự theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện, kết quả đạt được [H21.21.01.01]. Để tiến trình TĐG đạt hiệu quả, trong kế hoạch hằng năm các đơn vị đề ra mục tiêu kèm theo chỉ số (số lượng/tỷ lệ phần trăm) và các chỉ số hoạt động là công cụ đo lường mức độ hoàn thành, hiệu quả hoạt động [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Theo đó, việc triển khai thực hiện các chương trình hành động được CB chuyên trách các đơn vị theo dõi, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện thông qua báo cáo tháng, báo cáo năm Nhà trường và của các đơn vị [H2.02.02.12], [H2.02.02.13], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Ban TTND giám sát các hoạt động của Nhà trường và báo cáo kết quả giám sát trong hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.01.07].

Đối với CBVC, NLD, Nhà trường ban hành nhiều quy định đánh giá viên chức, xếp loại thi đua hằng năm xem xét đến tiêu chí các hoạt động công tác xã hội như tham gia quản lý, hướng dẫn SV trong “Chiến dịch mùa hè xanh”, “Xây nhà tình nghĩa”, xây nhà “Nhà nhân ái” cho đồng bào khó khăn; các hoạt động hiến máu tình nguyện, quyên góp ủng hộ các gia đình khó khăn, tặng học bổng cho SV vượt khó học tốt,... [H21.21.01.01], [H2.02.03.12], [H6.06.03.01]. Đối với SV, Nhà trường ban hành phiếu đánh giá điểm rèn luyện trong đó có tiêu chí các hoạt động tình nguyện như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hiến máu tình nguyện; SV tham gia các CLB;... được xem xét cộng điểm rèn luyện trong quá trình đánh giá [H15.15.04.02]. Nhà trường ban hành quy định ngày công tác xã hội nhằm giúp SV ý thức về trách nhiệm của mình đối với cộng đồng xã hội và làm cơ sở xét tốt nghiệp ra trường cho SV [H21.21.01.02]. Những SV tham gia NCKH, các cuộc thi thiết kế công trình kiến trúc xây dựng hướng về cộng đồng, các cuộc thi Olympic căn cứ trên giải thưởng được cộng điểm trong học tập và rèn luyện [H18.18.01.04]. Những SV có thành tích học tập, hoạt động Đoàn - Hội, tham gia công tác thiện nguyện vì cộng đồng tốt được đề cử Trung ương ĐTN, HSV, Tỉnh đoàn Vĩnh Long, HSV tỉnh, Nhà trường trao giải thưởng “SV 5 tốt”, “Sao tháng giêng” [H17.17.03.01]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, SV đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng hằng năm với mức độ hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Hằng năm, kế hoạch hoạt động kết nối và PVCD được lồng ghép vào phương

hướng nhiệm vụ năm học của Nhà trường và các đơn vị, chương trình công tác năm học của CĐ, ĐTN, HSV [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Nhà trường gửi kế hoạch năm học đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Thông qua họp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường triển khai để các đơn vị thực hiện kế hoạch hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.01.01.15]. Lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao ban của đơn vị thường xuyên phổ biến đến CBVC kế hoạch kết nối và PVCĐ của Trường và quán triệt để họ tích cực tham gia [H1.01.01.08]. Nhà trường và các đơn vị phổ biến đến SV kế hoạch kết nối và PVCĐ của Trường thông qua tuần sinh hoạt công dân SV và các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.01.10], [H1.01.01.09].

Căn cứ kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCĐ được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị, báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm, Nhà trường và các đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động kết nối và PVCĐ được thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo cũng như kế hoạch tháng kế tiếp [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H2.02.02.06], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Nhà trường thành lập mới các đơn vị để đẩy mạnh triển khai hoạt động kết nối và PVCĐ, trong đó tháng 02/2021, Nhà trường thành lập Ban TVTS&HN với nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác tuyển sinh, hướng nghiệp, khởi nghiệp, phương thức quảng bá thông tin tuyển sinh của Nhà trường, thành lập Ban TTPC, Ban CVHT [H3.03.04.03], [H5.05.02.03]. Nhà trường ban hành điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản về chính sách kết nối và PVCĐ như: Quy định quản lý hoạt động KH&CN, quy định ngày công tác xã hội của SV, quy trình đánh giá điểm rèn luyện của SV,... [H12.12.01.03], [H21.21.01.02], [H15.15.04.02],... Nhà trường thành lập Ban chuyên trách triển khai thực hiện bảng vàng cựu HSSV thành đạt qua các thời kỳ và bảng vàng SV có thành tích xuất sắc và xuất bản bài hát truyền thống Trường ĐHXDMT [H21.21.04.01], [H21.21.04.02]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ [H2.02.01.29], [H4.04.02.01].

Các hoạt động dịch vụ, kết nối và PVCĐ của Nhà trường hằng năm được khảo sát ý kiến các bên liên quan [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, SV đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng với trên 90% ý kiến hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H1.01.01.14]. Các hoạt động này mang lại hiệu quả thiết thực nên được CBVC, NLĐ, SV hài lòng và hưởng ứng

tích cực [H21.21.03.01]. Những hoạt động quyên góp cho các quỹ vì người nghèo, từ thiện, mùa hè xanh, hiến máu tình nguyện,... được đông đảo CBVC, NLĐ và SV tham gia [H21.21.03.01]. Đặc biệt các hoạt động kết nối và PVCD của các đoàn thể trong Nhà trường được các đơn vị, địa phương ghi nhận và đánh giá cao [H21.21.03.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường và các đơn vị, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 21

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đặc biệt quan tâm chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt công tác kết nối, PVCD và cung cấp các dịch vụ.

- Các hoạt động kết nối, PVCD và cung cấp các dịch vụ được Nhà trường xây dựng các chính sách phù hợp, thúc đẩy các đơn vị, đoàn thể triển khai hàng năm theo kế hoạch.

- Các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD góp phần đạt được sứ mạng, tầm nhìn đã xác định.

- Kết quả thực hiện kết nối, PVCD và cung cấp dịch vụ được các đơn vị, đoàn thể đánh giá, rà soát hàng năm dựa trên các tiêu chí về số lượng và chất lượng.

- Nhà trường sử dụng các chỉ số đo lường hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng để đánh giá kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường và của các đơn vị.

- Nhà trường đánh giá, cải tiến các hoạt động dịch vụ, kết nối và PVCD. Từ đó, hoạt động này của Nhà trường được các đơn vị và nhân dân địa phương đánh giá cao.

- Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, SV đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng thể hiện mức độ hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan bên ngoài về công tác kết nối và PVCD đôi lúc còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan bên ngoài về công tác kết nối và PVCD.	CĐ, ĐTN, HSV	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường chủ động lập kế hoạch cho công tác kết nối và PVCD.	CĐ, ĐTN, HSV, các đơn vị	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục triển khai các chính sách về hoạt động kết nối, phục vụ và cung cấp các dịch vụ cộng đồng.	CĐ, ĐTN, HSV, các đơn vị	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD.	CĐ, ĐTN, HSV, các đơn vị	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tăng cường đánh giá, rà soát định kỳ các hoạt động kết nối, PVCD và cung cấp dịch vụ.	CĐ, ĐTN, HSV, các đơn vị	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục triển khai sử dụng các chỉ số đo lường hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng.	CĐ, ĐTN, HSV, các đơn vị	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tăng cường cải tiến các hoạt động dịch vụ, kết nối và PVCD.	CĐ, ĐTN, HSV, các đơn vị	Hàng năm	
8	Phát huy	Tiếp tục triển khai về kết quả thực hiện các hoạt	KT&ĐBCL CTCTSV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 7	động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng.	ĐTN		

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	5,0
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	5

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Năm 2018, Trường ĐHXDMT tuyển sinh đào tạo trình độ ĐH 8 ngành: Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Kế toán, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cấp thoát nước và Kỹ thuật môi trường [H7.07.04.05]. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và các điều kiện ĐBCL, hằng năm, Trường lập kế hoạch đào tạo để tổ chức và quản lý các hoạt động dạy và học [H13.13.02.02], [H13.13.02.05], [H14.14.03.02]. Kế hoạch đào tạo hằng năm được xây dựng theo quy trình cụ thể là: Phòng QLĐT lập dự thảo; chuyển đến các Khoa, Bộ môn thảo luận, bố trí kế hoạch GV; phản hồi kết quả, tổng hợp ý kiến đóng góp; tổ chức họp thông qua kế hoạch; điều chỉnh, trình Hiệu trưởng ký ban hành; công bố chính thức, phát hành đến tất cả các bên liên quan [H1.01.01.08], [H1.01.01.15], [H14.14.03.02]. Phòng QLĐT sử dụng phần mềm QLĐT theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học các ngành đào tạo; tỷ lệ học lại, thi lại các học phần [H7.07.01.06]. Dựa trên số liệu thống kê hằng năm của Phòng QLĐT, tại cuộc họp thông qua kế hoạch đào tạo hằng năm, BGH Nhà trường và BCN các khoa

thống nhất tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (không tính thời gian được kéo dài), tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT và thể hiện trong kế hoạch đào tạo, trên cơ sở đó ban hành kế hoạch đào tạo năm học [H1.01.01.15], [H14.14.03.02]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và đăng tải trên website của Trường, của Phòng QLĐT và niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H14.14.03.02], [H1.01.01.21], [H13.13.01.08], [H1.01.02.25], [H1.01.02.26]. Bên cạnh đó, Nhà trường và các khoa phổ biến đến GV thông qua các cuộc họp của đơn vị và đến SV thông qua Tuần sinh hoạt công dân SV, các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.01.08], [H1.01.01.10], [H1.01.01.09].

Đối với tân SV ngay khi nhập học được Nhà trường cung cấp Sổ tay SV trong đó thể hiện CTĐT, CTDH cụ thể cho từng học phần, từng học kỳ, từng năm học để SV và Phòng QLĐT có thể theo dõi tiến độ học tập theo thời gian và điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp với yêu cầu của mỗi giai đoạn đào tạo trong chương trình [H1.01.02.26]. Tất cả CTĐT, dữ liệu học tập của SV được quản lý, lưu trữ và cập nhật trên hệ thống phần mềm QLĐT [H7.07.01.06]. Nhà trường quản lý kết quả đào tạo của SV dựa trên quy chế của Bộ GD&ĐT và quy chế đào tạo của Nhà trường, qua đó tỷ lệ SV đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của SV trong Nhà trường được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến qua mỗi học kỳ [H14.14.03.06], [H12.12.01.01]. Sau mỗi học kỳ, năm học, Phòng QLĐT kết hợp với các đơn vị tổ chức xét học vụ để đánh giá kết quả học tập của SV trong học kỳ, qua đó thống kê, xếp loại kết quả học tập; thống kê tỷ lệ SV đạt yêu cầu, SV thuộc diện cảnh báo học vụ, SV phải học cải thiện, học lại; SV buộc thôi học [H15.15.04.05], [H16.16.03.02]. Sau khi xếp loại kết quả học tập, Phòng QLĐT lập danh sách SV thuộc diện phải học lại, tổ chức xây dựng kế hoạch học lại và tổ chức triển khai, giám sát việc học lại của SV [H14.14.03.02]. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch tốt nghiệp cho từng khóa, từng ngành đào tạo; trước khi tổ chức làm đồ án tốt nghiệp, SV đăng ký thực hiện đồ án tốt nghiệp, qua đó xác định được tỷ lệ SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp, SV không đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp; sau khi có kết quả đồ án tốt nghiệp, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp và báo cáo tổng kết khóa học qua đó thống kê được tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường [H17.17.02.02], [H17.17.02.03]. Để giám sát kết quả học tập của SV, Nhà trường giao nhiệm vụ Phòng CTCTSV, Ban CVHT thường xuyên kiểm tra giám sát việc học tập của SV cho từng học phần, từng tháng, từng học kỳ, từng năm học được thể hiện qua các biên bản họp lớp, sổ tay CVHT, các thông báo gửi về gia đình, địa phương [H3.03.01.02], [H3.03.04.03], [H1.01.01.09], [H22.22.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thành lập tổ giám sát, theo dõi hoạt

động học tập, rèn luyện, khối lượng học tập, thời gian tốt nghiệp của SV [H22.22.01.02].

Hàng năm, căn cứ kết quả học tập, kết quả tốt nghiệp, Phòng QLĐT thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT; tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần so với tỷ lệ đã dự đoán trong kế hoạch năm học của Nhà trường [H22.22.01.03]. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT; tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần so với năm học trước và so với các trường ĐH khác [H22.22.01.03]. Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT; tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần được gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại học phần [H22.22.01.03].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác đào tạo, trong đó có tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các học phần [H16.16.04.01]. Căn cứ kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT; tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần, BGH Nhà trường hợp với lãnh đạo các đơn vị để có dụng các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại học phần [H1.01.01.15]. Bên cạnh đó, BGH Nhà trường hợp với đội ngũ CVHT nhằm tìm kiếm biện pháp giúp SV cải thiện kết quả học tập [H22.22.01.04]. Các nội dung cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại học phần được thể hiện trong kết luận giao ban cuộc họp, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H2.02.02.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT theo định hướng ứng dụng, mở mới CTĐT trình độ ThS ngành Kỹ thuật Xây dựng, điều chỉnh phương thức đánh giá phù hợp với nội dung học phần trong ĐCCT học phần, đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy và KTĐG của GV, tạo dựng môi trường học tập đa dạng và tích cực, cải thiện phần mềm QLĐT, tăng cường tài liệu, giáo trình học tập, trang thiết bị cho thư viện để phục vụ tốt cho nhu cầu SV,... [H14.14.01.03], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.07], [H15.15.03.01], [H16.16.01.07], [H15.15.03.02], [H1.01.02.15], [H7.07.01.06], [H7.07.04.08]. Hàng năm, Nhà trường dành kinh phí cho các hoạt động cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại học phần [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ

tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại học phần [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hàng năm, Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo, trong đó Phòng QLĐT lập dự thảo; chuyển đến các Khoa, Bộ môn thảo luận, bố trí kế hoạch GV; phản hồi kết quả, tổng hợp ý kiến đóng góp; tổ chức họp thông qua kế hoạch; điều chỉnh, trình Hiệu trưởng ký ban hành; công bố chính thức, phát hành đến tất cả các bên liên quan [H1.01.01.08], [H1.01.01.15], [H14.14.03.02]. Phòng QLĐT sử dụng phần mềm QLĐT theo dõi, giám sát, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT [H7.07.01.06]. Dựa trên số liệu thống kê hàng năm của Phòng QLĐT, tại cuộc họp thông qua kế hoạch đào tạo hàng năm, BGH Nhà trường và BCN các khoa thống nhất thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT và thể hiện trong kế hoạch đào tạo, trên cơ sở đó ban hành kế hoạch đào tạo năm học [H1.01.01.15], [H14.14.03.02]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và đăng tải trên website của Trường, của Phòng QLĐT và niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H14.14.03.02], [H1.01.01.21], [H13.13.01.08], [H1.01.02.25], [H1.01.02.26]. Bên cạnh đó, Nhà trường và các khoa phổ biến đến GV thông qua các cuộc họp của đơn vị và đến SV thông qua Tuần sinh hoạt công dân SV, các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.01.08], [H1.01.01.10], [H1.01.01.09].

Đối với tân SV ngay khi nhập học được Nhà trường cung cấp Sổ tay SV trong đó thể hiện CTĐT, CTDH cụ thể cho từng học phần, từng học kỳ, từng năm học để SV và Phòng QLĐT có thể theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT và điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp với yêu cầu của mỗi giai đoạn đào tạo trong chương trình, từ đó rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H1.01.02.26]. Tất cả CTĐT, dữ liệu học tập của SV, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT được quản lý, lưu trữ và cập nhật trên hệ thống phần mềm QLĐT [H7.07.01.06]. Nhà trường quản lý thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT dựa trên quy chế của Bộ GD&ĐT và quy chế đào tạo của Nhà trường, qua đó thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến qua mỗi học kỳ [H14.14.03.06], [H12.12.01.01]. Sau mỗi học kỳ, năm học, Phòng QLĐT kết hợp với các đơn vị tổ chức xét học vụ để đánh giá kết quả học tập của SV [H15.15.04.05], [H16.16.03.02]. Bên cạnh đó, hàng năm, căn cứ kế hoạch đào

tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch tốt nghiệp cho từng khóa, từng ngành đào tạo; trước khi tổ chức làm đồ án tốt nghiệp, SV đăng ký thực hiện đồ án tốt nghiệp, qua đó xác định được tỷ lệ SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp, SV không đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp; sau khi có kết quả đồ án tốt nghiệp, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp và báo cáo tổng kết khóa học qua đó thống kê được tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường [H17.17.02.02], [H17.17.02.03]. Để giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCTSV, Ban CVHT thường xuyên kiểm tra giám sát việc học tập của SV cho từng học phần, từng tháng, từng học kỳ, từng năm học được thể hiện qua các biên bản họp lớp, sổ tay CVHT, các thông báo gửi về gia đình, địa phương [H3.03.01.02], [H3.03.04.03], [H1.01.01.09], [H22.22.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thành lập tổ giám sát, theo dõi hoạt động học tập, rèn luyện, khối lượng học tập, thời gian tốt nghiệp của SV [H22.22.01.02].

Bảng 22.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình trình độ ĐH

Khóa học	Số năm thiết kế theo CTĐT	Số năm tốt nghiệp trung bình	Số năm SV tốt nghiệp tối đa
2013-2018	5 năm	5,2 năm	5,2 năm
2014-2019	5 năm	5,1 năm	5,2 năm
2015-2020	5 năm	4,8 năm	5,2 năm
2016-2021	5 năm	5,0 năm	5,3 năm
2017-2022	5 năm	5,1 năm	5,2 năm

Hàng năm, căn cứ kết quả học tập, kết quả tốt nghiệp, Phòng QLĐT thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT so với thời gian tốt nghiệp trung bình đã dự đoán trong kế hoạch năm học của Nhà trường [H22.22.02.01]. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT so với năm học trước, giữa các CTĐT của Nhà trường và so với các trường ĐH khác [H22.22.02.01]. Kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT được gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để tăng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.02.01].

Nhà trường luôn quan tâm đến thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT nhằm đảm bảo quyền lợi cho SV, rút ngắn thời gian đào tạo, trong đó đặc biệt quan tâm, theo dõi, giám sát SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp đúng thời gian thiết kế của CTĐT để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp; quan tâm khuyến khích SV có điều kiện đăng ký học vượt theo đúng quy định [H17.17.02.03]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác đào tạo, trong đó có tổng kết, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT [H16.16.04.01]. Căn cứ kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để có dụng các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.01.01.15]. Bên cạnh đó, BGH Nhà trường họp với đội ngũ CVHT nhằm tìm kiếm biện pháp giúp SV cải thiện kết quả học tập để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.01.04]. Các nội dung cải tiến chất lượng phù hợp để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thể hiện trong kết luận giao ban cuộc họp, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H2.02.02.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT theo định hướng ứng dụng, mở mới CTĐT trình độ ThS ngành Kỹ thuật Xây dựng, điều chỉnh phương thức đánh giá phù hợp với nội dung học phần trong ĐCCT học phần, đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy và KTĐG của GV, tạo dựng môi trường học tập đa dạng và tích cực, cải thiện phần mềm QLĐT, tăng cường tài liệu, giáo trình học tập, trang thiết bị cho thư viện để phục vụ tốt cho nhu cầu SV,... [H14.14.01.03], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.07], [H15.15.03.01], [H16.16.01.07], [H15.15.03.02], [H1.01.02.15], [H7.07.01.06], [H7.07.04.08]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho các hoạt động cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Kế hoạch đào tạo hằng năm của Nhà trường được xây dựng khoa học, đảm bảo các nguyên lý chung cho công tác quản lý kế hoạch, trong đó kế hoạch đào tạo

có xác định, có dự đoán được tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.01.01.08], [H1.01.01.15], [H14.14.03.02]. Ngoài ra, theo quy định của Bộ GD&ĐT, hằng năm, Nhà trường công bố công khai trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng của tất cả các ngành đào tạo trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H13.13.01.01], [H1.01.01.21], [H22.22.03.01]. Phòng QLĐT sử dụng phần mềm QLĐT theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H7.07.01.06]. Dựa trên số liệu thống kê hằng năm của Phòng QLĐT, tại cuộc họp thông qua kế hoạch đào tạo hằng năm, BGH Nhà trường và BCN các khoa thống nhất tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT và thể hiện trong kế hoạch đào tạo, trên cơ sở đó ban hành kế hoạch đào tạo năm học [H1.01.01.15], [H14.14.03.02]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và đăng tải trên website của Trường, của Phòng QLĐT và niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H14.14.03.02], [H1.01.01.21], [H13.13.01.08], [H1.01.02.25], [H1.01.02.26]. Bên cạnh đó, Nhà trường và các khoa phổ biến đến GV thông qua các cuộc họp của đơn vị và đến SV thông qua Tuần sinh hoạt công dân SV, các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.01.08], [H1.01.01.10], [H1.01.01.09].

Đối với tân SV ngay khi nhập học được Nhà trường cung cấp Sổ tay SV trong đó thể hiện CTĐT, CTDH cụ thể cho từng học phần, từng học kỳ, từng năm học để SV và Phòng QLĐT có thể biết rõ vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và phân đầu có việc làm và việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H1.01.02.26]. Tất cả CTĐT, dữ liệu học tập của SV, tỷ lệ việc làm có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được quản lý, lưu trữ và cập nhật trên hệ thống phần mềm QLĐT [H7.07.01.06]. Nhà trường quản lý tỷ lệ việc làm có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT dựa trên quy chế của Bộ GD&ĐT và quy chế đào tạo của Nhà trường, qua đó tỷ lệ việc làm có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến qua mỗi học kỳ [H14.14.03.06], [H12.12.01.01]. Sau mỗi học kỳ, năm học, Phòng QLĐT kết hợp với các đơn vị tổ chức xét học vụ để đánh giá kết quả học tập của SV [H15.15.04.05], [H16.16.03.02]. Bên cạnh đó, hằng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch tốt nghiệp cho từng khóa, từng ngành đào tạo; trước khi tổ chức làm đồ án tốt nghiệp, SV đăng ký thực hiện đồ án tốt nghiệp, qua đó xác định được tỷ lệ SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp, SV không đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp; sau khi có kết quả đồ án tốt nghiệp, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp và báo cáo tổng kết khóa học qua đó thống kê được tỷ lệ SV tốt nghiệp

ra trường [H17.17.02.02], [H17.17.02.03]. Để giám sát tỷ lệ việc làm có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCTSV, Ban CVHT thường xuyên kiểm tra giám sát việc học tập của SV cho từng học phần, từng tháng, từng học kỳ, từng năm học được thể hiện qua các biên bản họp lớp, sổ tay CVHT, các thông báo gửi về gia đình, địa phương [H3.03.01.02], [H3.03.04.03], [H1.01.01.09], [H22.22.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thành lập tổ giám sát, theo dõi hoạt động học tập, rèn luyện, khối lượng học tập, thời gian tốt nghiệp của SV [H22.22.01.02].

Hàng năm, theo định kỳ, Nhà trường khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Phương pháp khảo sát chủ yếu dựa vào các phiếu thăm dò từ các đơn vị, doanh nghiệp có sử dụng nhân lực là SV tốt nghiệp từ Trường; khảo sát qua phỏng vấn; khảo sát qua các phương tiện thông tin đại chúng [H1.01.01.14]. Qua kết quả khảo sát, thăm dò gần đây cho thấy tỷ lệ có việc làm trong vòng một năm sau khi tốt nghiệp đạt 99,93%, trong đó 98,59% đúng chuyên môn; tỷ lệ có việc làm trong vòng 03 năm sau khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ 100%, trong đó 99,29% làm đúng chuyên môn [H1.01.01.14].

Công tác xác lập thông tin SV sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm được Nhà trường giao Phòng CTCTSV thực hiện [H3.03.01.02]. Hàng năm, căn cứ kết quả học tập, kết quả tốt nghiệp, Phòng CTCTSV thực hiện đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT so với tỷ lệ có việc làm đã dự đoán trong kế hoạch năm học của Nhà trường [H22.22.03.02]. Bên cạnh đó, Phòng CTCTSV thực hiện đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của khóa sau so với khóa trước của cùng CTĐT [H22.22.03.02]. Ngoài ra, Phòng CTCTSV thực hiện đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT với các CTĐT tương ứng trong nước của các trường ĐH khác [H22.22.03.02]. Kết quả đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để có các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.03.02].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác đào tạo, trong đó có tổng kết, đánh giá tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H16.16.04.01]. Căn cứ kết quả đối sánh tỷ lệ SV có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt

nghiệp của tất cả các CTĐT, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để có dụng các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.01.01.15]. Các nội dung cải tiến chất lượng phù hợp để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thể hiện trong kết luận giao ban cuộc họp, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H2.02.02.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT theo định hướng ứng dụng, mở mới CTĐT trình độ ThS ngành Kỹ thuật Xây dựng, điều chỉnh phương thức đánh giá phù hợp với nội dung học phần trong ĐCCT học phần, đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy và KTĐG của GV, tạo dựng môi trường học tập đa dạng và tích cực, cải thiện phần mềm QLĐT, tăng cường tài liệu, giáo trình học tập, trang thiết bị cho thư viện để phục vụ tốt cho nhu cầu SV,... [H14.14.01.03], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.07], [H15.15.03.01], [H16.16.01.07], [H15.15.03.02], [H1.01.02.15], [H7.07.01.06], [H7.07.04.08]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội thảo tư vấn giới thiệu việc làm, tập huấn kỹ năng xin việc, tham gia ngày hội việc làm của các cấp,... [H17.17.02.03]. Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt quá trình đào tạo trang bị kiến thức, kỹ năng mềm tăng cường khả năng tìm kiếm việc làm cho SV [H7.07.02.06]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho các hoạt động cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Ngoài ra, Nhà trường tham gia Câu lạc bộ Khối đào tạo Xây dựng - Kiến trúc (thuộc hiệp hội các trường ĐH, CĐ) [H22.22.03.03]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 6/7.

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường rất quan tâm đến mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng SV tốt nghiệp được đào tạo tại Trường, các đơn vị được giao nhiệm vụ theo dõi, khảo sát, nắm bắt mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng SV tốt nghiệp gồm Phòng KT&ĐBCL và Phòng CTCTSV [H3.03.01.02], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Định kỳ, các đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi mức độ hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp

của nhà tuyển dụng theo quy định [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường có xác định, dự đoán mức độ hài lòng của các bên liên quan (cựu người học, GV, nhà sử dụng lao động, cán bộ quản lý) về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H14.14.03.02]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và đăng tải trên website của Trường, của Phòng QLĐT và niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H14.14.03.02], [H1.01.01.21], [H13.13.01.08], [H1.01.02.25], [H1.01.02.26]. Bên cạnh đó, Nhà trường và các khoa phổ biến đến GV thông qua các cuộc họp của đơn vị và đến SV thông qua Tuần sinh hoạt công dân SV, các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.01.08], [H1.01.01.10], [H1.01.01.09].

Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin về sự hài lòng đối với chất lượng SV tốt nghiệp của tất cả CTĐT; đã xây dựng quy định về công tác khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp, trong đó có quy định quy trình khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng của các nhà tuyển dụng [H1.01.01.13]. Đối tượng các nhà tuyển dụng được khảo sát thường là các cựu SV thành đạt của Nhà trường thông qua công cụ là các phiếu khảo sát có nội dung đánh giá về chất lượng, mức độ phù hợp của từng CTĐT qua đó cựu SV đóng góp ý kiến về CTĐT cũng như những đề xuất cải tiến [H1.01.01.13], [H1.01.01.14].

Dựa vào kế hoạch được phê duyệt, định kỳ Nhà trường thực hiện khảo sát, đánh giá về mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Phòng CTCTSV tiến hành khảo sát cựu SV qua thư điện tử, điện thoại và mạng xã hội sau đó tổng hợp dữ liệu để tham mưu, kiến nghị Nhà trường xem xét chỉ đạo các đơn vị đề ra những giải pháp phù hợp [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Nhà trường tiếp thu ý kiến của đại biểu tham dự hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, các ý kiến của CB, GV, NV tại hội nghị CBVC hằng năm và ý kiến của SV thông qua đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với SV hằng năm [H1.01.01.12], [H1.01.01.07], [H1.01.01.11].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H3.03.01.02]. Trong quy định khảo sát ý kiến phản hồi các bên có liên quan của Nhà trường ban hành có yêu cầu giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H1.01.01.13]. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng ĐBCL&KT, đồng

thời thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07].

Hằng năm, Phòng KT &ĐBCL thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H22.22.04.01]. Bên cạnh đó, Phòng KT &ĐBCL thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của khóa sau so với khóa trước của tất cả CTĐT của Nhà trường [H22.22.04.01]. Kết quả đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường được gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.01].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, điều chỉnh dự đoán mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp được thể hiện trong kế hoạch đào tạo năm học [H1.01.01.15], [H14.14.03.02]. Các nội dung cải tiến chất lượng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thể hiện trong kết luận giao ban cuộc họp, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H2.02.02.07], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT theo định hướng ứng dụng, mở mới CTĐT trình độ ThS ngành Kỹ thuật Xây dựng, điều chỉnh phương thức đánh giá phù hợp với nội dung học phần trong ĐCCT học phần, đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy và KTĐG của GV, tạo dựng môi trường học tập đa dạng và tích cực, cải thiện phần mềm QLĐT, tăng cường tài liệu, giáo trình học tập, trang thiết bị cho thư viện để phục vụ tốt cho nhu cầu SV,... [H14.14.01.03], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.07], [H15.15.03.01], [H16.16.01.07], [H15.15.03.02], [H1.01.02.15], [H7.07.01.06], [H7.07.04.08]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội thảo tư vấn giới thiệu việc làm, tập huấn kỹ năng xin việc, tham gia ngày hội việc làm của các cấp,... [H17.17.02.03]. Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt quá trình đào tạo trang bị kiến thức, kỹ năng mềm tăng cường khả năng tìm kiếm việc làm cho SV [H7.07.02.05], [H7.07.02.06]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho các hoạt động cải tiến chất lượng để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất

lượng của người học sau tốt nghiệp [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 22

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Công tác quản lý kết quả đào tạo của Nhà trường khoa học, kết quả học tập của SV được phân tích, thống kê, đánh giá lưu trữ đầy đủ, đúng quy định.

- Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV sử dụng phần mềm QLĐT để phân tích, dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

- Tỷ lệ SV đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh, triển khai các giải pháp cải tiến nhằm mục tiêu giảm thời gian đào tạo của CTĐT.

- Khả năng có việc làm của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh, triển khai các giải pháp cải tiến nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm.

- Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng SV tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh, triển khai các giải pháp cải tiến nhằm mục tiêu ĐBCL đào tạo, giúp SV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với yêu cầu xã hội.

- Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học, rút ngắn thời gian trung bình để tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường.

- Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp các CTĐT của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Sự phối hợp triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất

lượng SV tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của tất cả các CTĐT đôi lúc chưa đồng bộ.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường phối hợp triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng SV tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của tất cả các CTĐT.	CTCTSV	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện công tác thống kê, phân tích, đánh giá kết quả đào tạo.	QLĐT, CTCTSV	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phân tích, dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.	QLĐT, CTCTSV	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của các học phần, CTĐT.	QLĐT, CTCTSV, các Khoa	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tăng cường kiểm tra, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT.	QLĐT	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục triển khai các biện pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành.	QLĐT, các Khoa	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục tăng cường quan hệ với các doanh nghiệp	QLĐT, CTCTSV, các Khoa	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục triển khai các biện pháp cải tiến nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.	QLĐT, CTCTSV, các Khoa	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục khảo sát ý kiến cựu SV, doanh nghiệp về chất lượng của SV tốt nghiệp các CTĐT của Trường.	KT&ĐBCL, CTCTSV, các đơn vị	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	5,0
Tiêu chí 22.1	5,0
Tiêu chí 22.2	4,0
Tiêu chí 22.3	6,0

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 22.4	5,0

Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và CB nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhiệm vụ NCKH, công nghệ là nhiệm vụ trung tâm, then chốt trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, kế hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025 [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Xác định tầm quan trọng của KH&CN và HTQT, Đảng ủy, BGH Trường phân công lãnh đạo phụ trách công tác KH&CN và HTQT để quản lý, triển khai, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN và HTQT [H3.03.04.04]. Để cụ thể hóa các nhiệm vụ về KH&CN và HTQT, ngay từ những ngày đầu thành lập Phòng NCKH và Quan hệ quốc tế đến nay là Viện KH&HTQT, Nhà trường quy định chức năng, nhiệm vụ của Viện rõ ràng, các Khoa đều có phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách nhiệm vụ KH&CN [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H8.08.01.01]. Xác định nhiệm vụ chính của GV là giảng dạy và NCKH, Nhà trường đã ban hành quy định về chế độ làm việc của GV bao gồm nhiệm vụ của GV, thời gian làm việc, thời gian NCKH, thời gian công tác khác và luôn được sửa đổi, bổ sung kịp thời [H6.06.03.01]. Trường ban hành, sửa đổi, bổ sung kịp thời quy định về quản lý hoạt động KH&CN qua các lần lấy ý kiến góp ý của CBVC, thông qua cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT cấp Trường và họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị [H14.14.01.06], [H1.01.01.15], [H12.12.01.03]. Các loại hình và định mức nghiên cứu của CB, GV được quy định làm căn cứ để phân công, bố trí, sử dụng, tăng cường hiệu lực công tác quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động đối với CB, GV; Là cơ sở để CB, GV xây dựng kế hoạch giảng dạy, NCKH, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các công tác khác. Các quy định trên là cơ sở để đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm, đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ lương, thưởng, quyền và nghĩa vụ của CBVC, NLĐ [H6.06.03.01], [H12.12.01.03]. Trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành bao gồm nhiệm vụ của CB, GV, thời gian giảng dạy, thời gian cho hoạt động NCKH và các hoạt động khác có liên quan [H6.06.03.01]. Trong quy định chế độ làm việc đối với GV có nêu cụ thể về loại

hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV trong Trường như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (ii) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp. Theo đó, các hoạt động NCKH của GV được quy định, đánh giá thông qua việc quy đổi thành giờ chuẩn và giám sát, đánh giá hằng năm [H6.06.03.01]. Ngoài ra, trong Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Nhà trường đồng thời thể hiện các loại hình NCKH của GV [H12.12.01.03]. Trường quy định giờ chuẩn NCKH của GV và quy định hoạt động NCKH là bắt buộc, hướng dẫn SV NCKH là khuyến khích [H12.12.01.03]. Trong mỗi năm học, GV phải thực hiện đủ giờ NCKH, trường hợp thiếu sẽ lấy giờ giảng chuyển sang để đảm bảo định mức [H6.06.03.01], [H12.12.01.03]. Nhà trường thông báo Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN đến các đơn vị để phổ biến CB, GV thực hiện [H6.06.03.01], [H12.12.01.03]. Đồng thời, Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN được đăng tải trên website của Trường và của Viện KH&HTQT cũng như niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay NCKH [H1.01.01.21], [H8.08.01.06], [H1.01.02.25], [H18.18.04.01].

Nhà trường phân công Viện KH&HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của CB, GV, NV trong Nhà trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H8.08.01.01]. Trên cơ sở đó, Viện KH&HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của GV [H8.08.01.01]. Viện KH&HTQT đang triển khai đề tài xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu khoa học của GV để quản lý CSDL về tên, mã số, tác giả của các đề tài NCKH, thuận tiện cho các đơn vị truy xuất báo cáo và tổng hợp, xây dựng hệ thống cập nhật hoạt động khoa học trực tuyến để từng cá nhân có thể tự khai báo hoạt động khoa học của mình và điểm khoa học [H7.07.01.06]. Chuyên viên Viện KH&HTQT được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của GV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của Nhà trường và của các đơn vị [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H7.07.01.06], [H8.08.02.01], [H8.08.02.02]. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của GV về Viện KH&HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H8.08.02.01], [H8.08.02.02].

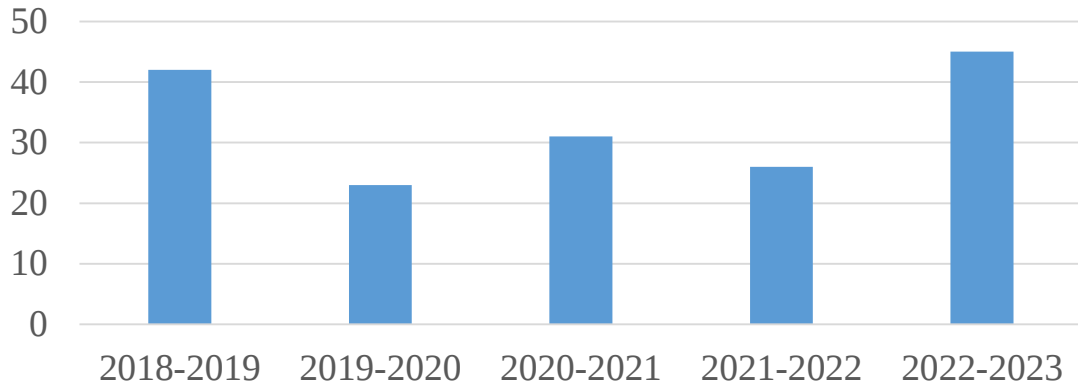
Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng

năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của GV Nhà trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường ở mức độ trên 90% hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ CB, GV thông qua hội nghị CBVC, hội nghị NCKH SV, các hội nghị hội thảo do Trường tổ chức... để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng các đề tài NCKH, khuyến khích CB, GV tham gia NCKH [H1.01.01.07], [H18.18.02.02], [H1.01.01.12].

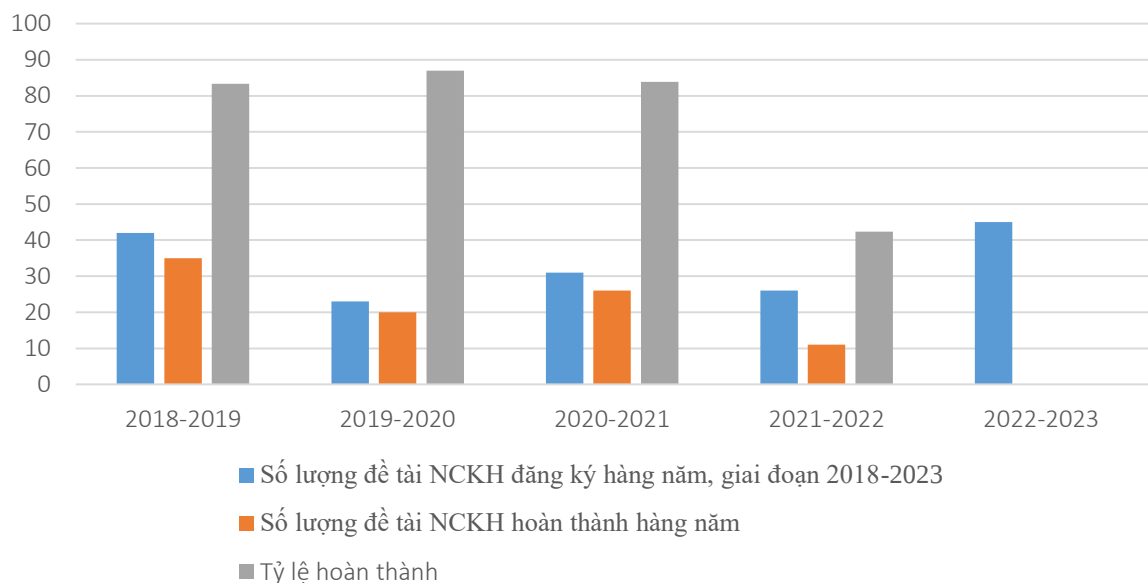
Hằng năm, Viện KH&HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà từng GV Nhà trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV Nhà trường phải thực hiện [H8.08.02.01], [H8.08.02.02], [H6.06.03.01], [H12.12.01.03], [H23.23.01.01]. Bên cạnh đó, Viện KH&HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của GV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV đã xác định trong kế hoạch năm học của Trường [H8.08.02.01], [H8.08.02.02], [H1.01.01.24], [H23.23.01.01]. Ngoài ra, Viện KH&HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của GV đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.01.01].

Viện KH&HTQT xây dựng báo cáo đánh giá công tác NCKH của CBGV, những thuận lợi và khó khăn để làm cơ sở đề xuất phương hướng, kế hoạch hoạt động KH&CN cho năm tiếp theo và được thể hiện trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H8.08.01.07], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Trước đây, Trường chỉ có một số loại hình nghiên cứu chủ yếu phục vụ cho việc giảng dạy, học tập, hiện nay hoạt động NCKH của GV phong phú, thực hiện với các loại hình sau: (a) Biên soạn bài giảng, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (b) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế; (c) Đề tài NCKH các cấp; (d) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; dự thi Olympic cơ học toàn quốc; (e) Bằng SHTT (Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, độc quyền nhãn hiệu) [H12.12.01.03]. Về chất lượng nghiên cứu của đội ngũ CB, GV được cải thiện và nâng cao, nhiều báo cáo, bài viết khoa học được đăng ở các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế [H8.08.02.02]. Bên cạnh việc ngày càng hoàn thiện quy chế NCKH, chất lượng công tác NCKH của Trường ngày càng nâng cao, đặc biệt là các NCKH cấp Bộ do CBGV thực hiện thường xuyên [H18.18.02.03], [H18.18.02.04]. Nhà trường đã tổ chức và phối hợp tổ chức các hội nghị khoa học quốc tế, hội thảo cấp quốc gia, cấp vùng [H1.01.01.12]. Trường quy định về mức

hỗ trợ cho CB, GV tham gia NCKH, thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ, đặc biệt, đối với các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín, Trường đã nâng mức hỗ trợ kinh phí nhằm tạo động lực cho GV đầu tư nghiên cứu các sản phẩm khoa học chất lượng cao [H12.12.01.03], [H2.02.01.29]. Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].



Hình 23.1.1. Số lượng các NCKH của GV hằng năm, giai đoạn 2019-2023



Hình 23.1.2. Số lượng các NCKH triển khai và nghiệm thu của GV hằng năm

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Xác định tầm quan trọng của hoạt động NCKH của SV, BGH Nhà trường phân công 01 Phó hiệu trưởng phụ trách công tác NCKH [H3.03.04.04]. Nhà trường giao Viện KH&HTQT tham mưu về lĩnh vực NCKH và HTQT, bao gồm NCKH GV và SV [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H8.08.01.01]. Các Khoa đều có

bộ phận phụ trách nhiệm vụ NCKH [H3.03.04.05]. Để quản lý công tác NCKH của SV, Viện KH&HTQT đã tham mưu cho Lãnh đạo Trường ban hành quy định quản lý hoạt động KH&CN (trong đó có nội dung về quản lý NCKH của SV) [H12.12.01.03]. Năm 2022, Nhà trường xây dựng, ban hành riêng quy định NCKH SV [H18.18.01.04]. SV tham gia NCKH với nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau, mỗi đề tài có GV hướng dẫn từ lúc đăng ký đề tài đến khi nghiệm thu [H18.18.01.04]. Đề động viên khích lệ SV tham gia NCKH, trong quy định về NCKH của SV nêu rõ: NCKH là một tiêu chí để xét “SV 5 tốt”, cộng điểm rèn luyện,... [H17.17.03.01], [H15.15.04.02]. SV tham gia NCKH với những đề tài thí nghiệm được CB, GV phòng thí nghiệm hỗ trợ sử dụng các trang thiết bị của Nhà trường để thực nghiệm các mẫu thử [H18.18.01.04]. Các nghiên cứu đánh giá đạt yêu cầu đều được hỗ trợ kinh phí và xét khen thưởng [H18.18.01.04].

Kế hoạch phát triển KH&CN nói chung và NCKH của SV nói riêng được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, kế hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025 [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Viện KH&HTQT là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV trong Nhà trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H8.08.01.01]. Trên cơ sở đó, Viện KH&HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV [H8.08.01.01]. Viện KH&HTQT đang triển khai đề tài xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu khoa học của GV để quản lý CSDL về tên, mã số, tác giả của các đề tài NCKH và NCKH của SV, thuận tiện cho các đơn vị truy xuất báo cáo và tổng hợp, xây dựng hệ thống cập nhật hoạt động khoa học trực tuyến để từng cá nhân có thể tự khai báo hoạt động khoa học của mình và điểm khoa học [H7.07.01.06]. Chuyên viên Viện KH&HTQT được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của SV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của Nhà trường và các đơn vị [H18.18.02.02]. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của SV về Viện KH&HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H7.07.01.06], [H18.18.02.02].

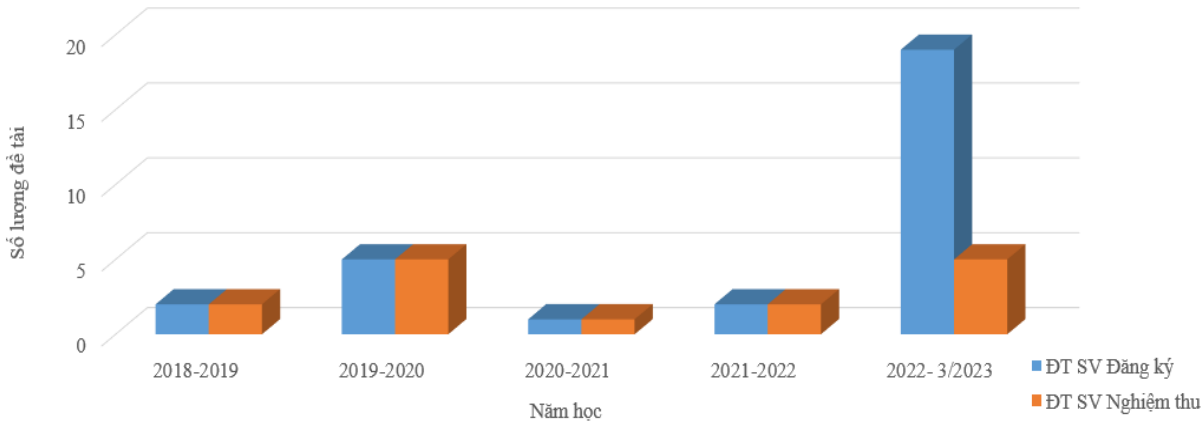
Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của đội ngũ SV Nhà trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng

năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của SV Nhà trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường ở mức độ trên 90% hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ CB, GV thông qua hội nghị CBVC, hội nghị NCKH SV, ý kiến của SV thông qua đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với SV hằng năm... để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng các đề tài NCKH, khuyến khích SV tham gia NCKH [H1.01.01.07], [H18.18.02.02], [H1.01.01.12], [H1.01.01.11].

Hằng năm, Viện KH&HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà SV Nhà trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà SV thực hiện [H18.18.01.04], [H17.17.03.01], [H15.15.04.02], [H18.18.02.02], [H23.23.02.01]. Bên cạnh đó, Viện KH&HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV đã xác định trong kế hoạch năm học của Trường [H18.18.02.02], [H1.01.01.24], [H23.23.02.01]. Ngoài ra, Viện KH&HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.02.01].

Viện KH&HTQT xây dựng báo cáo đánh giá công tác NCKH của SV, những thuận lợi và khó khăn để làm cơ sở đề xuất phương hướng, kế hoạch hoạt động KH&CN cho năm tiếp theo và được thể hiện trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H8.08.01.07], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Hằng năm, SV tham gia các cuộc thi: Kiến trúc xanh, Loa Thành, Thiết kế nhà ở thích ứng biến đổi khí hậu, Olympic cơ học toàn quốc,... đạt nhiều giải thưởng, nhiều ý tưởng được đánh giá cao [H17.17.02.04]. Năm học 2022-2023, số lượng đề tài NCKH SV tăng so với những năm trước do những chính sách hỗ trợ của Nhà trường mang lại hiệu quả [H18.18.02.02]. Nhà trường thành lập các CLB học thuật nhằm tạo sân chơi bổ ích cho SV với những hoạt động mang lại lợi ích thiết thực, hiệu quả trong quá trình học tập [H1.01.02.21]. Nhà trường tổ chức nhiều cuộc thi: ý tưởng sáng tạo, vẽ tranh tường, thiết kế logo, thiết kế mô hình học tập,... thu hút đông đảo SV tham gia [H17.17.02.04]. Định kỳ, Nhà trường tổ chức hội nghị NCKH SV, qua đó, Nhà trường có những giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng NCKH SV [H18.18.02.02]. Để tạo cơ chế tốt nhất cho hoạt động NCKH SV, Nhà trường chế độ tài chính nhằm khuyến khích SV và GV hướng dẫn [H2.02.01.29]. BGH Nhà

trường hợp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, điều chỉnh quy định loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học cho phù hợp [H1.01.01.15]. Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ SV [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].



Hình 23.2.1. Số lượng đề tài NCKH SV đăng ký, nghiệm thu hằng năm

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 xác định: Xây dựng Trường ĐHXDMT trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của khu vực ĐBSCL và cả nước [H1.01.02.07]. Để đạt được mục tiêu trên, Nhà trường tiến hành đồng thời nhiều giải pháp như đầu tư phát triển CSVC, con người cũng như KH&CN,... thể hiện trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch chiến lược phát triển KH&CN [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có chỉ tiêu về số lượng các công bố khoa học và tăng cường các trích dẫn, đặc biệt là các công bố khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07], [H1.01.01.24]. Công tác NCKH phục vụ nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của Trường, đáp ứng nhu cầu xã hội, thực hiện theo hướng kết hợp giảng dạy, học tập, ứng dụng tri thức khoa học vào thực tiễn [H12.12.01.03]. Loại hình và chất lượng các công bố khoa học của CBVC trong Trường được quản lý bởi các quy định về hoạt động KH&CN, bao gồm: (a) Số lượng và chất lượng các ấn phẩm được xuất bản trên các tạp chí khoa học hoặc

các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế; (b) Kết quả nghiên cứu được áp dụng vào giảng dạy và thực tiễn; (c) Sách và các công trình chuyên khảo, tham khảo; (d) Báo cáo về các hoạt động học thuật và kỹ năng nghiên cứu [H12.12.01.03]. Bên cạnh đó, trong Quy định về quản lý hoạt động KH&CN của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về các loại hình các NCKH cũng như quy định về việc trích dẫn các công trình khoa học [H12.12.01.03].

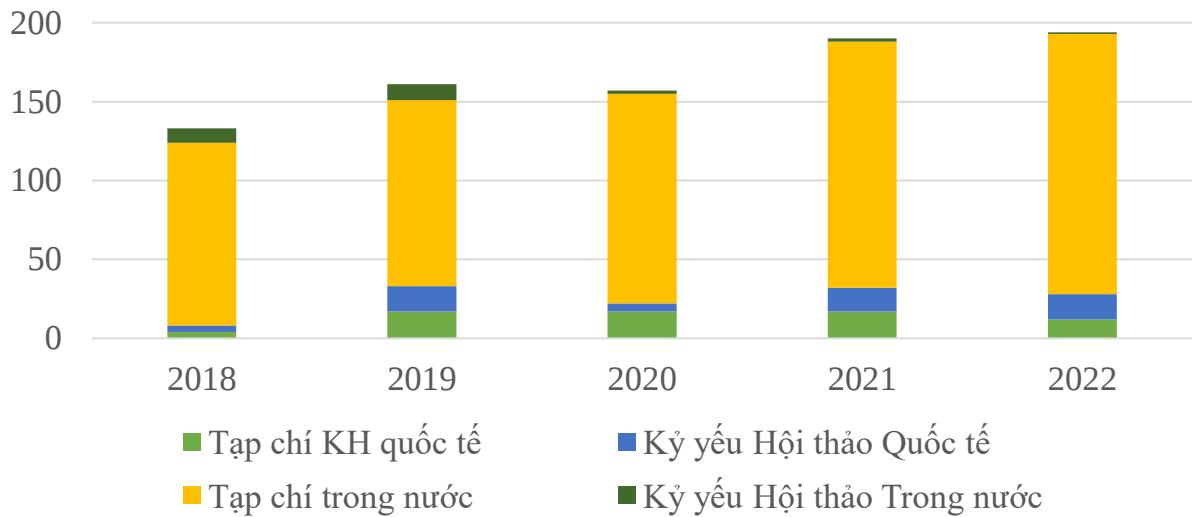
Nhà trường phân công Viện KH&HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học của CB, GV Nhà trường, trong đó bao gồm các trích dẫn, chỉ số IF [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H8.08.01.01]. Trên cơ sở đó, Viện KH&HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học của CB, GV Nhà trường, trong đó bao gồm các trích dẫn, chỉ số IF [H8.08.01.01]. Viện KH&HTQT đang triển khai đề tài xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu khoa học của GV để quản lý CSDL về tên, mã số, tác giả của các đề tài NCKH, thuận tiện cho các đơn vị truy xuất báo cáo và tổng hợp, xây dựng hệ thống cập nhật hoạt động khoa học trực tuyến để từng cá nhân có thể tự khai báo hoạt động khoa học của mình và điểm khoa học [H7.07.01.06]. Chuyên viên Viện KH&HTQT được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về kết quả các loại hình và số lượng các công bố khoa học của CB, GV Nhà trường, trong đó bao gồm các trích dẫn, chỉ số IF dựa trên báo cáo hằng năm của Nhà trường và của các đơn vị [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H7.07.01.06], [H8.08.02.01], [H8.08.02.02]. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả các loại hình và số lượng các công bố khoa học của CB, GV Nhà trường, trong đó bao gồm các trích dẫn, chỉ số IF về Viện KH&HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H8.08.02.01], [H8.08.02.02]. Các công bố khoa học của CBVC Trường ổn định và tăng cao so với trước đây [H8.08.02.01], [H8.08.02.02]. Nhà trường hiện đang sử dụng các chức năng Google Scholar của Google để lấy số liệu trích dẫn các công bố của CBVC [H8.08.02.02], [H19.19.01.03], [H19.19.01.04].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao

gồm các trích dẫn của Trường ở mức độ trên 90% hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn thông qua hội nghị CBVC hằng năm, các hội nghị hội thảo do Trường tổ chức để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H1.01.01.07], [H1.01.01.12].

Hằng năm, Viện KH&HTQT thực hiện đối sánh kết quả các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn so với các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn đã xác định trong kế hoạch năm học của Trường [H8.08.02.01], [H8.08.02.02], [H19.19.01.03], [H19.19.01.04], [H1.01.01.24], [H23.23.03.01]. Bên cạnh đó, Viện KH&HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của GV đạt được [H8.08.02.01], [H8.08.02.02], Ngoài ra, Viện KH&HTQT tiến hành đối sánh kết quả các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.01.01].

Viện KH&HTQT xây dựng báo cáo đánh giá công tác NCKH của CBGV, những thuận lợi và khó khăn để làm cơ sở đề xuất phương hướng, kế hoạch hoạt động KH&CN cho năm tiếp theo và được thể hiện trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H8.08.01.07], [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Về chất lượng nghiên cứu của đội ngũ CB, GV được cải thiện và nâng cao, nhiều báo cáo, bài viết khoa học được đăng ở các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế với số trích dẫn tăng lên [H8.08.02.02], [H19.19.01.03], [H19.19.01.04]. Bên cạnh việc ngày càng hoàn thiện quy chế NCKH, chất lượng công tác NCKH của Trường ngày càng nâng cao, đặc biệt là các NCKH cấp Bộ do CBGV thực hiện thường xuyên [H18.18.02.03], [H18.18.02.04]. Nhà trường đã tổ chức và phối hợp tổ chức các hội nghị khoa học quốc tế, hội thảo cấp quốc gia, cấp vùng [H1.01.01.12]. Trường quy định về mức hỗ trợ cho CB, GV tham gia NCKH, thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ, đặc biệt, đối với các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín, Trường đã nâng mức hỗ trợ kinh phí nhằm tạo động lực cho GV đầu tư nghiên cứu các sản phẩm khoa học chất lượng cao [H12.12.01.03], [H2.02.01.29]. Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].



Hình 23.3.1. Công bố khoa học của CBGV giai đoạn 2018-2022

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các TSTT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Xác định trường ĐH là cái nôi sáng tạo ra tri thức và công nghệ mới, do đó, Nhà trường quan tâm đến việc nâng cao hiểu biết về quyền SHTT cho CB, GV và khuyến khích gia tăng số lượng sản phẩm KH&CN đăng ký quyền SHTT [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Trên cơ sở các quy định về SHTT do Nhà nước ban hành, quy định về SHTT của Nhà trường được ban hành lồng ghép trong Quy định quản lý hoạt động KH&CN [H12.12.01.03]. Năm 2022, Nhà trường được Bộ KH&CN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN số A-2531 trên các lĩnh vực đào tạo của Trường như: NCKH và thực hiện các đề tài, dự án trong các lĩnh vực quản lý xây dựng, kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, kỹ thuật công trình xây dựng, quy hoạch vùng và đô thị, kiến trúc, công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, kỹ thuật môi trường, kỹ thuật phần mềm, kế toán; Dịch vụ KH&CN: thông tin, tư vấn, CGCN, đào tạo, các dịch vụ KH&CN khác; Hợp tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của Trường [H18.18.01.01].

Nhà trường phân công Viện KH&HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các TSTT [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H8.08.01.01]. Trên cơ sở đó, Viện KH&HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các TSTT [H8.08.01.01]. Viện KH&HTQT đang triển khai đề tài xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu khoa học của GV để quản lý CSDL về tên, mã số, tác giả của các đề tài NCKH, thuận tiện cho các đơn vị truy xuất báo cáo và tổng hợp, xây dựng hệ thống cập nhật hoạt động khoa học trực tuyến để

từng cá nhân có thể tự khai báo hoạt động khoa học của mình và điểm khoa học [H7.07.01.06]. Chuyên viên Viện KH&HTQT được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về các loại hình và số lượng các TSTT [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H7.07.01.06], [H19.19.02.03], [H19.19.02.07]. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả các loại hình và số lượng các TSTT về Viện KH&HTQT để cập nhật CSDL TSTT của Trường [H19.19.02.03], [H19.19.02.07]. Nhà trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các đơn vị và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN đăng ký bản quyền SHTT cho các sản phẩm KH&CN [H12.12.01.03].

Hàng năm, Viện KH&HTQT thực hiện đối sánh loại hình và số lượng TSTT các so với các chỉ tiêu về loại hình và số lượng TSTT đã xác định trong kế hoạch năm học của Trường [H19.19.02.03], [H19.19.02.07], [H1.01.01.24], [H23.23.04.01]. Bên cạnh đó, Viện KH&HTQT tiến hành đối sánh loại hình và số lượng TSTT các so với các chỉ tiêu về loại hình và số lượng TSTT đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.04.01]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về các loại hình và số lượng TSTT [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV về các loại hình và số lượng TSTT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá các loại hình và số lượng TSTT của Trường ở mức độ hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về các loại hình và số lượng TSTT thông qua hội nghị CBVC hằng năm, các hội nghị hội thảo do Trường tổ chức để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng TSTT [H1.01.01.07], [H1.01.01.12].

Hàng năm, Viện KH&HTQT thực hiện đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn các so với các chỉ tiêu về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn đã xác định trong kế hoạch năm học của Trường [H8.08.02.02], [H19.19.01.03], [H19.19.01.04], [H1.01.01.24], [H23.23.03.01]. Bên cạnh đó, Viện KH&HTQT tiến hành đối sánh các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.03.01]. Đa số TSTT của Trường phục vụ chủ yếu cho công tác đào tạo, bao gồm: sách, giáo trình, bài giảng, chương trình máy tính, quản lý dữ liệu, thuyết minh đồ án, luận văn, luận án, bài báo khoa học, công trình khoa học,... [H19.19.02.03]. Đối với loại TSTT thuộc quyền tác giả,

Trường có văn bản quy định cụ thể nhiệm vụ của GV, bao gồm giảng dạy, NCKH và PVCĐ [H12.12.01.03].

Trong những năm gần đây, nhờ tích cực triển khai các giải pháp (hỗ trợ tài chính cho các công bố quốc tế) và sự phấn đấu của các nhà khoa học, số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học và sách chuyên khảo, tham khảo trong 5 năm qua tăng [H8.08.02.02], [H19.19.01.03]. Nhà trường đã tổ chức và phối hợp tổ chức các hội nghị khoa học quốc tế, hội thảo cấp quốc gia, cấp vùng [H1.01.01.12]. Trường quy định về mức hỗ trợ cho CB, GV tham gia NCKH, thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ, đặc biệt, đối với các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín, Trường đã nâng mức hỗ trợ kinh phí nhằm tạo động lực cho GV đầu tư nghiên cứu các sản phẩm khoa học chất lượng cao [H12.12.01.03], [H2.02.01.29]. Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].

Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Là đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng nên kinh phí NCKH, Trường được Bộ Xây dựng hỗ trợ [H7.07.01.02]. Trong Quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN, Quy định về NCKH SV do Nhà trường ban hành có quy định mức cho các công trình NCKH [H12.12.01.03], [H18.18.01.04]. Bên cạnh đó, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường đồng thời quy định rõ về các mức chi cụ thể cho đề tài NCKH các cấp cũng như các công bố khoa học [H2.02.01.29]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí phù hợp chi cho hoạt động KH&CN [H4.04.02.01]. Ngoài ra, Nhà trường có chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động KH&CN và được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXĐMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXĐMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, kế hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025 [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Trong giai đoạn 2019-2023, tài chính cho hoạt động KH&CN của Nhà trường thực hiện theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo tính công khai, minh bạch [H2.02.01.29], [H4.04.02.01], [H7.07.01.05].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về mức độ

phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Trường ở mức độ trên 90% hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Trường thông qua hội nghị CBVC, hội nghị NCKH SV,... để có cơ sở cải tiến, nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu [H1.01.01.07], [H18.18.02.02],...

Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân là những đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát việc phân bổ kinh phí hằng năm của Nhà trường, trong đó có kinh phí phân bổ cho hoạt động nghiên cứu [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H5.05.02.03], [H5.05.01.03]. Hằng năm, Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân báo cáo việc phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu của Nhà trường [H5.05.02.03], [H5.05.01.03]. Bên cạnh đó, việc giám sát còn được thực hiện bởi các đơn vị, CBVC trong toàn trường và báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị CBVC của Nhà trường hằng năm [H23.23.05.01], [H1.01.01.07].

Hằng năm, Phòng TCKT thực hiện đối sánh ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu so với dự toán kinh phí đã xác định từ đầu năm [H4.04.02.01], [H7.07.01.02], [H23.23.05.02]. Bên cạnh đó, Phòng TCKT thực hiện đối sánh ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của năm so với năm trước đó [H4.04.02.01], [H23.23.05.02]. Kết quả đối sánh được Phòng TCKT báo cáo BGH Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao ban của Trường [H1.01.01.15]. Căn cứ kết quả đối sánh ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu, Phòng TCKT đề xuất điều chỉnh, cải tiến mức đầu tư cho hoạt động nghiên cứu của Nhà trường [H4.04.02.01]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký duyệt tăng cường kinh phí chi cho hoạt động KHCN [H4.04.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, kinh phí của Nhà trường chi cho hoạt động KHCN tăng qua từng năm [H4.04.02.01]. Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện Quy định về chế độ làm việc của GV, Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN, Quy định về NCKH SV, Quy chế chi tiêu nội bộ với mức chi hỗ trợ kinh phí ngày càng tăng nhằm thúc đẩy hoạt động KHCN của Trường [H6.06.03.01], [H12.12.01.03], [H18.18.01.04], [H2.02.01.29]. Nhà trường đã tổ chức và phối hợp tổ chức các hội nghị khoa học

quốc tế, hội thảo cấp quốc gia, cấp vùng [H1.01.01.12]. Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV, SV [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].

Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Là một trường ĐH theo định hướng ứng dụng, các kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường phát triển theo các hình thức: Khởi nghiệp, đăng ký SHTT, CGCN, công bố khoa học, quyền tác giả, các giải thưởng trong nước và quốc tế, các nhóm nghiên cứu mạnh,... [H1.01.01.01], [H1.01.01.03], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07]. Với mỗi loại hình, Nhà trường có các bộ phận tương ứng với chức năng nhiệm vụ và quy định phù hợp, gồm: Ban TVTS&HN tham mưu về lĩnh vực khởi nghiệp từ năm 2021, trước năm 2021, Phòng CTCTSV phối hợp với ĐTN thực hiện công tác khởi nghiệp cho SV, Viện KH&HTQT tham mưu, giám sát kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023, kế hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025 luôn có nội dung quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo trong hoạt động KH&CN của Trường [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H4.04.01.07].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường ở mức độ hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường thông qua hội nghị CBVC, hội nghị NCKH SV, các hội nghị hội thảo do Trường tổ chức... để có cơ sở cải tiến chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H1.01.01.07], [H18.18.02.02], [H1.01.01.12],...

Nhà trường đã tham gia nhiều cuộc thi khởi nghiệp: Hỗ trợ, tìm kiếm, tiếp cận các nguồn vốn, các nhà đầu tư; Tổ chức thông tin các hoạt động khởi nghiệp và thực hiện một số chức năng khác, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để SV tham gia các cuộc thi khởi nghiệp các cấp [H1.01.02.16]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các quy định, quy chế, chính sách tài chính nhằm đẩy mạnh các hoạt động CGCN, thương mại hoá các sản phẩm nghiên cứu sáng tạo và các hoạt động khởi nghiệp của GV, SV [H6.06.03.01], [H12.12.01.03], [H18.18.01.04], [H2.02.01.29].

Hàng năm, Viện KH&HTQT thực hiện đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo so với các chỉ tiêu về kết quả nghiên cứu và sáng tạo đã xác định trong kế hoạch năm học của Trường [H8.08.02.01], [H18.18.02.03], [H18.18.02.04], [H8.08.02.02], [H19.19.01.03], [H1.01.01.24], [H23.23.06.01]. Bên cạnh đó, Viện KH&HTQT tiến hành đối sánh kết quả nghiên cứu và sáng tạo đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.06.01]. Đa số TSTT của Trường phục vụ chủ yếu cho công tác đào tạo, bao gồm: sách, giáo trình, bài giảng, chương trình máy tính, quản lý dữ liệu, thuyết minh đồ án, luận văn, luận án, bài báo khoa học, công trình khoa học,... [H19.19.02.03]. Đối với loại TSTT thuộc quyền tác giả, Trường có văn bản quy định cụ thể nhiệm vụ của GV, bao gồm giảng dạy, NCKH và PVCD [H12.12.01.03]. Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện Quy định về chế độ làm việc của GV, Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN, Quy định về NCKH SV, Quy chế chi tiêu nội bộ với mức chi hỗ trợ kinh phí ngày càng tăng nhằm thúc đẩy hoạt động KHCN của Trường, đẩy mạnh kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H6.06.03.01], [H12.12.01.03], [H18.18.01.04], [H2.02.01.29]. Trong giai đoạn 2019-2023, kinh phí của Nhà trường chi cho hoạt động KHCN tăng qua từng năm [H4.04.02.01]. Nhà trường đã tổ chức và phối hợp tổ chức các hội nghị khoa học quốc tế, hội thảo cấp quốc gia, cấp vùng [H1.01.01.12]. Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV, SV [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].

Tự đánh giá: 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 23

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đã ban hành các quy định, xây dựng các chiến lược và kế hoạch hoạt động KH&CN.
- Nhà trường triển khai các hoạt động KH&CN theo kế hoạch đã xác định nhằm đạt được SM, TN, GTCL của Trường.
- Trong các văn bản quy định về hoạt động NCKH của GV do Nhà trường ban

hành có quy định về loại hình, số lượng NCKH mà GV phải đảm nhiệm và triển khai thực hiện trong toàn trường.

- Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Nhà trường ban hành.

- Nhà trường triển khai và tạo điều kiện để GV, SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định.

- Nhà trường tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thu hút nhiều nhà khoa học tham gia nhằm đẩy mạnh kết quả đổi mới, sáng tạo của Trường.

- Nhà trường áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ công tác NCKH, đặc biệt là những sản phẩm KH&CN chất lượng cao.

- Việc thu chi ngân quỹ cho hoạt động KH&CN của Nhà trường được giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch và không có vi phạm trong giai đoạn đánh giá.

- Nhà trường khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động KH&CN, đối sánh kết quả hoạt động KH&CN hằng năm để áp dụng các biện pháp cải tiến.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng sản phẩm KH&CN được đăng ký quyền SHTT còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đăng ký SHTT sản phẩm các đề tài NCKH của Nhà trường.	KH&HTQT	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xây dựng chiến lược và kế hoạch hoạt động KH&CN phù hợp với SM, TN của Trường.	HĐT, KH&HTQT, TCHC	Hằng năm	
3	Phát huy điểm	Tiếp tục triển khai các hoạt động KH&CN theo kế hoạch đã xác định.	KH&HTQT	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	mạnh 2				
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục triển khai thực hiện quy định về loại hình, số lượng NCKH mà GV phải đảm nhiệm trong văn bản quy định về hoạt động NCKH của GV.	KH&HTQT, Các khoa	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát về loại hình, số lượng NCKH của SV trong các văn bản quy định về NCKH của SV.	KH&HTQT	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục triển khai các chế độ, chính sách khuyến khích GV, SV thực hiện nhiều loại hình, số lượng NCKH theo quy định.	KH&HTQT, Các khoa	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục tổ chức, phối hợp tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học về các vấn đề mang tính thời sự: môi trường, vật liệu mới, biến đổi khí hậu,... thu hút nhiều nhà khoa học trong nước và quốc tế tham gia.	KH&HTQT	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích GV và SV tham gia hoạt động NCKH.	KH&HTQT, TCKT	Hàng năm	
9	Phát huy	Tiếp tục giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch việc	KH&HTQT, TCKT	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 8	thu chi ngân quỹ cho hoạt động KH&CN.			
10	Phát huy điểm mạnh 9	Tiếp tục khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động KH&CN, đối sánh kết quả hoạt động KH&CN hằng năm.	KH&HTQT, KT&ĐBCL	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	4,5
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	4

Tiêu chuẩn 24. Kết quả PVCD

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Với truyền thống hơn 45 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường xác định trách nhiệm đối với xã hội là một trong những mục tiêu hàng đầu trong quá trình phát triển [H1.01.01.01]. Điều này thể hiện rõ sự cam kết trong tuyên bố SM của Nhà trường và được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, [H1.01.01.03], [H1.01.01.02]. Nhà trường ban hành Quy định về PVCD, trong đó có xác định loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp

cho xã hội [H21.21.01.01]. Bên cạnh đó, trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 luôn có nội dung về các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của các đơn vị đồng thời có nội dung về các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội mà đơn vị cần thực hiện [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Đối với CĐ trường, hoạt động xã hội, từ thiện được lên kế hoạch từng năm với các loại hình và khối lượng đa dạng như: quyên góp các quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, quỹ Covid-19, thăm tặng quà cho các gia đình chính sách, phụng dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng, hiến máu tình nguyện, phối hợp với các đơn vị trong tỉnh sẵn sàng cứu trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt,... [H1.01.02.09]. Các hoạt động kết nối và PVCD do ĐTN, HSV thực hiện đa dạng, phong phú. Tất cả các hoạt động này được xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng năm [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Các hoạt động lớn, điển hình được thực hiện qua các năm như: Mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu tình nguyện, dọn vệ sinh môi trường, quyên góp cho các quỹ từ thiện, xây dựng cầu, đường đân nông thôn, xây dựng nhà tình nghĩa, tham gia hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19, vẽ tranh tường, tham gia nhiều hoạt động tuyên truyền do Tỉnh Đoàn tổ chức,... [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Trung tâm ĐTTX tổ chức các lớp bồi dưỡng cấp chứng chỉ về nghiệp vụ xây dựng như: an toàn lao động, giám sát, đấu thầu, sát hạch tay nghề, đào tạo liên thông, VLVH cho các cơ quan, đơn vị, địa phương ở khu vực ĐBSCL,... [H1.01.01.25]. Bên cạnh đó, Trung tâm NN-TH tổ chức các lớp bồi dưỡng, cấp chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ, tin học cho CBVC, SV trường, SV có nhu cầu [H1.01.01.25]. Trung tâm TVXD, Trung tâm TNXD&MT xây dựng kế hoạch hằng năm cho các hoạt động: tư vấn, thiết kế, giám sát công trình xây dựng, tổ chức thẩm định chất lượng, thí nghiệm vật liệu các công trình xây dựng,... [H1.01.01.25]. Viện KH&HTQT hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức các hội thảo khoa học với nội dung liên quan đến lĩnh vực kiến trúc, xây dựng và vật liệu xây dựng,... [H1.01.01.25].

Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân là những đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H5.05.02.03], [H5.05.01.03]. Kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện trong báo cáo giám sát của Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường

cũng như báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H5.05.02.03], [H5.05.01.03], [H1.01.04.04], [H1.01.01.07]. Ngoài ra, loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ hằng năm được giám sát thông qua hồ sơ lưu trữ, quy trình thực hiện, báo cáo tổng kết của các đoàn thể, đơn vị tham gia [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20].

Hằng năm, Phòng CTCTSV, Phòng TCHC thực hiện đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội trong kế hoạch năm học [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H21.21.01.01], [H24.24.01.01]. Bên cạnh đó, Phòng CTCTSV, Phòng TCHC thực hiện đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường trong năm học so với năm học trước [H24.24.01.01]. Kết quả đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được gửi đến các đơn vị để có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.01].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ trên 90% hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội thông qua hội nghị CBVC, các hội nghị hội thảo do Trường tổ chức... để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.07], [H1.01.01.12].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những điều chỉnh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội và

thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động PVCD [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Ngoài ra, Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H7.07.02.05], [H7.07.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường tăng lên qua từng năm [H6.06.05.05]. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của các đơn vị đồng thời có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Hằng năm, CĐ trường tham gia quyên góp ủng hộ đầy đủ các quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ phòng chống thiên tai, bão lụt, hiến máu tình nguyện, thăm hỏi các gia đình chính sách, mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia hỗ trợ chương trình máy tính cho em do Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Vĩnh Long phát động,... Những hoạt động của CĐ đã góp phần động viên kịp thời cho đồng bào các cá nhân, địa phương không may gặp phải những hoàn cảnh khó khăn [H1.01.02.09]. Đoàn TN, Hội SV ĐTN tham gia nhiều hoạt động như: Thanh niên tình nguyện, dọn vệ sinh môi trường, tổ chức quốc tế thiếu nhi 1/6, trung thu cho các cháu thiếu nhi ở vùng khó khăn, vẽ tranh tường, hỗ trợ phòng chống Covid-19, tiếp sức mùa thi,... đặc biệt là tham gia hiến máu tình nguyện [H1.01.02.10], [H1.01.02.11], [H5.05.04.01], [H17.17.02.08]. Tham gia Chiến dịch mùa hè xanh là một trong những hoạt động rất mạnh của ĐTN Nhà trường [H5.05.04.01]. Hằng năm, GV và SV của Trường đến một số địa phương khó khăn để xây dựng cầu, đường, nhà cửa, cải tạo sân chơi cho trẻ em,... [H5.05.04.01]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường tổ chức các cuộc

hội thảo với doanh nghiệp về lĩnh vực đào tạo gắn với nhu cầu xã hội hoặc gặp gỡ, trao đổi với SV về triển vọng nghề nghiệp, yêu cầu kỹ năng của vị trí việc làm mà doanh nghiệp cần, phối hợp với các đơn vị tổ chức ngày hội việc làm, mời doanh nghiệp đến tìm hiểu và tuyển dụng [H17.17.02.03], [H17.17.02.05]. Báo cáo đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20], [H1.01.01.07].

Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân là những đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H5.05.02.03], [H5.05.01.03]. Kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện trong báo cáo giám sát của Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H5.05.02.03], [H5.05.01.03], [H1.01.04.04], [H1.01.01.07]. Ngoài ra, giám sát về kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội hằng năm được thực hiện thông qua hồ sơ lưu trữ, quy trình thực hiện, báo cáo tổng kết của các đoàn thể, đơn vị tham gia [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20].

Hằng năm, Phòng CTCTSV, Phòng TCHC thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội so với chỉ tiêu về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đã được xác định trong kế hoạch năm học [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H21.21.01.01], [H24.24.02.01]. Bên cạnh đó, Phòng CTCTSV, Phòng TCHC thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường trong năm học so với năm học trước [H24.24.01.01]. Kết quả đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được gửi đến các đơn vị để có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.01].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, SV về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ trên 90%

hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội thông qua hội nghị CBVC, các hội nghị hội thảo do Trường tổ chức... để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng về chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.07], [H1.01.01.12].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị đề ra soát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những điều chỉnh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động PVCD [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Ngoài ra, Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H7.07.02.05], [H7.07.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường tăng lên qua từng năm [H6.06.05.05]. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hoạt động kết nối và PVCD của Trường mang lại nhiều lợi ích cho xã hội, đặc biệt là những địa phương còn nhiều khó khăn, trao nhiều cơ hội thay đổi cuộc sống cho những đối tượng chính sách, khó khăn,... [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Bên cạnh đó, các hoạt động kết nối và PVCD đã tạo sự gắn kết giữa Nhà trường và cộng đồng, với doanh nghiệp, cơ quan [H1.01.02.15]. Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV,

NV [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của các đơn vị đồng thời có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Đối với CBVC, kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ là một trong những yếu tố để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua hằng năm [H21.21.01.01], [H6.06.05.04]. CĐ Trường, đại diện cho NLĐ, luôn đi tiên phong trong các hoạt động thiện nguyện [H1.01.02.09]. Các hoạt động đóng góp cho các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, từ thiện luôn đạt tỷ lệ 100% người tham gia [H1.01.02.09]. Công tác PVCĐ được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ như: phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, thăm hỏi gia đình chính sách, gia đình cách mạng, chi khen thưởng con của Đoàn viên CĐ và NLĐ đạt thành tích xuất sắc trong học tập, đạt các kỳ thi trong nước và quốc tế, học sinh nghèo vượt khó học giỏi, tổ chức các hoạt động nhân ngày quốc tế thiếu nhi, tết trung thu cho các cháu,.. và hằng năm Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động PVCĐ [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Nhà trường quy định SV tham gia các hoạt động tình nguyện được cộng điểm rèn luyện, ngày công tác xã hội nhưng điều quý giá hơn là giáo dục SV có ý thức cống hiến cho cộng đồng, là môi trường để cho SV rèn luyện kỹ năng mềm [H21.21.01.01], [H21.21.01.02]. Thông qua các hoạt động tình nguyện, nhiều CBVC trẻ và SV trưởng thành, đứng vào hàng ngũ của Đảng [H24.24.03.01]. Đoàn TN, Hội SV ĐTN tham gia nhiều hoạt động như: Thanh niên tình nguyện, dọn vệ sinh môi trường, tổ chức quốc tế thiếu nhi 1/6, trung thu cho các cháu thiếu nhi ở vùng khó khăn, vẽ tranh tường, hỗ trợ phòng chống Covid-19, tiếp sức mùa thi,... đặc biệt là tham gia hiến máu tình nguyện [H1.01.02.10], [H1.01.02.11], [H5.05.04.01], [H17.17.02.08]. Tham gia Chiến dịch mùa hè xanh là một trong những hoạt động rất mạnh của ĐTN Nhà trường [H5.05.04.01]. Hằng năm, GV và SV của Trường đến một số địa phương khó khăn để xây dựng cầu, đường, nhà cửa, cải tạo sân chơi cho trẻ em,... [H5.05.04.01]. Bên cạnh đó, hoạt động hiến máu tình nguyện hằng năm được CBVC tham gia với ý nghĩa nhân văn [H17.17.02.08]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường tổ chức các cuộc hội thảo với doanh nghiệp về lĩnh vực đào tạo gắn với nhu cầu xã hội hoặc gặp gỡ, trao đổi với SV về triển vọng nghề nghiệp, yêu cầu kỹ năng của vị trí việc làm mà doanh nghiệp cần, phối hợp với các đơn vị tổ chức ngày hội việc làm, mời doanh nghiệp đến tìm hiểu và tuyển dụng [H17.17.02.03], [H17.17.02.05]. Báo cáo đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20], [H1.01.01.07].

Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân là những đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H5.05.02.03], [H5.05.01.03]. Kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện trong báo cáo giám sát của Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H5.05.02.03], [H5.05.01.03], [H1.01.04.04], [H1.01.01.07]. Ngoài ra, giám sát về kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV hằng năm được thực hiện thông qua hồ sơ lưu trữ, quy trình thực hiện, báo cáo tổng kết của các đoàn thể, đơn vị tham gia [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20].

Hằng năm, Phòng CTCTSV, Phòng TCHC thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV so với chỉ tiêu về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV đã được xác định trong kế hoạch năm học [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H21.21.01.01], [H24.24.03.01]. Bên cạnh đó, Phòng CTCTSV, Phòng TCHC thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường trong năm học so với năm học trước [H24.24.03.02]. Kết quả đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV được gửi đến các đơn vị để có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.02].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, NV, SV về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường ở mức độ trên 90% hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV thông qua hội nghị CBVC, ý kiến của SV thông qua đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với SV hằng năm, các hội nghị hội thảo do Trường tổ

chức... để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng về chất lượng PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.07], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Trường [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những điều chỉnh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động PVCĐ [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Ngoài ra, Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H7.07.02.05], [H7.07.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường tăng lên qua từng năm [H6.06.05.05]. Nhà trường và các đơn vị, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Với mong muốn tìm hiểu, nắm bắt được mức độ đáp ứng của Nhà trường đối với xã hội trong các hoạt động kết nối và PVCĐ, Lãnh đạo Trường luôn lắng nghe ý kiến đóng góp của các bên liên quan [H1.01.01.15], [H1.01.01.07], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12]. Thông qua cuộc họp, buổi gặp mặt, phương tiện thông tin đại chúng, các bên liên quan đánh giá cao hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.01.01.15], [H1.01.01.12]. Từ đó, trong các cuộc họp giao ban, Nhà trường thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.15]. Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch

trung hạn giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2023 luôn có nội dung triển khai đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của các đơn vị đồng thời có nội dung đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Đối với Đoàn TN, Hội SV, sự hài lòng thể hiện ở số lượng đăng ký tham gia ngày càng đông và số lượt đăng ký tham gia nhiều lần trong các đợt thiện nguyện [H1.01.02.10], [H1.01.02.11], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Đối với cựu SV, định kỳ, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu SV về tình hình việc làm, chất lượng đào tạo của Trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Cựu SV hài lòng về chất lượng đào tạo và các hoạt động Nhà trường tổ chức [H1.01.01.14]. Đối với doanh nghiệp, thông qua các hoạt động kết nối doanh nghiệp, Nhà trường nhận được phản hồi hài lòng từ các doanh nghiệp về chương trình, chất lượng đào tạo và sự hợp tác với Nhà trường [H1.01.01.12].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, NV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá về sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ trên 90% hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội thông qua hội nghị CBVC, ý kiến của SV thông qua đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với SV hằng năm, các hội nghị hội thảo do Trường tổ chức... để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng về chất lượng PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.07], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12].

Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân là những đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.02], [H3.03.01.02], [H5.05.02.03], [H5.05.01.03]. Kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện trong báo cáo giám sát của Ban TTPC và Ban Thanh tra nhân dân, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm [H5.05.02.03], [H5.05.01.03], [H1.01.04.04], [H1.01.01.07]. Ngoài ra, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan

về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội hằng năm được thực hiện thông qua hồ sơ lưu trữ, quy trình thực hiện, báo cáo tổng kết của các đoàn thể, đơn vị tham gia [H1.01.04.05], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20].

Hằng năm, Phòng CTCTSV, Phòng TCHC thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội so với chỉ tiêu về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội đã được xác định trong kế hoạch năm học [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H21.21.01.01], [H24.24.04.01]. Bên cạnh đó, Phòng CTCTSV, Phòng TCHC thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội trong năm học so với năm học trước [H24.24.04.01]. Kết quả đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được gửi đến các đơn vị để có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.04.01].

Căn cứ kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những điều chỉnh về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động PVCD [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H2.02.01.29], [H4.04.02.01]. Ngoài ra, Nhà trường đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H7.07.02.05], [H7.07.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường tăng lên qua từng năm [H6.06.05.05]. Nhà trường và các đơn vị, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Tự đánh giá: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 24

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đặc biệt quan tâm chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt công tác kết nối, PVCD và cung cấp các dịch vụ.

- Nhà trường ban hành quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, trong đó có xác định loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Các hoạt động kết nối, PVCD và cung cấp các dịch vụ được các đơn vị, đoàn thể triển khai hằng năm theo kế hoạch.

- Kết quả thực hiện kết nối, PVCD và cung cấp dịch vụ được các đơn vị, đoàn thể đánh giá và rà soát hằng năm dựa trên các tiêu chí về số lượng và chất lượng.

- Nhà trường triển khai hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình, khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD; tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường và đối với SV, CB, GV, NV cũng như sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Nhà trường triển khai giám sát, đối sánh tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường và đối với SV, CB, GV, NV cũng như sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Nhà trường luôn đánh giá, cải tiến các hoạt động dịch vụ, kết nối và PVCD. Hoạt động này của Nhà trường được các bên liên quan đánh giá cao và đạt được nhiều bằng khen, giấy khen.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc thực hiện khảo sát sự hài lòng các đơn vị ngoài trường về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội còn hạn chế.

2. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường giao phòng KT&ĐBCL, phòng CTCTSV phối hợp khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng các đơn vị ngoài	KT&ĐBCL, CTCTSV, các đoàn thể	2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		trường về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.			
2	Phát huy điểm mạnh 1	Hằng năm, các đơn vị, đoàn thể xây dựng kế hoạch công tác kết nối và PVCD.	Các đơn vị, đoàn thể	Hằng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát loại hình, khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối, PVCD và đóng góp cho xã hội.	ĐTN, Các đơn vị	Hằng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Triển khai các hoạt động kết nối, phục vụ và cung cấp các dịch vụ cộng đồng.	Các đơn vị, đoàn thể	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Triển khai đánh giá, rà soát định kỳ các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp xã hội.	Các đơn vị, đoàn thể	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục triển hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình, khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD; tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội, sự hài lòng các bên liên quan.	Các đơn vị, đoàn thể	Hằng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục thực hiện giám sát, đối sánh tác động của hoạt động kết nối và	Các đơn vị, đoàn thể	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		PVCĐ, đóng góp cho xã hội, sự hài lòng các bên liên quan.			
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tăng cường cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ, kết nối và PVCĐ.	Các đơn vị, đoàn thể	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	5,0
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	5
Tiêu chí 24.4	5

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường ĐHXDMT là đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 [H7.07.01.02]. Để có định hướng cho công tác tài chính, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030, trong đó, có quy định các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H1.01.02.07]. Các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được xác lập cụ thể hằng năm cho các chỉ tiêu nguồn thu và chi phí từ các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường đúng với các quy định của pháp luật

[H4.04.02.01]. Về đào tạo, chỉ số tài chính được xác lập dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh theo từng năm và theo thực tế tuyển sinh của năm trước đó [H4.04.02.01], [H13.13.02.05]. Các chỉ số tài chính được xác lập cho hoạt động đào tạo gồm chỉ tiêu nguồn thu và nguồn chi từ hoạt động đào tạo [H4.04.02.01]. Nguồn thu từ hoạt động đào tạo gồm: Thu từ học phí ĐH chính quy, cao học và các khoản thu từ các CTĐT, bồi dưỡng ngắn hạn khác (liên thông, liên kết, VLVH, bồi dưỡng ngắn hạn) [H4.04.02.01]. Nguồn chi cho hoạt động đào tạo gồm: Chi cho con người, học bổng SV, chi cho hoạt động đào tạo khác [H4.04.02.01]. Về NCKH, Nhà trường đã ban hành quy định quản lý hoạt động KH&CN [H12.12.01.03]. Trong đó, Trường có quy định cụ thể về việc xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; quy định tính khối lượng giờ NCKH và các chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích, nâng cao chất lượng NCKH; quy định về NCKH CBVC, SV [H12.12.01.03]. Các chỉ số tài chính được xác lập cho hoạt động NCKH gồm chỉ tiêu nguồn thu và nguồn chi từ hoạt động NCKH [H4.04.02.01]. Nguồn thu từ NCKH chủ yếu từ kinh phí ngân sách nhà nước cấp các đề tài NCKH cấp Bộ, Tỉnh [H4.04.02.01], [H18.18.02.01]. Nguồn chi cho NCKH: Chi cho các hội thảo khoa học, đề tài NCKH, các bài đăng tạp chí khoa học, biên soạn giáo trình,... [H4.04.02.01], [H18.18.02.01]. Về PVCĐ, hằng năm, Nhà trường thực hiện nhiều hoạt động PVCĐ như: Chiến dịch mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu tình nguyện, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, đóng góp các quỹ từ thiện, nhân đạo, hỗ trợ phòng chống dịch bệnh Covid-19, hỗ trợ CSVN cho các cơ quan, ban ngành, trường THPT tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, thi tốt nghiệp THPT quốc gia, học bổng khuyến học cho SV,... với kinh phí được Nhà trường chi theo quy định [H4.04.02.01], [H2.02.01.29].

Để thực hiện giám sát kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ [H2.02.01.28], [H2.02.01.29]. Quy chế chi tiêu nội bộ là cơ sở để thực hiện thu chi đúng quy định, đồng thời cũng là cơ sở để thực hiện giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H2.02.01.29], [H1.01.02.07], [H1.01.01.24]. Nhà trường xây dựng hệ thống giám sát kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó, Phòng TCKT là đơn vị theo dõi các kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Bên cạnh đó, tham gia công tác giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường có Ban TTPC, Ban TTND và toàn thể CBVC, trong đó thông qua hội nghị CBVC hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo kết quả tài chính và tiếp thu

ý kiến đóng góp của CBVC [H5.05.02.03], [H5.05.01.03], [H1.01.01.07]. Hằng năm, công tác tài chính của Nhà trường được kiểm toán hoặc xét duyệt quyết toán theo đúng quy định [H4.04.02.01]. Kết quả kiểm toán, xét duyệt quyết toán thể hiện Nhà trường không có sai phạm [H7.07.01.05].

Dựa trên báo cáo về kết quả tài chính, báo cáo về kết quả hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, Phòng TCKT thực hiện đối sánh về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H4.04.02.01]. Phòng TCKT thực hiện đối sánh về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ so với kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ dự kiến [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H4.04.02.01], [H25.25.01.01]. Bên cạnh đó, Phòng TCKT thực hiện đối sánh về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ trong năm so với kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của năm trước [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H4.04.02.01], [H25.25.01.01]. Kết quả đối sánh về kết quả tài chính, báo cáo về kết quả hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được gửi đến các đơn vị để có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H25.25.01.01].

Bảng 25.1.1. Bảng đối sánh nguồn thu của Trường giai đoạn 2018-2022

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
		Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
1	NSNN cấp	20.078	34	33.377	50	35.209	56	24.138	50	21.380	39
2	Nguồn thu tại đơn vị	38.688	66	33.665	50	27.956	44	24.083	50	32.858	61
a	Thu học phí	24.730	42	21.823	32	18.635	29	17.512	36	24.006	44
b	Thu HĐSX, cung ứng	10.775	18	8.526	13	6.067	10	3.123	7	5.843	11

TT	Nội dung	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
		Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
	dịch vụ										
c	Thu sự nghiệp khác	3.183	6	3.316	5	3.254	5	3.448	7	3.009	6
	Tổng cộng	58.766	100	67.042	100	63.165	100	48.221	100	54.238	100

Bảng 25.1.2. Bảng đối sánh nguồn chi của Trường giai đoạn 2018-2022

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
		Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
1	Đào tạo	39.330	79	45.778	83	50.266	88	32.301	78	36.819	85
2	NCKH	1.141	2	2.388	4	1.043	2	3.537	9	995	2
3	PVCĐ	3.306	7	3.051	6	2.400	4	3.070	7	3.652	8
4	Hoạt động SXKD, DV và hoạt động khác	5.796	12	4.113	7	3.141	6	2.309	6	1.834	5
	Tổng cộng	49.573	100	55.330	100	56.850	100	41.217	100	43.300	100

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo

sát ý kiến phản hồi của CB, GV về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá sự hài lòng về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường ở mức độ trên 90% hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về sự hài lòng đối với kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ thông qua hội nghị CBVC, các hội nghị hội thảo do Trường tổ chức... để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.07], [H1.01.01.12].

Căn cứ kết quả khảo sát các bên liên quan về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những điều chỉnh về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H2.02.02.07]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng TCKT có các nội dung, biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H2.02.01.29], [H4.04.02.01].

Phòng TCKT là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp thực hiện lưu trữ CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. CSDL về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được lưu trữ trên phần mềm kế toán Misa [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H7.07.01.06]. Phần mềm được phân quyền cho các CB, NV tùy vào vai trò, vị trí của mỗi người để đảm bảo tính bảo mật, an toàn và thuận tiện khi xuất ra thành các báo cáo hoạt động thu chi tài chính [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H7.07.01.06]. CSDL về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được thường xuyên cập nhật [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H7.07.01.06].

Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được xác lập, giám sát và đối sách để cải tiến

Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT là cơ sở định hướng cho Nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường và các đơn vị để triển khai

thực hiện tất cả các mục tiêu đã đề ra của các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD [H1.01.02.07]. Theo đó, khi xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm của từng hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD, các chỉ số thị trường đã được Nhà trường xác lập cụ thể cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD [H1.01.02.07]. Về đào tạo, Nhà trường đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng năm của từng bậc/hệ đào tạo trên cơ sở các quy định hiện hành về tuyển sinh, theo đó quy mô tuyển sinh theo các trình độ chủ yếu bậc ĐH và sau ĐH [H13.13.01.01]. Đồng thời, chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo phát triển các ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu của xã hội và phù hợp với SM của Nhà trường [H13.13.01.01], [H7.07.01.07]. Về NCKH, căn cứ vào kế hoạch Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường luôn khuyến khích GV, SV thực hiện các công trình NCKH, các bài báo khoa học về kinh tế, kỹ thuật và công nghệ được đăng trên các tạp chí có uy tín,... [H1.01.02.07]. Về các hoạt động PVCD, các chỉ số được xây dựng hằng năm thông qua tổ chức các hoạt động hỗ trợ cộng đồng như: Hoạt động tiếp sức mùa thi, SV tình nguyện, mùa hè xanh và hiến máu tình nguyện,... [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Hằng năm, các tổ chức đảng, đoàn thể của Nhà trường có báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động PVCD [H2.02.02.10], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Các trung tâm có nhiều hoạt động cung cấp các dịch vụ PVCD tại địa phương, khu vực ĐBSCL [H1.01.04.05].

Bảng 25.2.1. Chỉ tiêu tuyển sinh, thực hiện giai đoạn 2019-2023

Đơn vị tính: SV

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Sau ĐH							30	30	60	53
1.1	Kỹ thuật xây dựng							30	30	60	53
2	ĐH										
2.1	Chính qui	530	383	530	411	900	459	900	381	600	332
2.1.1	Kỹ thuật xây dựng	250	247	250	275	400	279	400	234	300	200

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện
2.1.2	Kiến trúc	100	55	100	53	150	62	150	58	100	56
2.1.3	Quản lý đô thị và công trình	25	3	25		25	12	25	12	40	9
2.1.4	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	25	17	25	35	75	38	75	35	50	39
2.1.5	Kỹ thuật cấp thoát nước	25	10	25	12	50	12	25	11	25	7
2.1.6	Kế toán	80	51	80	30	100	29	100	17	25	9
2.1.7	Kỹ thuật phần mềm					50	22	100	14	40	12
2.1.8	Kỹ thuật môi trường	25	0	25	6	50		0	0	20	0
2.2	Liên thông, VLVH	120	56	120	58	185	75	185	87	195	52
2.2.1	Kỹ thuật xây dựng	30	18	45	36	65	47	65	13		
2.2.2	Kỹ thuật xây dựng công trình	30	0	45	0	60	16	60	17		

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện
	giao thông										
2.2.3	Kỹ thuật Cấp thoát nước	60	38	30	22	60	12	60	38		10
2.2.4	Kiến trúc								19		42

Bảng 25.2.2. Thống kê các loại hình NCKH thực hiện giai đoạn 2019-9/2023

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Các đề tài / nhiệm vụ khoa học	9	6	2	1	
2	Giáo trình, bài giảng	11	18	18	11	
3	Bài báo đăng trên tạp chí/ hội thảo trong nước	128	135	158	166	77
4	Bài báo đăng trên tạp chí/ hội thảo nước ngoài	33	22	32	28	13
5	Số lượng GV hướng dẫn đề tài SV NCKH	5	1	2	21	21

Việc theo dõi, giám sát kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được thực hiện thông qua báo cáo giao ban hằng tháng, báo cáo tổng kết hoạt động hằng năm của Nhà trường và của từng đơn vị, tổ chức đoàn thể trong Nhà trường [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Bên cạnh đó, tham gia công tác giám sát kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường có Ban TTPC, Ban

TTND và toàn thể CBVC, trong đó thông qua hội nghị CBVC hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ và tiếp thu ý kiến đóng góp của CBVC [H5.05.02.03], [H5.05.01.03], [H1.01.01.07].

Dựa trên báo cáo về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, Phòng KT&ĐBCL thực hiện đối sánh về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.04.04], [H1.01.04.05], [H4.04.02.01]. Phòng KT&ĐBCL thực hiện đối sánh về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ so với kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ dự kiến [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H4.04.02.01], [H25.25.02.01]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL thực hiện đối sánh về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ trong năm so với kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của năm trước [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H4.04.02.01], [H25.25.02.01]. Kết quả đối sánh về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được gửi đến các đơn vị để có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H25.25.02.01].

Bảng 25.2.3. Bảng thống kê đối sánh chỉ số tuyển sinh giai đoạn 2019-2023

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
			Số SV nhập học	+(-) so với năm trước (%)	Số SV nhập học	+(-) so với năm trước (%)	Số SV nhập học	+(-) so với năm trước (%)	Số SV nhập học	+(-) so với năm trước (%)
1	Sau ĐH						30		53	
2	ĐH									
2.1	Hệ chính quy	383	411	107	459	112	381	83	332	87
2.2	Hệ liên thông,	56	58	+ 4	75	+29,3	69	-8	52	-24,7

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
			Số SV nhập học	+(-) so với năm trước (%)	Số SV nhập học	+(-) so với năm trước (%)	Số SV nhập học	+(-) so với năm trước (%)	Số SV nhập học	+(-) so với năm trước (%)
	VLVH									

Bảng 25.2.4. Bảng thống kê đối sánh chỉ số Bài báo đăng trên tạp chí/hội thảo trong và ngoài nước

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Bài báo đăng trên tạp chí/ hội thảo trong nước	128	135	158	166	77
2	Bài báo đăng trên tạp chí/ hội thảo nước ngoài	33	22	32	28	13
3	Tỷ lệ so sánh bài báo đăng trên tạp chí/ hội thảo nước ngoài với trong nước (3) = (2) : (1)	25,78%	16,30%	20,25%	16,87%	16,88%

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát các bên liên quan về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá sự hài lòng về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường ở mức độ trên 90% hài lòng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, Trường thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về sự hài lòng đối

với kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ thông qua hội nghị CBVC, các hội nghị hội thảo do Trường tổ chức... để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.07], [H1.01.01.12].

Căn cứ kết quả khảo sát các bên liên quan về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.15]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những điều chỉnh về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H2.02.02.07]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng TCKT có các nội dung, biện pháp cải tiến kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.24], [H1.01.01.25]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H2.02.01.29], [H4.04.02.01].

Phòng TCKT là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp thực hiện lưu trữ CSDL đánh giá về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H1.01.01.02], [H3.03.01.02]. CSDL về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được lưu trữ trên phần mềm kế toán Misa [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H7.07.01.06]. Phần mềm được phân quyền cho các CB, NV tùy vào vai trò, vị trí của mỗi người để đảm bảo tính bảo mật, an toàn và thuận tiện khi xuất ra thành các báo cáo hoạt động thu chi tài chính [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H7.07.01.06]. CSDL về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được thường xuyên cập nhật [H6.06.05.05], [H21.21.03.01], [H7.07.01.06].

Tự đánh giá: 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường ban hành và áp dụng quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ cũng như kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Các nguồn thu và nguồn chi cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

- Nhà trường đã được cấp thẩm quyền cho phép triển khai đào tạo các ngành mới đáp ứng nhu cầu của xã hội và phù hợp với SM của Trường.

- Nhà trường quy định trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện giám sát kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Hằng năm, Nhà trường đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ và rõ ràng.

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Do thiếu dữ liệu nên việc đối sánh chỉ số tài chính cạnh tranh về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường so với các trường ĐH khác chưa đa dạng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tìm kiếm, thu thập dữ liệu của các trường ĐH khác để đối sánh chỉ số tài chính cạnh tranh về ĐT, NCKH và PVCĐ của trường so với các trường ĐH khác.	TCKT, QLĐT, KH&HTQT	2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục cụ thể hóa về kết quả và các chỉ số tài chính.	TCKT	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng trong các kế hoạch quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD cũng như kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD	TCKT, các đơn vị	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Thường xuyên nghiên cứu văn bản của Nhà nước về quản lý tài chính khi xác định nguồn thu, nguồn chi cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.	TCKT	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Triển khai thực hiện nhiều giải pháp thu hút SV và các nguồn thu khác.	TCKT	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục rà soát quy định giám sát kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của	TCKT, KT&ĐBCL	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		hoạt động ĐT, NCKH và PVCD phù hợp.			
7	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.	TCKT, KT&ĐBCL	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục thực hiện lưu trữ cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.	TCKT, KT&ĐBCL	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục triển khai nhiều biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.	TCKT, KT&ĐBCL	Hàng năm	

4. *Mức đánh giá:*

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	<i>4,5</i>
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	4

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	5,03	
I.1	Tiêu chuẩn 1. TN, SM và văn hóa	5,0	
1.	1.1	5	
2.	1.2	5	
3.	1.3	5	
4.	1.4	5	
5.	1.5	5	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	5,0	
6.	2.1	5	
7.	2.2	5	
8.	2.3	5	
9.	2.4	5	
I.3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	5,0	
10.	3.1	5	
11.	3.2	5	
12.	3.3	5	
13.	3.4	5	
I.4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	4,75	
14.	4.1	5	
15.	4.2	5	
16.	4.3	4	
17.	4.4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I.5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ	5,05	
18.	5.1	5	
19.	5.2	5	
20.	5.3	5	
21.	5.4	5	
I.6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	5,29	
22.	6.1	5	
23.	6.2	6	
24.	6.3	5	
25.	6.4	6	
26.	6.5	5	
27.	6.6	5	
28.	6.7	5	
I.7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và CSVC	5,2	
29.	7.1	5	
30.	7.2	6	
31.	7.3	5	
32.	7.4	5	
33.	7.5	5	
I.8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	5,0	
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
36.	8.3	5	
37.	8.4	5	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống	4,95	
II.9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong	5,0	
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	5	
41.	9.4	5	
42.	9.5	5	
43.	9.6	5	
II.10	Tiêu chuẩn 10. TĐG và đánh giá ngoài	5,0	
44.	10.1	5	
45.	10.2	5	
46.	10.3	5	
47.	10.4	5	
II.11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong	5,0	
48.	11.1	5	
49.	11.2	5	
50.	11.3	5	
51.	11.4	5	
II.12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	4,8	
52.	12.1	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
53.	12.2	5	
54.	12.3	5	
55.	12.4	5	
56.	12.5	4	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	4,82	
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	4,8	
57.	13.1	5	
58.	13.2	5	
59.	13.3	5	
60.	13.4	5	
61.	13.5	4	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát CTDH	5,0	
62.	14.1	5	
63.	14.2	5	
64.	14.3	5	
65.	14.4	5	
66.	14.5	5	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	5,0	
67.	15.1	5	
68.	15.2	5	
69.	15.3	5	
70.	15.4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
71.	15.5	5	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	5,0	
72.	16.1	5	
73.	16.2	5	
74.	16.3	5	
75.	16.4	5	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	5,0	
76.	17.1	5	
77.	17.2	5	
78.	17.3	5	
79.	17.4	5	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	4,75	
80.	18.1	5	
81.	18.2	5	
82.	18.3	4	
83.	18.4	5	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý TSTT	4,25	
84.	19.1	4	
85.	19.2	4	
86.	19.3	4	
87.	19.4	5	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	4,5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
88.	20.1	5	
89.	20.2	5	
90.	20.3	4	
91.	20.4	4	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và PVCD	5,0	
92.	21.1	5	
93.	21.2	5	
94.	21.3	5	
95.	21.4	5	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	4,75	
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	5,0	
96.	22.1	5	
97.	22.2	4	
98.	22.3	6	
99.	22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	4,5	
100.	23.1	5	
101.	23.2	5	
102.	23.3	5	
103.	23.4	4	
104.	23.5	4	
105.	23.6	4	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả PVCD	5,0	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
106.	24.1	5	
107.	24.2	5	
108.	24.3	5	
109.	24.4	5	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	4,5	
110.	25.1	5	
111.	25.2	4	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 6 điểm (4 tiêu chí);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm (14 tiêu chí);
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Văn Xuân